

Viện Đại Học Huế
Ủy Ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt Nam
1961

AN NAM CHÍ LƯỢC

略志南安

Soạn giả: LÊ TẮC

Thế Kỷ 14
(1335)

Kính cáo:

*Quán Ven Đường mượn từ Internet về chứng bày
cho vị nào cần thì đọc.
Đây là sách xưa được đánh máy lại, không giống
sách scan từ bản chánh, quý khách nên tham khảo
với sự dè dặt.*

*Nay cáo
Chủ Quán Ven Đường*

Tựa sách:	An Nam Chí Lược	Năm
Soạn giả:	Lê Tắc	1335
Dịch giả:	Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam	1960
Nhà xuất bản:	Viện Đại Học Huế	1961
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Lời Giới Thiệu

Song song với công việc biên mục Châu bản triều Nguyễn, Ủy ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt-Nam đã lập một kế hoạch riêng để hiệu đính và phiên dịch các bộ sử Việt Nam. Theo kế hoạch dự định ấy, các phiên dịch viên trong Ủy ban đã tham khảo các truyền bản tàng trữ tại các thư viện Nhật Bản, Trung Hoa và Anh Quốc, làm xong một hiệu bản của bộ An Nam Chí Lược và hoàn thành một bản phiên dịch Việt văn.

Nói về cuốn An Nam Chí Lược, ai ai cũng biết rõ soạn giả Lê Tắc là một tên phản bội với Tổ quốc. Trong lúc nước nhà đang gặp ngoại xâm, xã tắc nguy cấp, nhân dân đau khổ, Lê Tắc cùng bọn Trần Kiện và Trần Ích Tắc, không những không chịu gánh vác sứ mệnh để cứu nước cứu dân, trái lại nhẫn tâm và làm tôi địch. Hơn nữa, trong bộ An Nam Chí Lược, Lê Tắc quên mình là người Việt, dựa vào lập trường và quan điểm người Nguyên để soạn tập. Chẳng hạn, như những lời nịnh nọt a dua của soạn giả, những đoạn văn kiêu ngạo tự tôn tự đại trình bày trong các chiếu chỉ nhà Nguyên và trong các bài tựa các danh nhân hồi ấy, đều khiến cho chúng ta vô cùng uất ức và đau đớn.

Sở dĩ Ủy ban lấy bộ An Nam Chí Lược làm công việc phiên dịch đầu tiên, là vì bộ ấy có lẽ là bộ sử xưa nhất do một cá nhân người Việt soạn ra, và gồm có nhiều sử liệu đáng quý có liên quan đến cổ sử và trung sử Việt Nam, chứ không phải Ủy ban có chút định nào dung thứ những hành động và quan niệm sai lầm của soạn giả đối với tổ quốc. Nói khác, chúng tôi coi cuốn sách này là một sử liệu, là một đối tượng cho cuộc nghiên cứu sử học thuần túy, bởi vậy, thành thực muốn cung cấp một bộ hiệu bản và bản dịch đáng tin cậy cho học giới mà thôi.

Trong hai nghìn năm quốc sử, chúng ta không thể không công nhận rằng còn nhiều chỗ thiếu sót, mơ hồ, đang chờ đợi sự cố gắng của sử gia Việt Nam, để bổ túc hoặc xác định lại. Vậy, điều cần thiết cho nền sử học Việt Nam ngày nay là gây phong trào nghiên cứu theo phương pháp khoa học, nhất là về phương diện sưu tầm và khảo đính sử liệu, chúng ta nên tìm cách nâng đỡ và xúc tiến. Căn cứ vào quan điểm ấy, tôi thành thực tin rằng bộ hiệu bản và bản dịch này là một thực hiện mới của nền sử học tại Việt Nam, và sẽ đem lại rất nhiều bổ ích cho công việc tìm tòi sự thực trong quốc sử.

Huế, ngày 22 tháng 4 năm 1960

Viện Trưởng Viện Đại Học Huế

L. M. Cao Văn Luận

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Nhất

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Tổng Tự

Từ xưa nước An-Nam thông giao với Trung-Quốc, thời vua Chuyên-Húc, phía bắc đi tới U-Lăng, phía nam đi tới Giao-Chỉ. Vua Đế-Nghiêu sai Hy Hoà qua ở đất Nam-Giao, vua Thuấn sai Vũ qua Nam yên-vỗ Giao-Chỉ. Qua đời Chu-Thành-Vương (1115-1079 trước công nguyên), họ Việt-Thường qua chín lần thông-ngôn, tới cống-hiến mà nói rằng: "Trời không có gió bão, không mưa dầm, ngoài biển không nổi sóng dữ đã ba năm nay, có lẽ ở Trung-Quốc có đấng thánh-nhân trị-vì, sao chẳng tới châu?". Lúc bấy giờ, Chu-Công đặt bài ca, đánh đàn thuật chuyện họ Việt-Thường tới châu: "Ô hi ta ta! Phi Đán chi lược, Văn-Vương chi đức", nghĩa là: ôi ôi! vui thay, cảnh-tượng thái-bình không phải nhờ sức của Đán (tên của Chu-Công) mà là nhờ đức của vua Văn-Vương. Nước Việt-Thường, tức đất Cửa-Châu, ở phía nam Giao-Chỉ.

Quyển Hán-Quan-Nghi của Ứng-Thiện chép rằng: "trước tiên Trung-Quốc mở mang từ "sóc" (phương bắc), rồi sau tiến sang phương nam lấy làm "cơ chỉ". Hiện nay, các sách viết chữ "chỉ" _____(cái nền) là viết sai.

Nhà Tần (246-207 trước công nguyên) lấy Giao Chỉ làm Tượng-Quận; đến khi nhà Tần loạn thì Đô-uy quận Nam-hải là Triệu-Đà nổi binh đánh lấy hết các quận quốc, rồi tự lập làm vua. Khi ấy, Hán-Cao-Tổ sai Lục-Giả qua lập Đà làm Việt-Vương. Sau khi Cao-Tổ băng, Cao-Hậu cấm Nam-Việt mua đồ sắt của Trung-Quốc, Đà tiếm hiệu xưng đế, rồi phát quân đi đánh Trường-Sa. Văn-đế lại sai người đưa thư qua trách Đà. Đà có ý sợ, bèn bỏ hiệu đế, nguyện làm tôi và cống hiến phẩm vật.

Năm Kiến-Nguyên thứ 3, (vua Võ-đế, 142 trước công nguyên) Đà mất, con cháu họ Triệu truyền xuống bốn đời, kể được hơn chín mươi năm.

Võ-đế sai Chung-Quân đi sứ qua Nam-Việt để dụ vua Việt tên là Hưng vào châu, Hưng muốn đi, nhưng bị tướng Lữ-Gia can ngăn, vua không nghe, Gia làm phản, nổi binh đánh giết vua và cả sứ-gả nhà Hán, lập Kiến-Đức là anh khác mẹ lên làm vua Nam-Việt.

Năm Nguyên-Đinh thứ 5 (112 trước công nguyên), Vệ-Uý là Lộ-Bác-Đức xuất mười vạn quân qua đánh Nam-Việt, năm thứ sáu, mới đánh bại người Việt, lấy đất đó chia làm các quận: Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm, Hợp-Phổ, Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Châu-Nhai và Đam-Nhi, mỗi quận đặt Thái-thú để cai trị.

Qua nguyên-niên Sơ-nguyên của Nguyễn-Đế (48-33 trước công nguyên), bãi bỏ hai quận Châu-Nhai và Đam-Nhi, còn lại bảy quận, kể cả Giao-Chỉ. Khi đầu, Giả-Quyên-Chi tâu rằng: Châu-Nhai, Đam-Nhi, đều ở hải ngoại; xứ ấy thường cật thể hiểm trở mà làm phản, đến lúc dụng binh tới dẹp, thì chỉ có miếng đất vô dụng mà thôi, nếu bỏ đi cũng không đáng tiếc. Vua Hán bèn hạ lệnh chiếu bãi bỏ.

Nhan-Sư-Cổ nói: bảy quận đều thuộc về Giao-Châu, theo chế độ nhà Hán, các quận thuộc châu, nên đặt Thứ-sử Giao-Châu để cai-trị chung.

Năm Kiến-Võ thứ 16 (40 sau công nguyên), đời vua Hán Quang-Võ, có người đàn bà Giao-Chỉ tên là Trưng-Trắc làm phản, năm thứ 19 (43), sai Mã-Viện qua đánh dẹp yên, rồi dựng trụ đồng để làm giới hạn nhà Hán.

Năm Kiến-An thứ 15 (210), Hiến-Đế dời chỗ cai trị qua quận Nam-Hải.

Vương-Phạm nói: chỗ quận trị của quan Thứ-sứ ở đất Giao-Châu, cuối đời Hán, đổi qua Nam-Hải, khi Tôn-Quyền mới được ấn mạng của nước Ngụy, cũng cầm cờ mao tiết làm tổng-đốc Giao-Châu và kiêm lĩnh Kinh-Châu. Tôn-Tư làm Giao-Chỉ Thái-thú quá tham bạo, bị quận lại Lữ-Hưng giết, các quận Cửu-Chân và Nhật-Nam đều phản, và hàng nhà Tấn.

Tôn-Quyền thấy Giao-Chỉ ở xa, bèn chia Giao-Châu đặt Quảng-Châu và dời quận trị của Giao-Châu qua Long-Biên.

Nguyên niên Kiến-Hoành (269), vua nước Ngô là Tôn-Hạo sai các tướng là Tiết-Hủ, Đào-Hoàng qua thu phục Giao-Chỉ, giết các tướng do nhà Tấn đặt ra, như vậy đất Cửu-Chân lại thuộc về Ngô. Đến lúc nước Ngô mất, Giao-Châu trở về nhà Tấn, trải qua các triều: Tống, Tề, Lương, Trần, Tuỳ, Đường đều để y như cũ, chỉ cải tên Cửu-Chân làm Ái-Châu, Nhật-Nam làm Hoan-Châu, đều thiết Thứ-Sứ, hoặc đặt Giao-Châu tổng-quản hoặc An-Nam đô-đốc để thống trị. Qua đời Đường mới chia Lĩnh-Nam làm đông tây đạo, đều đặt Tiết-Độ-Sứ, lại đặt ra năm quận: Quế, Quán, Ung, Dung và An-nam, đều thống thuộc Đông-đạo, về phận Tây-đạo, thì đặt An-nam đô-hộ kiêm cả ngũ quản. Kinh-Lược-Chiêu-Thảo-Sứ là Trương-Bá-Nghi đắp La-Thành tại An-nam, công trình chưa xong, đến năm Nguyên-Hoà thứ 3 (808), đô-hộ là Trương-Chu đắp tiếp thêm mới hoàn công. Lâm-Tư nói rằng: La-Thành chu-vi 2000 bước, tốn hết 25 vạn công.

Đến đời vua Tuyên-Tông, niên hiệu Đại-Trung (847-859) có viên đô-hộ cai trị không được đứng đắn, đả dân bằng lối bạo ngược, họ bèn liên-kết với rợ Nam-Chiếu, trở lại đánh phủ An-nam, cuộc rối loạn chém giết kéo dài luôn mấy năm không thôi. Năm Hàm-Thông thứ 3 của vua Y-Tông, (682), nước Nam-Chiếu đánh hãm La-Thành; viên Kinh-Lược-Sứ Thái-Tập bị chết, vua sai Cao-Biên làm chức đô-hộ, đem quân đánh khôi phục phủ thành, chém tướng mọi là Đoàn-Tù-Thiên và bọn quân mọi hơn 30.000 cái đầu; rồi tu bổ La-Thành lại, cải xưng đô-hộ-phủ Tĩnh-Hải-Quân. Biên được trao cho làm chức Tiết-Độ-Sứ.

Kíp đời Ngũ-Đại, các người thổ hào ở các Châu Giao, Ái là Khúc-Hạo, Dương-Diên-Nghệ, Kiêu-Công-Tiện, v.v... thay nhau dùng võ lực cướp quyền.

Tướng cũ của Nghệ là Ngô-Quyền bèn giết Công-Tiện mà tự lập làm vua, truyền được vài đời, đến khi Ngô-Xương-Văn chết, thì có bộ thuộc là Ngô-Bình (tức Lữ-Xử-Bình), dành làm vua; Đinh-Bộ-Lĩnh giết Ngô-Bình, lãnh nước Giao-Chỉ, tự xưng là Vạn-Thắng-Vương, lại tự ý cho con Liễu làm Tiết-Độ-Sứ.

Đầu nhà Tống, Liễu khiến Sứ nhập cống, Thái-tổ phong Bộ-Lĩnh làm Giao-chỉ Quận-Vương và hạ chiếu cho Liễu làm Tiết-Độ-Sứ An-nam đô-hộ. Sau Liễu và cha đều mất, em là Triền kế lập thì bị Thái-Hiệu Lê-Hoàn phế bỏ và cướp ngôi. Lê-Hoàn giả làm tờ biểu dâng vua nhà Tống, nói rằng:

Triền khiến Hoàn thay làm vua. Thái-Tông nhà Tống bèn phong Hoàn làm vua. Nhà Lê truyền được ba đời, cộng ba mươi năm, bị Lý-Công-Uẩn cướp ngôi. Vua Chân-Tông lại phong Công-Uẩn làm Giao-Chỉ Quận-Vương.

Năm Long-Hưng thứ 2 của Hiếu-Tông (1164), Lý-Thiên-Tộ sai sứ nhập cống, được vua Tống phong làm An-nam quốc-vương, tên nước An-nam bắt đầu từ đó.

Họ Lý truyền ngôi được tám đời, không có con trai, do con gái là Chiêu-Thánh nối ngôi.

Trong năm Canh-Dần niên hiệu Thiệu-Định nhà Tống (1230), Chiêu-Thánh nhường ngôi cho chồng là Trần-Nhật-Cự (tức Trần-Cảnh), vua Tống lại phong Nhật-Cự làm An-nam Quốc-Vương.

Năm Quý-Sửu (1253), Đại-Nguyên đã dẹp yên Vân-Nam, đến mùa đông năm Đinh-Tỵ (1257), sai Đại-Soái là Ngột-Lương Hợp-Đãi đem quân qua biên-giới An-nam, do đường Quảng-Tây để hội binh đánh nhà Tống; quân-đội nhà Trần chống cự, không được thắng, bèn nạp khoản xưng thần, rồi khiến bồi-thần dâng lời biểu và thường năm qua cống hiến phẩm vật.

Đến năm Tân-Dậu niên-hiệu Trung-Thống (1261), vua Thế-Tổ Hoàng-Đế lại phong họ Trần làm vua An-nam; qua năm Đinh-Sửu, hiệu Chí-Nguyên (1277), vua Trần mất, Thế-Tử (tức Nhật-Hoàng), không xin sắc-mạng, mà tự lập làm vua, nên vua sai Thượng-Thư bộ Lễ là Sài-Thung sang mời nhập

triều; vua Trần mượn cơ có tật không đi. Qua năm sau, lại lấy cơ có tật không đi, sai quốc-thúc là Trần-Di-Ái sang triều-kiến. Thế-Tổ viện cơ vua có bệnh, bèn lập Di-Ái làm vua.

Năm Tây-Ty (1281), sai Sài-Thung nhận chức An-nam-Hành Tuyên-Uý-Sứ Đô-Nguyên-Soái, xuất binh 1000 người, đưa Di-Ái về nước, đi đến địa-giới Vinh-Binh, An-nam không chịu nhìn nhận, Di-Ái sợ, ban đêm trốn về, chỉ sai bồi-thần thay mặt tiếp rước Sài-Công vào nước, tuyên lời dụ chỉ của vua rồi trở về.

Năm Nhâm-Ngọ, hiệu Chí-Nguyên (1282), quan Hữu-Thừa là Toa-Đô cầm quân qua đánh châu Chiêm-Thành, triều-đình sai sứ yêu-cầu vua An-nam cho mượn đường tiến binh, và giúp quân lương, Thế-Tử (tức vua Trần) không chịu. Đến mùa đông năm Giáp-Thân, hiệu Chí-Nguyên (1284), vua sai Trấn-Nam-Vương Thoát-Hoan và quan Bình-Chương là A-Lý-Hải-Nha tiến tới biên giới, Thế-Tử kháng cự, thua chạy, em là Ích-Tắc, quy thuận vào châu, vua thương tình, phong Ích-Tắc làm An-nam quốc-vương, lại phong cận-thần là Trần-Tú-Viên làm Phụ-Nghĩa-Công, các quan lại đi theo cũng đều cho tước-vị.

Năm Đinh-Hợi, hiệu Chí-Nguyên (1287), Thế-Tổ sai Trấn-Nam-Vương và quan Bình-Chương là Áo-Lỗ-Xích cầm quân qua bình-định An-nam, khi quân kéo đến, Thế-Tử đánh thua, chạy trốn ngoài hòn đảo ở giữa biển. Qua mùa xuân, tháng ba, năm sau, Trấn-Nam-Vương thấy khí-hậu nước An-nam quá nóng-nực độc-địa, bèn kéo quân về.

Trong năm Quý-Ty hiệu Chí-Nguyên (1293), vua lại sai Đại-Vương Ích-Cát-Liệt-Đài và quan Bình-Chương là Lưu-Nhị-Bạt-Đô, v.v... qua đóng đồn tại đất Việt, để chờ qua năm là năm Giáp-Ngọ (1294), trong khoảng mùa thu thì tiến binh. Nhưng tháng giêng năm ấy vua Thế-Tổ băng; qua tháng tư mùa hạ, Thành-Tông Hoàng-Đế lên ngôi, hạ chiếu bãi binh, lại khiến quan Thị-Lang bộ Lễ là Lý-Hản, quan Lang-Trung là Tiêu-Thái-Đăng đi sứ qua An-nam tha tội cho Thái-Tử An-nam và dẫn sứ-thần An-nam là Đào-Tử-Kỳ về nước để tuyên lời dụ-chỉ. Lúc đó, Thế-Tử đã mất từ mấy năm, nên con vua suất các quan liêu ra đón, đặt bàn xông trầm, trông về cửa khuyết (nước Nguyên) mà lạy tạ ơn. Lại khiến bồi-thần qua dâng lời biểu chúc mừng, xin làm phiên-thần vĩnh-viễn, chiếu-lệ thường triều-cống, đến nay vẫn còn.

Nam-Giao đời xưa, nhà Chu gọi là Việt-Thường, nhà Tần gọi là Tượng-Quận, nhà Hán đặt làm ba quận: Giao-Châu, Cửu-Chân và Nhật-Nam. Nhà Đường lại cải Giao-Châu làm An-nam phủ, quận Cửu-Chân làm Ái-Châu, quận Nhật-Nam làm Hoan-Châu, tức là La-Thành, Thanh-Hoá và Nghệ-An ngày nay vậy.

Quận-ấp

Đất Nam-Giao xưa, nhà Chu gọi là Việt-Thường, nhà Tần đặt tên là Tượng-Quận. Đến cuối nhà Tần, Nam-Hải-Uý là Triệu-Đà đánh tóm thâm đất, tự lập làm một nước riêng và tiếm xưng vương-hiệu. Sơ niên Tây-Hán, Cao-Tổ phong Đà làm Nam-Việt-Vương, trải được mấy đời, thì tướng Nam-Việt là Lữ-Gia làm phản, giết vua Triệu và các sứ-thần của nhà Hán. Vũ-Đế sai Phục-Ba tướng-quân Lộ-Bác-Đức sang đánh diệt Nam-Việt, rồi đặt ra chín quận, bổ quan cai trị. Nước An-nam ngày nay tức là 3 quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân và Nhật-Nam ở trong chín quận ấy.

Về sau các triều đại kế tiếp, chế-độ quận huyện không như định.

Qua đời Ngũ-Đại (907-959), người đất Ái-Châu là Ngô-Quyền, chiếm giữ quận Giao-Chỉ; đời sau các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, nối nhau tranh quyền, đều được nhà Tống phong vương tước. Quan-chế, hình-pháp và hành-chính, ít nhiều học của Trung Hoa, còn về quận-ấp hoặc theo cũ, hoặc đổi mới, nay lấy đại-khái mà chép lại.

Đại-La Thành-Lộ¹: xưa là nước Giao-Chỉ, đời nhà Hán để như cũ, nhà Đường đặt làm An-nam đô-hộ-phủ, thành phủ ở tại phía tây bờ sông Lư-Giang; Trương-Bá-Nghi đời Đường bắt đầu xây thành

¹ Chữ-Lộ, theo nghĩa chính là đường đi, nhưng ở trong sách sử Địa thì có khi là một tỉnh, một phủ, huyện, một địa hạt, một thành-phố hay một châu quận.

ấy, Trương-Chu, Cao-Biên tiếp-tục sửa sang đắp thêm. Trong thời Chân-Tông nhà Tống, Lý-Công-Uẩn người quận ấy, kiến-quốc tại đây. Đến nhà Trần nối theo nhà Lý lấy đất ấy đặt thêm ba phủ nữa: Long-Hưng, Thiên-Trường và Trường-An.

Long-Hưng-Phủ: tên cũ là Đa-Cương-Hương. Tổ-tiên họ Trần lúc còn hàn-vi, ban đêm đi qua một cái cầu khe, khi qua rồi, ngoảnh lại, không thấy cầu nữa. Chẳng bao lâu, họ Trần được nước, người ta gọi khe ấy là Long-Khê, nên đổi tên Đa-Cương làm Long-Hưng.

Thiên-Trường-Phủ: tên cũ là Tức-Mặc-Hương, nơi phát-đích họ Trần. Đến khi họ Trần được nước, xây một hành-cung tại đó, mỗi năm đến một lần, để tỏ ra là không bỏ quân chổ phát-tích của ông bà, rồi đổi tên làm Thiên-Trường-Phủ, chổ ấy có nước thủy-triều chảy quanh thành, hai bên bờ mọc nhiều cây hoa, khí thơm ngát người, hoạ-thuyền qua lại, giống như cảnh tiên vậy.

Trường-An-Phủ: vốn là động Hoa-Lư; chổ sinh ra Đinh-Bộ-Lĩnh, cuối đời Ngũ-Quý, họ Đinh lập quốc tại đó.

Qui-Hoá-Giang-Lộ: tiếp với biên-giới Vân-Nam.

Tuyên-Hoá-Giang-Lộ: tiếp giáp đạo Đắc-Ma.

Đà-Giang-Lộ: tiếp với địa-giới Kim-Xí.

Lạng-Châu-Giang-Lộ: tiếp với tả-giang và hữu-giang.

Bắc-Giang-Lộ: ở trên đông-ngạn của La-Thành, nước sông Lư-Giang thông với biển, trên sông có bắc 10 cái cầu đồ sộ và đẹp đẽ.

Như-Nguyệt-Giang-Lộ.

Nam-Sách-Giang-Lộ.

Đại-Hoàng Giang-Lộ.

Hồng-Lộ.

Khoái-Lộ.

Châu

Các châu đều tiếp địa-giới Quảng-Tây và Vân-Nam, tuy gọi là châu huyện, nhưng sự thật là động vậy.

Quốc-Oai-Châu: ở phía nam thành Đại-La.

Cổ-Châu: ở Bắc-Giang.

Tiên-Châu: xưa gọi là Long-Biên.

Phú-Lương-Châu.

Tư-Nông-Châu: một tên khác gọi là Dương-Xá.

Định-Biên-Châu: một tên khác gọi là Minh-Mỹ.

Vạn-Nhai-Châu: một tên khác gọi là Minh-Hoàng.

Văn-Châu: một tên khác gọi là Môn-Châu.

Thất-Nguyên-Châu.

Tư-Lang-Châu.

Thái-Nguyên-Châu: một tên khác gọi là Hoàng-Nguyên.

Thông-Nông-Châu.**Vị-Long-Châu:** một tên khác gọi là Ất-xá.**Quang-Châu.****La-Thuận-Châu:** một tên khác gọi là Lai-thần.**Hoàng-Đạo-Châu:** tức Bình-Lâm-Trường.

Dư nữa, loại như thế, không chép.

Tên Châu Thời Xưa

(Nhiều tên đã thay đổi, chỉ còn lại số ít)

Phong-Châu: nhà Ngô gọi Tân-Châu.**Tô-Mậ-Châu.****Tô-Vật-Châu.****Trường-Châu.****Nga-Châu.****Đường-Châu:** một tên khác gọi là Phương-Lâm.**Các Huyện**

Võ-Ninh Huyện, Vạn-Tải Huyện, Khâu-Ôn Huyện, Tân-Lập Huyện, Hoàng Huyện, Chỉ Huyện, Lịch Huyện, Lan-Kiều Huyện, Truy-Diên Huyện, Cổ-Dũng Huyện, Cung Huyện, Quần Huyện (Nguyên-sử chép là Quật), Thượng-Pha Huyện, Môn Huyện.

Dư nữa không chép

Tên Huyện Thời Xưa

Long-Biên: Cuối đời Tây-Hán, trị-sở của Thứ-sử quận Giao-Châu tên là Long-Uyên, sau vì có Giao-Long hay lên nằm khoanh trên mặt nước, mới cải tên là Long-Biên¹.

Chu-Diên: Huyện của đời Hán; đời Đường cải làm Diên-Châu, đặt ra hai huyện Cao-Lăng và An-Định.

Liên-Lâu: Âm chữ trên là "liên", âm chữ dưới là "lâu". Thời Hán là trị sở của thứ-sử Giao-Châu.**My-Linh:** Trị-sở của quan Đô-Uý quận Giao-Chỉ đời Hán.**Khúc-Dương:** Âm là "Dương".**Câu-Lộ:** Hồi trước Cát-Hồng làm huyện lệnh ở đây.**An-Thuận:** Đời nhà Đường gọi là Thuận-Châu.**Sùng-Bình:** Đời Đường là An-Bình.**Hải-Bình:** Đời Đường là Ninh-Hải.**Cổ-Đô****An-Định**

¹ K.Đ.V.S.T.G.C.M. chua rằng: Long-Biên là tên huyện đời nhà Hán, theo Thủy-Kinh-Chú thì năm 13 hiệu Kiến-An (208), lúc bắt đầu xây thành, có loài giao-long đến khoanh mình trên mặt nước, ở hai bên bến phía nam và phía bắc, nhân đây mới cải tên lại là Long-Uyên. Như vậy thì, tên Long-Biên có trước và Long-Uyên có sau.

Phủ-Lộ Thanh Hoá

Đời Tây-Hán là quận Cửu-Chân, đời Tuỳ, Đường là Ái-Châu, những thuộc ấp của châu ấy hiện nay, gọi là giang¹, trường, giáp và xã, kê như sau:

Lương-giang, Ba-lung-giang, Trà-giang, Cống-giang, Thái-xa-giang, An-tiêm-trường, Văn-trường, Cổ-đăng-giáp, Chi-minh-giáp, Cổ-hoảng-giáp, Cổ-chiến-giáp, Duyên-giáp, Điền-sử-giáp, Kiết-thuế-giáp.

Tên Huyện Thời Xưa

Đồ-Bàng: Chữ "bàng" theo Nhan-Sư-cổ-âm là "lung".

Cư-Phong: Là nơi Mã-Viện bắt được dư-đảng của Trưng-Trắc.

Vô-Công: Trụ sở của Đô-Uý quận Cửu-Chân đời Hán.

Việt-Thường: Một tên khác là Cửu-Đức.

Nghệ An Phủ Lộ

Trong thời Tây-Hán là Quận Nhật-Nam, đời Tuỳ, Đường gọi là Hoan-Châu.

Ấu-Tân-Giang.

Minh-Đạo-Giang.

Kê-Giang.

Thương-Lộ-Giang.

Đường-Gia-Giang.

Trương-Xá-Giang.

Dư nữa không chép.

Diễn-Châu lộ

Vốn là thuộc huyện của quận Nhật-Nam, gọi là Phù-Diễn và An-Nhân, nhà Đường đổi tên là Diễn-Châu.

Cự-Lại-Giang.

Tha-Viên-Giang.

Hiếu-Giang.

Đa-Bích-Trường.

Cự-Lam-Xã.

Cao-Gia-Xã.

Ban-Bát-Xã.

Dư nữa không chép.

Bố-Chánh phủ lộ

Nguyên là huyện Tượng-Lâm, quận Nhật-Nam đời Tây-Hán.

Cuối đời nhà Hán, có người trong ấp giết huyện lệnh, tự lập thành nước, gọi là Lâm-ấp.

Đầu niên hiệu Nguyên-Hoà (806-820) nhà Đường, lại thuộc về An-nam phủ, nay tên là Bố-Chính. Trong xứ ấy, núi trùng-điệp, cho nên Liễu-Tử-Hậu có câu thơ rằng: "Lâm-ấp đông hồi sơn tợ kính", nghĩa là "từ phía đông quanh lại xứ Lâm-ấp, núi dựng như cây giáo".

Đồ-Lê-Giang: (Tiếp giới Chiêm-Thành).

¹ Chữ giang là sông, nhưng gặp về địa-danh thì có nghĩa là một quận, huyện, xã, v.v...

Núi

Núi Phật-Tích: vì trên đá có dấu chân, nên đặt tên là Phật-Tích.

Núi Tản-Viên: hình núi như cái tán.

Núi Tiên-Du: có hòn đá bàn-thạch, dợn có đường gạch như bàn cờ, tương truyền rằng: xưa có tiên đánh cờ vây ở đó. Bọn con gái đi hái củi thường đến giao-hợp ở trên đá bàn cờ, nên hòn đá ấy đổ xuống và nứt vỡ.

Núi Võ-Ninh: Tục truyền rằng ở dưới núi có mộ của Triệu-Việt-Vương.

Núi Phổ-Lại: Năm Đinh-Vị, Chí-Nguyên, (có lẽ chép nhầm năm Đinh-Hợi Chí-Nguyên tức năm 1287 A.D.), quan binh có tới làm hang rào cây, để chứa lương thực ở đó.

Núi Vạn-Kiếp: Trở mặt ra một con sông lớn, sau lưng có núi muôn trùng, rừng rậm tre cao, dưới nước trên cầu, phong cảnh rất đẹp. Hưng-Đạo-Vương đã từng ẩn ở trong ấy.

Núi Kiệt-Đặc: Đi đường tắt vào núi thì thấy hoa và cây rậm rạp tốt đẹp, có suối ngọc chảy mòn đá, lửa đóm rước người (vào chơi), mát mẽ lạ lùng, cõi đời không có.

Núi Yên-Tử: Gọi là Yên-Sơn hoặc là Tượng Sơn, bề cao lên quá tầng mây. Đầu niên hiệu Hoàng-Hựu, nhà Tống (1049-1053), gọi là Xứ-Châu, hồi giữa niên-hiệu Đại-Trung Trường-Phù (1008-1016), triều đình lại ban tên là Tử-Y-Đông-Uyên. Đại-Sư là Lý-Tư-Thông có dâng lên vua hải-nhạc danh-sơn-đồ và vịnh thơ tán: Phúc-Địa thứ tư tại Giao-Châu là Yên-Tử-Sơn.

Tân kỳ chớp núi nêu vài nụ,
Yếu-điều hình khe trở một ngành.
Tiên cõi loan qua ngòi cảnh tịnh,
Người xem rỗng xuống giỡn đầm xanh.

Tắc Sơn: Có động Yên-La, đỉnh núi Tý-ngọ, đều xinh đẹp lạ kỳ. Thiên-Lạc-Vương thường dắt đệ-tử vào đó.

Núi Địa-Cận: Núi ấy rất cao và hiểm trở, có cây tùng đã lâu đời, tục truyền có rồng khoan ở trên cây ấy. Trần-Thái-Vương có làm hành-cung tại đó.

Núi Thiên-Dưỡng: Tốt đẹp mà hiểm, khi thủy-triều lên xuống mới chèo ghe đi tới được. Họ nhà vua xây dựng nhà cửa ở trong, để tránh quốc-nạn.

Động Võ-Lâm: Xưa nước An-nam, đời vua thứ tư của nhà Trần là Trần-Nhân-Vương, bỏ ngôi vào ẩn ở đó để thành đạo, hiệu là Trúc-Lâm đạo-sĩ, có làm Hương-hải-ẩn-thi tập, truyền lại đời sau.

Núi Thần-Đầu: Núi ấy làm ranh giới cho hai quận La-Thành và Thanh-Hoá. Thế núi liền nhau có hai bờ, nước thủy-triều ngoài biển chạy vào ở giữa.

Thời xưa người ta tới đực mở ba hòn núi ở bờ phía nam để tiện sự qua lại. Hồi trước Thánh-Vương nhà Lý, đánh nước Chiêm-Thành, ý muốn vượt qua biển, nhưng gặp mù và sóng lớn, đi không được, mới cầu thần ở núi ấy, rồi đi được, khi về lập đền thờ ở đó, từ đó về sau, các hòn núi đều thuộc về Thanh-Hoá cả.

Long Đại-Nham: Gọi là Bửu-Đài, sầm uất mà tốt đẹp đặc biệt, trong vách đá có khoảng trống làm chỗ thờ phật, ở ngoài như treo những hoành đối, trở dáng nhà cửa, giàn trước có con sông trong, bọc sau lưng có hồ sen đỏ, cây thông bóng mát vài dặm, núi non liên tiếp muôn trùng. Xưa có truyền lại rằng có con chuột rất lớn ở trong hang núi, nên tục gọi là hòn lèn "Con dơi".

Núi Văn-Trường: Đá núi ấy rất tinh khiết mà trắng, làm hạt châu-thủy-tinh được.

Biện-Sơn: Ở ngoài bể khơi, xưa có những thú-vật thành-linh hoá kiếp những võ và xương tấp vào, xuyên qua hang đá, nay vẫn còn.

Núi An-Hoạch: Sản-xuất đá làm bia, làm đĩa nghiên. Sách cũ có chép: Dự-Chương Thái-Thú Phạm-Nịnh sai sứ tới quận Cửu-Chân lấy đá làm khánh để dùng ở trong trường học.

Núi Đông-Sơn: Chạy tới sông Chi-Minh, đã cao lại tốt, trên núi có hang, trèo lên mà trông, sắc nước in trời thật là một cảnh rất đẹp. Phụ-thân tôi, (Lê-Tắc) thời trung-niên, thôi làm quan, tự hiệu là Tư-Duy cư-sĩ, thường ẩn-cư trong hang núi ấy.

Núi Khu-Na: Cao, rộng, nhiều ma, những con ma này mỗi khi ra khỏi núi lại đốt nhà của người ta. Nhân có nhà sư tên là Phụng-Phù, cứ ngày đêm đọc bài chú đại-bì, ma sợ tránh đi xa, người ta mới khỏi bị hại. Núi ấy có nhiều trái cây ăn được, ai đến tha hồ mà ăn, nhưng hễ đem về thì lạc mất đường.

Núi Lập-Thạch: Là một hòn đá đứng sừng vây. Tương truyền rằng thuở xưa có ông thần dựng một hòn đá to lớn để vạch địa hạt Ái-Châu và Diển-Châu.

Núi Đà-Kỷ: Có một khoảng đất vườn, ở sát bờ biển, sinh ra thứ đá đen như hình con cờ, hình sắc thật đẹp, đáng yêu. Ta thường ra chơi, gặp ông già nói rằng: "cách đây hơn một trăm dặm, lại có sản-xuất con cờ đá trắng". Tục truyền rằng: người tiên thường đánh cờ vây ở đó.

Núi Hương-Tượng: Rất cao rộng, sản-xuất gỗ thơm, tê-ngu và voi.

Sùng-Sơn: Thẩm-thuyền-Kỳ, đời nhà Đường bị đày qua đất Hoan-Châu, có làm bài Sùng-Sơn hướng Việt-Thường thi:

Buổi mai leo đến núi Sùng,
Việt-Thường xế đến, ngồi trông bóng chiều.
Hang Sam-Cốc theo chiều bóng lặn,
Từ Trúc-Khê ra thẳng Bắc-Phương.
Trúc-Khê, Minh-Thủy thông-thương,
Rày Hang Sam-Cốc, xưa đường Sùng-Sơn.
Núi so le, cây ngàn thưa nhạt,
Quấn quít nhau ràng mắc thành chùm.
Đầy gò lá quế xanh um,
Hoa dăng nẩy nở trong lùm đá ngăn.
Trời lồng lộng còn dăng cửa sổ,
Cảnh âm thầm đá trở hang mây.
Thợ trời dường lắm công xây,
Bao nhiêu thẳng-tích người rày tới nơi.
Không phải muốn tìm nơi quái dị,
Khoan thai chưa quyết chí lui về.

Phân Sơn: Lại còn gọi là Liệt-Sơn, hai nước An-nam và Chiêm-Thành, lấy núi này làm ranh-giới, tục truyền rằng cây cỏ ở trên núi ấy cũng chia hai: bên ngã về Nam, bên ngã về Bắc.

Núi Kim-Ngưu: Sách xưa chép đá núi ấy đều sắc đỏ, trong đá có chất vàng, đem lại thì sáng như con đom-đóm.

Núi Đô-Long: Nơi Lưu-Phương đánh bại Lâm-ấp.

Sông

Sách xưa chép các con sông như Yêm-Thủy, Lô-Du-Thủy, Lậu-Thủy, Tây-Tùy-Thủy đều từ Đông-nam đất Tuấn-Việt chảy đến Long-Môn đất Giao-Chỉ.

Dương-Hùng (đời nhà Hán) nói rằng: "các xứ hoang nhàn ở giải đất Giao-Chỉ, nước tiếp giáp với trời".

Lô-Giang: Sông Tam-Đái (ba giải) chảy tới La-Thành, lại từ sông Lô thông ra biển.

Tô-Lịch-Giang: Chảy quanh La-Thành, trên sông có năm cái cầu, đều làm rất đẹp. Hiệu Chí-Nguyên năm Bính Tý (1276), nhà Tống mất, Tăng-Uyển-Tử trốn sang An-nam, đi chơi qua cầu Lịch-Giang có ngâm bài thơ rằng:

Đầu bạc chàng Tô¹, trời một góc,
Theo tiên vua Võ, nhận về Nam.
Trên cầu sông Lịch trông về Bắc,
Trải mấy lần thu thấy chẳng nhàm.

Tam-Đái-Giang: Nước sông Qui-Hóa từ Vân-Nam chảy về, nước sông Tuyên-Quang từ Đặc-Ma-Đạo chảy tới, nước sông Đà từ nguồn Chàng-Long chảy về, nhân có ngã ba, nên đặt tên như vậy.

Phú-Lương-Giang: Là nơi Quách-Quy đời Tống đánh bại Giao-Chỉ.

Đại-Hoàng-Giang: Trong năm Giáp-Thân hiệu Chí-Nguyên (1284), là nơi quan quân đánh phá An-nam.

Đại-Ác-Giang: Một tên khác gọi là Đại-An.

Bà-Lữ-Uyên: (vực) nước sâu có nhiều thủy quái.

Từ-Liêm-Thủy: Theo sách Cửu-Vực-Chí chép rằng: Từ-Liêm-Thủy ở tại Giao-Chỉ. Xưa ở bên sông ấy, Lý-Nhân-Tổ có mười anh em đều từ hiếu cả, nhân đó, mới đặt tên như vậy.

Long-Môn-Thủy: Sách xưa chép: "huyện Phong-Khê, quận Giao-Chỉ có Long-Môn-Thủy, nước sâu trăm trượng, cá con nào lớn vượt lên suối ấy được, thì hóa rồng, nếu lên không được, thì bị thương nơi trán và bày mang ra".

Việt-Thường-Uyển: Cứ sách Phò-Nam-Ký, khoảng đất giữa khe núi, gọi là uyển. Vườn Cửu-Đắc, có tên là Bồ-Uyển.

Cổ-Tích

Việt-Vương-Thành, tục gọi là thành Khả-Lũ, có một cái ao cổ, Quốc-vương mỗi năm lấy ngọc châu, dùng nước ao ấy rửa thì sắc ngọc tươi đẹp. Giao-Châu Ngoại-Vực-Ký chép: hồi xưa, chưa có quận huyện, thì Lạc-diên tùy theo thủy-triều lên xuống mà cày cấy. Người cày ruộng ấy gọi là Lạc-Dân, người cai-quản dân gọi là Lạc-Vương, người phó là Lạc-Tướng, đều có ấn bằng đồng và dải sắc xanh làm huy-hiệu. Vua nước Thục, thường sai con đem ba vạn binh, đi chinh phục các Lạc-Tướng, nhân đó cử giữ đất Lạc mà tự xưng là An-Dương-Vương. Triệu-Đà cử binh sang đánh. Lúc ấy có một vị thần tên là Cao-Thông xuống giúp An-Dương-Vương, làm ra cái nỏ thần, bắn một phát giết được muôn người.

Triệu-Đà biết địch không lại với An-Dương-Vương, nhân đó trú lại huyện Võ-Ninh, khiến Thái-Tử Thủy làm chức tá hàng để tính kế về sau.

Lúc Cảo-Thông đi, nói với vua An-Dương-Vương rằng: "Hễ giữ được cái nỏ của ta, thì còn nước, không giữ được thì mất nước".

An-Dương-Vương có con gái tên là My-Châu, thấy Thái-Tử Thủy lấy làm đẹp lòng, rồi hai người lấy nhau. My-Châu lấy cái nỏ thần cho Thái-Tử Thủy xem, Thủy xem rồi lấy trộm cái lẫy nỏ mà đổi đi. Về sau Triệu-Đà kéo quân tới đánh thì An-Dương-Vương bại trận, cầm cái sừng tê vệt được nước vào biển đi trốn, nên Triệu-Đà chiếm cả đất của An-Dương-Vương. Nay ở huyện Bình-Định², dấu tích cung điện và thành trì của An-Dương-Vương hầy còn.

¹ Tức Tô-Vũ.

² K.Đ.V.S.T.G.C.M. quyển thứ nhất, dẫn quyển An-nam-Chí của Cao-Hùng-Trung, đề huyện Đông-Ngan.

Lưu-Chiêu nói: Giao-Chỉ tức là nước An-Dương. Mã-Phục-Ba đời Hán dẹp yên giặc ở Giao-Chỉ, rồi dựng trụ đồng để làm giới hạn cho nhà Hán. Đời nhà Đường, Mã-Tống làm chức An-nam đô-hộ, lại dựng hai cái trụ đồng, vì Tống là con cháu của Phục-Ba. Xưa có truyền lại rằng: ở nơi động Cổ-Sum, tại Khâm-Châu có cái cột đồng của Mã-Viện và lời thề rằng: "Hễ cái trụ đồng này gãy, thì nước Giao-Chỉ tiêu-diệt", vì thế, người Giao-Châu, mỗi khi đi ngang qua đều lấy đá, ngói, ném vào dưới chân cột đồng, nên chẳng bao lâu, nơi ấy hóa thành gò.

Đỗ-Phủ có câu thơ rằng: "Vũ lai đồng trụ bắc, ý tảo Phục-Ba quân" nghĩa là: "mưa phía Bắc đồng trụ, muốn rửa quân Phục-Ba".

Ở cương-giới nước Chiêm-Thành cũng có cột đồng. Mạnh-Hạo-Nhiên có câu thi: "Đồng trụ Nhật-Nam đoan", nghĩa là cột đồng đứng đầu đất Nhật-Nam.

Sách Cửu-Vực-Chí nói: "cái giếng tại Giao-Châu không phải người đào".

Mã-Viện khi đã dẹp yên Giao-Chỉ, có làm trâu bò, lọc rượu để đãi quân-sĩ, trong lúc yến tiệc, Viện thông thả nói với liêu thuộc rằng: "Người em họ của ta tên là Thiếu-Du thường hay thương tôi khăng-khái có chí lớn và nói: "kẻ sĩ sinh ở đời, miễn sao vừa đủ ăn mặc, đi cái xe tầm thường, cỡi con ngựa xấu xí, làm chức lại thuộc trong quận, giữ phần mộ của tổ-tiên, làng xóm cho là người hiền-lành, như vậy thì đủ rồi. Còn như ham muốn cho dư dũ, thì chỉ là tự mình làm khổ cho mình đó thôi". Hồi ta ở giữa Lăng-Bạc và Tây-Lý, chưa diệt được giặc, dưới thì nước lụt, trên thì khói mù, khí độc hừng hực, xem lên thấy điều bay là là xuống nước, nhớ lại lời nói bình thời của Thiếu-Du, ta tiếc không làm sao được như vậy".

Uy-Vũ-Miếu: Tô-Đông-Pha chép rằng: "nhà Hán có hai ông Phục-Ba đối với dân Lĩnh-Nam đều có công-đức. Ông Phục-Ba trước là Bì-Ly Lộ-Hầu, ông Phục-Ba sau là Tân-Tức Mã-Hầu. Nước Nam-Việt từ đời Tam-Đại trở xuống, không đời nào dẹp yên cả. Đời Tần (246-207 trước công nguyên), tuy có đặt quan-chức cai-trị, song rồi trở lại tình trạng man-di. Bì-ly mới diệt được nước ấy và chia làm chín quận. Nhưng đến đời Đông-Hán, lại có người con gái là Trưng-Trắc, khởi binh rung động hơn sáu mươi thành. Đường thời vua Thế-Tổ mới dẹp yên thiên hạ, thấy dân đã mỗi mệt và chán việc dụng binh, bèn đóng cửa Ngọc-Quan từ tạ Tây-Vực. Phương chi Nam-Việt là chỗ hoang viễn, không đáng phiền-lụy đến quân-đội nhà vua, nếu không phải Tân-Tức (hầu) chịu khó đánh dẹp thì dân chín quận vẫn khoác áo bên trái đến bây giờ. Do đấy hai Phục-Ba đáng được miếu thờ tại Lĩnh-Nam.

"Ở trên bể có nhà thờ Phục-Ba, trong niên-hiệu Nguyên-Phong (1078-1085), có lời chiếu chỉ của vua (Thần-Tông nhà Tống), phong làm Trung-Hiến-Vương. Hễ có ghe thuyền qua biển đều tới chỗ ấy mà bói, khi nào quẻ bói tốt, nói đi được, mới đi, hễ quẻ xấu thì thôi, sự linh ứng khiến người ta phải tin, đúng đắn như đo-lường, cân chỉ thăng bằng, không hề sai chệch.

"Than-ôi! không phải là người có đức cao dày, thì đâu được như thế? Tôi nhân có tội bị đày qua Đàm-Nhĩ ba năm, nay lại trở về bể Bắc, qua lại đều gặp gió xuôi, không lấy gì đền đáp ơn thần, bèn lập bia và làm bài minh như sau:

"Sóng gió khôn lường nổi hiểm nguy,
Cá rồng lặng lẽ dữ hơn chi,
Tin cậy hai ông đã phù trì,
Nước sâu muôn sải thuyền tí-tí.
Từ đây qua Nam cởi lòng nghi,
Về về lương tâm song suốt đi,
Từ đây về Bắc thẳng mình mi.
Lúc đạt lúc cùng cứ giữ nghi;
Sống là anh-kiệt, thác hùng uy,
Thần tuy không nói, ý mình suy".

Xung-Thiên-Miếu: Tại làng Phù-Đổng, hồi xưa trong nước rối loạn, chợt thấy một người có uy có đức, dân đều về theo, người ấy bèn cầm quân dẹp loạn, rồi bay lên trời đi mất, hiệu là Xung-Thiên-Vương, dân lập đền miếu để thờ.

Cổ-Châu-Phật: trong mùa xuân, mưa như xối, lụt to ở núi chảy xuống Trung-Châu, chảy quanh tại một chỗ, dân thấy lạ ra coi, trong nước có hòn đá giống như ông Phật; dân tới cầu đảo có thần nghiệm, bèn đem gỗ khắc ra tượng Phật để thờ, gặp khi đại hạn, đến cầu thì mưa liền, cho nên người ta nói là "pháp vấn pháp vô", (nghĩa là mây mưa của phép Phật).

Báo-Thiên-Tự-Tháp: Xưa Lý-Thánh-Vương đánh Chiêm-Thành, được người thợ giỏi, bảo xây một ngôi tháp cao mười ba tầng, đặt là "Thiên-Tư-Vạn-Thọ-Tháp", lại lấy đồng đúc cái biển-ngạch gọi là "Đao-Lợi-Thiên", bị sét đánh mất, không biết rơi nơi nào. Sau có người làm ruộng thấy được, đem dựng lại, sét đánh mất một lần nữa.

Cửu-Trùng-Đài: Xưa Lý-Nhân-Vương làm một cái đài ở trên bờ ao Thủy-Tinh. Khi gần xong, bị sét đánh hư, làm lại cũng bị sét đánh nữa. Sau nghe tiếng giông pháp ra, Nhân-Vương lấy vương lụa điều trùm lên đài, mang gương lên đài, đốt hương mà khẩn vái rằng: "Nếu trời không cho tôi là ngay thật thì nên trách bảo tôi, còn cái đài này chẳng có tội gì". Khẩn xong một lát thì trời tạnh, đài ấy bèn làm xong. Người cháu ba đời là Lý-Cao-Vương, khi nào nghe sấm sét thì sợ gần như chết. Các quan hầu hiển một chúc rằng: "Khi nào có sấm sét thì lấy tay ôm cánh tay ông Phật, sẽ khỏi lo sợ".

Phấn-Dịch-Đình: Theo tục người ta vì nắng nực, làm nhiều nhà trạm ở dọc đường để cho người đi đường ghé nghỉ mát. Ông tổ họ Trần lúc còn hàn-vi, hay ghé nghỉ tại đình trạm ấy, có nhà sư nói rằng: "Anh (họ Trần), đến ngày sau nên bậc đại-quý", nói xong nhà sư biến đi đâu mất. Kịp đến lúc họ Trần dựng được nước nhà, liền khiên trong nước chỗ nào có đình trạm thì làm một pho tượng Phật để thờ mà báo ơn.

Kim-Bài-Châu: Có một ông già ở bên sông, người con đi ra bắt được một cái trứng đem về. Ông già nuôi cái trứng ấy nở ra một con rắn, lại càng yêu chuộng nuôi nấng, sau con rắn lớn lên, rồi xuống sông, thường đem cá bỏ trong sân. Khi ông già chết, ngày cúng tế, con rắn ấy tới dưới sân bò quanh rồi đi; sau bên ông đất cát bồi đắp mãi thành một cái bãi, con cháu ông ấy được lợi đời đời. Người ta nói: "Đó là con rắn báo ơn".



Trong niên-hiệu Khai-Hy (1205-1207) vua Ninh-Tông nhà Tống, có Trương-Hiệp, được vua ban tên Thụy là Văn-Hiến, nguyên làm chức Triều-Thỉnh-Lang, trực Bữu-Chương-Các, có soạn bộ sách Lịch-Đại-quận-huyện-địa-lý-thư 30 quyển, có chép các châu quận nguyên thuộc An-nam đô-hộ phủ đời Đường. Về sau có thay đổi không giống nhau, nay chép lại tạm để tiện việc tham-khảo:

An-nam lộ gồm có: Tống-Bình, Thái-Bình, Giao-Chỉ, Châu-Diên, Long-Biên, Bình-Đạo, Võ-Bình.

Phong-Châu gồm có: Gia-Ninh, Tân-Xương, Thừa-Hóa, Cao-Sơn, Chu-Duyên (Đường thư chép là Thù-Lục (?)).

Tương-Châu gồm có: Tương-Giang, Ba-Linh, Hộc-Sơn, Hoảng-Viến.

Nham-Châu gồm có: Thường-Lạc, Tư-Phong, Cao-Thành, Thạch-Nham.

Điền-Châu gồm có: Đô-Cứu, Huệ-Giai, Võ-Long, Hoàn-Sơn, Như-Lại.

Ái-Châu gồm có: Cửu-Chân, An-Thuận, Sùng-Bình, Nhật-Nam, Quân-Ninh, Trường-Lâm.

Hoan-Châu gồm có: Cửu-Đức, Phổ-Dương, Việt-Thường, Hoài-Hoan.

Lục-Châu gồm có: Ô-Lôi, Hoa-Thanh, Ninh-Hải.

Lộc-Phúc-Châu (Đường thư chép là Phúc-Lộc) gồm có: Nhu-Viến, Đường-Lâm, Phúc-Lộc.

Trường-Châu gồm có: Văn-Dương, Đồng-Thái, Trường-Sơn, Kỳ-Thường.

Thang-Châu gồm có: Thang-Tuyền, Lục-Thủy, La-Thiều.

Diễn-Châu gồm có: Trung-Nghĩa, Long-Trì.

Lâm-Châu gồm có: Kim-Long, Hải-Giới.

Cảnh-Châu gồm có: Bắc-Cảnh, Châu-Ngô, Do-Văn.

Sơn-Châu gồm có: Long-Trì, Bồn-Sơn.

Cổ-Châu gồm có: Lạc-Sơn, Lạc-Hưng, Cổ-Thư.

Lung-Châu gồm có: Võ-Lặc, Võ-Lễ, La-Long, Phù-Nam, Long-Ngạch, Võ-Quan, Võ-Giang.

Hoàn-Giang gồm có: Chính-Bình, Phước-Linh, Long-Nguyên, Nhiêu-Miền, Tư-Ân, Võ-Thạch, Ca-Lương, Đô-Mông.

Võ-Nga-Châu gồm có: Võ-Nga, Võ-Lao, Võ-Duyên, Lương-Sơn.

Việt-Châu gồm có: Long-Thủy, Nhai-Sơn, Đông-Tỷ, Thiên-Hà.

Bình-Câm-Châu gồm có: Dung-Sơn, Hoài-Nghĩa, Phúc-Dương, Cổ-Phù.

Đức-Hoá-Châu gồm có: Đức-Hoá, Quy-Nghĩa.

Võ-An-Châu gồm có: Võ-An.

Lang-Mang-Châu gồm có: Lang-Mang, Cổ-Dống.

La-Võ-Châu gồm có: Long-Khâu, Phúc-Võ.

Phong-Tục

Nước An-nam xưa là đất Giao-Chỉ. Đời nhà Đường, nhà Ngu và đời Tam-Đại, sự giáo-hoá của Trung-Quốc đã nhuần-thấm đến. Đến hai đời nhà Hán đặt làm quận huyện. Đàn ông lo làm ruộng, đi buôn, đàn bà lo nuôi tằm, dệt vải, cách nói phô hiển hoà, ít lòng ham muốn. Người ở xứ xa trôi nổi tới nước họ, họ hay hỏi thăm, ấy là tình thương của họ. Người sinh ra ở Giao-Châu và Ái-Châu thì rộng-rãi, có mưu-trí; người ở Châu-Hoan, Châu-Diển thì thuần tú, ham học. Dư nữa, thì khờ dại thiệt thà. Dân hay vẽ mình, bắt chước tục lệ của 2 nước Ngô, Việt. Vì thế, Liễu-Tư-Hậu có câu thơ rằng: "Cộng lai Bách-Việt văn-thân địa", nghĩa là cùng đi tới đất Bách-Việt là xứ người vẽ mình. Vì trời nóng sốt, dân ưa tắm ở sông, nên họ chèo đò và lội nước rất giỏi; ngày thường không đội mũ, đứng thì vòng hai tay, ngồi thì xếp bằng hai chân. Yết kiến bậc tôn trưởng thì quì xuống lạy ba lạy. Tiếp khách thì đãi trà cau. Tính ưa ăn dưa, mấm và những vật dưới biển. Hay uống rượu, thường uống quá độ, nên người gầy yếu. Người già đến năm mươi tuổi thì khỏi đi sứ dịch. Thường năm, trước lễ Tết hai ngày, vua đi xe ngự-dụng, các quan tùy tùng đều mặc triều-phục hầu đạo tiên, tế điện Đế-Thích. Ngày 30 Tết, vua ngồi giữa cửa Đoan-Củng, các bề tôi đều làm lễ, lễ rồi, xem các con hát múa trăm lối. Tối lại qua cung Động-Nhân, bái yết Tiên-Vương. Đêm ấy đoàn thầy tu vào nội làm lễ "Khu-Na" (nghĩa là đuổi tà ma quỉ mị). Dân-gian thì mở cửa đốt pháo tre, cỗ bàn trà rượu cúng tổ. Con trai con gái nhà nghèo, không có người mai dong để làm hôn-lễ, thì tự mình phối hợp với nhau. Ngày Nguyên-Đán, vào khoảng canh năm, vua ngồi trên điện Vinh-Thọ, các tôn-tử (con cháu nhà vua), các quan cận-thần làm lễ hạ trước, rồi vào cung Trường-Xuân, vọng bái các lăng tổ. Buổi sáng sớm, vua ngồi trên điện Thiên-An, các phi tần sắp lớp ngồi, các quan trong nội đứng lộn xộn trước điện đánh thổi các bài ca-nhạc trước đại-đình. Con cháu nhà vua và bề tôi sắp hàng bái hạ, ba lần rót rượu dâng lên. Xong, các tôn-tử lên điện châu và dự yến. Các quan nội-thần ngồi tiểu điện phía tây, các quan ngoại thần ngồi hai bên tả hữu vua, ăn tiệc, đến trưa lần lượt đi ra. Các thợ khéo làm một cái đài "Chúng-tiên" hai tầng ở trước điện, một lúc thì cái đài ấy làm xong, vàng ngọc sáng chói. Vua ngồi ăn trên đài ấy, các quan làm lễ, trước sau chín lạy, và chín tuần rượu rồi giải-tán. Ngày mồng hai Tết, các quan đều làm lễ riêng ở nhà. Ngày mồng ba Tết, vua ngồi trên gác Đại-Hưng, xem các tôn-tử và các quan nội-cung đánh quả bóng (quả cầu thêu), hễ bắt được mà không rơi xuống đất là thắng. Quả bóng lấy gấm mà làm, bằng nắm tay đứa bé, có tua đeo lòng thòng đến hai mươi sợi¹. Mừng năm Tết, lễ khai-hạ, ăn yến xong thì để quan và dân lễ các chùa miếu và du-ngọan các vườn hoa.

1 Nay ở các Châu Thượng-Du, đến ngày mồng ba Tết, còn tục chơi ấy, gọi là đánh trái bóng.

Đêm nguyên-tiêu (rằm tháng giêng), trồng những cây đèn ở giữa sân rộng gọi là đèn "Quảng-Chiếu", thấp đến mấy vạn ngọn, sáng rực cả trên trời dưới đất, thầy tu đi quanh tụng kinh Phật, các quan-liêu lễ bái, gọi là "chầu đèn". Tháng hai làm một cái nhà, gọi là "Xuân-Đài", các con hát hóa trang làm mười hai vị thần, múa hát trên đài. Vua coi các trò tranh đua trước sân, và coi các lực-sĩ và trẻ con đấu nhau, ai thắng thì được thưởng. Các công-hầu thì cỡi ngựa mà đánh trái cầu, quan nhỏ thì đánh cờ, đánh vu-bồ (bài thẻ), đá bóng và thi đua các trò chơi khác.

Ngày hàn-thực thì dùng bánh cuốn tặng cho nhau. Ngày mồng Bốn tháng tư, các tôn-tử và các quan cận-thần hội tại miếu Sơn-thần, tuyên-thệ thành với vua, không có chí gì khác. Mồng tám tháng tư, mài trầm hương và bạch-đàn-hương, dầm nước tắm rửa tượng Phật và dùng thứ bánh giầy mà cúng Phật. Tiết Đoan-Dương, (mồng năm tháng năm), làm cái nhà gác ở giữa sông, vua ngồi coi đua thuyền. Ngày Trung-Nguyên, lập hội Vu-Lan-Bồn, để cúng tế, siêu-độ cho người chết, tốn hao bao nhiêu cũng không tiếc. Trung-Thu, và Trùng-Cửu là những ngày mà các nhà quý-tộc uống rượu, ngâm thơ đạo xem phong cảnh. Ngày mồng một tháng mười (lương nguyệt), có trưng bày hào-soạn để cúng ông bà, gọi là cúng "tiển tân" (cơm mới), cho các quan liêu đi xem gặt lúa, săn bắn cho vui. Đến tháng chạp lại cúng ông bà như trên. Theo gia-lễ, ngày lập xuân đi du xuân, khiến các tôn trưởng giặc trâu đất, xong rồi, các quan lại giắt hoa vào đầu để vào đại-nội dự tiệc. Lễ hôn thú: trong tháng xuân, người làm mỗi bưng tráp cau trầu đến nhà gái hỏi. Xong, tặng lễ-vật đáng giá từ trăm đến ngàn. Thường dân thì lễ cưới tới giá trăm là đủ số. Có nhà ưa chuộng lễ-nghĩa thì không kể số tiền của ít nhiều. Cách để tang, nhà cửa, đồ dùng, hơi giống như Trung-Quốc.

Nhạc-Khí: có thứ trống "phan-sĩ" (trống cơm), nguyên nhạc-khí của Chiêm-thành, kiểu tròn và dài, nghiền cơm, bịt hai đầu, cứ giữa mặt mà vỗ thì kêu tiếng trong mà rõ ràng, hợp với ống kèn, tháp nứa, cái xập xỏa, cái trống lớn, gọi là đại-nhạc, chỉ vua mới được dùng; các tôn thất, quý quan có gặp lễ đám chay đám cưới mới cho dùng đại nhạc. Còn đàn cầm, đàn tranh, tỳ-bà, đàn thất huyền, đàn song huyền, ống địch, ống sáo, kèn và quyền, thì gọi là tiểu-nhạc, không kỳ sang hèn, ai cũng dùng được. Các bài khúc như Nam-Thiên-Nhạc, Ngọc-Lâu-Xuân, Đạp-Thanh-Du, Mộng-Du-Tiên, Canh-Lậu-Trường, không thể chép hết. Hoặc dùng thổ-ngữ làm thi phú phổ vào âm nhạc, để tiện ca ngâm, các bài nhạc đều gọi được mỗi tình hoan lạc và sầu oán, ấy là tục của người An-nam vậy.

Biên-Cảnh Phục-Dịch

Nước Chiêm-Thành: Lập quốc tại mé biển, thương thuyền Trung-Quốc vượt bể đi qua các nước phiên-phục, thường tập trung tại đây để chứa củi và nước, là bến tàu lớn nhất tại phía Nam.

Chiêm-Lạp: Vương-Cầm, Bồ-Gia, Đạo-Lãm, Lục-Hoài, Nấm-Bà-La.

Liêu-Tử

Liêu-Tử: là một tên khác của giống man, di, phần đông thống thuộc về các tỉnh Hồ-Nam, Lương-Quảng và Vân-Nam, nhưng có một số phục-tùng nước Giao-Chỉ. Lại có bọn khắc chữ nơi trán, cà răng, chủng loại rất nhiều. Sách cổ chép có thứ Liêu-tử "đầu-hình", thứ Liêu-Tử xích-côn (váy đỏ), thứ Liêu-Tử tỷ-ấm (uống bằng mũi), đều ở trong hang đá, hầm đất, hoặc ở chuồng, ở ổ, hay uống rượu sậy, thích đánh giặc, phần đông biết dùng cung nỏ, và đánh trống đồng. Thứ trống nào cao lớn là quý. Cái trống mới đúc xong, thì đặt giữa sân, thiết tiệc, mời cả người đồng loại cùng tới đây cửa. Con gái nhà hào phú lấy những chiếc soa bằng vàng bạc, đánh vào trống, xong, để chiếc soa ấy lại cho chủ nhà. Có kẻ nói: trống đồng là chiêng của Gia-Cát-Lượng lúc đi đánh giặc mọi.

Trắc-Ảnh (Đo bóng)

Trong niên hiệu Nguyên Gia đời vua Văn Đế (424-453), nhà Tống¹, qua Nam đánh nước Lâm-Ấp, đến ngày tháng năm, trồng một cây nêu, xem bóng mặt trời, hể mặt trời ở phía Bắc cây nêu 9 tấc 1 phân, thì bóng đất Giao-Châu ở phía Nam cây nêu 2 tấc 3 phân; Giao Châu, theo thủy-lộ cách Lạc-Dương hơn 7.000 dặm. Nhân vì núi sông quanh quất, khiến đường đi thành xa. Lấy cây nêu, gióng dây thẳng xuống lấy độ-số là 1.000 dặm. Đến năm Khai-Nguyên thứ 12 (724), đời Đường, lại cho đo đất Giao-Châu: trong ngày Hạ-Chí, thấy bóng mặt trời ở phía Nam cây nêu 3 tấc 2 phân, so với năm Gia-Nguyên đời Tống đã đo, hơi giống nhau.

Sách Luận-hoành của Vương-Sung nói quận Nhật-Nam cách Lạc-Dương đến 10.000 dặm, nên gọi là Nhật-Nam. Lý-Thuyên nói phủ An-Nam cách Trường-An 7.250 dặm; Mạnh-Quán nói: Đạo An-nam là xứ ở chỗ dưới cùng của Trung-Quốc vậy.

Nay từ La-Thành đến Kinh-Sư, ước có 115 trạm, cộng hơn 7.700 dặm.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Nhất Chung

¹ Đây là Lưu-Tống đời Nam-Bắc triều (420-478).

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Nhị

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Đại-Nguyên Chiếu-Chế

Chiếu-văn của Thế-Tổ Thánh-Đức Thần-Công Văn-Võ Hoàng-đế chỉ dụ cho vua An-nam là Trần-Nhật-Cảnh (tức Trần-Thái-Tông), ngày 3 tháng 12 Trung-Thống nguyên niên (1260):

"Các vị tổ tông của ta lấy võ công gầy dựng cơ-nghiệp; nên các việc văn-hoá chưa được đầy đủ; từ khi ta nối nghiệp, đã từng canh tân cải cách, vỗ yên muôn nước, bèn lấy năm canh-thân đặt niên hiệu Trung-Thống nguyên niên, ban ra Ân Chiếu, lần lượt thi hành. Không lờn người gần, không quên kẻ xa, việc gì cũng lấy điều thành thật mà đối đãi, mà có chỗ chưa được chu đáo. Vừa có Đại-lý tự-thần An-vũ chức Nhiếp-mạch-Đình phát mã thượng tâu rằng: nước khanh có lòng thành thật theo chiếu mộ nghĩa, vả lại, khanh đã tỏ lòng trung thành làm tôi với tiên-triều, sai sứ qua châu và dâng lễ vật, thổ-sản; cho nên trẫm mới ban lời chiếu chỉ này. Nay sai Lễ-Bộ Lang-trung Mạnh-Giáp sung chức An-nam tuyên-dụ-sứ, Lễ-Bộ Viên-Ngoại-Lang Lý-Văn-Tuấn làm phó-sứ, để tuyên dụ quan lại, sĩ tử nước khanh, phàm y-quan, điển lễ và phong-tục, việc gì cũng theo cựu-lệ bản quốc, không nên thay đổi; hưởng chi gần đây nước Cao-Ly sai sứ-thần qua, ta đã ban lời Chiếu chỉ, đều y như vậy. Trừ ra các biên tướng tại các xứ Vân-Nam, cấm không được thiên quyền dấy binh, lấn cướp bờ cõi, làm rối loạn nhân-dân; nước khanh từ quan liêu cho đến thân-sĩ, nhân-dân, đều phải ở yên như cũ. Nay ban lời chiếu, để cho nhớ mà giữ gìn.

Lời Chiếu dụ nước An-Nam, ngày tháng 7 năm hiệu Chí-Nguyên thứ 4 (1267)

Theo bài Thánh-chế của vua Thái-Tổ Hoàng-Đế; Phàm những nước đã qui phụ với Trung-Quốc, thì vua phải thân hành đến châu, cho con em ở tại Trung-Quốc làm tin, biên nạy dân-số, cung ứng quân dịch, nạp thuế khoá, còn đặt quan Đạt-lỗ-hoa-xích cai trị. Các khoản nói trên đều để tỏ rõ lòng trung-thành làm nước chư-hầu. Nay khanh cống hiến, không hề quá hạn ba năm, đủ biết lòng thành thật như trước, nên ta kể lại chế-độ tổ-tông nước ta, cũng lấy lòng thành thật tỏ bày vậy. Vả lại vua chư-hầu tới châu, cho con em vào làm tin, nạp sổ dân, sổ thuế và xuất quân giúp nhau, xưa vẫn đã có, không phải mới ngày nay ta bày đầu. Khanh lo làm đầy đủ mấy khoản đó, thì trẫm còn nói gì nữa, nếu chưa làm được, trẫm cũng không trách, khanh cứ lo làm tròn bổn phận. Còn nói về việc xuất quân, cũng không phải đi chinh phục ở đâu xa mà lo. Chỉ sứ-thần của Khanh là Dương-an-Dưỡng tới nói có quân mọi Chiêm, Lạp và Sơn-Liêu hay làm rối đáng lo. Như hai đám giặc mọi ấy biết phục tùng theo mình thì không cần chi đánh; cái đạo giao binh ai cho rằng dễ, nếu nó nghịch mạng thì mới dùng binh đánh dẹp. Hưởng chi quân lính của Vân-Nam đóng tại đây, khanh nên giúp sức để chóng thành công. Vả lại mỗi lúc tâu lên, Khanh thường có lời nói thân mật như trong một nhà. Nay nghe Nậu-thứ-Đình ở bên ấy, có nhiều sự thường bị chống báng cấm đoán, không cho được hội-đàm, quả như thế thì có phải lễ-nghĩa thân-mật trong một nhà đâu! Nghĩa vua tôi cũng như tình phụ-tử, có lẽ gì tôi mà phản vua, con mà phản lại cha sao? Nếu trẫm không nói ra, thì đãi khanh không có sự thành thật, khanh nên nghĩ lại cho chín chắn để tròn sự giao-hào trước sau như một".

Lời Chiếu-văn trong năm Chí-Nguyên thứ tư (1267)

Từ khi trẫm lên ngôi về sau, tất cả các nước trong, ngoài quanh biển đều thân mật như một nhà. Phàm chư-hầu vào đại quốc để cống-hiến vật-sản, là chế-độ thông thường từ xưa đến nay. Hễ kỳ hạn ba năm là nhập cống một lần, nay đã đến triều, lấy thành tín thờ nước lớn, tức là lễ vậy. Trước đây trẫm sai quan Đạt-lỗ-hoa-Xích là Nậu-thứ-Đình qua, khanh và các tôi nên yên chí lo việc nước; những việc khanh đã xin, trẫm đều chấp thuận, còn về việc các biên thần làm rối loạn, trẫm đã có sắc lệnh ngăn ngừa, khanh nên biết rõ. Nay trẫm ban cho các đồ lễ-vật, có kê rõ trong giấy tờ, khanh nên nhận lãnh lấy.

Nay ban tứ cho An-nam quốc-vương.

Lời Chiếu-văn năm Chí-Nguyên thứ 12 (1275)

Theo chế-độ của tổ-tông đã qui định, phàm các nước nội-phụ thì vua phải thân hành tới châu, gửi con em làm tin, biên nạp dân số, nộp thuế-lệ, mộ dân trợ binh và vẫn đặt quan Đạt-lỗ-hoa-Xích¹ để thống trị; sáu điều nói trên, năm trước đã có lời dụ cho khanh biết rồi, thế mà qui phụ đã hơn 15 năm, khanh chưa từng tới triều kiến một lần nào, và các điều qui định đến nay vẫn chưa thi hành; tuy rằng ba năm tới cống hiến một lần, nhưng các đồ cống hiến đều không dùng được. Ý trẫm muốn để lâu ngày khanh sẽ hiểu, cho nên cũng bỏ qua không hỏi làm chi, đến nay cũng chưa thấy tình-ngộ, cho nên lại sai sứ-thần là Hợp-sát-Nhi-hải-Nha qua nước khanh, dụ khanh vào triều. Nếu vì có gì khác mà không thể đi được, thì sai con em thay mặt. Ngoài khoản ấy, như dân số trong nước chưa có ngạch tịch nhất định, thì thuế-khoá và quân-dịch, chằm chước làm sao cho được? Nếu dân của khanh số ít, mà bắt lính quá nhiều, sức e không đủ; nên nay biên số dân của khanh là muốn tùy theo nhiều hay ít, để định số lính và số thuế; số quân mà ta sẽ phái đi cũng không cho đóng tại nơi xa khác, chỉ cho theo lính thú Vân-Nam để trợ-lực với nhau mà thôi. Vậy nay ra lời chiếu thị cho rõ.

Lời Chiếu dụ cho Thế-Tử An-nam Trần-Nhật-Huyền (Trần-Thánh-Tông) trong tháng 8 năm Chí-Nguyên thứ 15 (1278)

Hồi trước, khi nước khanh mới nội-phụ, hễ có xin điều gì, ta cũng y cho cả, trong ý nói rằng theo lễ thờ phụng nước lớn, lâu ngày tự xét sẽ biết rồi tuân theo các điều khoản mà thi hành. Nhưng đã lâu năm rồi, lễ nghi dần dần sơ bạc, vì vậy cho nên trong năm Chí-Nguyên thứ 12 (1275), trẫm lại xuống một lời chiếu để trách khanh về những việc thân hành vào châu và trợ binh. Mới đây, bọn Lê-Khắc-Phục qua dâng tờ biểu đều là nói dối: "nói nước khanh nội-phụ trước hết". Kỳ thực các nước tứ phương tới đầu hàng trước khanh đã đông rồi, sau khanh chỉ có nhà Tống mà thôi, nhưng trẫm cho một đạo quân ra thì cả nước đều dẹp yên; kể ra thì khanh cũng đã nghe biết, thế thì lời của khanh không phải là giả dối sao? Lại nói: "có kẻ thù là nước Chiêm-Thành quấy rối nên không thể trợ binh". Vả khanh cùng nước Chiêm-Thành là bạn láng giềng đã lâu, không phải mới từ ngày nay. Còn như nói: "vì đường xa không thể vào châu". Thế thì bọn Lê-Khắc-Phục làm sao mà tới được? Hai điều đó là nói dối rõ-ràng.

Hồi xưa, khanh cùng nhà Tống thông hảo, nay nhà Tống đã dẹp yên, nhưng lễ nghĩa thờ kính thế nào, cũng chép ở trong thơ-tịch, có thể xem mà biết. Việc trong thiên hạ chỉ lấy lòng chí thành làm căn bản. Nay khanh đối trá như vậy, ai sẽ tin được. Trước kia ông thân sinh khanh tuổi già suy nhược, đường sá xa xuôi, xông pha không nổi thì còn có lý; chứ nay khanh đương tuổi cường tráng, vào châu mà chịu sắc mạng, là chính tại lúc này, huống chi nước khanh tiếp giáp với châu Ung và châu Khâm của nước ta, có sợ gì mà không đi tới một lần? Hoặc giả khanh không lo sự an toàn, cố sự lờ sắc mạng của

¹ Đạt-lỗ hoa-Xích: chức quan cai trị, theo quan-chế của nhà Nguyên.

trẫm, thì khanh nên lo sửa sang thành quách cho vững vàng, chuẩn bị binh giáp cho đầy đủ để chờ quân ta; cơ hoạ phúc đổi đời, chính tại trong việc này, phải lo mà định đoạt lấy. Nay sai Lê-Bộ Thượng-thư Sài-Thung và các quan viên khác phụng sứ qua nước khanh để truyền chiếu chỉ.

Lời Chiếu trong năm Chí-Nguyên thứ 18 (1281)

Hồi trước, An-nam quốc-vương Trần (quang-Bình tức Nhật-Cảnh) còn sống, ta thường lấy sáu điều khoản theo lệ cũ của tổ tông yên trị các nước phụ thuộc để ra lời dụ, nhưng ông ấy vẫn chưa làm đầy đủ thì mất. Nay con không có lệnh của triều-đình mà tự lập lên làm vua. Ta sai sứ-thần qua triệu thì mượn cớ không đến châu, nay lại thác ốm không đi, thật cố ý trái mệnh lệnh của ta, chỉ cho thúc phụ là Di-Ái vào báı yết. Ta liền muốn đem quân qua đánh. Nhưng vì khanh đã chịu làm tôi và cống hiến từ lâu, nên không muốn giết oan tính mạng nhân dân để dạy bảo một người vô-tri như khanh. Khanh đã xưng bệnh không châu, thì cho khanh nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng, nên ta đã lập thúc phụ khanh là Di-Ái thay khanh làm An-nam quốc vương để cai trị dân khanh. Các quan-lại và thân-sĩ, nhân-dân đều cứ ở yên mà sinh lý, không nên sợ sệt gì cả. Hễ có ai cùng nhân dân làm loạn, thì đại binh thẳng tiến vào giết hại tính mạng, cũng không nên oán trách, vì thật ra là lỗi của khanh và nhân-dân.

Nay Dụ các quan và tôn tộc nước An-nam.

Lời Chiếu ngày tháng 4 năm Chí-Nguyên thứ 23 (1286)

Trước đây, nước khanh là Trần (chỉ vua Nhân-Tông nhà Trần) đã chịu thuận phục, theo niên lệ cống hiến, mà không chịu thân hành vào châu. Nhân Trần-Di-Ái thúc phụ của ông ấy sang đây, ta giao việc nước An-nam cho y, sai sứ-thần đưa y về nước thì bị hại. Còn Đạt-Lỗ-Hoa-Xích là Bất-Nhân Thiếp-Mộc-Nhi của ta sai đến, lại bị khước đi, không tiếp nhận. Đến việc đem quân qua đánh Chiêm-Thành, lẽ nên tiếp-tế mà lại bỏ không cung cấp gì cả, vì vậy, Trấn-Nam-Vương Thoát-Hoan và Hành-Tĩnh A-Lý-Hải-Nha tiến binh, trong khi giao-chiến, hai bên đều có bị chết và bị thương. Nay nhận thấy người cận-thân của nước khanh là Trần-Ích-Tắc và Trần-Tú-Viên sợ tổ-quốc bị tiêu diệt, hại đến người vô tội, đã nhiều lần khuyên khanh vào triều, mà thủy chung không thấy khanh nghe theo. Họ tự đến quy phục, ta nghĩ thương lòng trung hiếu, đặc cách phong cho Trần-Ích-Tắc làm An-nam quốc vương, Trần-Tú-Viên làm phụ-nghĩa-công để thờ phụng tôn tổ họ Trần; một mặt, ta sai Trấn-Nam-Vương là Thoát-Hoan, Bình-Chương Chính-Sự là Việt-Lỗ-Xích đem quân qua bình định nước khanh. Những tội lỗi trước kia đều do thân khanh mà ra, quan và dân không can dự gì. Hễ tờ chiếu thư này tới nơi ngày nào, thì bắt đầu giải tán về làng xóm hết để lo yên nghiệp làm ăn. Nay chiếu thị.

Nay dụ cho quan lại và dân nước An-nam tri tưởng.

Lời Chiếu dụ cho Thế-Tử An-nam trong tháng chạp năm Chí-Nguyên thứ 25 (1288)

Trẫm coi muôn nước, dùng lẫn đức và uy để cai trị. Trên danh nghĩa, Khanh đã phục tùng mà trên thực tế không hề tới châu, đã mấy phen đưa thư sang mời, mà cứ cáo bệnh. Đến khi sai chú khanh quyền nghi giữ nước thì khanh công nhiên kháng cự và dám tự chuyên sát hại. Còn A-Lý-Hải-Nha qua đánh Chiêm-Thành, mượn đường nước khanh, đã truyền lệnh sửa sang cầu đường và tiếp vận lương thực, khanh không những thất tín mà lại chống với quân ta, nếu không trừng trị, thì quy chế nhà vua còn đâu nữa. Dân bị tàn hại, nước bị phá tan là tự khanh gây ra cả. Nay khanh dâng lời "biểu" xin phục tội, hình như đã biết ân hận, ngoài nữa, lại có sứ-thần khanh đến tâu rằng: "khanh tự trách khanh có ba điều: 1- Vua đòi không tới; 2- Tướng Thoát-Hoan kéo quân qua mà không tiếp rước; 3- Sự cản trở tướng

Toa-Đô và Căn-đế-Lỗ; nếu được ơn vua tha tội, xin đưa con làm tin, tiến mỹ-nhân và cống hiến thổ sản". Những cái kính lễ đó giả dối đều vô dụng cả. Nếu quả có lòng thành thật, thì sao không sang trình diện để phô bày? Chứ đâu lại có nghe nói sai tướng tới, thì lo chuyện trốn tránh, kịp đến rút quân lui về, thì nói đi cống hiến, lấy điều đó mà thờ kẻ trên, thì lòng ngay thật hay giả dối cũng đủ biết. Khanh thử nghĩ, trốn tránh ở xứ lãnh ngoại, không nghĩ đến mỗi hoạn binh qua, chi bằng đến sân châu mà phục mạng thì được sủng-ái và về nước một cách vinh dự, trong hai điều ấy, khanh hãy chọn một điều để xét là điều nào hơn. Nếu khanh nghĩ nhầm thì quan hệ đến sự tồn vong của cả xứ khanh. Vậy ta sai quan Đề-Hình Án-Sát-Ty ở đạo Liêu-đông là Lưu-Đình-Trực, Lễ-Bộ Thị-Lang là Lý-Tư-Diển, Binh-Bộ Lang-Trung là Vạn-Nô cùng Đường-Ngột-Đãi-Hiệp, Tán-ông-Cát-Lợi-Đãi, v.v... dẫn những kẻ sang sứ ngày trước là bọn Nguyễn-Nghĩa-Toàn 24 người về nước để tỏ rõ ý ta, ta sẽ hoàn toàn tha hết tội lỗi trước và lại phong khanh như cũ. Nếu còn chậm trễ nghi ngờ, thì quyết không thể tha thứ được. Khanh chỉ lo sửa sang thành quách, huấn-luyện binh giáp của khanh cho sẵn sàng, tha hồ khanh cứ dự bị, để đối thủ với mặt trận của ta.

Khanh thường làm tôi thờ phụng nhà Tống đã mất, tự xét khí-lực của khanh thế nào? Nay khanh biết cơ hội dừng để ân-hận về sau. Nếu khanh biết rõ nguy cơ mà thần phục, thì nên vì tộc loại dùng lễ-nghi mà đưa về; xứ khanh còn có lính thú của ta, vậy không nên lừa dối như vậy, nên để họ cùng các tướng là bọn Ô-Mã-Nhi và Toa-Đô về nước, thế nào ta sẽ khu xử đầy đủ rồi do đường thủy mà khiến họ về.

Vậy nay ra lời chiếu-chỉ cho Khanh biết rõ.

Lời chiếu dụ cho Thế-Tử nhà Trần¹ trong năm Chí-Nguyên thứ 28 (1291)

Các vị tổ-tông ta đã qui định rằng: phạm các nước qui phụ, nước nào thân hành tới châu thì nhân-dân được an-cư lạc-nghiệp như thường; còn nước nào kháng cự không phục-tùng, thì bị tiêu diệt, điều ấy khanh đã biết rồi. Cho nên ta sai sứ-thần qua mời thân-sinh khanh qua châu, rút cuộc không vâng lời, chỉ cho ông chú qua thay mặt châu triều. Vì thân sinh khanh không vào châu, nên ta phong cho người chú làm An-Nam quốc-vương và sai sứ-thần là Bất-Nhãn Thiếp-Mộc-Nhĩ đưa về nước. Ông thân khanh lại giết người chú và đuổi sứ-thần của ta, đến nỗi ta phải dấy binh qua đánh để hỏi tội, nhân-dân của khanh bị chém giết thật nhiều mà quân ta cũng có tổn hại. Lúc đó Trấn-Nam-Vương Thoát-Hoan còn trẻ tuổi, do đường thủy tiến binh, lầm nghe theo Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi, nên rơi vào tay khanh, nhân đó khanh mới được tạm yên đến nay. Khanh như biết thân hành sang châu triều, thì những phù ấn về tước vua, ta sẽ cho cả không tiếc gì, đất đai và nhân-dân ngõ hầu được bảo-tồn vĩnh-viễn.

Lời Chiếu dụ cho nước An-nam trong năm Chí-Nguyên thứ 29 (1292)

Vâng theo mệnh trời, Hoàng-Đế xuống chiếu chỉ-dụ cho An-nam quốc vương Trần-Nhật-Tôn rằng: "Ta đã xét lời biểu dâng lên. Năm ngoái có quan Thượng-thư bộ Lễ là Trương-Lập-Đạo tâu rằng: "Ông ấy đã qua nước An-nam biết rõ sự thế trong nước, xin qua hiểu dụ vua Trần sang châu triều". Nhân vậy, ta lại sai Lập-Đạo đi sứ, nay khanh đã biết lỗi, dâng biểu thú tội, thì ta chẳng trách phạt gì nữa. Nhưng nếu mượn cơ con mồ-côi đương có tang chế và đường xá xa cách, sợ chết dọc đường không dám đi châu; xét lại mượn những lời lẽ như trên là bất thông. Trong đời có loài vật gì cứ an toàn mãi ru? Trong thiên hạ có chỗ nào để người ta cứ sống hoài ru? Lời dụ này, khanh phải xem cho chu đáo, nếu dùng những lời xảo trá hư văn và chỉ chiếu lệ cống hiến lễ-vật, như thế thì đạo nghĩa còn đâu nữa?

¹ Vua nhà Trần là Nhật-Tôn tên là Khâm, con của Thánh Tôn, thụy là Nhân-Tôn.

Nay hạ lời chiếu-thị, khanh nên tuân theo.

Lời thánh chỉ của Thành-Tông Hoàng-đế dụ cho An-nam quốc vương Trần-Nhật-Tôn trong tháng 4 năm Chí-Nguyên thứ 31 (1294)

Đức Tiên-Hoàng-đế mới thăng hà, ta nỗi nghiệp lớn lao. Ban đầu lên ngôi, đại xá cả thiên hạ, ân lớn ấy thấm đến tất cả mọi nơi không phân biệt trong ngoài gần xa. Khanh cũng được hưởng sự khoan hồng của ta, nên ta đã hạ sắc dụ cho các quan bãi binh, còn tên bồi-thần là Đào-Tử-Kỳ cũng cho về nước. Nay sai Thị-Lang Bộ Lễ là Lý-Hãn, Lang-Trung Bộ-Binh là Tiêu-Thái-Đăng phụng chiếu cho biết từ nay về sau, phải giữ gìn và tôn thờ thiên oai. Khanh phải nên xem mà tuân theo lời chiếu.

Lời Chiếu dụ của Nhân-Tông Hoàng-đế cho Thế-Tử An-nam¹ vào ngày 25 tháng 10 năm Chí-Đại thứ 4 (1311)

Nghĩ các tổ tông của ta, vâng theo mệnh trời sáng suốt, ủy-vũ cả muôn phương, lấy đức và oai thi-hành ở các nước xa gần. Gần đây đức Tiên-hoàng lên châu trời, ta vì cố các vương hầu và thần dân ép buộc, ngày 18 tháng 3 năm Chí-Đại thứ 4 lên ngôi Hoàng-đế. Tuân theo thể-lệ qua năm mới đổi niên hiệu, cho nên lấy năm Chí-Đại thứ 5 làm Hoàng-Khánh nguyên niên.

Nay sai Thái-Trung đại-phu Lê-Bộ Thượng-thư là Nãi-Mã-Thái; Phụng-trực-Lang Binh-Bộ Lang-Trung là Đỗ-Hưng-Khả phụng chiếu qua dụ và ban một quyển lịch Hoàng-Khánh, khanh nên tuân theo lịch ấy, giữ chức làm tối triều-đình, chớ bỏ cái lòng thành của tổ-phụ phụng sự đại-quốc, để thoả lòng ta không khi nào xao lãng các nước ở xa. Vậy ra lời chiếu tỏ rõ, nên nhớ mà tuân theo.

Lời Chế² trong năm đầu Hoàng-Khánh (1312) gia phẩm trật cho Trần-Ích-Tắc, An-nam quốc-vương nội-phụ với triều Nguyễn

Gửi thân qua châu triều, đã bỏ phe nghịch mà qui thuận, công đức ấy nên báo đáp lại bằng một đặc ân. Nay ra lời Chế cho công-chúng đều nghe biết, nguyên hàm Ngân-Thanh Vinh-Lộc đại-phu lãnh chức Trung-Thơ-Sảnh Bình-Chương Chính-sự, cai quản các xứ Hồ-Quảng, An-nam quốc-vương Trần-Ích-Tắc biết sợ mạng trời mà thờ nước lớn, muốn yên dân trong nước, hâm mộ oai đức của đế-vương, thừa cơ-hội để làm việc nghĩa, lại lo sự thờ phụng tổ-tiên sẽ đoạn-tuyệt, tự nguyện đến hàng, lòng trung hiếu ấy đã được đức Thế-Hoàng (tức Thế-Tổ) khen ngợi; mở lượng rộng như trời đất, phong làm vua nước Khanh. Trước đây ta theo gương của vua nhà Chu là Võ-Vương đánh Trụ, cử binh qua đánh để cứu dân An-nam, sau lại theo đức hạnh của vua Thuần bãi binh, đem quân về, thế mà vua nước Trần không tỉnh ngộ; trái lại, khanh (tức chỉ Trần-Ích-Tắc) cứ giữ vững lòng trung thành, với người chết đuối, cứu dân bị lửa, đã mấy lần theo quân ta sang trị tội; phương chi khanh qua trú ngụ được chức cao vị lớn, hưởng lộc gần ba mươi năm, tại xứ Hồ-Nam; thờ vua Đại-Quốc đã bốn triều vương, mà chí-hướng trước sau như một. Nhân dịp ta lên ngôi, khanh liền về châu, vậy nay cho tăng thêm chức mới và nhưng theo tước cũ làm An-nam quốc-vương. Than ôi! Bề trong đã êm mà bề ngoài lại ầm, ta nào quên phương Nam của cột trụ đồng, mong rằng người xa đều tới, kẻ gần cũng vui, khanh hãy nhớ châu hầu ngôi sao chúa, luôn luôn trở mặt về phương Bắc. Đứng trước sự tốt đẹp này, khanh hãy giữ một lòng vững bền vĩnh viễn. Nay ta cho thêm phẩm trật là: Kim-Tử-Quang-Lộc đại phu, dư nữa chức-vị như cũ.

¹ Tức là Trần-Nhật-Sùy, thụy là Anh-Tôn.

² Chế là lời vua có tính cách đặc biệt. Chiếu dụ: cũng đều lời vua, nhưng theo lối thường.

Lời Chế tăng phẩm trật cho An-nam quốc-vương vào năm Diên-Hựu thứ 5 (1318)

Nhà nước quý trọng không chỉ bằng điều trung nghĩa, sự tướng thưởng phải công bằng, sao lại chia kẻ gần người xa, (khoản này có khuyết văn), khanh phục vụ nhà nước đã ba mươi năm, chỉ biết trung-thành đối với quân phụ là nghĩa lớn, chứ không nghĩ đến phần riêng của anh em, công-đức từ trước đến nay đã dồn dập nhiều, khi nào cũng tin tưởng cần lao với nhà vua, không ra ngoài phạm-vi tiết-nghĩa, hơn nữa, biết tô vẽ văn-hoá, có lễ, nhạc, có y quan, muốn ngang hàng với Trung-Quốc, lại biết học theo đạo nghĩa trong Thi, Thư, giáo-hoá khắp cả đất Nam-Giao. Bởi vậy, cho phép vẫn giữ trật nút phẩm, ngang hàng với các quan Tam-Ty trong triều. Ôi! Làm tròn bổn-phận tìn, thuận, là thành-tích của người tôi, yêu mến khen chê là hồng ân của quân thượng. Nay ban mạng mới, ngõ hầu hưởng ân. Vậy ban cho nghi-thức đồng với các quan Tam-Ty¹, dư nữa y như cũ.

Lời Chiếu của Anh-Tông Hoàng-Đế dụ cho Thế-Tử Trần² nước An-nam vào tháng tám năm Chí-Trị nguyên niên (1321)

Nước nhà ta theo phép trời, nối ngôi vua, bao trùm cả bốn phương. Đức Tiên-Hoàng có nhân-nghĩa cao sâu, thấm khắp các nước xa gần, không hề phân-biệt. Ngự triều mười năm vừa lìa đời. Ta là Thế-Tử dòng đích được các vị tôn, thích đại-thần tôn lên, đã cải Diên-Hựu thứ 8 làm Chí-Trị nguyên niên; nay sai quan Á-Trung đại-phu Lại-Bộ Thượng-Thư là Giáo-Hóa, quan Phụng-Nghi đại-phu, Lễ Bộ Lang-Trung là Văn-Cử, đưa lời Chiếu dụ qua, nhà ngươi nên suy rộng ý nhưn đức của ta mà bảo-thủ lấy nhân-dân trong nước, thể theo lòng nhân-ái của đời thái-bình, bền lòng trung-thành mà thờ đại-quốc.

Vậy nay chiếu thị nên tuân nhớ.

Lời Chiếu dụ cho Thế-Tử nước An-nam Trần-Nhật-Khoáng, tháng 8 năm Thái-Định nguyên niên (1324)

Nhà nước ta chịu lấy mạng Trời, vỗ yên muôn nước, nhân đức khắp mọi nơi, không phân biệt trung-hạ (Trung-Quốc) với các nước Man-Di. Gần đây Tiên-Đế thăng-hà, ta là đích-tôn của Dũ-Vương được các tôn, thích, đại-thần suy tôn, bèn từ nơi sáng-nghiệp của Thái-Tổ Hoàng-Đế vào phụng thiên-mạng, lên ngôi báu vào ngày 4 tháng 9 năm Chí-Trị thứ ba, nhân lấy năm Giáp-Tý cải làm Thái-Định nguyên-niên. Nay khiến quan Á-Trung đại-phu Lại Bộ Thượng-Thư là Mã-Hiệp-Mưu, quan phụng-nghi đại-phu Lễ Bộ Lang-Trung là Dương-Tôn-Thụy qua dụ nước khanh và ban một quyển thời-lịch. Xét tổ-phụ của khanh, nội phụ triều cống đã lâu, vả lại nước ta đãi khanh cũng rất hậu. Mới đây kẻ thú-thần ở nước Chiêm-Thành có dâng biểu rằng: bọn biên lại của khanh phát binh xâm-lấn Chiêm-Thành, ta lấy làm sốt ruột, không hiểu khanh vì cớ gì làm như vậy, khiến ta khó mà tin được. Ta làm vua cả thiên-hạ, coi chỗ xa cũng như chỗ gần, miễn làm thế nào cho dân yên ổn, có chỗ làm ăn. Nhà ngươi phải thể theo ý ấy mà cấm ngăn chúng nó đừng cho làm loạn và lo giữ gìn dân-sự trong nước, chớ quên lòng trung thuận có đã nhiều đời đối với nước ta. Vậy nay tỏ lời chiếu, phải nên tuân theo.

¹ Tam-Ty là: Thái-sư, Thái-phó, Thái-bào.

² Huy là Nhật-Khoáng, vốn tên là Manh, thụy là Minh-Tông, con vua Anh-Tông.

Lời Chiếu năm Nguyên-Thống thứ 3 (1336)

Vâng theo mệnh trời, Hoàng-Đế ban Thánh-Chỉ như sau:

Trẫm kế-thừa Chánh-thống, làm chủ muôn phương Tiên-tổ ta nhân-ân rộng lớn, thanh-giáo thắm nhuần, thương yêu các nước như nhau, trong ngoài không hề phân biệt.

Nước An-nam đời đời trung-thành, phụng-sự bề trên, cống dâng phẩm-vật, không khi nào xao-lãng chức phận, thật đáng khen ngợi.

Nay Trẫm sai Phụng-Nghị Đại-Phu Lại-Bộ Thượng-Thư là Thiết-Trụ và Phụng-Trực-Lang Lễ-Bộ Lang-Trung là Trí-Hy-Thiện sang tuyên dụ ý. Trẫm vừa ban cho một quyển thời-lịch năm Nguyên-Thống thứ 3. Khanh nên giữ gìn chức-phận chư-hầu, tuân theo thời-tiết nông-lịch, ngô-hầu xa gần yên-ổn, không phụ lòng nhân-ái của Trẫm.

Vậy nay ban lời Chiếu-Chỉ, tri tuân.

Đại-Nguyên Chiếu-Chế

(Các Bức Thư Thuộc Các Triều Đại Trước)

Bức thư của Hán-Văn-Đế gửi cho Việt-Vương Triệu-Đà

Hoàng-Đế có lời kính hỏi vua Nam-Việt. Ta lấy làm khổ tâm nhọc ý trong lúc này. Ta là con bà thứ-nhất của Cao-Hoàng-Đế, phải gại ra ngoài làm vua chư hầu ở nước Đại, đường xá xa xuôi, ngăn trở, vả lại ta vốn thật thà ngu dại, nên xưa nay không từng viết thư. Lúc Cao-Hoàng-Đế lìa trần, con là Hiếu-Huệ Hoàng-Đế lên ngôi, nhưng do bà Cao-Hậu coi việc triều chính, không may bà lại có bệnh, bọn họ Lữ gây thành biến loạn, nhờ có khí thiêng của Tông-miếu, sức giỏi của bầy tôi, nay đã bài trừ hết bọn phiến loạn. Ta vì được vương-hầu và quan-lại rước về, nên phải lên làm vua.

Mới đây nghe Hiền-Vương gửi thư cho tướng quân Long-Lự-Hầu hỏi tìm anh em thân thuộc và xin bãi chức hai tướng-quân ở quận Trường-Sa: ta đã theo ý thư, bãi chức tướng-quân Bác-Dương-Hầu, còn anh em của Vương ở Chân-Định thì đã sai người thăm hỏi, các phần mộ của Tiên nhân cũng đã đắp sửa lại hẳn hoi.

Ngày trước nghe Vương hăng phát binh ở biên quận, cướp bóc tai hại không ngừng, quận Trường-Sa bị khốn khổ mà đất Nam-quân lại bị hại nhiều hơn nữa, nhưng nước của Vương cũng có lợi gì đâu. Trong việc dụng binh, lẽ tất nhiên là hao binh tổn tướng, làm cho người ta phải vợ goá con cô, mẹ cha quạnh quẽ, nếu có thắng trận đi nữa, thì được một mà mất mười, ta không nỡ làm vậy.

Dẫu có được đất đai của Vương, cũng không đủ thêm cho nước ta to lên, được của cải của Vương, cũng không đủ làm cho nước ta giàu thêm. Vậy nay từ ranh giới Ngũ-Lĩnh trở về Nam, giao quyền cho Vương tự trị. Tuy nhiên, Vương xưng là Hoàng-Đế, ngang hàng với ta, tức là hai vị Hoàng-đế đối-lập; không có một cỗ xe của sứ-thần để thông đường qua lại, là có ý tranh giành, tranh giành mà không kính nhường, người nhân-tử không làm như vậy. Ta muốn cùng Vương bỏ hẳn điều dữ trước, kể từ nay về sau, cứ thông sứ như cũ.

Lời Chế của Tống-Thái-Tổ phong Thống-Soái Giao-Châu là Đinh-Bộ-Lĩnh vào năm Khai-Bửu thứ tám (975)

Bộ-Lĩnh sinh tại đất Diên-Chỉ, giữ tiết làm tôi, hướng theo phương Bắc, thế-hệ cao quý, giữ gìn một cảnh thổ phương xa, có chí mẫn văn-hoá của Trung-Quốc, thường nghĩ đến việc nội-phụ. Nay Cửu-Châu đã thống nhất, Ngũ-Lĩnh cũng thanh bình, bèn do đường thủy lục, qua lại cống hiến lễ-vật. Nay ta

có lời khen ngợi đã sai con xin làm phiên thuộc, vậy phong cho cha làm quận vương, cấp tước lộc để biểu dương lòng nhân-đức khác thường, nên ghi sâu đặc ân của ta và chúc cho trường thọ.

Lời chiêu chinh phạt Giao-Chỉ trong tháng 8 Thái-Bình Hưng-Quốc thứ năm (980) của Thái-Tông nhà Tống¹

Thanh-giáo và oai linh của nước nhà vang khắp cả mọi nơi, gần đây đất Diên-Chỉ, chưa sáp nhập vào địa-đồ Trung-Quốc, chúng ở một phương, gần nơi Ngũ-Lĩnh. Từ cuối đời Đường rối loạn, chia xẻ đất đai, rồi chúng làm ra một nước tiếm nguy, ở xa thanh-giáo thành ra phong-tục như đũa mù đũa điếc. Kịp khi Phiên-Ngung đã bình-định, mới ban cho Chính-Sóc mà tuân hành, tuy đã phục tùng chịu làm phiên thuộc, nhưng cứ tu luyện binh lính, có ý quật cường. Lễ thờ phụng nước trên, lễ nào như thế? Vậy ta bắt đấng dĩ phải trị tội gian nguy để cứu dân, phải cử binh qua đánh để khai hoá xứ mọi rợ; nay cho bọn Tôn-Toàn-Hưng xuất quân qua đánh.

Lời Chế phong Lê-Hoàn vào tháng 10 năm Ung-Hy thứ ba (986)

Đấng vương-giả dựng nên pháp độ đoan chính, để bảo vệ các phiên-bang. Xây dinh quán tại Kinh Sư, để cho lễ-ngghi hội đồng được long-trọng, còn phong tước lộc cho chư hầu, để tỏ oai hùng của sự thống chế. Phương chi nước Diên-Chỉ (tức Giao-Chỉ) thường năm lo đường chức cống (dâng lễ vật, như lông chim thú, v.v...), tuy đã là một xứ hùng cường, nhưng không quên phục tùng mệnh lệnh (của Trung-Quốc) một cách cung thuận, lại xét có công lao. Nay quyền trí Giao-Châu Tam-Sứ Lưu-Hậu Lê-Hoàn tư-chất nghĩa đồng, bẩm tính trung thuận, được lòng quốc dân, kính cẩn giữ lễ phiên thần. Trước đây, Đinh-Triền (con Đinh-Bộ-Lĩnh) đương còn thơ-ấu và khờ dại, không biết trị dân, nên Lê-Hoàn lấy tư-cách thần tín cất ruột, giữ các đạo quân, hiệu lệnh tử trong tay, có ân có oai; họ Đinh tự giải quyền Tam-Sứ để tuân theo ý nguyện của mọi người. Nay Lê-Hoàn mặc dầu xa cách, vẫn tỏ lòng thành kính, xin lãnh tiết-mao. Như vậy không khác gì Sĩ-Nhiếp anh-minh, hóa dân Việt đều theo lễ-nghĩa; Triệu-Đà cung thuận, tuân mệnh Hán không dám đơn sai. Vậy nên cho Lê-Hoàn giữ chức Nguyên-Nhung, ngang hàng với các bậc Hầu-Tước, cai quản các nước rợ và tôn trọng sứ mệnh của trời.

Nay gia thêm hàm Kim-Tử Quang-Lộc đại-phu Kiểm-hiệu Thái-Uý-Sứ, trị tiết đô đốc chư quân-sự.

Lời Chiếu-dụ cho Giao-Chỉ vào tháng chạp năm Hy-Ninh thứ tám của Tống-Thần-Tông² (1075)

Xét lại nước An-nam đời đời hưởng vương-tước, các triều trước đôi đãi khoan hậu, khi nào cũng bao dung tha thứ, mãi đến ngày nay; nay lại xâm phạm thành ấp, sát hại quân dân, đã phạm pháp-kỷ thì không thể gì tha thứ được. Vâng mệnh trời mà chinh phạt, tức là có danh nghĩa. Vậy đã sai Triệu-Tiết sung làm chức An-nam đạo hành dinh, Mã-Bộ-Quân Đô-Tổng-Quản Kinh-Lược Chiêu-Thảo-Sứ, Lý-Hiến sung làm chức Phó-Sứ, Yên-Đạt sung làm chức Mã-Bộ Phó-Sứ Đô-Tổng-Quản; thuận theo thời lệnh mà dấy binh do đường thủy và đường bộ tiến quân. Ý trời tỏ ra giúp thuận, hiện ra những điềm chỉ vẽ rõ ràng: người nào biết hối hận, đều giữ khí khái đối địch quân thù. Nhưng nơi nào quân vua sẽ tới không tổn hại đến thường dân và tàn sát kẻ bại trận. Hỡi nhân dân đã lâu ngày sống trong cảnh lầm than, nếu

¹ Lúc này là lúc Lê-Hoàn cướp ngôi nhà Đinh.

² Lúc đó là niên-hiệu Càn-Đức nhà Lý (tức Lý-Nhân-Tông), nước An-nam qua xâm phạm biên giới Trung-Quốc.

biết khuyên dụ chủ mình nội-phụ, suất chúng qui phục, bắt giặc hiến cống, đem mình hiệu thuận, thì sẽ được thưởng tứ tước lộc, vinh-hiến bội phần, những tội lỗi trước đây đều được ân-xá, Càn-Đức đương còn ấu trĩ, chính lệnh không do ý mà ra, khi nào lai triều cũng sẽ được tiếp đãi trọng hậu như trước. Lời ta không sai, chớ có nghe lầm. Gần đây, ta nghe nhân-dân bị bóc lột cực khổ, ta đã căn dặn sứ-thần truyền đạt ân chiếu của ta, sự tàn bạo và thuế nặng đều được tẩy trừ. Mong rằng một nước chư-hầu của ta được yên-vui luôn luôn.

Lời Ân-Chế của Tống-Thần-Tông phong cho Lý-Nhật-Tông (tức Lý-Thánh-Tông) (1054-1072)

Ta cả đương mệnh lớn, đứng theo bậc trên, phụng sự giao xã và cung miếu, hưởng được phúc lộc của ba vị thần¹; thi hành ân-đức ở trong phương hạ (Trung-Hoa), thân thiện với bốn cõi ngoài. Nay truyền các chức sở-quan làm sắc mạng phong nước chư hầu (nước An-nam).

Nay Suy-thành bảo-tiết, Đồng-đức thủ-chính, Thuận-hóa-dực-đái-công-thần Tịnh-hải-quân tiết-độ quan-sát xử-trí đẳng sứ, đồng Trung-thư-Môn-hạ Bình-chương-sư là Lý-Nhật-Tôn sẵn lòng đức thiện, giữ dạ trung cần, định quốc ở Nam-bang, có công trấn-ngự, bảo vệ cho Trung-quốc, khỏi hoạ binh đao, xứng đánh ban cho lá cờ Đại-tướng và phong tước chân-vương để giữ chức vị mà lo việc cống hiến. Phước lớn vững bền ăn lộc mới, tiếng khen lừng lẫy tới thêm văn, ban thêm đất để biểu dương công lao rực rỡ.

Than ôi! người mà giúp sức, nhờ khí thiêng che chở của tiên linh, nước hưởng lâu đời, cần tính tốt giữ gìn theo phận sự. Vậy cho mệnh mới, giữ lấy nước xưa.

Lời Sắc-thư của Ninh-Tông (nhà Tống) ban cho Lý-Long-Hàn quyền lịch² năm Khai-Hy thứ hai (1206)

Sắc cho An-nam quốc-vương Lý-Long-Hàn, nay phụng-lich mới ra, để chuẩn-định ngày tháng cho dân-sự, đất Long-Biên tuy xa cách, nhưng biết giữ pháp-độ của chư-hầu. Lại có công lao trấn giữ phiên-thuộc. Sự ban hành nhật-lich, là một cuộc lễ rất trang-nghiêm. Ta đã rộng suy nèn thanh giáo qua nam, khanh cũng nên lấy lòng trung thành châu về bắc, đốc sắt nước duyên-hải của khanh, vâng theo đức ý của ta.

Lời Chế chỉ của Tống-Lý-Tông phong Trần-Quang-Cảnh nước An-nam

Nhà Châu kiến lập các nước chư-hầu, phân chia sông núi; nhà Hán phong vương cho các công-thần họ khác và con cháu của họ. Sự-tích ấy đáng được khen ngợi, vậy gia truyền rất cung thuận, đời đời kế thừa phiên-thuộc, bao quản cảnh-thổ và được hưởng ân-huệ của triều-đình. Xét họ Trần tại An-nam, anh-minh cương-ng nghị tính lại trung-thuần, vì nước vì nhà, trước sau đều lo yên dân và hoà chúng, cha truyền con nối, người lo đắp móng kẻ lo dựng nhà, đã hay vâng lệnh tông đường (cha), lại kính cần phụng sự đại-quốc, gặp được nước trên che chở, hâm mộ nèn văn-hoá qua mấy lần thông-ngôn mà tới châu, quên bao đường xa cách mà đến cống hiến, vậy ta phải ban lộc và khen ngợi, long trọng tước vì

¹ Ba vị thần là: trời đất, qui-thần, ông bà, tức là: thiên địa, tông miếu và xã-tắc.

² Lý-Long-Hàn tức Lý-Cao-Tông (1176-1210).

được vinh-hiến ở trên năm bậc¹, thăng trật cao quý bằng hàng Tam-công, cờ tiết mao dựng ở bản quốc, trưng bày đủ đồ binh-khí, công trạng đứng lên bậc nhất, mũ cao gươm dài, oai hùng rạng vẻ. Nay cho cứ làm vua như cũ và tăng thêm bổng lộc, nên bền lòng trấn-ngự đất đai, báo đáp ân-đức của quân thân. Hay-thay! Các ngôi sao châu về phương Bắc, dấu thiên-văn bày vẽ sáng ngời; trăm ngã sông đều chảy về đông, sóng kinh ngạc để đầu ngăn trở. Nên kính vâng sự hậu đãi mà ghi nhớ đặc ân của ta. Vậy trao chức Tịnh-Hải-quân Tiết-độ quan-sát xử-trí đẳng sứ, đặc-tiến Kiểm-hiệu thái-úy, kiêm ngự-sứ đại-phu Thượng-trụ-quốc An-nam quốc-vương, ăn lộc 3000 hộ², thực-phong 1000 hộ, lại đặc tứ danh xưng Hiệu-Trung Thuận-Hoá công-thần cùng cho áo gấm đai vàng đầy đủ, tiếp được tờ chế-chỉ này thì phụng nhận.

Lời Chiếu của vua Tống-Độ-Tông ban cho Trần-Quang-Bình, vua nước An-nam

Ta hưởng thụ các nước chư-hầu, gia ân bảo-bộ đất Nam-phục (tức là nước An-nam), đối với các nước duyên-hải, đều lấy lòng nhân mà đối-đãi với người đồng loại; mà các xứ thường triều-cống, không khi nào bỏ nghĩa thờ phụng, như bốn-phận đi cống hiến và dùng lễ-độ trong văn-tử. Trải từ mười năm tới nay, thường qua lại không sợ nổi khó khăn, vượt biển mấy trùng, thật là lòng trung thuận rất đáng khen ngợi. Từ xưa mến thương bề trên thì phải cầu xin lễ nghĩa, đạo làm cha vẫn nghiêm, con lúc nào cũng bảm mạng, vua ngồi trước, tôi ở sau, ấy là định-lệ thông thường, những trật tự do trời qui định, ai dám thay đổi? Xưa Hán-Văn-Đế phủ-uy Triệu-Đà, không đợi sự thịnh-cầu; đức Nghệ-Tổ ta (Tống-Thái-Tổ) đối đãi Tiên-Thục (vua nước Ngô-Việt), không dụng ý gì cưỡng bách, phương chi ra ân đặc biệt đãi người phiên-thuộc. Mới đây trưng cầu ý-kiến của quần-thần, cho là nên theo chế độ cũ gia tặng, chứ không phải ý riêng của ta, mới đặt ra việc này, nay theo qui chế tặng cho phẩm trật và ban thêm tiền của để tỏ rõ lòng thương yêu của ta đối với các nước xa gần. Tỏ ý lấy hiếu làm trung, Khanh nên cố gắng để thừa hưởng ân huệ.

Nay ban cho Khanh 100 lượng bạc, 100 cây lục màu tơ mịn, khi nào gởi tới, nên nhận lãnh mà dùng.

Nay chiếu thị.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Nhị Chung

¹ Năm bậc: công, hầu, bá, tử, nam, trên năm bậc ấy tức là vương.

² 3.000 hộ: Lấy thuế trong 3.000 nhà mà phụng dưỡng một ông vua.

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Tam

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Đại-Nguyên Phụng Sứ

Năm Đinh-Tỵ (1257) nước An-nam bắt đầu vào thần-phụ. Thế-Tổ Cao-Hoàng của Thiên-triều (tức nhà Nguyên) lên làm vua, lấy năm Canh-thân làm năm đầu hiệu Trung-Thống (1260), vua An-nam là Trần-Nhật-Cảnh sai sứ dâng biểu chúc hạ và cống các phẩm-vật.

Qua năm sau, vua Thế-Tổ hạ chiếu phong Trần-Quang-Bính làm An-nam quốc-vương, nhân khiến Lê-Bộ Lang-Trung Mạnh-Giáp, Lê Bộ viên-ngoại-lang Lý-Văn-Tuấn sung làm chức An-nam tuyên-dụ-sứ.

Năm Trung-Thống thứ 3 (1262), sai Nạp-Lạt-Đình làm chức Đạ-Lỗ-Hoa-Xích tại nước An-nam.

Năm Chí-Nguyên thứ 2 (1265), khiến Thị-Lang Ninh-Đoan-Phủ, Lang-Trung Trương-Lập-Đạo phụng sứ sang An-nam để tuyên đạ dụ chỉ.

Năm Chí-Nguyên thứ 5 (1268), khiến Hốt-Long-Hải-Nha sang sứ An-nam.

Năm Chí-Nguyên thứ 7 (1270), sai Giã-thiệt-Nạp làm chức Đạ-Lỗ-Hoa-Xích tại nước An-nam, sau ông ấy chết tại nước ấy.

Năm Chí-Nguyên thứ 12 (1275), sai Thượng-thư-Lệnh Triệt-Nhĩ-Hải-Nhã và Thị-Lang Lý-khắc-Trung sang mời vua An-nam qua châu, nhưng vua An-nam viện cớ ốm lâu ngày, không đến châu, qua mấy năm thì mất.

Năm Chí-Nguyên thứ 15 (1278), khiến Sài-Thung ở Vân-Nam giữ chức Lê-Bộ Thượng-thư, dẫn sứ thần An-nam là Lê-Khắc-Phục về nước, và dụ Thế-Tử lấy cớ đang cư ta, nên chỉ sai bồi-thần là bọn Trịnh-Đình-Toản và Đỗ-Quốc-Kế vào cống.

Năm Chí-Nguyên thứ 16 (1279), giữ sứ-thần An-nam là Trịnh-Đình-Toản ở lại, rồi sai Sài-Thung dẫn sứ-thần Đỗ-Quốc-Kế về nước và dụ vua phải vào châu; Thế-Tử lấy cớ đau mà từ khước, Sài-Thung lấy lễ trách, Thế-Tử sợ, bèn khiến chú họ là Trần-Di-Ái thay mặt tới châu; Hoàng-thượng lấy cớ Thế-Tử có bệnh, bèn phong Di-Ái làm An-nam quốc-vương.

Năm Chí-Nguyên thứ 18 (1281), thăng chức cho Sài-Thung làm An-nam Tuyên-Uý Đô-Nguyên-Soái, để Lý-Chấn làm Phó, đem quân hộ-tống Di-Ái về nước, lại khiến Bất-Nhãn-Thiếp-Mộc-Nhĩ làm chức Đạ-Lỗ-Hoa-Xích cùng sang An-nam, nhưng tới biên-giới Vĩnh-Bình (giáp An-nam), thì người An-nam không tiếp nhận, Di-Ái sợ, nửa đêm trốn về, rồi Thế-Tử khiến bồi-thần đón tiếp Sài-Thung vào nước để truyền lời dụ chỉ.

Năm Chí-Nguyên thứ 20 (1283), vì Thế-Tử (vua nhà Trần) được mời nhiều lần mà không tới châu, Hoàng-Thượng chưa nỡ cử binh qua đánh, sai các quan Hành-Tĩnh Trung-Thơ ở Kinh-Châu, Hồ-Nam và Chiêm-Thành hiểu dụ An-nam, cho mượn đường và giúp Hữu-Thừa Toa-Đô, để đi đánh Chiêm-Thành; một mặt sai quan Đạ-Lỗ-Hoa-Xích tại Ngạc-Châu-Lộ là Triệu-Chữ qua dụ Thế-Tử, Thế-Tử không nghe. Năm sau Trần-Nam-Vương (Thoát-Hoan) đem đại binh tới biên-giới An-nam, Thế-Tử không ra đón rước, lại suất quân đánh cự, nhưng bị thua.

Năm Chí-Nguyên thứ 26 (1289), sai Sơn-Bắc-Liêu-Đông-Đạo Đê-Hình Án-Sát-Sứ, Lưu-Đình-Trực, Lễ-Bộ Thị-Lang Lý-Tư-Điển, Binh Bộ Thị-Lang Vạn-Nô dẫn sứ-thần An-nam bọn Nguyễn-Nghĩa-Toàn về nước để tuyên lời dụ chỉ.

Năm Chí-Nguyên thứ 28 (1291), sai Lễ-Bộ Thượng-thư Trương-Lập-Đạo, Binh-bộ Lang-Trung Bất-Nhẫn Thiếp-Mộc-Nhĩ dẫn sứ-thần An-nam bọn Nghiêm-Trọng-Duy về nước dụ Thế-Tử Trần-Nhật-Tồn phải sang châu, Thế-Tử lấy cố đương tang bổ, sai quan lệnh-công Nguyễn-Đại-Phạp đến cống hiến.

Phụ: Trương Thượng-Thư Hành Lược

(Chép Cuộc Đi Sứ Của Trương-Lập-Đạo Sang An-Nam)

Tháng chạp năm Tân-Mão, Chí-Nguyên thứ 28 (1291), bắt đầu lên đường từ Kinh-đô, trải qua các tỉnh Hồ, Quảng và các khe động, hơn tám ngàn dặm mới tới biên-giới An-nam, vượt biển trèo non, nói không kể xiết. Đến ngày 18 tháng 3 năm sau, mới tới đất Khâu-Ôn (địa-đầu An-nam), bên nước Nam sai kẻ tư-thần đài đệ rượu và đồ ăn nghinh tiếp, qua sông Lư-Giang tới sứ-quán.

Sáng ngày mai Thế-Tử tới nhà sứ-quán, trước hết đến trước chiếu-thư chiêm-ngưỡng, rồi mới chấp tay chào. Thế-Tử hỏi thăm Thánh-thế, bọn Lập-Đạo trả lời rằng: "Thánh-cung vạn phước". Kế đó, Thế-Tử hỏi thăm các quan đại-thần, Lập-Đạo trả lời rằng: "Quan Tể-tướng bình yên", Thế-Tử hỏi Thiên-sứ đi có mệt nhọc không; Lập-Đạo đáp: "Thiên-tử không cho rằng nước An-nam là nơi xa cách, thì sứ-thần ngại gì xông pha". Khi nói chuyện xong, có quan Hàn-lâm là Đinh-Cung-Viên và Ngự-sử đại-phu là Đỗ-Quốc-Kế nói rằng: "theo lệ định năm trước, hễ làm vua thì trở mặt về hướng nam, kẻ sứ thần trở mặt về hướng tây, trông nhau mà ngò. Vậy xin mời quý Thiên-sứ an tọa".

Lập-Đạo nói: "chức khanh tướng ở nước lớn cùng các vua tiểu-quốc ngang hàng, há có lễ "nam-diện", (tức vua ngồi hướng về nam), bây giờ thì đổi lại mà ngồi trở mặt qua hướng đông hướng tây chẳng được ư?". Cung-Viên nói: "Vương-nhân tuy là nhỏ, nhưng phẩm-trật ở trên chư-hầu". Lập-Đạo đáp rằng: "cái thuyết Vương-nhân, chính vì chúng tôi mà nói như vậy". Rút cuộc, bèn trở mặt về hướng đông và hướng tây cùng ngồi nói chuyện.

Thế-Tử nói: "Tiên-nhơn của tôi khi gần phút cuối cùng, có lời di-chức rằng: phải kính-phục Thiên triều và thường năm đi cống-hiến, chớ để thiếu sót. Luôn từ mấy năm nay, không thấy thiên-sứ qua, cho nên tôi lại sai sứ-thần đưa phẩm-vật sang dâng, chưa hiểu tôn-ý của thượng-quốc xét ra thế nào? Những sản-phẩm của tiểu-quốc không có gì lạ, nhưng làm hết lòng thành mà thôi, nay được tiếp thiên-sứ tới, thật là vui mừng không xiết". Thế-Tử lại nói rằng: "Sứ-thần của bản-quốc đi châu về có thuật chuyện lại: đức Thánh-Thượng tuổi tác đã cao mà vẻ rỗng trẻ mạnh, tôi nghe nói rất mừng, không biết có thật không?".

Lập-Đạo đáp: "Đức Thiên-Tử bộ râu rồng trắng xoá mà dáng mặt như người thanh-niên". Thế-Tử nói: "Vậy thì thiên hạ đều có phúc, nước tôi cũng có phúc", rồi để tay trên trán nói rằng: "liền mấy năm nay, bên thượng-quốc không thấy sai sứ qua nước tôi, bởi vì cơ gì?". Lập-Đạo nói: "Thiên-Tử vì cơ cho người mời luôn mà vua An-nam không vào châu, nên không sai sứ sang, tiếp được tờ tấu nói thiên phụ đã qua đời, theo thánh ý của Thiên-tử cho là tội của vua trước đáng phạt, không liên-hệ đến người kế thừa, nên có cuộc sang sứ của chúng tôi vậy". Thế-Tử nói: "Thiên-Tử ưa cho người sống và không ưa sát hại, là một sự may mắn lớn lao cho tiểu-quốc", liền hô: "Hoàng-đế muôn năm". Lập-Đạo nói: "Đức Thiên-Tử trùm cả bốn biển, lòng nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn, nỡ lòng nào đưa quân lính tới chém giết. Chỉ vì trước kia luôn luôn giáng về lễ, mà quốc vương trước không hề khi nào nghe lệnh, thành thử sanh ra hiểm khích, khiến cho dân điêu-tàn, nước tan vỡ, là tự mình tạo lấy vậy; chứ triều đình thượng-quốc không tham chiếm đất đai của khanh, chính là do cái tội không chịu nhập triều mà tạo ra vậy. Thế-Tử nói: "Năm vừa qua, đại quân qua đây, đốt phá nhà cửa, đào cả mồ mà ông cha nhà tôi, khiến cho hài cốt linh lạc"; câu chuyện ấy nói chưa dứt lời, thì các bề tôi đứng châu, đều khóc oà lên.

Lập-Đạo nói: "Năm xưa Thiên-Tử sai Giả-Thiếp-Mộc-Nhĩ, vua Vân-Nam, đánh nước Diển-Điện, có lời dụ bảo không được đốt nhà cửa, cung điện, không được đào mồ, v.v... vua Vân-Nam kính y như lời dụ chỉ; đến khi đại quân tới nước thì vua Diển-Điện trốn mất, vua Vân-Nam không hề chém giết ai, nhà

cửa chùa chiến, cung thất vẫn để nguyên, vua Diến cảm phục, đầu hàng rồi sai người con trai đúng kỳ hạn vào châu và cống hiến. Còn như Trần-Nam-Vương xuất quân đánh nước An-nam, Thiên-Tử cũng ra lời chỉ dụ như khi đánh nước Diến-Điện, nếu không, thì cung thất này đâu còn nữa".

Khi đang nói câu chuyện thì cận-thần là Đinh-Cũng-Viễn đỡ lời rằng: "Thiên-Tử đã có ý tốt như thế, thì trước kia, không động đến đồ binh-khí chẳng là càng tốt hơn ư?". Lập-Đạo nạt rằng: "Kẻ tạo nên mối họa cho nước An-nam, chưa chắc không do bọn người, đạo trời cao rộng, người làm gì mà biết được?". Rồi bọn Lập-Đạo phất tay áo đứng dậy, Đinh-Cũng-Viễn bèn xin lỗi.

Thế-Tử khi tới chỗ sứ-quán, tự nói rằng, đương để tang vua cha, chỉ mặc áo vải đen, ăn đồ dưa rau, thọ-giới năm năm, nay mới được hai năm 24 ngày. Thế-Tử đi xe loan giá, các bề tôi thì mặc triều phục đi chân, tới sứ-quán đón rước tờ chiếu của Thiên-Tử, từ buổi trưa rước vào thánh cung Thành-hoàng, qua cầu Ngoạn-nguyệt, và lầu Trường-Minh, đến cửa Chánh-Dương, Lập-Đạo xuống ngựa nâng tờ chiếu vào cửa Minh-Dương, các quan đi theo vào cửa Vân-Hội, các quan liêu-thuộc An-nam thì vào cửa Nhật-Tân, đến trước các Minh-Hà, đường đi đều trải nệm và đặt lò xông trầm hương, Thế-Tử cùng chú là tiếm Thái-Sư, Chiêu-Minh-Vương, em là Thái-Uý Tả-Thiên-Vương; Thiếu-Bảo, Ngự-sử, đại-phu và các quan Hàn-Lâm tám người, đều lên điện Thọ-Quang, trước ngai rồng có đặt hương án, Thế-Tử làm lễ lạy tờ chiếu; lễ xong thì tự tuyên đọc lấy. Thế-Tử nói rằng: "Kính xem tờ chiếu-thư của Thiên-Tử, mừng rỡ khôn xiết", rồi hô lên rằng: "Hoàng-đế vạn tuế". Sau đó ra các Triều-Thiên, xuống điện Tập-Hiến thiết tiệc, theo hướng đông tây đối diện mà ngồi, chỉ Tiếm-Thái-Sư ngồi dưới đất bên vua, còn bọn Thái-Uý, Thiếu-Bảo đều đứng châu trên điện, các quan-liêu đều đứng dưới điện, nếu không có lệnh, thì không được lên; đại nhạc đánh thổi ở dưới điện, còn tiểu nhạc thổi trên điện. Đủ các thức rượu, đồ trái quý lạ và các món ăn rất quý như cá thịt cùng các hải-vị dọn đến tám bàn. Thịnh-thoảng, mời ăn cau trầu tèm với vôi hầu¹. Vua An-nam tiếp chuyện vui vẻ luôn luôn và làm thơ để tặng Thiên-Sứ. Lập-Đạo tức thì làm thơ để đáp lại. Tiệc gần xong, mời Lập-Đạo vào trong trường, đều ngồi trên đất.

Thế-Tử nói: "Nước tôi qui phụ Thiên-triều đã ba mươi năm, lòng thờ nước trên, không khi nào quên lãng, thường năm dâng lễ vật, không hề bỏ thiếu, kể từ đời ông đời cha cho đến ngày nay, trước sau đi một con đường. Nhiều lần có Chiếu gọi vào triều, chỉ vì cơ đau yếu, không đi châu được, đến đổi Thánh-thượng nổi giận, cử binh qua đánh, dân sự bị chém giết, lãng mộ bị đào lên, đền chùa bị thiêu huỷ, cây cối bị chặt phá tan tành, nói không kể xiết. Nước tôi không tội lỗi gì mà gặp tai họa to tát. Cứ theo lời chiếu của Thiên-Tử, chuyển nào cũng kể tội giết hại quốc-thúc (tức chỉ Trần-Di-Ái), đuổi Thiên-Sứ, chống cự với Vương-sư, đến nay vẫn chưa được tha tội. Xét lại, quốc-thúc, nhân đời tiên-vương sai đi vào Trung Quốc, châu Thiên-tử và thay mặt tiên-vương tôi để tấu đối mọi việc. Lúc bấy giờ, Thiên-Tử phong cho Quốc-thúc làm vua An-nam. Quốc-thúc tự mình lấy làm sợ rồi không biết đi vào đâu, chứ không phải nước tôi dám giết. Chú tôi tự trốn đi miền Hải-Nam, rồi các tôn-tộc giữ binh-quyền và chống cự với quân Thiên-triều, thật ra thì quốc-vương không biết gì đến. Duy có một việc không đi châu, cũng chẳng có cơ gì khác, thật chỉ vì ham sống sợ chết, thấy đường sá xa xuôi hiểm trở, khí núi rất độc, đi ngoài muôn dặm mà bất phục thủy thổ, nếu chết ở giữa đường, thì có ích gì cho Thượng-quốc không? Gần đây, chúng tôi thường sai người đi triều-cống, giữ lòng trung-thành để thờ vua trên, như vậy có tổn hại chi đến Thượng-quốc không? Chẳng qua mỗi tình cảm bề dưới của chúng tôi vẫn không được chuyển đạt lên Thiên-Tử. Hôm nay, Thiên-Sứ đã qua đến đây, thật là một cơ-hội may mắn cho nước tôi được tố oan, trông mong Thiên-Sứ, lúc về bệ kiến tâu rõ với Thiên-Tử. Chúng tôi nghĩ rằng ở dưới trời, chỗ nào cũng đất của vua, ở trên bờ đất, ai ai cũng phục tùng nhà vua. Nước An-nam đã làm nhân-dân của Thiên-Tử, không có chí hướng gì khác nữa, đức Thiên-Tử lấy bốn bề làm một nhà, tuy nước tôi không tới châu, nhưng ở trong cảnh-thổ, thì cũng là một hạ-thần của xã-tắc vậy. Dám nói rằng chỉ trời đất biết rõ tâm-sự của tôi.

Bọn Lập-Đạo đáp rằng: "Ngày chúng tôi từ giã sân vua qua đây, Thừa-tướng đại-thần có bảo rằng: "Các sứ-thần trước không biết tuyên-dương thánh-ý của Thiên-Tử, khiến cho tiểu-quốc sinh ra nghi ngờ, nay các ông chớ học lối các sứ-thần trước"; chúng tôi qua đây được gặp Thế-Tử nói chuyện, nhưng

¹ Khí lam chướng rất độc, nhân-dân xứ Lĩnh-Nam tìm phương thuốc có ba vị: vôi hầu là vỏ con hầu dưới biển nấu thành vôi, quét vào lá trầu rồi nhập với miếng cau mà ăn thì trừ hết khí độc, khỏi sốt rét; khi nào có khách tới nhà thì đãi ăn cau trầu. Nếu người chủ nhà hậu tình hơn nữa thì rót rượu cay, mời thuốc hút, đều là những vị trừ khí độc và gió độc.

nói cũng không hết lời, nên làm một bức thư giảng-nghị, phô bày cho cùng lý". [Thư ấy chép ở đoạn sau]

Năm Chí-Nguyên thứ 30 (1293), khiến Binh-Bộ Thượng-thư Lương-Tăng; Thị-Lang Trần-Phu, đem sứ-thần của An-nam là Nguyễn-Đại-Phạp về nước dụ Thế-Tử vào châu, Thế-Tử không nghe, bèn dẫn binh qua đánh.

Tháng giêng năm Chí-Nguyên thứ 31 (1294), vua Thế-Tổ băng; Thành-Tông Hoàng-đế nối ngôi, ra lời chiếu chỉ bãi binh, khiến Lễ-Bộ Thị-Lang Lý-Hàn, Binh-Bộ Thị-Lang Tiểu-Thái-Đăng sang sứ An-nam ban lời chiếu tha tội Thế-Tử và thả sứ-thần An-nam là Đào-Tử-Kỳ về nước.

Phụ: Tiêu-Phương-Nhai Sứ Giao Lục Tự

(Bài Tựa Của Tiêu-Phương-Nhai Đi Sứ Giao-Châu)¹

Lúc đức Hoàng-đế (tức Nguyên-Thành-Tông) lên ngôi, vào tháng mạnh-hạ (tức là tháng 4) năm Giáp-Ngo, Chí-Nguyên (1294), cảnh trời đất phát huy, nhân-vật vui mừng yên nghiệp, ngọn gió êm dịu, hạt mưa ngọt ngào, khắp cả các xứ xa gần. Đầu tiên bỏ sự chinh-chiến miền Nam, lựa chọn sứ-thần qua dụ, sai Lễ-Bộ Thị-Lang là Lý-Hàn qua An-nam, mà tôi là Thái-Đăng cùng đi một lần. Đẹp vớ, dùng văn, việc rạn rở của nhà Đường và nhà Ngu, không những mình trông thấy mà lại còn đương lấy. Ở Trung-Hoa đi ra nơi nguyên-thấp (đất đại ẩm thấp), trải qua con đường muôn dặm ruối giông, thư-sinh không thể làm tướng, thì làm sứ, đó là chí-hướng và vinh-dự của người xưa, tôi là phận nhỏ mọn mà làm phần sứ-vụ, khi được sứ-mệnh lên đường ngày đêm gìn giữ phận sự, trong lúc đi đường thấy cái gì, nghe điều gì, thì ghi chép hết, không ngờ thành được tập sách, về khắc bản ấn hành để phổ biến truyện ấy.

Có người khách chê cười rằng, đây là bản nhật-ký của anh đi sứ Giao-Chi, khắc bản ấn hành cho công chúng xem, không khỏi bị người ta chê cười là cầu danh. Nói như thế chỉ tỏ cái tiết liêm khiết ngăn ngui cái tính cẩn-thận nhỏ mọn, mà làm mất điều hay của triều-đại thái-bình, ấy là sự xấu hổ lớn lao của kẻ thần-tử, tôi đâu dám theo chỗ tiểu-tiết mà cam chịu điều sỉ lớn như vậy.

Xét từ đời Tam-Đại (Hạ, Thượng, Chu) trở xuống, sự thịnh trị của Trung-Quốc không triều đại nào hơn nhà Hán và nhà Đường. Thế mà Triệu-Đà chỉ là một chức quan cũ của nhà Tần, tiếm hiệu xưng Hoàng-đế, lại cử binh đánh quận Trường-Sa, mà vua Hán-Văn-Đế phải hạ lời mình đưa thư sang. Nước Cao-Ly là một nước được phong làm chư-hầu, quật cường ở phương-đông, không chịu theo chính-sóc, mà vua Đường Thái-Tông thân chinh, cũng không được. Bấy giờ trời mở vận-hội oai-hùng cho triều-đình kế tiếp, Thế-Tổ Hoàng-đế là thánh quân, san bằng hết các tay hùng cứ, sáp nhập các khu-vực làm một, khắp trong trời đất, không sót một người nào không phải qui thuận. Đức Hoàng-đế đương kim lên chính-vị, đại-xá thiên-hạ, chỉ dùng tờ chiếu chỉ khổ giấy thước hai, sai đình-thần hai người đi sứ nơi tuyết-vực, phàm những chỗ núi sông hiểm trở là có vẻ oai trời chói sáng đến nơi, kịp đến khi sứ thần đến bờ cõi, thì các vị trọng-thân ra nghinh-tiếp; khi tới đô-thị thì có các vị tôn-tộc đi theo châu hầu, khi tới sứ-quán, thì có quốc-chủ thân-hành tới hỏi thăm, cuộc nghinh tiếp long trọng, thấy người tá chạy qua chạy lại, mặt nhọc đổ mồ hôi, nín thở mà nghe lời chiếu chỉ, cúi đầu lạy mừng, hình như tới tận sân châu triều-đình. Dâng tờ biểu chúc mừng và xưng thần cống phẩm-vật, không dám để trễ thì giờ; sự long thịnh của Trung-Quốc, chưa có đời vua nào bằng được như thế. Nếu không biên chép mà truyền lại lâu xa, thì lấy gì mà bày tỏ đức hóa của Thánh-Triều.

Bản biên-lục này, kể từ Kinh-đô đến nước An-nam, phàm những châu, quận, núi, sông, nhân-vật, lễ-nhạc, các hạng người cũ, cùng người ẩn-dật, chính sự gì hay, phong tục gì khác, cây lạ, hoa hiếm, tình người, phép cai trị, các phương thuốc chữa lành bệnh, theo thứ tự hàng ngày ghi biên rõ ràng làm thành một tập. Kính lục lời chiếu, chép trên đầu quyển, rồi chép tờ biểu đáp lại của Thế-Tử dâng lên và cống phẩm-vật; sau biên cả các bài thư tống hành của các bậc lão-thần trong triều, còn những bài thư ngâm vịnh trong tiệc, cũng được chép vào cuối tập, ngõ hầu đời sau được biết sự thịnh-vượng của

¹ Tiêu-Phương-Nhai tức Tiêu-Thái-Đăng.

thánh-triều cai-trị muôn nước, và người đi sứ cùng kẻ làm quan ở nơi xa cũng có đủ sự-tích mà khảo xét, chứ không phải là sự vinh-dự riêng của Thái-Đặng cá-nhân mà thôi.

Xưa ông Thái-Sử-Công (tức Tư-Mã-Thiên), đi khắp trong thiên-hạ, phương Nam đi cả sông Giang, sông Hoài; phương Bắc, đi tới quận Trác-Lộc. Nay Thái-Đặng, phương Bắc đi từ Khai-Bình, Nam tới Giao-Chỉ, cuộc du-lịch này thật là kỳ-tuyệt, đủ làm một pho kỷ-thuật hay nhất trong đời.

Năm Đại-Đức thứ 5 (1301), vua Thành-Tông nhà Nguyên sai Thượng-thư Mã-Hạp-Ma, Lễ-Bộ Thị-Lang Kiều-Tông-Khoan mang chiếu qua dụ vua An-nam, nên theo kỳ hạn 3 năm qua triều cống một lần; kịp khi vua An-nam tự sai sứ đến triều-cống thì triều-đình không sai sứ nữa, nhưng vẫn cho dẫn sứ-thần An-nam là bọn Đặng-Nhữ-Lâm trở về nước.

Năm Chí-Đại nguyên-niên (1308), vua Vũ-Tông nhà Nguyên sai Lễ-Bộ Thượng-thư An-Lỗ-Oai, Lại-Bộ Thị-Lang Lý-Kinh, Binh-Bộ Thị-Lang Cao-Phục-Lễ sang sứ An-nam để tuyên lời chiếu dụ tức vị của Vũ-Tông Hoàng-đế. Lúc đó, Trần-Nhật-Tồn đã mất, nên Thế-Tử Trần-Nhật-Suy sai sứ-thần qua dâng lời biểu hạ và cống lễ vật.

Năm Chí-Đại thứ 4 (1311), sai Lễ-Bộ Thượng-thư Nãi-Mã-Đại, Lại-Bộ Thị-Lang Nhiếp-Cổ-Bá, Binh-Bộ Lang-Trung Đỗ-Dữ-Khả đi sứ An-nam để tuyên lời chiếu-văn tức vị của Nhân-Tông Hoàng-đế. Qua năm đầu Hoàng-Khánh (1312) Thế-Tử Trần-Nhật-Suy sai sứ qua dâng lời biểu hạ và cống lễ vật.

Năm đầu hiệu Chí-Trị (1321), vua Anh-Tông sai Lại-Bộ Thượng-thư Giáo-Hoá, Lễ-Bộ Lang-Trung Văn-Củ qua sứ An-nam để tuyên đọc chiếu văn tức vị của Anh-Tông Hoàng-đế. Qua năm sau (1322), Thế-Tử Trần-Nhật-Khoáng sai sứ qua dâng lời biểu hạ và lễ vật.

Năm đầu hiệu Thái-Định (1324), sai Lại-Bộ Thượng-thư Mã-Hiệp-Mưu, Lễ-Bộ Lang-Trung Dương-Tông-Thụy đi sứ An-nam tuyên lời chiếu.

Năm Chí-Thuận thứ 3 (1332), vua Văn-Tông sai Lại-Bộ Thượng-thư Sát-Chỉ-Ngỏ, Lễ-Bộ Lang-Trung Triệu-Kỳ-Hy đi sứ An-nam, tuyên đọc chiếu-văn tức-vị của Văn-Tông Hoàng-đế. Qua năm sau (1333), vua An-nam là Trần-Nhật-Phụ sai sứ-thần đi cống và dâng biểu-hạ.

Năm Nguyên-Thống thứ 3 (1335), vua Thuận-đế sai sứ là Lại-Bộ Thượng-thư Thiết-Trụ, Lễ-Bộ Lang-Trung Trí-Hy-Thiện sang sứ An-nam tuyên đọc lời chiếu-văn tức vị của Kim-Thượng Hoàng-đế. Qua năm sau (1336), Trần-Nhật-Phụ sai sứ dâng biểu mừng và cống lễ-vật.

Tiền Triều Phụng Sứ (Sứ-Thần các Triều-Đại trước)

Hán-Sứ (Các Sứ-Thần nhà Hán)

Lục-giả:

Người nước Sở, do địa-vị môn-khách theo Hán-Cao-Tổ bình-định thiên-hạ. Đang thời ấy, Giả làm biên-sĩ, thường đi sứ các nước chư-hầu. Khi nhà Hán mới thống-nhất Trung-Quốc, thì Triệu-Đà hùng cứ nước Nam-Việt. Hán Cao-Tổ khiến Giả đem cho Triệu-Đà một cái ấn để làm vua nước Nam-Việt, Giả đến, Đà búi tóc, ngồi chò hồ mà tiếp. Giả nói: "túc-hạ là người Trung-Quốc, anh em, mồ mã của tiên-nhân đều ở Chân-Định, nay túc-hạ đổi tính, bỏ lễ nghĩa, tiếp khách không có lễ độ, muốn làm chủ một miếng đất Việt nho nhỏ, mà địch thế với Trung-Quốc, sánh vai với Thiên-Tử, ắt họa đến mình; Thiên-Tử nghe túc-hạ làm vua Nam-Việt, không chịu giúp Thiên-Tử, đánh dẹp kẻ bạo ngược, các tướng văn võ đều muốn đem quân qua diệt túc-hạ, nhưng Thiên-Tử nghĩ rằng nhà nước mới yên, nhân-dân mệt nhọc, nên

bỏ qua chưa làm, và sai tôi đem ấn phù qua phong túc-hạ làm vua Nam-Việt; đáng lẽ túc-hạ ra chỗ địa-đầu đón rước, trở mặt về hướng Bắc mà chịu xưng làm tôi mới phải. Nay lại lấy nước Việt mới xây dựng chưa thành, mà quật cường tại đây, nếu nhà Hán nghe được sẽ đào mã tiên-nhân của túc-hạ mà đốt hết, giết sạch tôn-tộc, rồi sai một viên tướng đem mười vạn quân qua đất Việt giết túc-hạ, bắt phải hàng nhà Hán như trở bàn tay".

Đà nghe xong, bèn nhõm dậy, ngồi lại tử-tế, mà xin lỗi rằng: "tôi ở trong xứ mọi-rợ, lâu ngày quên hết lễ-nghĩa", rồi giữ Giả ở lại vài ngày cùng uống rượu và tiễn đồ hành-lý trị giá đến ngàn vàng, rút cuộc Giả phong Đà làm Nam-Việt-Vương và bảo xưng thần, tuân hành các điều định ước của nhà Hán.

Giả về tâu lại, Cao-Tổ nhà Hán rất đẹp lòng, phong Giả làm chức Thái-Trung đại-phu. Qua đời Cao-Hậu, vì triều-đình cấm Nam-Việt mua đồ sắt của Trung-Quốc, Triệu-Đà bèn tiếm hiệu xưng đế. Hán-Văn-Đế lại sai Lục-Giả qua tỏ lời trách Đà, Đà sợ, lại xưng thần và triều cống như lời chiếu chỉ.

Trang-Trợ:

Là người ở đời Hiếu-Võ nhà Hán. Trong năm Kiến-Nguyên thứ 4 (137 trước Công-nguyên), Mân-Việt đem quân qua đánh biên-giới Nam-Việt. Nam-Việt-Vương là Hồ (cháu Triệu-Đà) dâng thư lên vua Hán rằng: "Hai xứ Việt đều là phiên-thuộc của triều-đình, không nên tự ý dấy binh, công-kích lẫn nhau, nay Đông-Việt tự ý huy binh xâm-phạm đất tôi, tôi không dám đánh lại, chỉ chờ lệnh của Thiên-Tử định-đoạt". Vua Hiếu-Võ sai bọn Vương-Khôi xuất quân qua đánh Mân-Việt, rồi trở về. Vua lại sai Trang-Trợ dụ vua Nam-Việt là Hồ. Hồ cảm ơn vua Hán, khiến con là Anh-Tế vào làm con tin.

Chung-Quân:

Tên chữ là Tử-Vân, mới 18 tuổi đã làm bác-sĩ, vua Hiếu-Võ thưởng thức văn-chương của y, cho làm chức Yết-Giả-Cấp-Sự-Trung rồi thăng cho làm quan Giám-Nghị đại-phu. Lúc đó nước Nam-Việt hoà với Trung-quốc, vua Hiếu-Võ sai sứ qua dụ Nam-Việt-Vương vào chầu, vương cáo bệnh không đi, Chung-Quân xin lãnh một dải mào dài và hứa rằng sẽ trói Nam-Việt-Vương đem về triều-đình, Vũ-Đế khiến Quân đi du-thuyết, Nam-Việt-Vương xin triều đình cho phép nội-thuộc, nhưng tướng Nam-Việt là Lự-Gia phát binh giết vua và bọn Chung-Quân. Lúc đó, Chung-Quân mới 20 tuổi, nên người đương-thời gọi là Chung-Đồng (nghĩa là đứa con nít họ Chung).

An-Quốc Thiểu-Quý:

Người Bá-Lãng, khi trước Thái-Tử Nam-Việt là Anh-Tế qua Trường-An làm con tin, lấy con gái họ Cù ở huyện Hàm-Đàn, sinh con là Hưng, kịp khi Anh-Tế nối ngôi vua Nam-Việt, bèn dâng thư xin lập Cù-Thị làm Vương-Hậu. Đến lúc Anh-Tế chết, Hưng nối ngôi, lập mẹ là Cù-Thị làm Vương-Thái-Hậu. Nhưng trước khi Cù-Thị chưa lấy Anh-Tế, đã tư-thông với Thiểu-Quý. Năm Nguyên-Đĩnh thứ 3 (114 trước Công nguyên), vua Võ-Đế sai Thiểu-Quý cùng Chung-Quân qua dụ vua nhập triều, Thiểu-Quý tới nước Việt, lại tư-thông cùng Vương-Thái-Hậu. Dân Nam-Việt không phục tùng Vương-Thái-Hậu, Thái-Hậu sợ dân nổi loạn, muốn giết Tế-tướng Lữ-Gia, Gia đánh giết Vương-Thái-Hậu và bọn Thiểu-Quý.

Hàn-Thiên-Thu:

Người thời Hiếu-Võ-Đế. Tướng Nam-Việt là Lữ-Gia làm phản, Võ-Đế sai Trang-Sâm đem 2000 người cùng đi sứ qua Nam-Việt. Sâm nói: "như lấy sự hòa hảo mà qua, thì năm bảy người đi theo cũng đủ, như dùng vũ-lực mà tới, thì số 2000 người cũng không lấy làm đủ", bèn từ chối không đi. Quốc-Tướng của Tề-Bắc hồi trước là Hàn-Thiên-Thu tâu với vua rằng: "Nước Việt là nước nhỏ, lại được Vương-Thái-Hậu nội ứng, chỉ một tên Lữ-Gia làm hại thôi, xin được hai trăm người dũng sĩ đi qua, chắc chém

được đầu Lữ-Gia đem về báo tin". Vua bèn sai bọn Thiên-Thu đem 2000 người qua nước Việt. Lúc quân Thiên-Thu vào phá được mấy ấp nhỏ và sắp tiến tới Phiên-Ngung, thì quân Việt đánh và tiêu diệt bọn Thiên-Thu. Võ-Đế nói rằng: "Tuy Thiên-Thu không lập được công gì, nhưng cũng đứng đầu xung phong", rồi phong cho người con là Diên-Niên tước Thành-An-Hầu.

Cù-Lạc:

Em bà Thái-Hậu nước Nam-Việt. Võ-Đế sai làm phó-tướng cho Hàn-Thiên-Thu đem quân qua Việt, bị Lữ-Gia đánh giết, vua phong cho người con là Quảng-Đức làm Long-Hầu.

Tấn-Sứ (Sứ-Thần đời nhà Tấn)

Thạch-Sùng:

Đời Võ-Đế nhà Tấn (265-290), làm quan Tấn-Kỵ-Thị-Trung, được sai làm Giao-Chỉ Thái-Phong-Sứ.

Tống-Sứ (Sứ-Thần đời nhà Tống)

Cao-Bảo-Tự:

Năm Khai-Bửu thứ 8 của Tống Thái-Tổ (970), Thống-Soái Giao-Chỉ là Đinh-Liễn sai sứ-thần sang cống hiến, Thái-Tổ hạ chiếu phong Liễn quan tước. Bảo-Tự đương làm chức Hồng-Lô-Khanh, thừa lệnh cùng Vương-Ngạn-Phù qua Giao-Chỉ làm chức Quan-Cáo-Sứ.

Lữ-Tập:

Năm Thái-Bình Hưng-Quốc thứ 5 (980), của Tống-Thái-Tông, Tập đương giữ chức Cung-Phụng-Quan đi sứ Giao-Chỉ.

Trương-Tông-Quyền:

Trong năm Thái-Bình Hưng-Quốc thứ 5 (980), Lê-Hoàn, người Giao-Chỉ, cướp ngôi của vua nhà Đinh, Trương-Tông-Quyền đương làm Cung-Phụng-Quan đi sứ qua Giao-Chỉ để tuyên lời dụ.

Lý-Nhược-Chuyết:

Trong năm Ung-Hy thứ 2 (985), nhân Lê-Hoàn vào cống, vua Thái-Tông cho Hoàn những đồ cờ, gươm, giáo, để làm Giao-Chỉ Quận-vương. Nhược-Chuyết là chức Chủ-Khách Lang-Trung Trực-Chiêu-Văn-Quán, cùng Lý-Giác là chức Lễ-Viện Bác-Sĩ, sung làm chức Quan-Cáo-Sứ qua nước Việt.

Ngụy-Tường:

Trong năm Đoan-Củng nguyên niên (988), phong tước cho Lê-Hoàn (989), Tường làm chức Ngụ-Bộ Viên-Ngoại-Lang cùng Lý-Độ làm chức Trục-Sử-Quán sung chức Quan-cáo-sứ đi qua Nam-Việt.

Tống-Cảo:

Trong năm Thuần-Hóa nguyên niên (990), Cảo làm Tả-Chính-Ngôn Trục-Sử-Quán là Vương Thế-Tắc sung làm Quan-Cáo-Sứ qua nước Việt.

Bài Hành-Lục của Tống-Cảo lược thuật rằng:

"Chúng tôi đi sứ về, như kể chuyện lại từng điều khoản thuộc về hình-thế núi sông và sự-tích của Lê-Hoàn để trình lên:

Cuối mùa thu năm ngoái, chúng tôi đến nơi địa-giới Giao-Chỉ thì có viên Đô-Chỉ-Huy-Sứ của Lê-Hoàn là Đinh-Thừa-Chính đem chín chiếc thuyền và ba trăm lính đến châu Thái-Bình đón tiếp, do cửa biển ra biển lớn, sóng to gió cả, vượt qua những cơn nguy-hiểm, nửa tháng mới tới sông Bạch-Đẳng, theo thủy-triều mà đi, nơi nào mà tạm nghỉ ban đêm, đều có quán trạm cả, lần đến Trường-Châu rồi đến bản-quốc. Lê-Hoàn suất hết cả binh thuyền và chiến cụ, lấy cỏ là tập trận. Từ đó, đi cả đêm, tới bờ biển chỉ cách Giao-Chỉ hơn mười dặm. Bổng chốc quân lính hộ-vệ Lê-Hoàn tới, làm lễ giao-nghinh (nghĩa là ra tiếp rước long-trọng ở ngoại-ô). Hoàn dùng ngựa nghiêng mình, hỏi thăm sức-khỏe của Hoàng-đế, xong cùng chúng tôi đi ngựa về, thỉnh-thoảng mời ăn cau trầu, đây là theo phong-tục hậu đãi của xứ ấy vậy. Trong thành, không thấy cư-dân, chỉ có trại lính, chỗ phủ-thự của Hoàn cũng thấp-thỏi hẹp hòi, trên cửa nhà có đề hai chữ: "Minh-Đức". Hoàn thọ chiếu không lạ, lấy cỏ rằng năm gần đây ra mặt trận đánh giặc bị thương nơi chân vì té ngựa. Qua hôm sau, dọn bàn đãi tiệc tương bưng, quân lính châu hầu có 3000 người đều khắc chữ "Thiên-tử quân" trên trán. Các đồ binh-khi chỉ có cung, nỏ, gươm giáo, tầm-gỗ, ... yếu ớt không dùng gì được. Bọn quan thuộc hễ ai thạo việc, thì chọn vào ở thân-cận, ai phạm chút lỗi gì, thì đánh đuổi đi, khi hết giận, thì cho khôi phục chức cũ. Chỗ Hoàn ở có một tháp bằng gỗ, hình thức vụng về quê kệch, có một hôm, mời tôi cùng lên, nhìn tôi mà hỏi: "Ở triều đình Trung-Quốc, có tháp như thế này không?". Xứ ấy không có khí lạnh, tháng chạp cũng mặc áo cánh và dùng quạt.

Vương-Thế-Tắc:

Trong năm Thuần-Hoá thứ 4 (993), Tắc đương làm Độ-Chi-Phán-Quan Quốc Tử Bác-sĩ, cùng với Điện-Trung Ngự-Thư-Viên-Chi-Hậu là Lý-Cư-Giản sung làm An-nam Quan-Cáo-Sứ.

Lý-Kiến-Trung:

Trong đầu hiệu Chí-Đạo (995), nhân quân Giao-Chỉ xâm phạm biên giới Trung-Quốc, vua Thái-Tông sai Quảng-Tây Chuyển-Vận-Sứ là Trần-Nghiêu-Tẩu đem tờ chiếu-thư ban cho Lê-Hoàn và khiến Hải-Khang-Uý là Lý-Kiến-Trung đem tờ chiếu cùng đi qua dụ Giao-Chỉ.

Chương-Tần:

Chuyển-vận sứ tỉnh Quảng-Tây. Trong năm Thiên-Thánh thứ 6 (1028), Giao-Chỉ quận-vương Lý-Công-Uẩn mất, Nhân-Tông sai Chương-Tần làm điều-tế-sứ qua Giao-Chỉ.

Lưu-Bính:

Trong niên-hiệu Cảnh-Định (1260-1264), làm quan Võ-Tiết-Lang-Đông-Nam đệ-thập nhị chánh-tướng Tịnh-hải trú-trát. Lúc ấy, vua An-nam nhà Trần khiến sứ cống hiến, nên vua Lý-Tông ban những

lễ-vật đáp lễ và hạ chiếu dụ khen ngợi, do Quảng-Tây Kinh-Lược-Sứ chuyển đạt, nhân đó khiến Bính đem tờ chiếu qua để dụ chỉ.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Tam Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Tứ

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Chính Thảo Vận Hưởng (Các khoản chuyển vận quân lương ra mặt trận)

Đời Hiến-Tông Hoàng-đế, năm Canh-Thân (1260), Thế-Tổ lên ngôi, bàn luận việc đánh giặc Vân-Nam, để Thái-Soái là Ngô-Lương-Hiệp-Giải đi kinh lược. Mùa đông năm Đinh-Tỵ (1257) khiến Thái-Soái suất quân từ đường Vân-Nam qua đến biên-giới An-nam, muốn ra châu Ung và châu Quế, họp đại binh tại châu Ngạc để đánh nhà Tống. Tháng 12, đại quân đóng tại Nổ-Nguyên, vua Trần sai quân lính cỡi voi ra nghênh-chiến. Lúc ấy có người con Thái-Soái tên là A-Truật, mới 18 tuổi, suất lính bắn giỏi ra bắn voi, voi kinh hoàng bỏ chạy, quay lại chà đạp quân lính, khiến cho quân nhà Trần tan rã. Đến sáng ngày mai, vua Trần cắt đứt cầu Phù-Lỗ, rồi thiết trận tại một bên bờ sông. Quân Nguyên muốn lội qua sông, nhưng không biết sâu cạn, mới đi dọc theo bờ sông mà bắn tên lên trời, tên rơi cắm xuống nước mà không nổi lên, biết là chỗ ấy cạn, bèn sai kỵ-binh qua sông, ngựa nhảy lên đất, đánh tan rã cánh quân An-nam, tiếp đó, đại quân giết hàng muôn người, chém tôn-tử An-nam là Phú-Lương-Hầu, vua Trần bèn chịu hàng, rồi quan-quân lui về.

Mùa xuân năm sau, vua Trần dâng tờ biểu xin làm tôi và cống hiến lễ-vật.

Năm Trung-Thống thứ 3 (1262), Thế-Tổ ra lời Chế phong cho Trần-Nhật-Cảnh làm An-nam quốc vương. Trong niên hiệu Chí-nguyên (1264-1294), mấy lần Thế-Tổ cho mời vua Trần vào châu mà vua Trần cứ thác bệnh không đi, đến năm Đinh-Sửu (1277), thì mất.

Thế-Tử Trần-Nhật-Huyến kế lập, Thế-Tổ sai sứ qua mời, lại thác cố bị đau. Đến năm Nhâm-Ngo hiệu Chí-Nguyên (1282), quan Hữu-Thừa là Toa-Đô, quan Tả-Thừa là Lưu-Thâm, quan Tham-Chính là A-Lý, dụng binh tại Chiêm-Thành, triều đình sai sứ qua dụ nước An-nam cho mượn đường và giúp quân lương, vua Trần không chịu. Qua mùa đông năm Giáp-Thân, hiệu Chí-Nguyên (1284), lại sai Trấn-Nam-Vương Thoát-Hoan và Bình-Chương A-Lý-Hải-Nha, đem binh giúp trận ở Chiêm-Thành. Ngày 21 tháng 12, ngày Giáp-Tý, quân lính đình trú tại biên-giới An-nam, chia đường đi: Vạn-Hộ Lý-La-Hiệp-Đáp-Nhi, Chiêu-Thảo A-Thâm phía Tây do huyện Khâu-Ồn mà tiến; Khiếp-tiết-Sát-Lược-Nhi, Vạn-Hộ Lý-Bang-Hiến phía đông do Cấp-Lãnh mà tiến; rồi đại binh của Trấn-Nam-Vương kế tiếp tới sau. Quân đường đông thì phá ải Khả-Lợi và ải Anh-Nhi, bắt được gián điệp là bọn Đỗ-Vỹ đem chém. Còn tôn-trưởng nhà Trần là Hưng-Đạo-Vương Trần-Tuấn thì giữ ải Nội-Bàng. Ngày 27, ngày Canh-Ngọ, đại quân tới đánh phá, Hưng-Đạo-Vương rút lui giữ châu Lược-Giang, thua chạy, quân Nguyên bắt được thuyền bè vài mươi chiếc. Quân đường tây phá ải Chi-Lăng, tức Lão-Thử-Quan.

Năm Ất-Dậu, Chí-Nguyên (1285), mồng chín tháng giêng ngày nhâm-ngọ, Thế-Tử (vua Trần), tự làm tướng đem mười vạn quân đánh một trận lớn nơi sông Bài-Thần, nguyên-soái Ô-Mã-Nhi, Chiêu-Thảo Nạp-Hải, Trấn-Vũ Tổng-Lâm-Đức, dùng những thuyền đã bắt được để đánh phá quân nhà Trần. Ngày 13 Bính-Tuất, Thế-Tử giữ sông Lư-Giang lại tan rã bỏ chạy. Trấn-Nam-Vương qua sông mở tiệc tại cung-đình An-nam, các tướng người thì hiến tù-binh, kẻ thì dâng đầu người đã chém được.

Ngày 21, Nhâm-Thìn, quân nhà Nguyên phá ải Thiên-Hán, chém được tướng là Bảo-Nghĩa-Hầu, Thế-Tử lui giữ ải Hải-Thị, làm cứ tại phía tây bờ sông, để chống giữ, quân nhà Nguyên từ trên và dưới bờ sông bắn tên vào, khiến cho quân lính tan hết. Lúc đó, đại-vương Giáo-Kỳ, Hữu-Thừa Toa-Đô, Tả-Thừa

Đường-Cổ-Đái, Chính-Hắc-Đích, vâng lời chiếu chỉ, do Chiêm-Thành kéo quân tới, vào phủ Bồ-Chính, đánh mặt sau. Thế-Tử sai em là Chiêu-Văn-Vương Trần-Duật-Hầu, Trịnh-Đình-Toàn chống cự ở Nghệ-An, nhưng bị thua chạy. Thế-Tử, thế đã nguy cấp, sai con người anh là Chương-Hiến-Hầu Trần-Kiến nghênh-chiến tại Thanh-Hoá, dằng dai lâu ngày rồi sức yếu, lại không có quân tiếp-viện, Chương-Hiến-Hầu bèn cùng bọn Lê-Tắc kéo quân đầu hàng.

Ngày Ất-Tỵ mồng 2 tháng 2, Giảo-Kỳ đem quân kỵ-binh lội qua sông Vệ-Bổ, phá quân nhà Trần, giết được hai tướng Đinh-Xa và Nguyễn-Tất-Dững.

Ngày Đinh-Tỵ mồng 3, Trấn-Nam-Vương đánh phá quân vua Trần tại sông Đại-Hoàng. Tôn-Tử là Văn-Nghĩa-Hầu Trần-Tú-Tuấn suất cả nhà ra đầu hàng.

Ngày Kỷ-Dậu mồng 6, Giảo-Kỳ suất bọn Chương-Hiến-Hầu đánh phá quân của người em Thế-Tử là Thái-Soái Trần-Khải tại bến đò Phú-Tân, chém ngàn người, Thanh-Hoá và Nghệ-An đều đầu hàng. Vua Trần sợ, khiến người trong họ là Trung-Hiến-Hầu Trần-Dương xin hoà. Lại sai kẻ cận-thị là Đào-Kiên đưa bà chúa em vua cho Trấn-Nam-Vương xin hoà giải. Nhà Nguyên khiến Ngại-Thiên-Hộ qua tuyên lời dụ nói: đã muốn xin hoà, sao không thân-hành tới mà bàn luận. Thế-Tử không nghe.

Ngày Nhâm-Ngọ mồng 9 tháng 3, Giảo-Cơ và Đường-Cổ-Đái đem thủy-quân ra biển vây Thế-Tử ở Tam-Tri, gần bắt được, nhưng nhờ bọn Nguyễn Cường phò vua Trần thoát khỏi. Quan-quân thu được vàng bạc, tơ lụa, đàn ông và đàn bà rất nhiều.

Ngày 15 Mậu-Tý, em Thế-Tử là Chiêu-Quốc-Vương Trần-Ích-Tắc suất cả môn thuộc nội-phụ. Toa-Đô lại vào Thanh-Hoá để khuyến dụ người quy thuận.

Trong tháng 4, mùa hạ, An-nam thừa cơ quân ta đề phòng chinh mǎng, đánh lấy lại La-Thành.

Ngày Đinh-Sửu mồng 5 tháng 5, Giảo-Kỳ cùng Vạn-Hộ phục binh đánh vào cung điện vua Trần, đánh tan rồi, đến sông Lư-Giang hội họp với Trấn-Nam-Vương. Ngày sau, kéo quân về. Quân An-Nam đuổi theo tới sông Nam-Sách, quan Hữu-Thừa là Lý-Hǎng đánh lui được, chém tên nghĩa-dũng, quan hầu của Hưng-Đạo-Vương, là Trần-Thiệu. Khi ấy Toa-Đô nghe đại-binh đã kéo về, mới từ Thanh-Hoá lui quân, dọc đường ngày đêm không nghỉ và phải đánh cùng quân An-nam, bắt được mấy tướng là Trần-Đà-Phạp và Nguyễn-Thanh. Đến đất Bái-Khanh, tướng của Toa-Đô là Lễ-cước-Trương làm phản, suất quân An-nam đánh với quân Nguyên, Toa-Đô nhảy ngựa rơi xuống nước chết đuối, quân lính bị tan rã, duy Ô-Mã-Nhi và Vạn-Hộ Lưu-Khuê, đi thuyền nhỏ trốn thoát, chỉ Tiểu-Lý đi chiếc thuyền cô-đơn mà đánh theo sau, bị thua rồi tự đâm họng, Thế-Tử cảm trung-nghĩa của y, sai người cứu sống và đãi đằng tử-tế.

Mùa đông năm ấy, những người nội-phụ là bọn Trần-Ích-Tắc đi trạm tới Kinh-sư vào chầu.

Trong tháng 3 năm Bính-Tuất, hiệu Chí-Nguyên, (1286), Thế-Tổ ra lời Chế phong cho Trần-Ích-Tắc làm An-nam Quốc-vương, Trần-Tú-Tuấn làm Phụ-Nghĩa-Công, các quan đồng thời quy thuận, đều được chức tước có cấp bậc.

Năm Đinh-Hợi, hiệu Chí-Nguyên (1287), triều đình lại dấy binh đưa An-nam quốc-vương về nước. Hoàng-Thượng sai Bình-Chương Áo-Lỗ-Xích đem Mông-Cổ và Hán quân của bốn tỉnh Giang-Hoài, Giang-Tây, Hồ-Quảng và Vân-Nam, động-binh của Quảng-Tây, lê-binh của Hải-Nam do đường bể vận lương; bọn Vạn-Hộ Trương-Văn-Hổ suất mười vạn quân, theo mệnh-lệnh của Trấn-Nam-Vương. Tháng 9 mùa đông khởi binh từ châu Ngạc.

Ngày Ất-Dậu, 28 tháng 10, đến huyện Lai-Tân, chia đường tiến quân: Tham-Chính Ô-Mã-Nhi cùng Phàn-Tiếp suất quân 18.000 người; bọn Ô-Vị, Trương-Ngọc và Lưu-Khuê cầm quân vài ba vạn, chiến thuyền 500 chiếc, thuyền chở đồ 70 chiếc, bắt đầu từ Khâm-Châu mà tiến.

Ngày 11 tháng 11 Mậu-Tuất, thủy quân tiến trước qua cửa sông Vạn-Ninh. Tướng An-nam là Nhân-Đức-Hầu Trần-Da phục binh tại Lǎng-Sơn toan đánh đứt mặt sau quân ta, quân ta dò biết, trong lúc ban đêm vây núi Lǎng-Sơn, sáng ngày sau, đánh đuổi đi, quân Nam chết đuối vài trăm người, bắt được ghe thuyền vài mươi chiếc; Ô-Mã-Nhi thừa thắng tiến quân, không nghĩ tới thuyền lương thực ở sau, không có viện binh, khiến cho bao nhiêu lương thực chìm sạch.

Ngày 23 Canh-Tuất, quân bộ tới đất Lộc-Châu, chia đường tiến tới, Hữu-Thừa Trình-Băng, Tham-Chính Sách-La-Đáp-Nhi, do cửa ải Chi-Lăng; đại quân của Trấn-Nam-Vương do cửa ải Khả-Lợi, Hữu-Thừa A-Bát-Xích làm tiên phong, đồng thời tiến quân; Hữu-Thừa Ái-Lỗ cũng từ tỉnh Vân-Nam tiến quân đến chỗ Tam-đại-giang, cùng người em Thế-Tử là Trần-Duyệt giao-chiến, bắt được hai tướng Hà-Ánh và Lê-Thạch.

Ngày mồng 3 tháng 12, Kỷ-Vy, lục-quân mới tiến tới Tứ-Thập-Nguyên, Trấn-Nam-Vương nhân vì bị mất lương-thực, khiến Ô-Mã-Nhi đốc quân đi cướp lương hượng của quân An-nam. Hữu-Thừa Trình-Băng, Tả-Thừa A-Lý và Lưu-Giang đắp thành gỗ ở trên hai núi Phổ-Lại và Chí-Linh để chứa lương-thực nuôi quân lính.

Ngày 23 Kỷ-Mão, Trấn-Nam-Vương lại chia quân tiến công, quân thủy của Phàn-Tham-Chính đi theo Trấn-Nam-Vương tới Bắc-Giang, quân An-nam lấp cửa sông, phục binh nơi rừng lá đánh đuổi chạy, rồi binh thuyền kéo ra sông Lư-Giang, quân Thế-Tử bị tan rã. Lúc đó, Tĩnh-Đô-Sự Hầu Sư-Đạt, Vạn-Hộ-Hầu (không rõ tên) và Tiên-Thiên-Hộ, góp những quân còn sót lại ở các cánh, chỉ có 5.000 người, cùng Lê-Tắc từ huyện Tư-Minh, tiếp tục đi tới, ngày 28, Giáp-Thân vào ải Nội-Bàng, đánh với quân Nam suốt cả ngày đêm, quân ta kiệt sức bị thua; Hầu-Đô-Sự tử trận; Tắc thuộc đường lối dẫn Vạn-Hộ, Thiên-Hộ cùng con của An-nam quốc-vương là Trần-Dục và bọn Thiêm-Sự Nguyễn-Lãnh, Phủ-Phán Lê-Án đem kỵ-binh còn sót lại liều chết mà đánh, thoát ra khỏi cửa ải.

Ngày 29, Ất-Dậu, Trấn-Nam-Vương qua Lư-Giang về hướng tây, A-Bát-Xích theo bờ phương Đông đánh phá cửa ải Hàm-Tử. Thế-Tử rút lui giữ cửa ải Hải-Thị, bị đại-binh đánh tan.

Ngày Kỷ-Sửu mồng 4 tháng giêng năm Mậu-Tý hiệu Chí-Nguyên (1288) Trấn-Nam-Vương về đồn cũ, Ô-Mã-Nhi do đường biển ra rước, Trương-Văn-Hổ đem thuyền lương thực tiếp tục tiến qua.

Ngày 11, Bính-Tý, cùng quân Nam đánh tại cửa sông Đa-Ngư, nhân thủy-triều xuống rồi tan. Trương-Văn-Hổ gặp quân địch tại cửa sông An-Bang, bị chìm thuyền mất lương-thực, rồi đi chiếc ghe nhỏ, chạy về Khâm-Châu. Qua tháng 2, Thế-Tử khiến anh họ là Hưng-Ninh-Vương Trần-tung nhiều lần tới xin đầu hàng, có ý làm cho quân ta mệt mỏi rồi ban đêm cho quân cảm-tử tới quấy rối các đồn, Trấn-Nam-Vương tức giận, sai Vạn-Hộ là Giải-Chân đốt thành, những người chung quanh can ngăn lại. Thần-Nỗ-Tổng-Quản Giả-Nhược-Ngu hiến kế rằng: "nên đem quân về, không nên ở lại giữ". Trấn-Nam-Vương cũng nói: "Xứ đất nóng nực, ẩm-ướt, lương-phạn thiếu, quân lính mệt mỏi", bèn kéo quân về. Các tướng thủy-lộ cáo rằng: "Hai lần thuyền vận-tải tới mà đều bị chìm, bây giờ kéo quân về, không chi bằng phá huỷ hết thuyền bè, theo đường bộ là tiện hơn cả". Trấn-Nam-Vương muốn nghe theo, nhưng bọn tùy-thuộc cản lại.

Ngày 3 tháng 3, Đinh-Hợi, Hữu-Thừa Trình-Băng, Thiêm-Tĩnh Đạt-Mộc, suất quân kỵ-mã đón rước quân thủy, qua chợ Đông-Hồ, bị sông ngăn trở phải đi về đường cũ, nhưng cầu, cống đều bị quân An-nam cắt đứt để chờ đánh quân ta. Trình-Hữu-Thừa hỏi những phụ-lão do quân ta bắt giữ, rồi đem lại theo con đường khác mà đi, theo kịp đại quân ra khỏi cửa Nội-Bàng. Quân Nam lại phục binh đánh cắt đứt mặt sau quân ta, Vạn-Hộ Đát-thứ-Xích, Lưu-Thế-Anh đánh đuổi đi, bắt được các tướng là Phạm-Trù và Nguyễn-Ky đem chém.

Ngày 7 Tân-Mão, thủy quân tới Trúc-Đông, quân An-nam tới đánh, bị Lưu-Khuê đánh lui, bắt được 20 chiếc thuyền, Ô-Mã-Nhi không đi đường biển về, trái lại, do sông Bạch-Đẳng mà đi, gặp quân địch, Ô-Mã-Nhi tự lãnh quân lính tải lương thực nghênh-chiến, Phàn-Tham-Chính, Hoạch-Phong ứng tiếp, vừa thủy triều xuống, quân bị hãm. Trấn-Nam-Vương nghe quân An-nam đào hầm sủa ngựa mà giữ ải Nữ-Nhi, bèn khiến quan châu Tư-Minh là Hoàng-Kiên, dẫn đi đường khác, thẳng tới Lộc-Xuyên, toàn quân được về.

Năm Canh-Dần hiệu Chí-Nguyên (1290) Thế-Tử mất, con là Trần-Nhật-Tồn kế lập. Qua năm Quý-Tỵ hiệu Chí-Nguyên (1293) sai sứ-thần là Đào-Tử-Kỳ tới dâng lễ cống hiến, Hoàng-Thượng lấy có qua với nhiều lần mà không đến châu, bèn giữ Tử-Kỳ ở đất Giang-Lăng, lập An-nam Hành-Tĩnh, sai Lưu-Quốc-Kiệt cùng chư-hầu Vương-Nhĩ-Cát-Đạt, v.v... kéo quân qua đánh, do Đại-Vương Ích-Cát-Lý-Đãi tổng quản việc chinh phạt. Mùa đông năm ấy, trú binh tại Tịnh-Giang, chờ mùa thu sang năm tiến phạt. Tháng giêng mùa xuân năm Giáp-Ngọ, Chí-Nguyên (1294), vua Thế-Tổ băng, Thành-Tông Hoàng-đế lên

ngôi, xuống chiếu bãi binh, tha tội An-nam và thả sứ-thần là Đào-Tử-Kỳ về nước. Vua Trần-Nhật-Tổn dâng tờ biểu chúc mừng, sai sứ qua tạ tội, xin vĩnh-viễn làm chư hầu và chiếu lệ thường năm cống hiến.

Tiền Triều Chính Thảo (Sự Chinh-phạt của các Triều-đại trước)

Năm thứ 33 đời vua Thủy-Hoàng (214 trước công-nguyên) nhà Tần ra lệnh các quận ấp, bắt bọn dân trốn tránh, những kẻ đi ở gởi rể, những kẻ buôn bán ở trong hạt đều phải đi lính, lại sai quan Úy là Đồ-Thư đem quân lâu-thuyền, sai quan Giám tên Lộc đào sông chở lương-thực, quân Tần đi sâu vào đất Việt, xâm chiếm đất Lục-Lương, đặt làm các quận Quế-Lâm, Nam-Hải và Tượng-Quận để đầy 50 vạn người đi làm lính thú ở Ngũ-Lĩnh. Đến cuối nhà Tần, quan Úy quận Nam-Hải là Triệu-Đà đánh lấy cả ba quận, rồi tự lập làm vua. Cao-Tổ nhà Hán nhân dịp phong Triệu-Đà làm Nam-Việt-Vương.

Đến đời bà Cao-Hậu cấm Nam-Việt không được mua các đồ sắt của Trung-Quốc, Đà tức giận tiếm ngôi, tự xưng đế, phát quân đánh biên-giới quận Trường-Sa, Triều-đình nhà Hán sai tướng-quân Long-Lự-Hầu đánh lại, vừa trời nắng, khí ẩm thấp, nên quân lính mệt nhọc không qua được Ngũ-Lĩnh. Qua hơn một năm, Cao-Hậu băng, tức thì Triều-đình cho bãi binh.

Năm Kiến-Nguyên thứ 4 của Hiếu-Vũ-Đế (127), nước Mân-Việt dấy binh đánh Nam-Việt, vua Việt tên là Hồ (cháu Triệu-Đà), giữ theo lời hứa với Thiên-Tử nhà Hán, không dám tự tiện phát binh đánh trả, chỉ dâng thư lên Triều-đình, vua Hán liền khiến Vương-Khôi và Hàn-An-Quốc đánh Mân-Việt. Hồ cảm đức nhà Hán, sai con là Anh-Tê vào hầu vua. Anh-Tê mất, con là Hưng kế lập. Tướng Việt là Lữ-Gia làm phản, Vũ-Đế sai Hàn-Thiên-Thu đem 2.000 người tới đất Việt, Gia nổi lên đánh giết vua cùng sứ-giả nhà Hán (Là Thiên-Thu) rồi lập Kiến-Đức làm vua.

Năm Nguyên-Đĩnh thứ 5 (112), Hán Vũ-Đế khiến Vệ-Úy Lộ-Bác-Đức làm Phục-ba tướng-quân, kéo quân ra quận Quế-Dương rồi xuống sông Hoàng-Thủy; Chủ-tước Đô-Úy Dương-Bộc làm Lâu-thuyền tướng-quân kéo quân ra Dự-Chương, xuống Hoàng-Phổ; người Việt là Qui-Nghĩa-Hầu làm Qua-Thuyền-Hạ-Lại tướng-quân kéo quân ra Linh-Lăng, rồi xuống sông Ly-Thủy tới quận Thương-Ngô. Lại sai người Việt là Trì-Nghĩa-Hầu đem bọn phạm-nhân quận Ba-Thục và phát quân lính ở Dạ-lang kéo xuống ngã sông Tường-Kha, tất cả là 100.000 quân chia đường mà tiến tới.

Qua năm Nguyên-Đĩnh thứ 6 (111), đạo quân tinh-nhuệ của Lâu-thuyền tướng-quân, đầu tiên hãm được Tầm-Giáp, đánh phá Thạch-môn, bắt được thuyền chở lúa của nước Việt, rồi chờ quân của Bác-Đức kéo tới cùng đi đến thành Phiên-Ngung. Bọn Lữ-Gia giữ thành, quân nhà Hán đánh bại Gia rồi phóng lửa đốt thành. Đến tối Phục-ba làm dinh, mời các người đầu hàng ban ấn thọ, lại khiến họ rủ nhau tới quy thuận. Rạng sáng mai, thì người trong thành đều ra đầu hàng. Trong ban đêm, bọn Lữ-Gia đã trốn về ngả biển, Phục-Ba bèn khiến tướng đuổi theo bắt Gia. Quân của Qua-Thuyền-Hạ-Lại tướng-quân và quân Dạ-Lang chưa xuống kịp thì nước Nam-Việt đã dẹp yên, bèn chia ra làm chín quận. Giao-Châu-Ký chép rằng: "Lúc ấy đất Việt muốn tự toàn, có ba người Lạc-hầu dắt trâu, dâng một ngàn chung rượu, cầm cả sổ sách hộ-tịch của ba quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân và Nhật-Nam ra đón Phục-Ba mà đầu hàng. Lộ-Bác-Đức cho ba người ấy làm Thái-Thú ba quận nói trên và để Lạc-Vương cùng Lạc-Tướng cứ trị dân như cũ.

Năm Kiến-Võ thứ 16 của Hán Quang-Vũ-Đế (sau công nguyên 40), người đàn bà Giao-Chỉ là Trưng-Trắc làm phản, quận Cửu-Chân và quận Nhật-Nam đều hưởng ứng theo, đánh các quận, ấp, cướp được 60 thành, rồi tự lập làm vua. Quang-Vũ-Đế bèn hạ chiếu các quận Trường-Sa và Hợp-Phổ chuẩn bị thuyền bè, sửa cầu, đường, mở rộng khe hời, tích trữ lương thực, rồi cử Mã-Viện làm Phục-Ba tướng-quân, Phò-Lạc-Hầu Lưu-Long làm Phó, Đoàn-Chí giữ chức Lâu-Thuyền tướng-quân, do thủy lục hai đường cùng tiến đánh Giao-Chỉ. Mã-Viện do đường duyên-hải tiến quân, gặp núi thì làm đường, trải hơn 1.000 dặm, kéo quân tới Lăng-Bạc đánh nhau và đại phá quân Trưng-Trắc, rồi đuổi theo tới đất Kim-Khê.

Đến năm Kiến-Võ thứ 19 (43), Mã-Viện chém yêu tặc là Trưng-Nhị (Nhị là em gái của Trưng-Trắc) và đánh luôn cả dư đảng, bọn Đô-Lương, đến huyện Cư-Phong, bọn này chịu đầu hàng, đất Lĩnh-

Nam đều được bình-định. Viện cùng người Việt thân minh chế-độ cũ để tiện việc cai-trị, từ đó Lạc-Việt phải tuân y quy-chế của Mã-tướng-quân.

Năm Kiến-Võ thứ 20 (44), Mã-Viện kéo quân về Kinh-sư. Bảy quận ở Giao-Chỉ, khi đi cống-hiến, đều phải do đường biển lên huyện Đông-dã (thuộc huyện Hầu-Quan Phước-Châu) mà dâng lễ vật.

Trong hiệu Hoàng-Võ của nhà Ngô (222-228), Tôn-Quyền sai Trần-Thì qua thay Sĩ-Nhiếp làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ. Con Sĩ-Nhiếp làm Sĩ-Huy không vâng mệnh, cử binh giữ cửa biển. Năm Kiến-Hưng nguyên-niên (252) vua nhà Ngô dùng Lữ-Đại làm Thứ-sử quận Giao-Chỉ để cùng Tiết-Tông đốc quân 3.000 vượt biển qua đánh miền Nam. Có kẻ nói với Đại rằng: "Huy cậy có ơn trước của ông cha để lại, nhân dân trong một cõi Giao-Châu ủng hộ, chưa dễ đánh được". Đại nói: "Huy cậy thế ở xa, thường để lòng phản nghịch; không ngờ quân ta bỗng tới, nhân y chưa chuẩn bị, đánh thành-linh, thì nhất định phải được, nếu để trễ nải, không tiến quân bây giờ, thì sẽ để họ giữ gìn bền chặt; man di mấy quận đều hưởng theo, thì dầu có trí khôn đến bậc nào, cũng không làm gì hơn được". Nói xong, bèn qua quận Hợp-Phổ, cùng với viên quận thú là Đái-Lương đều tiến. Đại dùng em Sĩ-Nhiếp là Sĩ-Phụ làm vai sư-hữu-tùng-sự, để qua thuyết, Huy suất cả sáu anh em ra hàng, Đại chém hết và đem đầu về Mạt-Lăng. Quân nhà Ngô tiến tới Cửu-Châu, chém bắt muôn người, lại khiến quan tùng sự tuyên bố đức hoá tại Phù-Nam và Lâm-Ấp. Bởi vậy các nước đều tới cống-hiến phương-vật.

Năm Vĩnh-An thứ 5 của nhà Ngô (262), quan lại trong quận Giao-Chỉ là Lữ-Hưng giết Thái-Thú Giao-Chỉ là Tôn-Tư, rồi đem đất quận ấy phụ theo nhà Tấn.

Vua Võ-Đế nhà Tấn dùng Dương-Tắc làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, Tắc đánh đuổi chém cả Đô-Đốc là Tu-Tắc và bọn quan Thứ-Sử là Lưu-Tuấn. Năm đầu hiệu Kiến-Hoành (269) Vua Ngô là Tôn-Hạo sai Giám-Quân Ngu-Tỹ, Uy-Nam tướng quân Tiết-Hủ, Thương-Ngô thái-thú Đào-Hoàng do đường bộ đi tới, sai Giám-Quân Lý-Miền, Đốc-quân Từ-Tồn do đường biển Kiến-An đi tới, hợp tại quận Hợp-Phổ để qua đánh Giao-Chỉ. Năm thứ 3 (271), Hoàng theo đường biển đến thành-linh, đi thẳng tới Giao-Chỉ, đánh hãm được thành, giết cả mấy tướng do nhà Tấn đặt ra.

Năm Nguyên-Gia thứ 23 (446), của Tống-Văn-Đế, vua Lâm-Ấp là Phạm-Dương-Mại làm phản, quan Thứ-Sử Giao-Châu là Đàn-Hoà-Chi cùng tướng quân Tông-Xác đem quân tới đánh thành Khu-Túc, Dương-Mại chạy qua Tượng-Phổ, cử quân lính cỡi voi ra chống cự. Tông-Xác nghĩ rằng giống sư-tử oai phục cả trăm loài, bèn chế ra hình sư-tử giả, để cho đối trận với voi, quả nhiên voi kinh hải, chạy bậy, quân giặc rối loạn tan rã, quân nhà Tống bèn khắc-phục Lâm-Ấp và thu hoạch được những đồ quý báu.

Trong thời Lương-Võ-Đế (502-549), người Giao-Chỉ Lý-Bôn làm phản, vua Võ-Đế ra lời chiếu cho Thứ-sử Dương-Phiếu và Tư-Mã Trần-Bá-Tiên qua đánh, quân chúng của Lý-Bôn đóng đồn tại hồ Điền-Triệt, các quân-sĩ sợ, nép tại cửa hồ, không dám tiến; Bá-Tiên nói rằng: "quân ta xuất trận đã lâu, mà không có viện binh, nhưng đã vào giữa ruột người ta rồi, thì nên quả quyết chung sức mà đánh", nhưng quân lính không ứng theo. Đêm ấy, nước sông dấy lên bất ngờ, tràn vào trong hồ, Bá-Tiên đem binh sở thuộc, theo dòng nước tiến trước, rồi các quân đều giục trống xuất trận, quân Lý-Bôn tan vỡ bỏ chạy, Tiên đuổi theo tới động Khuất-Liêu, chém được Bôn, đem đầu về Kiến-Nghiệp. Anh của Bôn là Thiên-Bữu thu-tập tàn-quân đến vây Ái-Châu, nhưng cũng bị dẹp yên.

Năm Khai-Hoàng thứ 10 của nhà Tùy (590), Lý-Xuân, người Giao-Chỉ, làm phản, Tùy-Văn-Đế ra lời chiếu cho Dương-Tổ đánh dẹp yên.

Năm Nhân-Thọ thứ 2 (602), Lý-Phật-Tử làm loạn, chiếm thành cũ của Việt-Vương. Người con của anh là Đại-Quyền chiếm thành Long-Biên; còn tướng là Lý-Phổ-Đỉnh chiếm cứ thành Ô-Diên. Dương-Tổ tâu lên rằng: "Thứ-Sử Qua-Châu là Lưu-Phương có mưu-lược làm tướng", nên Văn-Đế khiến Lưu-Phương làm chức Giao-Châu-Đạo-Hành Quân-Tổng-Quản, lại dùng Độ-Chi Thị-Lang là Kinh-Đức-Lượng làm chức Trưởng-Sử, thống-lãnh 27 dinh mà tiến tới. Phương quân-lệnh rất nghiêm, hễ ai phạm pháp thì chém ngay. Tuy nhiên, tính rất nhân-ái, hễ quân lính có đau ốm, thì thân-hành đến an-ủi, điều-trị, cho nên quân lính cảm mến. Khi quân Tùy kéo tới núi Đô-Long thì gặp giặc, Phương sai bọn Vương-Vinh, Tống-Toản đánh tan, Phật-Tử đầu hàng rồi bị đem về Kinh-Sư, các tay kiệt-hiệt đều bị chém giết.

Đến cuối đời Văn-Đế, có người nói nước Lâm-Ấp có nhiều của báu, nhưng lâu đời không đến châu. Vừa lúc Lưu-Phương mới dẹp yên Giao-Châu, trong sơ-niên Đại-Nghiệp (605-606), Dạng-Đế cho

Phương làm Hoan-Châu-Đạo-Hành Quân-Tổng-Quản cùng đại-tướng-quân Trương-Tồn dùng Thượng-thư Hữu-Thừa là Lý-Cương làm chức Hành-Quân Tư-Mã đi đường thủy tới quận Bắc Cảnh. Qua tháng 4, quân nhà Tùy đến đánh Lâm-Ấp, vua nước ấy là Phạm-Chí sai quân đóng giữ nơi hiểm yếu, Phương đánh đuổi đi, quân qua sông Đồn-Lê, quân Lâm-Ấp cỡi voi đến cả bốn mặt, Phương khiến quân đào nhiều hầm hố nhỏ, lấy cỏ rác lấp trên mặt, cùng quân địch giao-chiến, rồi giả thua thối lui, quân Lâm-Ấp đuổi theo, voi xông tới, bị sủa xuống hầm, què chân, Phương sai lính bắn cung nỏ vào voi, voi bèn trở lại chạ đạp quân-sĩ Lâm-Ấp giữa mặt trận, nhân dịp, Phương dùng quân lính tinh-nhuệ đánh tiếp, quân Lâm-Ấp đại bại, bị bắt chém kể hàng vạn cái đầu. Khi quân Tùy qua sông Đại-Duyên, thì giặc ở nơi hiểm yếu cũng bị đánh đuổi đi; qua khỏi chỗ đồng-trụ của Mã-Viện, trở về Nam còn phải đi đến tám ngày nữa mới tới quốc-đô của Lâm-Ấp. Phạm-Chí (vua Lâm-Ấp) bỏ thành chạy về ngả biển, quân Tùy bèn thu hoạch 12 miếu chủ bằng vàng (vì nước Lâm-Ấp truyền đến 18 đời vua), đốt phá cung-thất và ghi rõ công vào bia đá, rồi về. Quân đi đánh các mặt trận kể trên, mười phần chết hết bốn, năm phần, kể cả Phương cũng bị bệnh mà chết dọc đường.

Năm Thủy-Cung thứ 3 (687) của Võ-Hậu nhà Đường, Đinh-Kiến, người Giao-Châu làm phản, giết quan đô-hộ châu ấy là Lưu-Diên-Hựu. Quế-Châu Tư-Mã là Tào-Tĩnh đánh dẹp yên.

Sơ-niên hiệu Khai-Nguyên (713-714), của Huyền-Tông, Soái-trưởng Giao-Châu là Mai-Thúc-Loan làm phản, hiệu xưng là Hắc-Đế, ngoài thì kết giao với quân của Lâm-Ấp và Chân-Lạp, tập hợp được 30 vạn quân sĩ, chiếm cứ nước An-nam. Vua Huyền-Tông ra lời chiêu sai quan Tả-Giam-Môn Vệ-tướng-quân là Dương-Tư-Miến và quan đô-hộ là Nguyễn-sở-Khách qua đánh, cứ noi theo con đường cũ của Mã-Viện đi tới phá quân của Loan, tiêu những xác chết đắp thành gò lớn, rồi kéo về.

Trong hiệu Đại-Trung (847-859), của Tuyên-Tông, quan đô-hộ Lý-Trác là người tham bạo, dân tình oán thán bèn kết thân với mọi Nam-Chiếu tới đánh hãm phủ An-nam, giặc giả liên tiếp mấy năm không nghỉ. Đến năm thứ 3 hiệu Hàm-Thông (862), (của Ý-Tông), rợ Nam-Chiếu lại công-hãm An-nam, bèn dùng Thái-Tập thay Vương-Khoan làm chức Kinh-Lược-Sứ, phát các đạo-binh ở các huyện châu Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm và Ngạc đến đánh Nam-Chiếu. Đi chưa tới Giao-Chỉ, thì Thái-Tập bị vây, chỉ cố thủ Phủ-thành, quân tiếp-viện lại không có, nên tan vỡ, Tập phải chết đuối. Lúc ấy, các đạo binh tới đóng đồn ở đất Lĩnh-Nam, tiếp-tế lương hưởng rất khó khăn, vất vả. Bởi vậy, Ý-Tông hạ chiếu các quân của Hồ-Nam và Giang-Tây đi đường thủy vận tải lương thực tiếp-tế cho binh-sĩ ở các dinh. Trần-Bàn-Thạch dâng thư lên vua xin làm thuyền lớn chở được ngàn斛 lương từ Phúc-Kiến chở gạo đi đường biển thì một tháng đến Quảng-Châu, như vậy quân thực mới đủ. Vua y theo, rồi cho Cao-Biên lãnh chức đô-hộ, qua thu-phục nước An-nam. Năm thứ 5, (864) mới tiến binh, chém bọn Khanh-Đạo-Súy, Chu-Đạo-Cổ, đồ đảng hơn vạn người, phá rợ Nam-Chiếu tại huyện Nam-Định, chém Trương-Thuyền, người đến đầu hàng đến vạn người, lại cố-võ tướng sĩ đi đánh thành luỹ, giết được tên tướng mọi là Đoàn-Tù-Thiên và chém bọn nó vài vạn người, nước An-nam trở lại yên ổn. Biên thấy từ quận Nam-Hải đến quận Giao-Châu, có đá ẩn dưới nước, thuyền to thường hay chìm, bèn tâu với vua xin phá tan đá ấy. Từ đó, nhân-dân ở hai xứ Giao, Quảng, đi ghe thuyền trên đường bể được bình yên.

Đời Hậu-Lương, Lưu-Nghiêm¹ của nước Nam-Hán tiếm hiệu vua ở đất Quảng-Châu. Nhân có Khúc-Hạo chiếm cứ đất Giao-Châu, Nghiễm sai Lý-Khắc-Chính và Lý-Tri-Thuận cử binh đánh Giao-Châu, bắt con Hạo là Thừa-Mỹ, rồi để Lý-Khắc-Chính ở lại giữ thành. Gia-tướng của Khúc-Hạo là Dương-Đình-Nghệ đánh lấy được An-nam, lại bị Kiêu-Công-Tiện giết và thay thế. Tướng cũ của Đình-Nghệ là Ngô-Quyền đem binh vây Công-Tiện. Tiện sức yếu bị thua mới cầu cứu với Lưu-Nghiêm, Nghiễm phong con mình là Vạn-Vương Hoảng-Tháo làm Giao-Vương đem quân cứu Tiện. Sùng-Văn-Sứ là Tiêu Ích can ngăn, Nghiễm không nghe. Khi Hoảng-Tháo tới Giao-Châu, Ngô-Quyền đã giết Công-Tiện, rồi đem quân đón đánh Tháo. Trước đó, Ngô-Quyền đã cho cắm cọc vót nhọn và bọc sắt ở cửa biển rồi, khiến người đem thuyền nhẹ, chờ khi nước thủy triều dâng lên thì khiêu-chiến, giả thua, chạy trốn. Hoảng-Tháo đuổi theo, một lát sau, thủy triều xuống, các chiến-thuyền của Tháo bị mắc cọc, không trở về được, khiến cho quân bị tan rã và chết đuối. Khi ấy, Nghiễm tới đồn trú ở cửa biển để cứu-trợ, nhưng nghe nói Tháo bị thất trận, bèn trở về.'

¹ Nguyên-văn chua rằng: "âm là Nghiêm, tên cũ là Thế".

Năm Thái-Bình Hưng-Quốc thứ 5 (980) của Tống-Thái-Tông, Đinh-Liễn ở Giao-Châu mất, em là Triền kế lập, bị đại-tướng là Lê-Hoàn cướp ngôi. Vua Thái-Tông giận, cử binh qua đánh, dùng Lan-Châu Đoàn-Luyện-Sứ là Tôn-Toàn-Hưng, Bát-Tắc-Sứ là Thích-Hậu, Tả-Giám-Môn-Vệ đại-tướng-quân là Thôi-Lượng làm chức Lục-lộ-Binh-Mã-Tổng-Quản, từ đường Ung-Châu tiến quân; Ninh-Châu Thứ-Sử là Lưu-Trùng, Án-Bí-Khố-Sứ là Giả-Thực, Cung-Phụng-Quan-Các-Môn-Chi-Hậu là Vương-Soạn làm chức Thủy-Quân Binh-Mã Tổng-Quản do đường Quảng-Châu tiến quân. Lại dùng Ngô-Xương-Duệ làm chức Tri-Giao-Châu-Hành-Doanh Thông-Tục. Bọn Tôn-Toàn-Hưng từ giả; Thái-Tông lại hạ chiếu cho dẫn tiến, khiến Lương-Quỳnh thiết tiệc ở vườn Ngọc-Tân để tống tiễn.

Mùa thu năm ấy, (năm thứ 5), các quân khởi hành, đến tháng 12 phá được hơn vạn quân Giao-Chỉ. Qua năm sau (981), vào mùa hạ, lại ở sông Bạch-Đăng chém gần ngàn người, bắt được thuyền 200 chiếc, trú quân tại Ba-Bộ. Chuyển-vận-sứ là Hầu-Nhân-Bữu cùng đạo tiền-quân tiến sâu vào, bị thất bại luôn. Bọn Tôn-Toàn-Hưng do đường thủy và đường bộ tới làng Đa-La, không gặp Nhân-Bữu, bèn trở về Ba-Bộ. Lê-Hoàn giả đầu hàng để dụ địch, Nhân-Bữu bèn trúng kế mà bị hại. Giang-Nam Chuyển-Vận-Sứ Hứa-Trọng-Tuyên được tin, mới sai người tâu lên, Thái-Tông hạ chiếu rút quân về và sai sứ-thần giết cả bọn Lưu-Trùng, Giả-Thực và Vương-Soạn, nhưng Trùng mắc bệnh mà chết, còn bọn Thực và Soạn bị xử tử tại châu Ung. Qua mùa đông năm sau (982), Tôn-Toàn-Hưng cũng bị xử tử; Trần-Khâm-Tộ và Thích-Hậu đều bị tội, vì cuộc dụng binh đánh đất Giao-Châu sai kỷ-luật đến nỗi bại trận.

Trong thời Tống-Thần-Tông (1068-1085), Vương-An-Thạch làm Tế-Tướng, muốn lập công tại biên-thủy, nên dùng Thẩm-Khởi làm chức Trí-Quế-Châu, cố ý đánh lấy đất An-nam, rồi kiểm-điểm, tụ tập những quân mán-mọi của các khe động, lại cấm Giao-Chỉ thông thương với châu huyện, vì vậy Giao-Chỉ tức giận, hai chuyển lập mưu vào quấy rối biên-giới Trung-Quốc.

Năm Hy-Ninh thứ 8 (1075), vua Giao-Chỉ là Lý-Càn-Đức (tức là Lý-Nhân-Tông) dẫn binh đánh hãm ba quận Khâm-Châu, Liêm-Châu và Ung-Châu. Thần-Tông dùng Triệu-Tiết làm chức An-nam Chiêu-Thảo-Sứ, cai quản chín vị tướng-quân, rồi lại dùng Quách-Quy làm Tuyên-Vũ-Sứ, Tiết làm Phó, Quy đến Trường-Sa, đốc suất các đạo quân tiến binh khôi phục Ung-Châu; lại sai các tướng đánh lấy châu Vĩnh-An, huyện Tán-Bàng; Khê động châu tướng là Hoàng-Kim-Bồ, Linh (?) đầu hàng. Đào-Bật tụ tập quân lính ở động Hữu-Giang hợp với Quách-Quy đóng tại Tư-Minh. Nhân khiến Yên-Đạt đánh châu Quảng-Nguyên, Quan-Sát-Sự ở đó là Lưu-Ứng-Kỳ phải đầu hàng. Quân nhà Tống kéo về trú tại sông Phú-Lương, nhưng bị chiến-thuyền của Giao-Chỉ đến 300 chiếc đậu tại bờ sông, muốn tới không được, Quy bàn mưu rằng: "phép dụng binh là lừa cho người ta đến, chứ không để cho người ta lừa mình đến, bây giờ ta giả làm trống trải, thì nó ắt tới đánh". Quả nhiên quân địch tới đánh, bị bại trận khá lớn, quân nhà Tống bắt được Hồng-Chân Thái-Tử và đại-tướng Nguyễn-Càn, v.v... Lý-Càn-Đức yếu thế bèn dâng biểu xin hàng, và trả lại đất đai đã cướp cho nhà Tống.

Khi trước Vương-An-Thạch cùng Ngô-Sung ở trước mặt Tống-Thần-Tông cãi về việc Giao-Chỉ, An-Thạch cho là lấy được Giao-Chỉ. Sung thì nói: "lấy được cũng vô ích". Đến lúc Lý-Càn-Đức dâng biểu xin hàng, thì Thần-Tông thuận cho và cho kéo quân về. Vua bảo rằng: "Triệu-Tiết có công, còn Quách-Quy dung giặc, nên giáng Quy xuống chức Tả-Vệ-Tướng-Quân và an-trí ở Tây-kinh, và thăng Tiết lên chức Hữu-Chính-Ngôn ở tại Long-Đồ-Các và giữ chức Trí-Quế-Châu. Bành-Bách-Xuyên ở huyện My-Sơn, biên chép chuyện Giao-Chỉ, trước thì nói Tiết có công cao và Quy có tội trể nài quân-sự, sau lại nói Quy có công và Tiết thì không có, hai lời nói trên, hãy tạm ghi chép lại.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Tứ Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Ngũ

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Đại-Nguyên Danh Thần Vãng Phục Thơ Văn (Những Bức Thư của các Danh-Thần nhà Đại-Nguyên gửi qua nước An-nam)

Năm Chí-Nguyên thứ 19 (1282), Sài-Trang-Khanh làm chức An-nam Tuyên-Uỳ-Sứ-Ty Đô-Nguyên-Soái, gửi thư cho Chấp-Sự của Thế-Tử An-nam như sau:

"Bản ty vâng lời thánh-chỉ tới quý quốc công cán, cốt-yếu để trấn-ngự biên-cảnh và an-uy cho nhân-dân được yên vui như trong một nhà, ngoài ra không có ý-định nào khác. Một số quân-sĩ đi theo, là hạng người châu chực hai bên, chứ không phải quân lính đi chinh-phạt hoặc chiến-đấu với ai cả. Tôi sợ quý-quốc không rõ thánh-ân của Hoàng-đế và ý-định của chúng tôi, rồi sinh ra sự nghi ngờ lo sợ chẳng, cho nên ngày tôi mới đến Tịnh-Giang, trước hết sai Lê-Trung-Tán sang bày tỏ mỹ-ý của Triều-đình vốn khoan-hồng thương nước An-nam; còn sự bày bố xe ngựa quân lương và nhân-phu, cứ theo lệ thì quốc vương phải cho ra biên-giới đón tiếp. Bản ty ngày 16 tháng 3 đã tới đất Thị-Bình xuống ngựa, đến ngày 20 là tới đủ. Nay có Lê-Văn-Tuý đem thư lại nói muốn hoãn việc thương-lượng mà không nói rõ ngày nào nghênh tiếp đại-quân, làm như thế, là trong còn chắt chứa sự hoài-nghi, chưa hết lòng thành-thực. Và lại, trước đây tôi phụng-sứ qua An-nam, há có nói dối, xem sự thành thực của kỳ trước, thì suy ra việc ngày nay cũng không có điều gì giả-dối. Đến như Thế-Tử và nhân-dân An-nam, đối với sứ-vụ này có lợi hay không, sau khi phụng lời chiếu chỉ sẽ tự biết. Về phần Bản-ty đã nghiêm cấm các quân-sĩ, lại-thuộc không được xâm nhiễu nhân-dân, ngoài ra lại sai quan Bản-Ty Kinh-Lịch và Lệnh-Sứ là Vương-Lương cỡi ngựa đi kiểm-điểm các việc quân-lương, quân-phu, ngựa trạm, những thứ mà quan viên của Bản-ty cần dùng, hạn cho sáu ngày phải tới Thị-Bình, nếu trái với kỳ hạn đã định, Bản-Ty về nước sẽ tâu với Thiên-triều khu-xử một cách khác. Nhưng nghĩ rằng quý-quốc đã ân-cần qui-phụ từ mấy chục năm trước, chỉ vì thiếu điều đúng đắn, khiến cho sinh ra những điều lợi hại, há chẳng nên xét đến ru? Xem thư cho rõ, chẳng đợi nói dài.

Hồi ấy Sài-Thung vâng lãnh sứ-mạng đem quân đưa Trần-Di-Ái về nước, nhưng quốc dân không nhìn nhận (đời Trần-Nhân-Tôn).

Thư-văn của Thượng-Thư Trương-Lập-Đạo hiệu Hiễn-Khanh gửi cho Thế-Tử An-nam

Năm Chí-Nguyên thứ 28 (1291), quan Thượng-Thư Bộ-Lễ là Trương-Hiễn-Khanh gửi thư cho Thế-Tử An-nam như sau:

Lấy một tấm lòng thành thật, không kể sự hiểm-nghi, giữa hai nước nên nói thẳng điều lợi hại với nhau.

Chúng tôi kính vâng mệnh vua sang sứ nơi xa xuôi này. Ngày ra đi, các quan đại-thần ở trong triều có nói rằng: "Lời chiếu chỉ như trời đất đối với muôn vật, không chỗ nào là không đùm bọc chở che, tuy nhiên, nước nhỏ hay nghi ngờ, các ông nên nói rõ cho Thế-Tử biết": Vả chẳng Triều-đình Đại-Nguyên cao cả, từ đời Tam-Đại, chưa có thời-đại nào sánh kịp. Phương Bắc vượt qua núi Âm-Sơn, là cơ-nghiệp của Thánh-triều; phương Nam qua khỏi bể Viêm-Hải, tất cả các nước đều xưng thần; Hồi-Hột, một tù trưởng xứ Tây-Vực, đã bằng sa-mạc mà đến dâng lễ-vật; Cao-Ly, một quốc-vương Đông-Dy, cũng vượt biển tới châu; các vua nước Khiết-Đan, Nữ-Chân và Tây-Hạ, vì trái ý trời, cho nên bị tiêu diệt; các quốc-

trường Bạch-Thất, Côn-Ngô và Thổ-Phôn, vì vâng mệnh mà được kết làm thông-gia; các nước Vân-Nam, Kim-Xí và Bồ-Cam cho con vào Trung-Quốc làm tin. Đại-Hạ và Vong-Tống tại Trung-Nguyên đều xin phục tùng làm dân. Duy có Nhật-Nam, là nước nhỏ bé, bề ngoài thì trang-tác phục-tuông, mà trong lòng chưa cảm-hóa, tuy làm chư-hầu, chịu lễ cống-hiến, không hề thiếu, mà chưa hết lòng trung thành. Xét lại sự dấy binh trị tội, cố nhiên là lý chính đáng của nước lớn; mà xếp dáo trốn tránh cũng là lòng khiêm-tốn của tiểu-quốc, như thế mới phải lẽ. Cớ sao lại chống cự với Trấn-Nam-Vương, tranh đấu không hề nhượng bộ, quên cả phận vua tôi mà dám làm; nào phải như đối với bọn Ô-Mã-Nhi, dụng mưu-kế mà thắng trận được đâu. Trong Kinh Xuân-Thu có lời trách: "Ngũ-bất-vi", (nghĩa là năm điều lỗi)¹, trong quyển Luận-Ngũ có đạo: "Tam-khả-uy", (nghĩa là ba điều đáng sợ)², người quân tử phải nên biết. Người xưa có nói: "đánh vừa thì chịu, đánh mạnh thì chạy", câu nói ấy, nay sao không áp-dụng? Tội lỗi của Thế-Tử, thật Thánh-triều không tha thứ được mà còn không biết.

Có 3 điều không nên như sau:

1.- Nếu như quân lính của nước lớn đến đánh, mà nước nhỏ cố giữ lấy bờ cõi, dù thất trận cũng không hồi tâm, thì dân nước nhỏ phải bỏ đất đai mà trốn ở nơi góc biển, tuy sống cũng như chết, tuy còn cũng như mất. Như vậy, không thể trông cậy vào nơi biển hiểm-yếu được.

2.- Hơn 400 châu ở đất Giang-Nam, không đương nổi một mũi nhọn của xứ Trung-Nguyên, và lại An-nam so với Giang-Nam, bên nào đông đúc hơn? Vậy làm thế nào mà chống cùng Thượng-Quốc? Năm nay cùng đánh, sang năm cùng đánh, hôm nay chết một số, ngày mai chết một số, nhân-dân tiểu quốc được bao nhiêu, có đủ mà cung cấp số lính không? Như vậy, không thể ỷ lại vào số đông người được.

3.- Nhà Tống lập quốc hơn 300 năm, một mai mất sạch như quét. Nước An-nam trước đây cùng nhà Tống làm nghĩa cha con, hai nước giữ gìn nhau như môi che răng, nay môi đã mất thì răng phải lạnh, cha đã chết, thì con phải cô-độc, là lẽ tất nhiên vậy. Sở dĩ mà con không đến nỗi cô-độc là vì biết thần-phục triều Nguyên, ấy là hợp với đạo trời và được khí-vận tương-thông vậy. Nay bỏ đạo trời mà cậy sức người, lẽ phải bại vong, quốc vận không thể lâu dài được, há chẳng phải trái với đạo trời hay sao?

Tôi có nghe nói: "Hễ ai thuận theo trời thì hưng vượng, trái ý trời thì diệt vong". Thời xưa các nước chư hầu hoặc đến châu tại chốn Kinh-Su, hoặc họp Hội-Đồng tại Hội-Quán Bang-Nhạc (cũng như Phụ-Chính-Phủ hay Cơ-Mật-Viện). Khi có việc giặc giã thì bất luận ngày giờ, vượt ra khỏi bờ cõi mà không lấy làm khó khăn, nay Thế-Tử sợ gì núi cao sông rộng mà tránh mặt để gây ra cái họa binh-quả liên-kết; đó là chỉ sai một ly, mà đi xa ngàn dặm vậy. Việc cấp-tốc ngày nay là phải hối-cải điều lỗi của mình mà sửa mới, vào triều tại tội, Thánh-Thiên-Tử là vua muôn nước, đức-độ như vua Nghiêu, vua Thuấn, đã nói không khi nào nuốt lời, ắt Ngài tha hết tội lỗi nhỏ và gia ân lớn, rồi nước An-nam sẽ được thành một nước hưởng hạnh-phúc ngàn năm, được thường gần gũi nhau, như con với cha mẹ, vui vẻ không gì hơn nữa. Thế-Tử ở nước nhỏ, gặp được sự lợi ích, may mắn như ngày nay. Ngày sau các nước duyên-hải, đâu có xảy ra sự xâm lăng bờ cõi, nhưng ai dám động chạm tới nước An-nam? Thật ra cái oai đức to lớn của triều Nguyên ta đáng nường tựa, đáng trông cậy, đáng ăn nhờ lẫm vậy! Cái cơ an nguy trong một hơi thở, cách nhau không lọt một sợi tóc, tôi không phải là người thuyết-khách, Thế-Tử chớ để dạ nghi ngờ. Nói như vậy, mà chưa được tin thì tùy ý Thế-Tử tự lo liệu, nếu ngày sau có gặp cơn hoạn nạn, thì tôi không biết nữa.

(Sau khi đọc xong bức thư nói trên, vua tôi nhà Trần nhìn nhau mà nói: "Sứ-thần thiên-triều thật là một nhân-vật đáng làm gương". Ngày mai, Thế-Tử có thơ phúc đáp).

Quan Bình-Chương là Lưu-Nhị-Bạt-Đô đánh yên giặc Hoàng-Thánh-Hứa rồi gửi thư cho vua An-nam

Từ khi nhà Tống mất nước, các khe động đã qui thuận hơn 20 năm, tuy không lo việc cống-hiến, nhưng Thánh-triều coi như các châu quận xa xuôi, nên bỏ qua, không thèm kể đến, khiến cho vài ba

¹ Sách Tả-Truyện, Ân-Công năm thứ 11 chép: không đo đức, không lường sức, không thương yêu người thân, không chứng minh lời nói, không xét mình là có tội, phạm năm điều không phải, mà đi chinh phạt người khác.

² Sách Luận-Ngũ, Khổng-Tử nói: người quân-tử có 3 điều sợ: sợ mệnh trời, sợ bậc đại-nhân, sợ lời nói của thánh-nhân.

năm trở lại đây, tên Hoàng-Thánh-Hứa âm-kết với nước ngoài, nuôi giữ lòng làm phản. Bởi vậy, chúng tôi mới có cuộc chinh-phạt nơi bờ-biển này. Không ngờ chấp-sự lại dung nạp phản-thần tự ý gây sự ở biên giới; như tên Thánh-Hứa này phỉnh phờ các người nhỏ, trở tính điên cuồng, không khác gì kẻ bắn trời, đốt đất, chém nền xã-tắc mà đốt. Tôi vì thế mà lo cho Chấp-sự¹, dung nạp nói cũng như nuôi cạp trong nhà để tự-vệ, cầm ngược lưới gươm thái-a (gươm sắc bén), mà giao cán cho người ta cầm, thật là không lợi cho mình. Tuy đưa ngu đại đến bậc nào cũng hiểu biết được. Ngày mồng tám tháng 11 nguyên-niên và ngày 21 tháng 2 năm thứ 2, nước tôi đã hai lần đưa thư qua nói rõ ý đó, mà để chậm lâu ngày không thấy trả lời, là vì cơ gì?

Ồi! đất Thượng-Tur (chỗ ở của Thánh-Hứa) cắt lấy bề dài vá qua bề ngang, không đến 200 dặm vuông; kể cả nhà, đếm từng người, không đầy 5.000 nóc nhà, chỉ là một ổ giặc ẩn-nấp mà Chấp-sự lại viện-trợ cho chúng nó.

Thánh-triều đối với Chấp-sự, Chấp-sự đối với Hoàng-Thánh-Hứa, ai trọng, ai khinh? Đất rộng cả thiên-hạ, người đông cả bốn biển mà so với đất Thượng-Tur bé mọn, ai lớn ai nhỏ? Bên trọng bên khinh, đủ thấy khác nhau sự khó dễ, bên lớn bên nhỏ, dù thấy phạn biệt nổi an nguy, không biết Chấp-sự toan theo điều khó mà cầu yên, hay là theo bên dễ mà chịu nguy ư? Bây giờ, tôi xin vì Chấp-sự thử vạch ra ba kế hoạch: hiện nay tên Thánh-Hứa, trời đất không dung, nhân-dân và qui-thần đều giận, thoát thân đi trốn, dựa vào chút oai linh đời trước để lại, như con chó chết bị trói cổ, nếu nó không đợi đem binh tới đánh, tự trói mình đến đầu hàng mà lui tới làm tôi, tử tế như cũ, đó là thượng-sách. Địa giới Thượng-tur liền với Chấp-sự, chỉ cần một vài người tả hữu đồng-ác với nó, dùng chước phỉnh dỗ nó về giấu trong nhà, nói rằng không cho ai nghe biết rồi như cơ-hội ấy, bắt mà cắt đầu đem hiến cho Triều-đình, đó là Trung-sách,... Nếu dùng hạng người gian những làm môi che răng, lấy hòn đảo ngoài biển làm giậu che nhà, giấu-giếm giúp-đỡ, mà không chịu đem nạp, rụt rè nghi ngờ mà chưa quyết đoán, như vậy bề trong đã mang tiếng dung-nạp kẻ bạn-thần, bề ngoài lại lỗi nghĩa thờ phụng Thượng quốc, ngồi chờ cùng nhau quyết một trận hơn thua, đó là hạ-sách. Hẳn như thi hành theo hạ-sách nói trên, thì tôi sẽ tâu lên Hoàng-đế rõ. Oai trời không lường biết được, hoặc có mối họa binh-cách, thì Chấp-sự phải lo sửa soạn chiến-thuyền, xây thành cho cao, đào ao cho sâu, nhà cửa kiên-cố, đồng ruộng trống không để chờ quân ta kéo tới mà đối-địch, tôi tướng dầu có mưu kế quý quyết đến bậc nào cũng không thể thi-thố như ngày trước được. Sở dĩ nói như vậy là vì quân đi chinh-phạt kẻ bạn nghịch thì có danh-nghĩa, mà đã có danh-nghĩa thì quân ra trận được hùng mạnh, sự thắng bại rất là rõ-rệt. Một khi quân nhà vua đến đánh thì các cánh quân đồng tiến, dày đập trên đất đai của khanh, phá tan hết nhà cửa của khanh, thì lẽ tất nhiên là mấy bức thành bằng ụ kiến, không thể nào chống cự với đại quân của Thiên-tử. Chấp-sự cũng sẽ làm như ngày trước, chở các vị thần-chủ đi, suốt cả nhân-dân từ già đến trẻ, chạy trốn nơi khác, đến nỗi sinh linh trong nước đều phải phơi gan trải mật chết chóc đầy đường, không lẽ vì có một đứa thất phu mà làm cho bao nhiêu người vô-tội cũng bị lây mỗi họa, vì nước vì dân, có ai làm như thế không? Tôi hiện nay đóng quân tại Tịnh Giang, để chờ sứ-giả tới. Viết thư này để tỏ ý thành thật của tôi, tuy hơi dài dòng, Chấp-sự nên cẩn-thận chọn lấy.

Năm Diên-Hựu thứ 3 (1316), Trung-Thư-Tĩnh Xu-Mật-Viên khiến chức Vạn-Hộ là Đãng-Dực, Lưu-Hưởng tên tự là Đạo-Tông và quan viên do Quảng-Tây Soái-Phủ phái ra là Triệu-Trung-Lương, sang điều-tra việc nước An-nam xâm phạm địa-giới; Sau đây là bức thơ của Lưu Thiên-Hộ (tức Lưu-Hưởng) gửi cho vua An-nam

Chúng tôi trộm nghĩ rằng: "nước nhỏ mà thờ nước lớn, là cái đạo sợ oai trời, dùng quân-lực để cầu sự tạm-an, không phải là cái mưu làm yên nước, những lẽ thuận nghịch phải cho rõ rệt, cái cơ an nguy phải xem xét đến.

Từ xưa nhà Hán đặt ra chín quận, nhà Đường đặt ra năm quận, nước An-nam là một quận hay quận nói trên, tức là một xứ mà thanh-giáo Trung-Quốc đã lan tràn tới.

Nay nhà Nguyên đã nhất-thống, văn-hoá đã hỗn-hợp với nhau, phương Đông tới Nhật-Bản, phương Bắc tới Sóc-Phương, các nước ở ngoài thanh giáo, từ xưa tới nay chưa từng nội-phụ, mà bây giờ

¹ Chấp-sự là người có phận sự làm một việc gì, ở đây nhà Nguyên dùng để gọi vua An-nam.

đã chịu đến làm tôi, tuy có tám nước mọi cây thể cứ-hiểu, không qui hàng, vì tội hậu-chí¹, mà nay đã bị tiêu diệt và đã làm quận huyện của Trung-Quốc. Duy có nước An-nam là nơi ky-mi, vẫn được hưởng quyền "phế-trí"², ơn khoan-hồng của triều-đình so với các tiểu-quốc khác, đã hơn nhiều rồi. Huống chi dân đông-tịch và cống-hiến phẩm-vật, sự phân-biệt giữa thượng-quốc và hạ-quốc xưa nay vẫn rõ-rệt; cống-phẩm của quý quốc vẫn bạc mà triều-đình trả lại rất hậu, như vậy, cái ân-huệ yên vổ của triều-đình cũng rất đầy đủ. Thánh-triều đối với quý-quốc có phụ bạc gì đâu. Nay vì sao không chịu yên giữ, lại muốn cầu thả mở mang bờ cõi, tuy một khoảnh đất trong sơn-thôn không trong hệ gì, nhưng quan-hệ đến bản-đồ của quốc-gia là việc rất lớn. Hơn nữa, những kẻ bị chém giết, bắt bớ, đều là dân của triều-đình, việc làm ấy cho là tâm-thường tiểu-khẩu, mà tội lỗi chât chứa thật to như gò núi, người có học-thức tất không ai làm như vậy. Tình-Viên được tin, nhưng nửa tin nửa ngờ, chưa dám tâu lên triều-đình, sợ Thánh-Thượng nổi giận lên chằng. Cho nên phái chúng tôi qua trước, xét nhận tình hình, nay mắt trông những việc đã làm đều có chứng-cứ hiển nhiên. Sự thể đến thế, há có thể để yên chằng? Không biết mưu mô làm điều phản-nghịch kẻ nào bày ra? Hoặc do người quốc-trưởng hay do quan-lại ở biên-quận gây ra, xin nói rõ cho chúng tôi biết để làm giấy thân trình. Ví bằng trở về điều thiện mà đổi điều lỗi, đem những nhân-dân bị bắt bớ cùng những ruộng đất bị chiếm lấy mà trả lại cho triều-đình, thế là chuyển họa làm phúc, thì quân hỏi tội cũng có thể hoãn lại được. Nếu như chấp-mê, không giác ngộ, còn tìm lời cãi lẽ, thì chúng tôi tâu về Thiên-triều, sẽ có ngày thi hành chinh-phạt.

Than ôi! Nước nhỏ của Chấp-sự so với cương-thổ của Thánh-triều, thật trăm phần chưa được một. Hơn nữa, quân lính có danh nghĩa hỏi tội, khi qua quý quốc, lẽ tất nhiên cũng quét sạch sào huyệt như núi Thái-Sơn đè trên đồng trống, lẽ gì mà không tan nát. Kẻ thức-giả nói quý quốc đã nguy ngập lắm, Chấp-Sự phải lo liệu ngay".

Lúc đó, Thế-Tử An-nam sai Triều-Thỉnh-Lang là Kháng-Tất-Quá, Phụng-Nghị-Lang là Đổ-Tắc-Dương qua dâng tờ điệp và các đồ vàng bạc, nhưng Lưu-Thiên-Hộ nhận tờ điệp và khước các tặng phẩm.

Tiền Triều Thư Sớ

Mân-Việt đánh Nam-Việt, Hán-Vũ-Đế cử binh đánh Mân-Việt, Hoài-Nam-Vương là Lưu-An dâng thư can vua đại lược nói rằng:

Bệ-hạ làm vua cả thiên-hạ, thi ân huệ, hoãn hình phạt, đánh nhẹ các thứ thuế, thương xót kẻ quan, quả, cô, độc nuôi ông già bà lão, chẩn tế người túng thiếu. Đức thịnh đầy nhẩy ở trên, ơn hoà khắp nhuần xuống dưới, người ở gần tới cầu thân phụ thuộc, người ở xa hoài-vọng đức-độ, cả thiên-hạ êm đềm, người được sống yên ổn, tự-tất suốt đời không thấy giặc là gì.

Nay nghe nhà đương cuộc cử binh, toan qua đánh nước Việt, tôi tên là An, trộm nghĩ mà lo cho Bệ-Hạ. Đất Việt ở ngoài địa-phương Trung-Quốc, dân họ đều cắt tóc vẽ mình, không thể dùng pháp-độ của Trung-Hoa là nước đại mủ mà cai trị được.

Từ nhà Hán định quốc đến nay là 72 năm, 2 nước Mân và Việt đánh nhau không biết mấy lần, nhưng Thiên-Tử chưa từng cử binh vào đất ấy. Nam-Việt không có thành quách, làng xóm, chỉ ở trong khe suối, hang đá và vườn tre, từ xưa tập luyện thủy chiến; đất đại ở sâu xa, tối tăm mà nhiều khe suối rất hiểm; sông núi cách trở gay go, cây cối rậm rạp, lui tới khó khăn không xiết kể. Mới trông qua, như tuồng là dễ, mà muốn tới thì khó khăn. Thiên-hạ nhờ anh-linh của tổ-tông, cả nước đều yên, người từ trẻ đến tóc bạc không hề thấy giặc, giữa nhân dân, vợ chồng và cha con đều được yên-ổn là nhờ ân-đức của Bệ-hạ. Người Việt tiếng là làm tôi, những đồ cống hiến không đem vô Đại-Nội, một tên lính cũng không dùng gì vào việc bề trên. Nay chúng nó đánh nhau, mà Bệ-Hạ đem quân ra cứu viện, tức là lấy người Trung-Quốc mà chiêu chuộng bọn mọi rợ. Hơn nữa, người Việt có tính khinh bạc, phản phục không

¹ Hậu-Chí: Đời nhà Hạ vua Đại-Võ hợp 800 nước Chư-hầu, chỉ có nước Phòng-Phong tới sau, bị vua Võ giết.

² Quyền "Phế-trí" tức quyền có thể tự lập hoặc tự phế vua.

thường, họ không tuân theo pháp-độ của Trung-Quốc đã lâu rồi. Hễ không phụng chiếu-chỉ, bèn cử binh qua đánh, thì tôi tưởng việc binh-cách không khi nào nghĩ ngơi được. Phát quân vào đất Việt là vấn-đề quan trọng, phải đi kiệu qua núi, chèo đò vào sông; đi vài trăm ngàn dặm toàn là tiếp giáp rừng sâu, tre rậm, dòng nước trên dưới đều vấp phải đá, trong rừng lại nhiều rắn độc, cọp dữ, đến mùa hè, trời nắng, thì sinh ra chứng thổ tả, hoắc loạn, gian-nan, vất vả và tật bệnh tiếp nối với nhau. Quân lính chưa từng cầm gươm giao chiến, nhưng người tử trần và bị thương chắc đã đông. Tôi lại nghe sau khi đánh giặc, ắt bị mất mùa, vì dân mọi người đầy khí sầu khổ, làm cho âm dương mất điều-hoà và ảnh-hưởng tới trời đất, do đó mà sanh ra tai hại.

Bê-Hạ đức sánh với trời đất, ơn thắm đến cỏ cây, có một người nào đói rét không hưởng trọn tuổi trời mà chết, thì cũng lấy làm thương xót, trong nước không trộm cướp gì đáng lo sợ mà lại khiến cho binh lính phơi thây nơi chiến-trường, tắm dầm chỗ hang núi, dân ở biên-giới ban ngày phải đóng cửa, tối đi làm ăn, mà vẫn không đủ ấm no. Tôi là tên An này, trộm nghĩ rằng Bê-Hạ nên trong việc dân là phải hơn. Tôi lại còn nghe nước Việt khác với Trung-Quốc, trời đã hạn cho một dãy núi cao, xưa nay không ai bước chân tới, xe ngựa không thông, hình như trời đất đã cách biệt nước trong và nước ngoài vậy. Huống chi phương Nam nóng nực và ẩm thấp, gần mùa hè thì khí độc và nóng này khó chịu, nhân-dân phải trần truồng ở dưới nước. Có nhiều sên, rắn và các giống sâu độc, bệnh dịch thường xảy ra, người chưa chết vì gươm giáo mà hai, ba phần mười đã chết bệnh; tuy lấy hết cả nước Việt, cũng không đủ bù lại sự hao tổn. Gần đây, tôi nghe người đi đường nói, vua Mân-Việt bị em là Giáp giết rồi Giáp lại bị diệt, dân đó chưa thuộc vào ai, nếu Bê-hạ phái một trọng-thần tới làm điều nhân-đức và treo thưởng chiêu-võ, thì dân đó từ già đến trẻ, tất sẽ đua nhau quy thuận Thánh-đức; nếu không dùng tới, thì nổi tiếp dòng vua đã đoạn-tuyệt, dựng lại nước đã diệt vong, lập Vương-Hậu, để bảo tồn nước Việt, tất nước Việt sẽ đem con cháu qua làm tin, chịu làm chư-hầu và dâng lễ cống. Như vậy, Bê-Hạ chỉ tốn một cái ấn tấc vuông và sợi giây gấm thêm một trượng hai (để vắn vào ấn) mà trấn ngự được một phương chư-hầu, không phiền một tên lính, không sờn một cây giáo, mà cả ân lẫn oai đều được rõ rệt. Đời Tần sai quan Úy là Đồ-Thư qua đánh nước Việt, người Việt trốn vào rừng núi, đánh không được, đóng quân ở đám đất không, lâu ngày quân lính mệt mỏi, rồi người Việt ra đánh, quân lính Tần đại-bại, bèn đem các người đi đày qua để giữ gìn. Trong lúc ấy, trong nước ngoài nước đều tao động, dân sự rối ren, người đi không về, kẻ qua không trở lại, người người không vui sống, đua nhau chạy trốn, đâm ra trộm cướp, gây thành mối hoạ tại Sơn-Đông. Lão-Tử nói: "Hễ quân lính ở đâu, mọc chông gai ở đó", là thế. Vì dụng binh là việc dữ, một chỗ có giặc, thì bốn mặt đều theo; tôi sợ đều biến sinh ra, trộm cướp nổi dậy, do nơi cuộc đánh Mân-Việt mà ra. Sách Chu-Dịch nói: "Vua Cao-Tông đánh nước Quỷ-Phương đến ba năm mới hơn được". Quỷ-Phương là nước mọi nhỏ mà Cao-Tông là ông vua cường-thịnh nhà Ân. Một ông vua cường-thịnh một nước lớn mà đánh một nước mọi rợ rất nhỏ, còn đến ba năm mới thắng, thì biết dụng binh không thể khinh thường được. Tôi nghe rằng: "đạo binh của Thiên-Tử có "chinh"¹ chứ không "chiến"², nghĩa là đi đánh đâu không ai dám đánh lại. Nếu như người Việt có đũa liêu chết, cầu may, nghịch với viên Chấp-Sự của nó mà xung phong đi trước, đầu một tên phu-xe, gặp khi không phòng bị, cũng giết được mà đem đầu về dâng lấy công. Như vậy tuy lấy được đầu của vua Việt, thì nhà Đại-Hán cũng lấy làm then. Bê-Hạ coi chín châu như một nhà, dân đâu cũng là thần thiếp cả. Bê-Hạ chỉ lấy đức hoá mà che chở, khiến nhân-dân đều an sinh lạc-nghiệp, ơn để muôn đời, truyền xuống con cháu vô cùng vô tận, cả thiên-hạ yên như núi Thái-Sơn, bốn phương ràng buộc lấy nhau, một cách vững vàng. Còn như cảnh thổ của mọi rợ, không đáng giá động phiền đến binh-mã một ngày.

Lúc bấy giờ quân nhà Hán chưa qua khỏi đất Lĩnh-Nam, vừa gặp dịp người em vua Mân-Việt là Dư-Thiên giết vua đem đầu nạp cho Vương-Khôi. Khôi nhân tiện đóng quân, cáo với Hán-An-Quốc và đem đầu về báo. Vua Hán ra lời chiếu bãi-binh. Sau đó khiến Nghiêm-Trợ tuyên lời dụ cho Nam-Việt. Vua Việt là Hồ cúí tạ nói: "Đức Thiên-Tử vì tôi mà dấy binh trị nước Mân-Việt, tôi không biết lấy gì báo đáp", rồi khiến Thái-Tử Anh-Tề qua Trung-Quốc cầu hầu vua Hán. Vua Hán ban lời khen ngợi ý-nghĩ của Hoài-Nam-Vương.

¹ Chinh: Tới mà chính tội-danh, người trên trị tội, người dưới phải chịu tội, không kháng cự lại, nghĩa là để giữ trật-tự.

² Chiến: Tới đánh có ý cướp đất đai của cải, cho nên phe bị đánh phải dùng võ-lực kháng-cự, có cuộc thắng bại, không kể trật-tự, ai mạnh nấy được.

Trong năm đầu hiệu Vĩnh-Nguyên (89), đời vua Hán-Hoà-Đế, các quan Lĩnh-Nam dâng những quả lệ-chi tươi. Đường-Khương dâng thơ can rằng: "Tôi nghe người trên không lấy đồ ngon vật lạ làm đức, người dưới không lấy sự cống hiến đồ ăn làm công, chúng tôi thấy bảy quận ở Giao-Chi dâng những trái long-nhã, lệ-chi, v.v... thì phải trong khoảng mười dặm để một trạm ngựa, năm dặm một nơi nghỉ, để tiện ngày đêm chuyển đạt. Xét lại đất Nam nóng nẩy, khắp các ngã đường đều có ác-thú, khiến cho nhiều người bị chết dọc đường; vả lại, hai vật này được dâng lên triều-đình, vị tất có thể làm cho sống lâu thêm". Vua Hoà-Đế bèn hạ chiếu nói rằng: "của quý của nước xa lạ mà đem về vốn để dâng lên phụng thờ tôn tổ; nếu có sự tổn-hại đến nhân-dân, thì trái với lòng thương dân. Vì vậy, hạ sắc dụ cho các quan lớn không nên cống-hiến lệ-chi và long-nhãn nữa".

Trong thời đại Hán-Thuận-Đế (126-144), dân ở quận Tượng-Lâm nổi giặc đánh giết quan Trưởng-Sứ, Thứ-Sứ Giao-Châu là Phàn-Điển thảo-phật mà không được thẳng, triều-đình đề-nghị sai các tướng phát quân lính ở châu Kinh, châu Dương, châu Duyện và châu Dự, cả thảy 40.000 người tới đánh giặc ấy. Lý-Cổ bác lời nghị ấy và nói rằng: "Đảng trộm cướp ở châu Kinh, châu Dương đương còn kết bè kết lũ, chưa tan rã, quân mọi rợ ở quận Võ-Lãng và Nam-Quận chưa được xếp đặt yên-ổn; quận Trường-Sa và quận Quế-Dương hay bị mây chuyển trưng binh, nếu sinh ra việc tao-động gì, ắt lại thêm sự hoạn-nạn, ấy lẽ thứ nhất không nên làm. Người ở châu Duyện và châu Dự đi xa đến 10.000 dặm và không có kỳ-hạn trở về; nếu hạ chiếu để cưỡng bách họ ra trận, thì họ phải làm phản trốn đi, ấy là lẽ thứ hai không nên làm. Thủy-thổ ở Nam-Châu ẩm-thấp lại thêm dịch-lệ, sẽ làm cho trong mười người phải chết bốn, năm, ấy là lẽ thứ ba không nên làm. Đường đi muôn dặm, quân lính mỗi mệt, vừa tới miền Lĩnh-Ngoại đã không còn sức để đánh giặc, ấy là lẽ thứ tư không nên làm. Mực đi của quân-lính một ngày là 30 dặm, mà từ Châu-Duyện, châu Dự tới quận Nhật-Nam cả thảy 9.000 dặm, vậy phải đi 300 ngày mới đến; mỗi người ăn một ngày hết 5 thăng gạo, vậy phải dùng gạo đến 600.000斛, chưa kể vật-thực của các tướng, lại, ngựa và lừa, hễ cử binh thì sở-phí như thế, ấy là lẽ thứ năm không nên làm. Đặt quân lính trú tại đâu, ắt là người bị chết số đông, đã không đủ sức chống với địch, thì phải phát thêm quân và dân ở đó để sung vào quân ngạch, như vậy, đã là một việc không thể kham được, phương chi lính bốn châu mà đi cứu tai-nạn ở quảng đường muôn dặm, lao khổ biết chừng nào, ấy là lẽ thứ sáu không nên làm.

Ngày trước Trung-Lang-Tướng là Doãn-Tự tới đánh mọi Khương làm phản ở Ích-Châu, dân Ích-Châu cảm hờn mà ca rằng: "Tặc lại thượng khả, Doãn lai sát ngã" nghĩa là quân giặc tới còn dễ chịu, ông Doãn tới là giết ta. Rồi Tự bị mời về, quân lính thì giao cho Thứ-sứ sở-tại là Trương-Kiều đốc suất, Kiêu nhân những tướng tại đó, trong một tháng thì quét sạch bọn trộm cướp; điều ấy chứng tỏ rằng sai tướng ra dẹp loạn là vô ích, không bằng sự hiệu-nghiệm của các quan tại châu quận. Vậy nên chọn người dũng-lược, nhân-tử giữ chức Tướng-Suý, Thứ-sứ và Thái-Thú, dẫn quan và dân Nhật-Nam sang quận Giao-Chi, chiêu tập dân man di, khiến cho họ cùng đánh nhau, một mặt khác đem vàng bạc tơ lụa để làm quân nhu. Nếu có kẻ nào dùng mưu phản-gián, đem đầu giặc đến dâng nạp, thì thưởng cho nó bằng cách phong chức tước và ban cho đất đai.

Ngày trước có Chúc-Lương làm quan Thứ-Sứ tại Tịnh-Châu, có tính dũng-quyết, Trương-Kiều thì có công phá quân giặc, đều có thể dùng được.

Thuận-Đế hoàn-toàn nghe theo lời bàn của Lý-Cổ.

Bức thư của Viên-Huy, khách ngụ ở Giao-Chi hồi Hán mạt, gửi cho Tuấn-Quắc.

Sứ-quân ở Giao-Chi¹ học hỏi rộng rãi hơn người, thông thạo về môn chính-trị, ở trong thời đại loạn mà bảo-toàn một quận của mình cai trị hơn 20 năm, không có giặc giã gì, nhân-dân không ai thất nghiệp, người hành-khách tới lui đều được nhờ phước, tuy ông Đậ-Dung trước giữ đất Hà-Tây cũng không hơn được.

Quan Thái-Thú quận Giao-Chi và Hiệp-Phổ đời Ngô là Tiết-Tổng cùng Thứ-Sứ Lữ-Đại dẹp loạn của Sĩ-Huy, Lữ-Đại bị triệu về, Tiết-Tổng dâng sớ nói rằng:

¹ Tức chi Sĩ-Nhiếp.

Hồi xưa Đễ-Thuấn đi tuần phương Nam rồi mất tại Thương-Ngô, nhà Tấn đặt quận Quế-Lâm, Nam-Hải và Tượng-Quận, vậy thì bốn nước nói trên đã nội-thuộc Trung-Quốc lâu rồi. Triệu-Đà khởi nghiệp ở đất Phiên-Ngung, vỗ yên quân-trưởng Bách-Việt phía Nam quận Châu-Quan¹ cũng là trong phạm-vi của bốn nước ấy. Hiếu-Võ-Đế đời Hán giết Lữ-Gia, mở chín quận, đặt Giao-Chỉ Thứ-Sử để thống trị; sông núi dài mà xa, tập tục không giống nhau, người không có tôn ty, dân không biết lễ-nghĩa, dù có đặt quan cai-trị cũng xem như không có. Từ đó về sau, đưa phạm-nhân ở Trung-Quốc sang tạp cư với dân bản-xứ, dạy cho đọc sách, hơi thông hiểu các mục lễ-hoá. Kịp khi Tích-Quang làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, Nhâm-Diên làm Thái-Thú quận Cửu-Chân, dạy dân cày cấy, đội mũ đi giày, lập trường học, dạy bảo lễ-nghĩa, đến nay hơn 400 năm rất có hiệu quả, nhưng đất rộng người đông, núi rừng hiểm trở, dân dễ làm loạn và khó cai trị. Các quan huyện yên vỗ chỉ thị oai khiến phục-tùng; thân lấy thuế ruộng chỉ đủ nhu dụng mà thôi, còn việc cung nạp các loại thổ-sản như trân-châu, hương-liệu, ngà voi, sừng tê, san-hô, chim anh-võ, lông-trĩ, con công, các vật lạ, là để làm của báu, chứ không cần bắt họ nạp thuế nhiều để bổ-ích cho Trung-Quốc. Tiếc rằng tại xứ ở ngoài "Cửu-Điện"², sự lựa chọn quan lại không được cẩn thận, thời Hán, pháp-độ không được nghiêm, các quan-lai địa-phương thường hay làm việc trái phép. Tôi thấy Hoàng-Cái làm Thái-Thú quận Nhật-Nam, mới xuống xe đã đánh giết viên Chủ-Bộ ở quận ấy vì tội cung-đốn không được sung mãn, nhưng rồi cũng bị dân đuổi; còn Đam-Manh là Thái-Thú Cửu-Chân, vì cha người hầu là Châu-Kinh thiết tiệc và mời quan Thái-Sử đến dự, khi rượu ngon uống say, có đánh nhạc, công-tào là Phan-Hâm đứng dậy múa, biểu Kinh ra múa, Kinh không đứng dậy, Hâm muốn cưỡng bách, Đam-Manh giận giết Hâm; vì vậy, em Hâm tên là Miêu suất quân chúng đánh Manh, cho nên Thái-Thú Sĩ-Nhiếp phải phái quân tới đánh, nhưng không diệt được. Vừa quan Thứ-Sử là Châu-Phù dùng bọn người làng là Ngu-Bao, Lưu-Ngạn, chia nhau làm quan Trưởng-sử, xâm lấn ngang ngược với dân-gian, một con cá thia bắt đổi một học lúa, làm cho nhân dân căm hơn làm phản, rồi giặc ở núi đánh về cả châu cả quận, Phù chạy xuống biển, thất lạc mà chết. Lúc ấy, nhờ Bộ-Chất lần lượt xếp đặt, mới tái lập được trật tự và giềng-mối. Sau đó, Lữ-Đại dẹp yên cuộc loạn của Sĩ-Huy, mới đặt lại các Trưởng quan, nêu rõ phép vua, oai ra muôn dặm, nhân-dân các quận châu lớn nhỏ đều hấp-thụ được phong-hoá tốt. Coi như thế, sự vỗ-yên dân biên-giới là nhờ bởi người có tài-đức, hễ đặt quan đứng đầu các châu quận, phải chọn người có đức-tính thanh-liêm, tuy bề cõi ở xa, mà rất có quan-hệ đến cơ hoạ-phúc.

Nay nước Giao-Chỉ tuy rằng hơi tạm yên, mà còn có bọn giặc Cao-Lương ở đó. Còn bốn quận Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm và Châu-Quan đều chưa yên, vẫn còn giặc giả. Nếu Lữ-Đại không trở về Nam nữa, thì viên Thứ-Sử mới phải là người tài giỏi để cai-trị cả bảy quận và dùng mưu-trí, kế-hoạch, sắp đặt thế nào cho yên, mới có bổ ích. Hễ dùng người thủ-thường, không có thuật gì lạ, thì bọn dân cường bạo ấy càng ngày càng thêm.

Quan Trung-Thư-Thừa nhà Ngô là Hoa-Hạch tiến-cử Lục-Duệ và nói rằng: "Lục Duệ có tài thông đạt, có nết liêm-khiết, xưa đã từng trải công việc văn-phòng, điều hay giỏi hãy còn chép lại; trước đây, ở quận Giao-Châu, tuyên-bố được ân-đức triều-đình, khiến bọn lưu-dân đều qui-phục, các quận ở góc biển đều nghiêm-lặng, ở hơn mười năm, giữ gìn yên ổn, ông bỏ hết sự ham chuộng của quý. Sinh bình ông, ở trong không có bọn hầu hạ phấn son sắc đẹp, ở nhà không chứa những bữu vật như ngà voi, sừng tê và đồ châu ngọc, v.v... một vị nhân-thần giữa đời nay, thật khó được có người như ông ấy, nếu mời về trao cho nhậm chức cao trọng, thì việc triều-đình bất kỳ là việc gì, cũng hay tốt cả.

Nhà Tấn dẹp xong nhà Ngô, triệt hết quân lính ở các châu, quận, Thứ-Sử quận Giao-Châu là Đào-Hoàng dâng thư nói rằng: "Giao-Châu là dải đất chưa mở mang, ở một phương trời xa cách, phải hai ba lớp thông ngôn nói mới hiểu, liên-tiếp với mấy hòn đảo giữa biển, bề ngoài cách nước Lâm-Áp chỉ vài ngàn dặm, tướng mọi tên là Phạm-Hùng trốn chỗ hiểm trở, làm giặc đã mấy đời, tự xưng làm vua, hay xâm-phạm nhân-dân; địa giới liền với Phù-Nam, chủng loại rất đông, phân chia nhiều phe đảng, nương nhau chiếm cứ chỗ hiểm yếu, không chịu qui thuộc; hồi trước thuộc nhà Ngô, họ hay cướp bóc lương-dân, giết hại quan Trưởng-Lại. Tôi là con ngựa hèn bướng-bỉnh, hồi trước được nhà Ngô dùng để trấn-thủ tại phía nam, đến nay đã được mười mấy năm, trước sau có nhiều khi ra đánh, trừ được mấy

¹ Châu-Quan tức chỉ Hợp-Phổ. Thời Tam-quốc, nhà Ngô đổi tên Hợp-Phổ làm Châu-Quan.

² Cửu nghĩa là chín (9). Điện nghĩa là khu, cõi. Vùng quanh thành nhà vua cách 500 dặm gọi là điện. Ngoài cửu-điện nghĩa là ngoài 9 cõi, cũng như ngoài 9 châu, tức là những nước xa xôi.

đưa đầu sọ, nhưng còn một số vẫn trốn ở chốn thâm-sơn cùng-cốc, chưa trừ hết được. Ban đầu số quân lính do tôi thống suất là 8.000 người; nhưng Nam-thổ ẩm-thấp và nhiều khí-độc, và lại thường năm phải đánh giặc, khiến cho nhiều quân lính bị chết, hao mòn rất đông, hiện chỉ còn 2.400 người thôi. Nay bốn bề nhất thống, không nơi nào không qui phục, lẽ nên bãi bỏ việc binh-bị. Nhưng tôi thấy dân châu này ưa làm loạn, chưa nên giảm bớt quân lính tự làm yếu thế cho mình. Trong lúc yên lặng, biết đâu không xảy ra sự biến bất ngờ, tôi là người sống sót của nước Ngô mất rồi, thì bàn cũng không hiệu-lực gì".

Lúc bấy giờ, vua Tấn-Võ-Đế xuống chiếu y lời của Đạo-Hoàng.

Đời nhà Tề, Thái-Thú hai quận Hoài-Nam và Tuyên-Thành là Lưu-Thiện dâng tờ biểu nói:

"Đất Giao-Châu ở ngoài cõi hoang-nhàn mà hiểu trở, cuối đời nhà Tống chánh-sự khắc bạc, cho nên dân ở cõi ấy làm phản, nay thì nên dùng lối nhân-đức mà cai-trị, không nên sai tướng-sĩ đi xa, thêm sự mệt nhọc mà động tới chỗ gần, ... (đoạn này khuyết mất).

Tống Thái-Tông nội ngôi được năm năm, có ý muốn đánh lấy đất Giao-Chỉ, Vương-Võ-Xứng thư qua Giao-Chỉ dụ rằng:

"Trung-Quốc đối với các nước mọi rợ, cũng như thân-thể đối với bốn tay chân; khi vận-động co vào, duỗi ra, tùy lòng người ta, cho nên quả tim được gọi là ngôi của đế-vương. Ví-dụ: một người có một chân đau, mạch máu không chạy, gân cốt không yên, thì phải uống thuốc để trị cho lành, trị bằng cách uống thuốc chưa lành, thì phải châm chích cho thấu vào chỗ đau. Không phải không biết rằng dùng thuốc thì đáng cho lỗ miệng, châm-chích thì có hại cho ngoài da, nhưng sự thiệt hại ít, mà bệnh lành là được sự ích lợi to lớn.

Vua đối với thiên-hạ cũng như vậy.

Thái-tổ Hoàng-đế ta được nhà Chu nhường ngôi, thanh danh, văn-vật, biến đổi trở lại như xưa. Chức-vị của đế-vương như ông thầy chữa bệnh, trông thấy mọi rợ nào có chứng đau, thì tìm thuốc chữa, năm thứ nhất, thứ nhì, làm thuốc chữa cho Châu Lũng, châu Thục, châu Tương, châu Đàm; năm thứ ba, thứ tư, châm chích đất Quảng, đất Việt, nước Ngô và nước Sở; cơ-thể, gân, huyết, lành mạnh mau chóng, nếu không nhờ thần-cơ và tài lược của Vương-gia, có ai làm được như thế. Kịp đến nay Hoàng-đế nối ngôi, giữ nghiệp lớn, lấy toàn dân làm hậu thuẫn, chỉ châu U, châu Tinh là bệnh đau trong quả tim và gan ruột, bệnh ở trong tâm-phúc chưa trị thì tứ-chi làm sao chữa lành. Cho nên luyện phương thuốc nhơn-nghĩa, sửa soạn cái kim và mũi đá đạo-đức, chữa bệnh nơi gần cho thật lành mạnh, rồi điều-trị cả chín châu bốn biển, chẳng còn đau ốm gì. Xét lại Giao-Châu của Khanh ở cuối chân trời, nằm ngoài chín cõi, nếu so với thân người, thì chỉ bằng một ngón tay mà thôi! Dù chỉ có một ngón tay đau, thánh-nhân có lẽ gì mà không chữa. Vì vậy mà mở trí sáng suốt cho khanh, cho được thấm nhuần thánh-giáo của ta, khanh có theo chẳng? Phương chi đời nhà Chu, có sứ thần họ Việt-Thường qua dâng con bạch-tri, nhà Hán có xây trụ đồng để phân giới hạn, đời Đường thì thường gọi là nội-địa; đến cuối đời Đường, gặp nhiều khó khăn, chưa xếp đặt yên.

Nay gặp đời thánh-triều (nhà Tống), bao trùm cả muôn nước, cơ-nghiệp thái-bình đã được thực hiện. Lễ thờ trời đất sẽ được cử hành, chờ khanh đến châu ban cho tước lộc, nhưng vì khanh không chịu nội-phụ, gây ra một sự không hay, khiến cho ta phải buộc lòng chinh-phạt, tiêu diệt tiểu-quốc, khi ấy, thì đầu có ân-hận cũng không kịp nữa. Dù nước Giao-Chỉ, dưới nước sinh châu ngọc, ta cũng ném xuống suối; dưới đất sinh bạc vàng, ta cũng bỏ trên núi, nghĩa là ta không thêm lợi dụng của báu gì của khanh.

Dân của khanh ngẩng cổ mà bay, thì ta có xe và ngựa, dân khanh dùng mũi mà uống, thì ta có rượu thịt, để bỏ tục mọi rợ của khanh. ("Phi-cảnh" tức ngẩng cổ bay là người mọi rợ; còn tục dùng mũi mà uống, ở các man-liêu miền Giao-Châu và Quảng Châu, có loại này"); dân khanh cắt tóc, thì ta có áo mũ, dân khanh nói líu lo như chim, thì ta có thi thư, để dạy dỗ phong tục cho khanh. Đất Viêm-Giao, nóng bức, mờ mịt khói mù, thì ta đem chòm mây của vua Nghiêu, để rưới cơn mưa ngọt; khí độc dưới biển bốc lên, như lửa đốt nắng thiêu, thì ta lên cây đàn của vua Thuấn quạt ngọn gió êm. Khanh là ngôi sao mờ, không ai biết đến, còn ta là ngôi sao tử-vi để-tọa, các sao đều phải châu bạc chí-tôn; đất khanh

có giống yêu ma, người ta thấy quái dị mà sợ, thì ta đúc cái đỉnh lớn khiến cho chúng không dám làm hại. Vậy thì khanh phải ra khỏi hòn đảo man-di để xem lễ nhạc ở nhà Minh-Đường, Bích-Ung¹; bỏ lối ăn mặc đồ cỏ, lá cây, mà yêu chuộng đồ thêu thùa, áo xiêm long phụng; khanh có tới mà chịu làm tôi không, đừng để bị trị tội gấp; ta đương sửa soạn xe cộ, quân lính, xếp đặt chuông và trống, hễ theo ta, thì được tha tội, nghịch lại thì ta đánh, theo hay không theo, trong hai đường ấy, khanh hãy xét lấy.

Năm Thái-Bình-Hưng-Quốc thứ 5 (980), quân nhà Tống qua đánh Giao-Chỉ thất lợi, Điền-Tích dâng sớ nói rằng:

Nay đánh Giao-Chỉ không thành công, sách Xuân Thu có nói: "mòn quân phí của" và Binh-Thư có nói: "cùn gươm gải giáo" là thế. Tôi nghe Thánh Thiên-Tử không lo làm cho rộng bờ cõi, mà chỉ lo làm rộng nền đức nghiệp, theo cách dụng võ, có bảy đức² hay, Bệ-Hạ sao không suy rộng ra. Trời sinh giống mọi ở bốn phương, Bệ-Hạ lấy nước của họ, có bổ-ích gì. Nếu thánh-đức được ngày một canh tân, thì người xa tự nhiên tới triều-cống và ngoại quốc tự nhiên về đầu hàng. Nước họ sẽ có tật dịch, nước họ sẽ mất mùa. Sách Thượng-thư có nói: "duy người có đức mới cảm động đến trời", lại nói: "các nước mọi đều tới châu". Sách Chu-Dịch nói: "Thánh-nhơn làm việc trước trời mà không trái ý trời, hưởng chi là bốn giống mọi u?". Tôi thường đọc Hàn-Thi Ngoại-Truyện có nói: "Việt-Thường tới cống hiến, trải qua chín lớp thông-ngôn mới tới, Châu-Công hỏi vì duyên cớ gì mà đến, thì người đi sứ đáp rằng: "trời không có gió bão, không có mưa dầm, biển không có sóng dữ, đã ba năm nay, chắc là ở Trung-Quốc có vị thánh-nhơn làm vua, nên tới châu vậy". Xưa vua Thái-Tông đánh nước Liêu, Ngụy-Trưng can gián, kịp sau niên hiệu Trinh-Quán, thiên-hạ được thái-bình, nội-địa của Trung-Quốc gồm có 360 châu, lại có 200 "Ki-Mi" châu, mở đồn điền, phái lính thú, đều ở ngoài xa, không cần xuất binh mà họ tự cầu nội-phụ. Giao Châu là xứ biển, thủy-thổ đầy khí lam-chương, nếu đánh có thắng trận mà lấy, cũng như được đám ruộng đá; người đi tới không quen thủy-thổ, người ở đó không chịu được nửa ngày, quân lính đã đóng lâu, chết mất rất nhiều. Bệ-Hạ hãy nghĩ sự chinh-chiến là khổ sở, tiêu dùng lại tổn hao, nên thương binh sĩ, tiết nhân lực, chớ nên làm cùn gươm giáo mà phí của, cho lo yên trị bề trong, chiêu-tập người ở xứ xa đi tới, chớ hững hờ việc trong mà siêng năng việc ngoài. Nên hạ chiếu cho kẻ Chấp-Sự hoàn việc giết hại, không nên tức giận vì một nước man di nhỏ mà làm tổn thương thể-diện của triều-đình.

Vua Thái-Tông ban thư khen rằng: Điền-Tích phô bày việc đời xưa mà răn dạy cho đời nay, nói thẳng không giấu giếm gì; ở địa vị ngôn-quan, không tùng a với ai, thật là xứng đáng tư-cách một bề tôi can-gián, đáng khen chuộng. Đối với quốc sự, ta đã suy nghĩ chín chắn, mỗi khi cử binh đánh nước phản-nghịch, đều có lý-do, chớ không phải là việc vô danh-nghĩa. Nước Giao-Chỉ gần mấy năm nay, xảy ra việc tiếm ngôi cướp nước, tiếp tục không ngừng, theo lời tâu của Quảng-Tây-Chuyển-Vận-Sứ thì nhà Đinh-Triển bị giặc hãm hại, rối loạn không khi nào yên, nhân-dân ở nước ấy, không biết nương tựa vào ai, Phương chỉ trải qua mấy triều, nước Giao-Chỉ đã triều-cống không ngừng, ta làm nhân-chủ nở nào không cứu vãn, nên mới cho đạo quân ở biên-quận qua an-ủi dân ấy, mà không tham đất đai của họ, nay cho bãi quân rút về.

Năm Hy-Ninh thứ 9 (1076), nhà Tống, Trương Phương-Bình dâng sớ lên Thần-Tông luận về việc phòng ngự Giao-Chỉ có 10 điều, điều thứ 9 có nói:

Các vị tổ-tông bản-triều, mỗi khi gặp những việc lớn ở biên giới, từng đem ra bàn luận với nhiều người. Nay vì việc An-nam, ta đã dấy binh chinh-phạt là một sự phải vượt qua nguy-hiểm, lợi hại rất nhiều, nhưng Thánh-chỉ đã định trước, lời bàn trong nước đã đồng ý, vậy kính xin đặc biệt hạ chiếu-thư, khiến các bề tôi trong triều và ngoài quận, đều dâng lên kế-sách để tỏ đường lối của triều-đình là thăm dò ý-kiến của mọi người, ngõ hầu bốn phương biết ý của Bệ-Hạ là thận-trọng, ba quân biết lòng của Bệ-Hạ là nhân-ái và nhân đó xét lời phải trái, lại được biết tài trí của quần-thần. Người ngu lo nghĩ ngàn điều, tất có một điều phải lẽ, lựa chọn cái hay nhỏ mọn mà làm, không phải là vô ích.

¹ Nhà Minh-Đường, Bích-Ung là điện đài nhà vua, dùng để họp Hội-Đồng, tiếp tân, giảng sách, v.v... có đồ nhạc-khí, ca hát, có lễ-nghĩa, trật-tự, ...

² Bảy đức hay là: Cấm bạo, trấp binh, bảo đại, định công, an dân, hoà chúng, phong tài. "Xuất Tả Truyện Tuyên công năm thứ 12".

Bài sớ của quan Giám-Sát Ngự-Sử là Thái-Phụng-Hỷ trong năm Hy-Ninh thứ 10 (1077) dâng lên vua Tống-Thần-Tông về việc chinh phạt Giao-Chi lần thứ hai:

Tôi nghe Hán-nho nói rằng: "Đấng Thánh-nhơn lấy độ lượng bao dung thiên-hạ", trong truyện thì nói "sông, biển dung nạp những đồ ô uế, đấng quốc quân thì bao hàm cả sự trần cấu", xem thế đủ biết việc trị loạn giữa thiên-hạ là vô cùng, nếu so tính từng tí từng ly, thì sợ rằng không hợp với đạo-lý. Vì vậy, thánh-nhơn cho là phong tục ở chỗ hoang-phế nên lấy sự "bất trị" để cai trị, mà thiên-hạ đều được thống trị một cách yên ổn. Từ khi bọn giặc Giao-Châu không qui thuận, trong một góc nhỏ mọn, mà quân lính kế tiếp chết đường, người chuyển-vận lương hương cũng tiếp tục chết bệnh số nhiều, tổn phí của trong nước kể hàng ức vạn; trải năm nọ qua tháng kia, cũng đã mệt nhọc lắm rồi, mà sở đắc mấy châu Quảng-Nguyên mà thôi. Núi cùng biển độc, Giao-Châu là nơi vực sâu bụi rậm đầy đặc sương mù, hơi độc xông lên, làm cho điều quạ đang bay bị rơi xuống; khí ẩm-thấp, theo gió tràn lan làm cho người sinh bệnh; cơ hồ không phải một cảnh giới có người, tuy có lấy được hết toàn cõi cũng không ích gì cho thiên-hạ. Về vấn-đề trị tội An-nam, thì An-nam đã chịu lỗi rồi. Đời trước, mọi Tam-miêu không phục tùng, vua Thuấn chỉ đánh bảy tuần rồi lui quân về; việc làm hợp nghĩa, không gì hơn nữa. Bấy giờ hai tướng Quách-Quy, Triệu-Tiết, còn ở lại Giao-Châu, quân lính phải đi chưa trở về dinh ngũ, dư-luận huyền truyền, cho rằng Lý-Càn-Đức còn dụng kế tiềm tàng, chưa hẳn chắc đâu hàng, nên triều đình lại muốn đem quân tới đánh, ... không biết có phải thế không? Tôi nghĩ rằng tục mọi rợ ở ngoài khu-vực hoang-phổ, phải dùng thông-ngôn, mới tới xứ nó được; ở đời Tam-Đại (Hạ, Thương, Chu) đã có cách cai trị rõ ràng, chu đáo, nhưng cũng coi xứ ấy không đáng trị. Vì sao vậy? Là vì không muốn lấy việc nơi xa làm nhọc cho chỗ gần và lấy việc bên ngoài để làm phiền cho người trong nước.

Nay triều-đình lấy cớ bọn man di hay đi cướp bóc, nên đã thu hết đất của chúng và giết tên cầm đầu, nhưng bè đảng của chúng còn sót lại, sợ chúng ngày sau còn khởi sự làm loạn, thì chỉ dùng bọn Quy và Tiết để làm Thái-Thú, khiến chúng khiếp sợ cái oai lược của cuộc chinh-phạt mà không dám quấy rối nữa. Nếu vạn nhất có cuộc xuất-chinh lần thứ hai, thì tôi xin phải giảng bàn lo nghĩ cho kỹ-càng, cho người ở Quế-Châu và Quảng-Châu, yên nghĩ vài năm, chờ khi vết thương đã bình-phục, sẽ bàn lại việc chính-thảo, không nên khinh-suất, để tỏ độ-lượng to tát của Bệ-Hạ dung nạp cả những loài ô uế. Tôi thật người kiến-thức cạn, nói thô-sơ, có động chạm đến oai trời, xin chịu tội.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Ngũ Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Lục

Cổ-Ái Đông-Sơn Lê-Tắc Biên

Biểu Chương (Các Bài Biểu)

Năm Chí-Nguyên thứ 15 (1278), cô-thần họ Trần, Thế-Tử nước An-nam, dâng biểu lên Hoàng-đế Bệ-Hạ là Người được lòng trời yêu-mến. Trước kia thân-phụ tôi thuận về thánh-hóa đã hơn 20 năm, nhuần thấm nhân-ân, đức của Hoàng-đế như trời như đất, dung nạp ô uest, lượng của Hoàng-đế như bể như non. Một đời thân phụ tôi, đời ơn cảm đức rất hậu. Năm Chí-Nguyên thứ 14 (1277), thân phụ tôi thất lộc; trong giờ cuối cùng, bảo cô-thần rằng: "Bệ-Hạ khoan nhân đại độ, hay thương nước nhỏ, chắc con ngày sau sẽ được đời ơn như đời trước, ta chỉ ân-hận nay trời không cho thêm tuổi để phụng sự thiên-triều cho được lâu ngày". Tôi vừa gặp tang cha, vừa gặp kỳ cống hiến, không dám để sự lo âu dồn dập, nhân vì sứ-thần trước là bọn Lê-Khắc-Phục ở triều lâu ngày chưa về, để tiếp tục dâng lễ cống, nay sai Trung-Thị đại-phu là Châu-Trọng-Ngạn, Trung-Lượng đại-phu là Ngô-Đức-Thiệu làm Hành-Nhơn-Sứ đem biểu-văn và phương-vật tới triều-đình cống hiến, ấy là tuân theo chức-nghiệp của thân-phụ tôi và không dám sai lời dạy con lấy điều trung làm đầu. Nhân-dân ở tiểu-quốc đều nói rằng: "Việc cống hiến này chính là việc tôi noi theo chí-hướng và việc làm của thân-phụ tôi sau khi người đã qua đời. Bệ-Hạ thương người trung trực mà đùm bọc hơn nữa, thì tôi ở trong lúc bất hạnh lại được hạnh-phúc, ngóng cổ trông sang phía bắc, như trông mặt trời mặt trăng vậy".

Kịp đến năm Chí-Nguyên thứ 15, bọn Châu-Trọng-Ngạn chưa về, duy có thiên-sứ là Sài-Thượng-Thư đội chiếu-thư qua, cùng sứ-thần kỳ trước là bọn Lê-Khắc-Phục tới tiểu-quốc, tôi suất cả bách quan, nghinh tiếp đàng hoàng, đốt lò hương, bái đọc thiên- chiếu, thấy chiếu-thư dụ tôi phải vào châu, tôi ngạc nhiên kinh-sợ, mà nhân-dân cả nước nghe lời chiếu-thư cũng nhao nhao lên, sợ nổi mất vua, vì tôi sinh trưởng ở đất Việt-Thường, khí-chất mềm yếu, không quen thủy-thổ, không từ nắng mưa, nay nếu vào châu, tuy được xem quang cảnh của Thượng-quốc, được làm tân-khách của nhà vua, nhưng sợ trở ngại dọc đường, luống phôi xương trắng, chỉ làm cho Bệ-Hạ thêm lòng thương xót mà không ích lợi gì cho thiên-triều trong muôn một vậy. Thế-thống của Bệ-Hạ, to như bầu trời, tôi thờ Bệ-Hạ cũng như thờ trời, tuy rằng trông lên thăm thăm chín lớp xanh xanh, mà sự kính sợ oai trời, chưa khi nào dám lờn dễ, như tuồng cách mặt chỉ trong thước tắc, mà ơn của vua, khi nào cũng ghi chạm trong lòng. Xưa làm tôi nhà Thành-Châu qua mấy lần thông-ngôn tới triều-cống, đời vua Hán-Võ-Đế thì bỏ qua không quan tâm, vì thương nước nhỏ, ở chỗ đường sá xa xuôi, núi sông cách trở, cho nên tha thứ cả. Ngày nay, Bệ-Hạ trị vì, bất cứ nơi nào mà xe đồ đi tới được, sương móc xuống được, có mặt trời mặt trăng chiếu bóng xuống, thì thày đều qui phục, so với đời Châu, đời Hán lúc xưa, đã hơn đến mấy trăm vạn phần, từ khai-thiên lập-địa đến nay, chưa hề có một thời kỳ nào nhất thống thiên-hạ to lớn như ngày nay.

Bệ-Hạ thi-hành nhân chính, trước hết ắt là thương những người quan, quả, cô, độc, kịp đến sâu bọ cỏ cây cũng nhờ ơn vua mà yên sự sinh sống. Tôi là người có tội với trời, chỉ sợ rằng không thấm nhuần được nhơn-đức của Bệ-Hạ. Chính trị của Bệ-Hạ hay hơn nhà Châu, nhân-đức sâu hơn nhà Hán. Tôi cúi đầu trông mong Bệ-Hạ thương đứa cô thần hèn yếu, xét chỗ tiểu-quốc xa xuôi, cho tôi được ngang hàng với hạng người quan, quả, cô, độc giữ yên tánh-mạng, để thờ Bệ-Hạ tròn niềm chung thủy, ấy là sự may mắn của tôi, mà toàn dân tiểu-quốc cũng được hưởng đại-phúc vậy.

Năm Chí-Nguyên thứ 29 (1292), Thế-Tử nước An-nam là vua Trần dâng lời biểu nói rằng:

Tôi là đứa con mồ côi "lục-xích"¹, trước nhờ giáo-huấn của cha về việc làm tôi với thiên-triều, không nên một năm nào bỏ hờ sự cống hiến, lời dạy ấy tôi luôn ghi nhớ không bao giờ lãng quên. Vì tội "ngộ-tiêm"², cho nên tôi sai Trung-Lượng đại-phu là Nghiêm-Trọng-Duy và Hữu-Võ đại-phu là Trần-Tử-Trường, trong tháng chín năm Chí-Nguyên thứ 27 (1290) đem phượng-vật qua triều-cống, trước để hết lòng trung-thành phụng-sự Bệ-Hạ, sau để nối theo chí hướng của tiên-nhân. Kịp tháng 2 năm nay, Thiên-sứ Chính-ngự đại-phu là Trương-Hiển-Khanh và quan Phụng-Thuận đại-phu là Bất-Nhãn Thiếp-Mộc-Nhi đem lời Thiên-chiều và các vật ân-tứ cùng bọn Nghiêm-Trọng-Duy về nước. Các tôn-tộc, quan lại, nhân-dân và kỳ-lão ở tiểu-quốc ra đón tiếp vui mừng mà nói với nhau rằng: "đức Thánh-thiên-tử lấy lòng nhân mà thương kẻ cô, lấy đức khoan dung mà đãi người dốt, chắc dân-chúng sẽ thoát khỏi cảnh lầm than mà sung sướng được", tôi cùng nhân-dân tiểu-quốc đều không thể không kính sợ việc đó.

Ngày trước thân-phụ tôi còn sinh-tồn đã từng khiến sứ-thần dâng lời biểu tâu lên, lúc đó, tôi chưa dự việc chính sự, thành thử không biết, chúng tôi nhắc chuyện lại, không dám đổ lỗi cho cha, để tránh lỗi cho mình. Vạn nhất được thiên-triều tha thứ là sự may cho tôi; nếu không, thì tội của tôi đáng bị xử-tử. Còn việc dụ tôi thân-hành qua châu triều, Thánh-thiên-tử sẽ không tiếc vương-tước, ấn-tín, và phong đất cho như cũ, thì tôi cùng tôn-tộc, quan lại ở tiểu-quốc sau khi nghe được như hồn vía được yên, như chết đi sống lại, cho rằng thiên-triều nếu không nghĩ đến, thì sao được lời dụ như thế.

Lúc ông nội tôi còn sống, Thiên-triều đã khen là có nết trung-cần, thương vì ở chỗ xa cách, bỏ qua mọi việc, không chấp nê gì, cho nên trong năm Trung-Thống thứ 2 (1261), có xuống lời chiếu phong vương tước, ban phù-ấn, lại có sắc riêng nói rằng quân Thiên-triều không vào tiểu-quốc và các tục cũ về y quan, lễ nhạc, đều không thay đổi, nhờ vậy ông nội tôi được yên-ổn trị nước, sinh linh đến nay được nhờ không ít.

Trong đời thân-phụ tôi, không may quân-tướng ở biên-giới làm loạn, nhưng đối với việc phụng-sự thượng quốc vẫn thủy chung như nhất. Kịp đến đời tôi, tự thay cha tôi giữ bờ cõi, may được thiên-triều thương đến; hơn nữa lại biết tôi sinh trưởng ở xứ xa ngút, không phục thủy thổ, không quen nắng mưa, các sứ-thần ở tiểu-quốc qua lại, thường thường trong mười người, vì lam-chướng mà chết sáu bảy người. Nếu tôi không biết tự lượng sức mình, thì chỉ chết dọc đường, rốt lại không ích lợi gì cả. Và lại, tiểu-quốc là một nước mọi-rợ, phong-tục bạc ác, hễ một ngày xa cách, thì anh em mặc dầu, cũng không dung thứ cho nhau. Thánh-Thiên-tử như nuôi loài vật, thương kẻ cô-đơn, tuy một người tôi ở tiểu-quốc, cũng không bỏ sót, huống chi ông cha tôi đời đời phụng-sự triều-đình, không nỡ nào khiến tôi liêu-phối thịt xương, bỏ hoang xã-tắc.

Than ôi! người ở thế-gian mà được gặp mặt thánh-nhơn, sách Phật cho là đại-phước, sách nho gọi là cuộc gặp gỡ trong khoảng ngàn năm mới có một lần. Tôi há không muốn xem cảnh phong-quang ở Thượng-quốc, gội ơn mưa móc của Thánh-Triều, đại gì trái ngược mệnh-lệnh để mang họa? Nhưng có mặt trời ở trên soi xét, thấy thương tình mà nói, chỉ vì ham sống sợ chết, mà đắc tội với Thánh-triều. Chúng tôi ở góc biển chùn trời, được sự che chở khoan dung là nhờ có Bệ-Hạ soi sáng như mặt trời, mặt trăng, bao dung như trời cao, đất rộng, nếu không thì nghiêng hết nước biển cả bốn phương cũng không đủ rửa tội của tôi cho sạch.

Tôi tâu nói hết lời, nhường như phơi bày gan phổi, mong mọi Bệ-Hạ thương người cô quạnh, niệm cảnh khôn cùng, xét lòng ngay của tôi, tha hẳn tội nặng, cho tôi được kéo dài hơi thở, tận tâm phụng sự đại-quốc, trăm họ được bảo tồn tánh mạng, hưởng phúc đức hiếu-sinh. Như vậy thì chẳng những một mình tôi nát thịt tan xương mới mong báo đáp công-đức của Bệ-Hạ trong muôn một, mà cả thiên-hạ đều muôn miệng một lời, chúc tụng Bệ-Hạ thánh thọ đến muôn ức năm.

Tháng 3 năm Chí-Nguyên thứ 30 (1293), Thế-Tử An-nam họ Trần bách bái tâu rằng:

¹ Lục-xích nghĩa là 6 thước, tức chỉ người còn nhỏ, người lớn thì bề cao từ 7 xích trở lên. Theo sách "Tiên-Hán Luật-Lịch-Chỉ" thì một hạt lúa "thứ" là một phân, 10 phân là một thốn (tấc), 10 thốn là một xích (thước).

² Ngộ-tiêm nghĩa là chưa có sắc mạng của triều-đình mà tự tiện lên ngôi.

Kể có vài mươi năm nay, tội lỗi lút trời của cha con tôi, đến nay được tha bổng như nước đá tan. Người chết cũng như người sống, đều được ơn tái sinh của trời đất cha mẹ.

Lời dụ của Trung-Quốc nói rằng: "Phàm loại có tánh mạng, há có lẽ nào an toàn được lâu dài". Tôi và sinh linh toàn quốc lấy làm kinh sợ, thất vọng, chẳng biết tính sao. Nhưng tôi nghe rằng xưa nay không có đất bất tử, mà nơi cậy nhờ được là chỉ có trời hiếu sinh. Thánh Thiên-tử dựa theo lòng trời, thương người cô-đơn, rộng lòng nhơn-ái, thì vật gì cũng lâu dài, cũng an-toàn, cũng sinh-tồn được cả; nếu không thế, thì đi đâu mới không phải là đất chết.

Thiên-chiêu lại nói rằng: "chúng tôi theo lối hư-vấn, hăng năm cống hiến, lựa lời khôn khéo, đối với bề trên, chứ không có nghĩa lý gì", tôi đọc đến đoạn ấy, thì máy mắt sững sờ, gan mật rơi rớt, nghe lời chiếu-chỉ ấy, thấy sự bất hạnh của một mình tôi không chi lớn bằng, đã không được sống tại triều-đình của Thiên-tử, sở dĩ bày tỏ lòng thành, chỉ có đồ vật thổ-nghi dâng lên mà thôi. Tôi há không biết Thánh-triều ví như cả bầu trời che phủ, các nước từ đường muôn dặm, trèo non vượt bể, tới dâng các đồ kỳ lạ và quý báu, không thiếu thức gì, cần chi đến đồ-vật cống hiến của tiểu-quốc tôi sao? Nhưng tôi không nghĩ đến tội lỗi, mà cứ mạo muội dâng lên là vì nghĩa thờ vua, không thể bỏ hở được vậy. Tuy lời chiếu trách rằng không có nghĩa-ly, nhưng lòng bề tôi không dám sai chút phạm. Tôi cúi đầu trông Hoàng-đế Bệ-Hạ suy lòng cha mẹ, mở lượng đất trời, dung nạp hạng người ô uế, giúp thương những kẻ sinh-tồn, làm cho mọi người thành tâm qui thuận và cho tôi một đạo sắc-phong kế nghiệp như trước, để cho tôi đối với trên, được thờ trời hết dạ trung-thành, đối với dưới được thừa-kế chí-hướng tổ-tôn, há có phải một mình vì-thần được kéo thêm hơi thừa sống sót, mà tất cả muôn ngàn sinh mạng đều được hưởng đại đức hiếu-sinh của trời đất. Phạm hèn chó ngựa, kêu gào đến bực Thánh-Minh, dầu xuống suối vàng thịt nát xương tan cũng không đủ báo đáp Thánh-ân.

Lời biểu của vua An-nam chúc hạ Vạn-Thọ

Nhờ ơn trời, Hoàng-đế Bệ-Hạ được hưởng thọ ức vạn ngàn năm.

Phục-dĩ:

Tám ngàn năm mới giữa sơ-tuần, tuổi ức vạn, lâu dài Thánh-thọ;
 Bảy trăm dặm ở ngoài hoang-vực, chúc đôi ba, theo dõi Hoa-Phong¹
 Muôn nước đều mừng;
 Nghìn xưa chưa có.
 Chúng tôi
 Hân hoan tỏ dạ;
 Kính cẩn cúi đầu.
 Cung duy Hoàng-đế Bệ-Hạ,
 Ngày tiến thông-minh;
 Trời cho trí-dũng.
 Một cơn giận dẹp yên thiên-hạ;
 Năm điều phúc thấm khắp nhân-dân.
 Thống-nhất bốn phương trời, kể hơn cả Hán, Đường, Tấn, Tống;
 Đồng-nhân mọi nước nhỏ, chẳng khác gì Nghiêu Thuấn, Vũ, Thang.
 Có ân có oai;
 Được danh được thọ.
 Chúng tôi
 Phương Nam ngời giếng;
 Hướng Bắc châu sao.
 Ba mươi năm ty-tiện yên mình, khăng-khăng phạm dưới;
 Một tắc dạ trung thành thờ chúa, lồng lộng trời cao.
 Bày tỏ lòng son, luống mong được về châu kim-khuyết;
 Kính dâng bình ngọc, xa trông cho mở rộng Thiên-Môn.

¹ Xưa vua Nghiêu đi tuần thú đến đất Hoa, có quan Phong-Nhân (chức quan coi giữ đất đai) chúc mừng vua đa phú, đa nam và đa thọ, nghĩa là giàu có, nhiều con trai và sống lâu, đời sau gọi là "tam đa".

Chúng tôi ăn chay, tắm gội, tự tay soạn tả bài chúc tụng này, làm bằng sách vàng, đựng trong hộp vàng, sai sứ-thần là Đào-Tử-Kỳ trân trọng dâng biểu xưng hạ.

Ngày 4 tháng 3 năm Chí-Nguyên thứ 30 (1293) vua Trần nước An-nam dâng lời tấu nói rằng:

Chúng tôi liều chết, trăm lạy tâu lên như sau:

Trong ngày 14 tháng 2 năm nay thấy Thiên-sứ là quan Lại-Bộ Thượng-Thư Lương-Tăng, quan Lễ-Bộ Lang-Trung Trần-Phu đệ tử chiếu-thư đến hạ quốc. Tôi kính-cẩn suất cả tôn-tộc và quan-lại, vội vã ra đường xông hương nghênh tiếp, khi đến nơi đường đi có trái nệm, tôi ba lần hô vạn tuế và quì lạy, kính đem ra tuyên-đọc, thấy lời thiên-chiếu nói rằng: "Tội-lỗi của nước khanh đã biết tự thú nhận rồi, thì ta không trách phạt nữa". Thánh Thiên-Tử rộng lượng bao dung như thế, chúng tôi mừng rỡ, không xiết kể, lấy gì mà tỏ lòng cảm tạ trong muôn một.

Bài biểu của An-nam Thế-Tử họ Trần mừng vua Thành-Tông Hoàng-Đế lên ngôi trong năm đầu hiệu Nguyên-Trinh (1295)

Rồng bay chín lớp, trên ngôi vàng trở lại tiết trời xuân;
 Ngựa ruổi ngàn non, trước cửa ngọc kính dâng lời biểu hạ.
 Một người có phúc;
 Muôn nước đều yên.
 Khâm duy Hoàng-đế Bệ-Hạ
 Văn-trị rục rỡ quốc-trung;
 Nhơn-đức thấm-nhuần hải-ngoại.
 Sẵn-lòng giữ đạo, nước xa gần, một mực thảy yêu thương;
 Đẹp võ dùng văn, quân nhân nghĩa, bốn phương đều nghỉ rảnh.
 Thật mở rộng nhân-tử đại-độ;
 Làm sáng thêm công-đức tiên-vương.
 Giông-tổ tạnh cơn, nhuần ơn vũ-lộ;
 Đất đai phong tước, tỏ lượng càn-khôn.
 Đổi mới cho dân;
 Mưa xuân cho vật.
 Chúng tôi
 May gặp thời bình;
 Mừng nghe lệnh mới.
 Xem trời cửa Bắc, trông ngôi sao Bắc Cực xiêu lòng;
 Giữ đất phương Nam, xin dâng chén Nam-Sơn chúc thọ.

Vua An-nam họ Trần dâng biểu xin kinh Đại-Tạng.

Tôi ở nơi viêm nhiệt hoang vu;
 Ngày trước đã qui-y phật-pháp.
 Hâm-mộ tụng kinh bối-diệp¹;
 Truyền-bá tử nước Trung-Hoa.
 Nhớ Đường, Tống thời xưa, chở kinh sang có đàn ngựa trắng;
 Từ đại-binh kéo đến, thì lửa cháy hóa đồng tro tàn.
 Ôi! Chử huyền-vi đã chẳng được xem;
 Thời ý màu nhiệm trọn khôn tìm thấy.
 Như vào nhà tối mà không đuốc tuệ;
 Như qua biển khổ mà thiếu thuyền từ.
 Xin nghĩ đến tiểu-bang;
 Không có Kinh Đại-Tạng.

¹ Lá cây bối-đa bên Ấn-độ, xưa dùng để viết Kinh Phật.

Nếu chẳng cầu xin trên Đại-Quốc;
 Lấy gì giác-ngộ dưới quần-sinh.
 Khâm duy Hoàng-đế Bệ-Hạ:
 Là vua Ngu-Thuất đương thời;
 Là Phật Thích-Ca tái-thế.
 Giàu lòng tế-độ;
 Rộng đức nhân-tử.
 May mà ban tiếng ngọc vàng;
 Mong được mở kho quý báu
 Từ cửa trời rơi xuống, xin cho một vạn năm ngàn quyển Kinh;
 Theo đường bể đưa sang, để cứu ức triệu nhân-dân khốn-khổ.
 Công-đức ấy hơn công-đức trước, rộng lớn không bờ;
 Thánh-nhân nay tức thánh-nhân xưa, lưu truyền tại đó.

(Lúc ấy quan Trung-Thơ vâng lời chiếu chỉ cho đưa Kinh sang).

Năm Chí-Đại thứ 2 (1309), An-nam Thế-Tử họ Trần dâng biểu chúc mừng Võ-Tông Hoàng Đế lên ngôi:

Chúng tôi nép mình trông thấy:

Rồng dưới vực cao bay, vâng mệnh trời ngự trên ngôi báu;
 Nhận trong đầm yên ngủ, đội đức nhân nhuần đến phương xa.
 Vang tiếng mừng reo, khắp cùng non bể;
 Thoã lòng ao-ước, tất cả hoa di¹.
 Kính vâng Hoàng-đế Bệ-Hạ;
 Thánh trở thông-minh;
 Trời cho trí-dũng.
 Dẹp yên họa loạn, oai linh rung động cõi ngoài;
 Ngồi hưởng thái-bình, thanh-giáo thấm-nhuần đất Việt.
 Chế-độ phỏng theo đời cổ, làm cho thêm rộng, thêm xa;
 Chính-trị đổi lại thời tân, sắp đặt vào khuôn vào khổ.
 Khắp hoàn-hải chung đường văn-hoá;
 Vững cơ-đồ như núi Thái-Sơn.
 Đức ở một người;
 Phước ra muôn nước.
 Chúng tôi: mấy đời giữ đất;
 Một dạ thờ vua.
 Trông mặt trời soi thấu hang sâu, trung-thành tỏ dạ;
 Cùng dân-chúng ở nơi góc bể, chí-đức ghi ơn.

Năm đầu Chí-Thuận (1330), An-nam Thế-Tử họ Trần dâng biểu chúc mừng Văn-Tông Hoàng-đế lên ngôi.

Vận mở thánh thần;
 Tài gồm trí dũng,
 Nhân-đức sánh cùng trời đất;
 Giáo-hoá khắp cả Bắc Nam.
 Tiếng vang dội đời nay;
 Công cao hơn thời cổ.
 Người xa mến, người gần qui phục, kinh-luân đời Thế-Tổ dõi theo;
 Việc võ xếp, việc văn sửa sang, lễ nhạc hiệu Chí-Nguyên mở rộng.

¹ Hoa là Trung-Quốc, Di là mọi rợ.

Khấp nơi hoa hạ;
 Chung cảnh thái-bình.
 Chúng tôi:
 Ở nước dưới nhiều đời;
 Thờ vua trên hết dạ.
 Muôn dặm đường tuy xa cách, vén màn mây trông ngắm ngôi sao.
 Thước gang lòng chẳng đờn sai, đứng góc bể lạy châu mặt nhật.

Năm Chí-Nguyên thứ 31 (1294), nội-phụ An-nam vương là Trần-Ích-Tắc dâng biểu chúc hạ nhân dịp Tết Nguyên-Đán.

Phục-dĩ:

Tháng giêng là khí xuân hoà, nhân khiến muôn dân xem phép trị;
 Thượng-đế thương vì mạng lớn, tóm thu bốn biển đứng làm vua.
 Ngày Nguyên-đán vừa gặp chữ "Nhâm", đông-giao rước Chúa,¹
 Sao Thái-Tuế ở về hướng "Ngọ", nam diện xem triều²
 Khí âm-dương trên dưới giao-hoà; Nền văn-hoá xa gần hỗn hợp.
 Nay kính trông Hoàng-đế Bệ-Hạ: Có lễ có nhân; Vừa thần vừa thánh.
 Bền vững trên ngai đế-vị; Lâu dài vui đạo thánh hiền.
 Tám trăm nước châu-hầu, công-liệt sánh cùng Chu-Võ;
 Băm một năm thịnh-trị, qui-mô hơn cả Hán-Quang.
 Cối thọ cao thêm;
 Đài xuân vui khắp.
 Tôi là Ích-Tắc: Cỏ tranh dự phần phong tước³
 Hoa quì⁴ nghiêng hướng mặt trời,
 Lấy trung-thành báo đáp ơn sâu;
 Ngửa đức Thánh thắm nhuần ngoài cõi.
 Mừng vua Thánh gồm năm điều phước, xưa Cơ-Tử⁵ chép thiên Hoàng-Cực, nay nguyện theo đời;
 Phận tôi ngay quì lạy ba lần, trước Tề-Hầu⁶ giữ lễ tôn-quân, kính vâng mệnh-lệnh.

Năm Chí-Nguyên thứ 31 (1294), An-nam Quốc-Vương Trần-Ích-Tắc dâng lời biểu hạ nhân dịp Thành-Tông Hoàng-đế lên ngôi

Bẩm tính thông-minh; Nêu danh nhân hiểu.
 Ba mươi tuổi sức như vua Thuấn, ngày xuân thu dài vẫn còn dài;
 Tám trăm năm phước tự nhà Chu, gương nhật nguyệt sáng rồi lại sáng.
 Dòng thần thánh ông tuyền đến cháu;
 Đức cù-lao con báo ân cha.

¹ Ngày xưa kể đến ngày lập xuân, thì vua quan làm lễ nghênh-xuân (rước chúa xuân), ở phương Đông (Đông-giao).

² Thái-Tuế là một ngôi sao, năm nào thì ở về hướng nấy. Ví-dụ: năm Ngọ thì ở phương Ngọ (chính nam). Nam diện thì ngảnh mặt về phương Nam. Khi vua xem triều, thì ngảnh mặt về phương Nam.

³ Theo lệ xưa khi Thiên-Tử phong tước cho chư-hầu, thì ban cho một cục đất ở hướng được phong và một thứ cỏ tranh trắng (bạch mao), gọi là mao-thư.

⁴ Hoa quì là một thứ hoa luôn luôn hướng về mặt trời.

⁵ Cơ-Tử là con cháu nhà Thương, tức nhà Ân. Khi vua Võ-Vương nhà Chu diệt vua Trụ rồi làm vua, phong cho Cơ-Tử làm vua nước Tống (tức Đại-Hàn bây giờ) để thờ phụng tổ-tiên của nhà Ân, nhưng không phải là nước chư-hầu, mà là nước bạn. Trước khi qua nước Tống, Cơ-Tử có dâng cho Võ-Vương, một bộ sách Hồng-Phạm, nói tất cả các mục chính-trị, họa, phúc. Trong sách ấy có thiên Hoàng-Cực, có một tiết nói về năm điều phước, thứ nhất là Thọ (sống lâu). Sách ấy đến nay, trải mấy ngàn năm mà vẫn còn áp-dụng như thường, các nhà chính trị, kinh-tế, triết-lý Đông-Tây đều dùng để tham khảo.

⁶ Tề-Hầu tức là Tề-Hoàn-Công. Lúc nhà Chu suy, không nước chư hầu nào đếm xỉa đến vua Thiên-tử nữa, chỉ có Tề-Hoàn-Công đã đến sân châu, làm lễ bái trước Thiên-Tử.

Trong khi hưởng phước thái-bình;
 Vẫn giữ tấm lòng kế-thuật.
 Dấu thần-long¹, cõi mây năm sắc;
 Điem kim-kê² báo hiệu ân sâu,
 Chúng tôi:
 Trời Bắc gửi thân;
 Phương Nam phong tước.
 Đội ơn cao cả; Chưa chút đền bồi.
 Mừng chúa lên ngôi, lòng suy tôn chẳng khác gì tôi Hán;
 Trông trời gang thước, lễ hạ bái nguyện theo dõi Tề-Hầu.

Tháng năm mùa hạ năm Đại-Đức thứ 15, Võ-Tông Hoàng-Đế lên ngôi, An-nam-vương Trần-Ích-Tắc dâng tờ biểu chúc hạ³

Phục dĩ:

Mừng vận nước sinh ra bậc thánh, vừa mới lên ngôi;
 Vâng mạng trời chịu lấy ngôi vua, lâu dài nối nghiệp
 Đất trời giúp đỡ;
 Muôn nước vui mừng
 Khâm duy Hoàng-đế, Bệ-Hạ;
 Bậc thánh thông-minh; Đấng người công-đức.
 Oai trời rung động, cơ-đồ thêm bền vững non sông;
 Ơn chúa dồi dào, dân chúng thấy thấm nhuần mưa móc.
 Huy hiệu dâng lên đức Mẹ;
 Hiến-chương theo dõi Vua Ông.
 Chúng tôi:
 Tranh cỏ dự phần; Hoa quì dựa bóng,
 Chăm chăm ngó trước, dầu xa xuôi cũng sắp với hàng loan; (chim loan, tỳ với hàng vinh quí).
 Vội vội trông lên, xin khúm núm lạy quỳ theo dáng cọp. (con cọp, tỳ với bề tôi trung, dũng).

Tháng 3 mùa Xuân năm Chí-Đại thứ 4 (1311) Nhân-Tông Hoàng-đế lên ngôi, An-nam-vương Trần-Ích-Tắc dâng biểu chúc hạ.

Phục dĩ:

Đời thịnh sinh ra bậc thánh, lên ngai vàng xem cả bốn phương;
 Mạng to bền vững ngôi vua, đỡ đỡ bản rạng xem muôn nước.
 Non sông được phước; Tôi dưới thêm mừng.
 Khâm duy Hoàng-đế Bệ-Hạ:
 Công-nghiệp thần, được trời theo giúp;
 Tư-chất thành, mỗi ngày một thêm.

¹ Thần-long: con rồng thần, rồng là linh-vật, đứng đầu tất cả mọi loài. Người ta ví vua với rồng, bề tôi với mây. Hễ rồng hiện thì có mây theo.

² Kim-kê: Con gà vàng. Sách Bắc-Tề-Thư chép: khi vua Võ-Thành lên ngôi, ban chiếu đại-xá, ngoài cửa điện có dựng một con gà vàng, vua hỏi ý-nghĩa vì sao, Tư-Mã-Ung-Chi tâu rằng: "Sách Hải-Trung Nhật-Chiêm có nói: Mỗi khi sao Thiên-Kê rung động, thì có ân-xá, các vị đế vương thể theo hiện tượng ấy".

Sách Đường-Thơ chép: "Ngày ân xá, ở phía Nam chỗ thiết nghi trường có dựng một con gà vàng trên một cây trụ "cam" dài 7 thước, con gà cao 4 thước, miệng ngậm một lá phướn sắc tía.

³ Các bản đều chép: "Năm Đại-Đức thứ 15" nhưng cứ xét thì Đại-Đức là niên hiệu của Thành-Tông Hoàng-đế chỉ có 11 năm (tức là từ năm 1297 đến năm 1307). Vì ngài mất vào khoảng tháng giêng năm Đại-Đức thứ 11. Như vậy chữ 15 chắc là chữ 11 mà chép lầm.

Vẻ tinh hoa như các vua trên, khắp ngoài quận trong triều chúc tụng;
 Lòng quảng đại noi theo nếp cũ, nhờ công cha đức tổ lưu truyền.
 Việc thầy canh tân; Đời thêm thịnh vượng.
 Chúng tôi:
 Phương Nam chịu tước;
 Cửa Bắc gửi thân.
 Mây gió gặp thời, mừng được chốn long-trì gần gũi;
 Nước sông về bể, nguyện chen hàng hổ bái¹ châu triều.

Tháng 3 năm Diên-Hựu thứ 7 (1320), Anh-Tông Hoàng-đế lên ngôi, An-nam-vương Trần-Ích-Tắc, dâng lời biểu hạ như sau:

Trời phủ ngai son, trên Đế-vị rồng bay chín lớp
 Bóng soi cửa tía, dưới vương-đình cọp lạy muôn năm.
 Cảnh vật xinh tươi;
 Cơ-đồ rộng rãi,
 Kính lên Hoàng-đế Bệ-Hạ:
 Cầm quyền muôn nước,
 Chịu lễ bốn phương.
 Để hiếu-tâm theo lối tôn thân, miếu hiệu đề thêm chữ tốt;
 Tha tội-lệ tỏ lòng nhân ái, dân-sinh thấm được ơn dày.
 Đạo kể truyền không đổi chí vua trên;
 Lượng quảng đại, lại thể tình tôi dưới.
 Chúng tôi:
 Chịu ơn tước cũ;
 Nương bóng nước trên.
 Thân cô-đơn lưu lạc từ Nam, nước sông Hán xin châu vào bể cả.
 Lòng trung-ái nghiêng về hướng Bắc, trông ngôi sao mà lạy trước sân châu.

Tiên Đại Thư Biểu (Thư và Biểu của đời trước)

Bức thư của vua Nam-Việt là Triệu-Đà dâng lên vua Hán Văn-Đế.

Tôi là Triệu-Đà, xin liều chết, hai lạy, kính dâng thư lên Hoàng-đế Bệ-Hạ:

Lão-phu này là một chức lại ở đất Việt xưa, Cao-Hoàng-đế cho tôi ăn ngọc tỳ, để làm vua nước Nam-Việt. Hiếu-Huệ-Đế lên ngôi không nữ dứt tình, ban thưởng cho tôi rất hậu. Đến đời bà Cao-Hậu coi việc nước, tách riêng xứ mọi rợ mà ra lệnh cấm bán cho nước Việt những đồ làm ruộng bằng kim-loại, lại cấm bán trâu bò dê ngựa về giống cái, nếu có bán chỉ bán con đực mà thôi, ... Lão-phu này ở nước Việt đã đến tuổi già, tự nghĩ rằng không lo việc cúng tế ông bà là tội đáng chết, nên sai sứ-thần là quan nội-sử tên Phan, quan Trung-Uý tên Cao và quan Ngự-sử tên Bình, tất cả là ba người, qua dâng thư chịu lỗi, đều không thấy trở về. Hơn nữa, được tin nói; phần mộ của cha mẹ tôi đã bị đào lên huỷ hoại hết, anh em giòng họ của tôi đã bị giết cả. Vì cố đó bắt buộc tôi hội-đồng với quan lại thảo luận rằng: nay đối với nhà Hán đã tỏ lòng xích-mịch, đối với các nước ngoài, không lấy gì làm thanh danh, nên đổi hiệu làm Hoàng-đế, làm vua Thiên-tử trong nước Việt, chứ không dám hại gì đến thiên-hạ. Cao-Hậu nghe được, cả giận, tước bỏ quốc-hiệu Nam-Việt, không cho sứ-thần nhà Hán qua lại. Lão-phu nghi cho Trường-Sa-Vương có lời dèm pha, nên cử binh đánh, phạm đến địa-giới.

Lão-phu ở nước Việt đã 49 năm, hiện đương bông cháu, tối ngủ sáng dậy, nhưng năm không yên chiếu, ăn chẳng ngon mùi, mắt không ngó tới sắc xinh đẹp, tai không nghe đến tiếng trống chuông,

¹ Hổ-bái: tôi lạy vua như cọp khom lưng.

là vì mỗi sầu không được phụng-sự nhà Hán vậy. Ngày nay, Bệ-Hạ thương tình, cho phục lại quốc-hiệu, cho đến chết còn ghi và từ nay xin trở lại tước vương, không dám xưng làm Hoàng-đế nữa.

Năm Thái-Bình Hưng-Quốc thứ 5 (980), Giao-Chi Đinh-Liễn (con Đinh-Bộ-Lĩnh) mất, em là Đinh-Triển lên làm vua, quan Đại-Hiệu là Lê-Hoàn cướp ngôi, vua Tống-Thái-Tông cử binh qua đánh, Lê-Hoàn giả lời của Đinh-Triển dâng biểu như sau:

Đời chịu ơn trên;
 Ở xa góc bể,
 Lãnh tiết chế trấn nơi mọi rợ;
 Lo cống-triều hết phận tôi con.
 Không ngờ gia vận chẳng may;
 Xui khiến phụ huynh gặp nạn.
 Tuy ngọc lụa tôi thường cống hiến;
 Nhưng đất tranh, trên chữa sắc ban¹.
 Trước kia, cha tôi là Bộ-Lĩnh và anh tôi là Liễn:
 Đều được ơn vua;
 Phong cho chức tước.
 Kính cẩn giữ gìn bờ cõi,
 Không hề trễ nải bỏ qua,
 Nhưng chưa lập được công lao;
 Bỗng đã xảy ra biến-cổ.
 Lúc ấy tôi:
 Cửa nhà sắp sập;
 Tang-chế đương còn.
 Mà những người trong nước,
 Nào là quan lại, quân dân;
 Nào là họ hàng kỳ lão.
 Cùng đến nhà ở chế;
 Xin quyền lãnh việc binh.
 Tôi từ chối nhiều lần;
 Họ nài xin tha thiết.
 Chưa kịp trần tấu;
 Vì sợ diên trì.
 Các bọn mọi rợ ở nơi khe động, núi rừng, tố-tính giao-hoạt, hung-ác;
 Không được thỏa lòng;
 E khi sinh biến.
 Vì vậy, tôi đã nhận chức Tiết-Chế-Hành-Quân Tư-Mã, quyền lãnh châu quân-sự,
 Nếp trông Hoàng-đế Bệ-Hạ:
 Ban cho sắc-mệnh;
 Vào hạng phiên-bang.
 Để tỏ ơn rộng lượng của Thánh-Triều;
 Ngõ thỏa lòng hết trung của thần-hạ.
 Như vậy tôi được:
 Nội truyền nghiệp trước;
 Vỗ trị dân Mường,
 Giặc giả dẹp yên, ngoài đồng-trụ ra công cảm-ngự;
 Ngọc ngà cống-hiến, dưới kim-môn tỏ dạ trung-thành.
 Kính mong Hoàng-đế Bệ-Hạ thương tình tha tội.

Năm Bảo-Hựu thứ 6 (1258), vua An-nam họ Trần dâng biểu xin nhường ngôi cho con.

¹ Đã chú ở bài biểu của Trần-Ích-Tắc mừng Võ-Tông Hoàng-đế lên ngôi.

Tôi nghe nói:

Làm người phải tri túc, nên thoái lui không đợi tuổi già;
 Sanh con có khả năng, thì giao phó nổi theo nghiệp trước.
 Đó là lẽ thường thiên-đạo;
 Lại thêm thuận cả nhân-tình.
 Nay tôi truyền vị cho con thơ;
 Kính cần tâu bày lên chúa thánh.
 Tự xét không công-nghiệp;
 Lạm mong phong tước hầu,
 Lãnh sắc-mệnh ở triều, mà chưa khi nào làm lễ vào triều;
 Tỏ trung-thành với nước, mà chưa khi nào đền ơn cho nước.
 Nay đương thời khó;
 Không xiết lòng lo,
 Thân liễu bỏ héo trước mùa thu, xin trao trọng trách;
 Lòng quỳ-hoắc¹, hướng theo mặt nhật, gần ánh thanh-quang.
 Trước chưa thỉnh-mệnh thánh-triều;
 Nay dám kính tâu Bệ-Hạ.
 Suốt ngày run sợ;
 Cúi bước lom khom,
 Kính dâng lễ mọn bao-mao²;
 Để tỏ lòng thành cần hiến³.
 Nếp trông Hoàng-đế Bệ-Hạ:
 Đèn trời soi sáng;
 Đức lớn thấm nhuần,
 Thương kẻ dưới trung-thành;
 Xét tình tôi ngu-xuẩn.
 Bao dung dân-chúng, học đế-vương thật đáng lưu-truyền;
 Cùng cứu cơ-vi, việc lớn nhỏ thả đều thanh thỏa.
 Ban cho áo mũ, ơn sủng-vinh rạng một cõi mán mừng;
 Bền tựa núi sông, lời minh-thệ để ngàn năm son sắt.
 Lòng tôi mong ước;
 Ý thánh chuẩn y,
 Thái-Thượng quốc-chủ hiệu phong;
 Chiếu-chỉ mười hàng trông đợi.
 Nếu được thoả tình ty-tiện;
 Thật là có phận vinh-quang.
 Tôi nguyện:
 Giữ dạ trung-trinh,
 Suốt đời ngay thẳng,
 Tấc lòng xin tạc đá ghi vàng; thường tưởng thấy đất trời che chở;
 Muôn một chỉ bụi hồng giọt nước, ngõ đền bồi non bể cao sâu.

Phụ chép lời biểu của nước Chiêm-Thành dâng lễ cống cho vua nhà Tống. (Nước Chiêm-Thành vốn là huyện Tượng-Lâm, quận Nhật-Nam. Cuối đời nhà Hán, người trong quận làm phản, xưng hiệu là nước Lâm-Ấp, đời sau nhân cuộc loạn, dời qua đất Chiêm, gọi là nước Chiêm-Thành)

¹ Quỳ-hoắc là hai thứ hoa luôn luôn hướng về mặt trời.

² Bao-mao là một loại cỏ, đời xưa thường dùng để làm vật cống-hiến.

³ Cần là một loại rau, hiến là dâng lên. Cần-hiến hay hiến-cần là dâng lễ mọn.

Nước tôi ở góc bể xa, thường được nhà vua yêu dấu; Muôn dặm về dâng lễ cống, dám quên chức phận tôi đòi.
 Đã mong phong làm nước chư-hầu; Thì triều cống phải y thường lệ.
 Tôi trộm nghĩ:
 Nước Việt-Thường dùng nhiều lớp thông-dịch, mới vào châu Trung-Quốc, là vì nghe thịnh-đức của nhà Chu;
 Nước Bàn-Mộc¹ soạn mấy khúc ca-chương, để dâng lên vương-đình, là vì mến lòng nhân của nhà Hán.
 Một người trên có lòng nhân ái;
 Muôn nước dưới tỏ dạ phục tùng.
 Tuy nước tôi ở chốn rất xa xuôi;
 Vẫn ngày trước có tên trong các quận.
 Tượng-Lâm thuộc bản-đồ đất Việt;
 Đồng-Trụ còn dấu-tích Phục-Ba.
 Chúng tôi:
 Triều-cống Trung-Hoa;
 Đã nhiều năm tháng.
 Đương thời vua Nghệ-Tổ dựng nước, chúng tôi tới chúc hạ đầu tiên;
 Xuống đến các triều-đại nối ngôi, chúng tôi lại cống-triều liên-tiếp.
 Các cây hoa tốt, đều gieo giống vào đất Trung-Hoa;
 Những loài vật xinh, cũng đem dâng đến vườn Thượng-Uyển².
 Trên thi ân tiếp-đãi, nổi vận Lục-Tiêu³;
 Dưới hết dạ trung-thành, như hoa qui-hoặc⁴.
 Đình ninh vâng lời chiếu phụng;
 Ân-huệ cho cỡi xe vàng⁵.
 Tôi nay:
 Gặp vận may hưởng phước thái bình;
 Vinh thân mọn ở nơi cố-quốc.
 Lăn lút trong gò kiến, phận thấp hèn nhờ chiếu Hán vinh-quang;
 Ngửa trông lên sân rồng, lời chúc hạ có trời Nghiêu soi thấu.
 Ở nhậm-thổ⁶ có một vài phương-vật;
 Dâng bao mao⁷ như các nước chư-hầu.
 Cung duy Hoàng-đế Bệ-Hạ:
 Nhất-thị nhân đồng⁸;
 Tam-vô đạo hợp.
 Cao dày đức thánh, hai bên vãn vũ múa can lông,
 Đông-đức sân vua, muôn nước công hầu cầm hốt ngọc.
 Chẳng những yên Lào-Quốc mà mở đất Vinh-Xương (?);
 Sắp ra tới Tây-thành mà trị miền Giao-Chỉ.
 Trời một loạt toả ra ánh sáng, dẫu hang cùng cũng soi tới tận nơi;
 Đường ba ngã tất có nơi bằng, hễ người ở thì làm thành hoa đất.

¹ Bàn-Mộc: tên nước mọi ở đời nhà Hán, có dâng vua Võ-Đế một khúc nhạc.

² Thượng-Uyển: vườn vua lập ra để tới chơi, trong vườn có đủ cỏ hoa và cầm thú quý lạ.

³ Lục-Tiêu: Kinh-Thi chép thiên Lục-Tiêu, kể ơn vua đãi bề tôi dự tiệc.

⁴ Qui-hoặc: xem chú-thích số 1 bài trước.

⁵ Xe dải vàng: Vua Thiên-Tử ban cho các nước chư-hầu có cấp bậc. Nước lớn thì đi xe treo dải đỏ, nước vừa vừa đi xe treo dải tía, xuống nữa thì sắc xanh, sắc vàng (chế-độ của nhà Tần).

⁶ Nhậm-Thổ: đất nước của mình cai-trị.

⁷ Bao-mao: Xem chú-thích số 2, bài trước.

⁸ Nhân-dồng nhất thi: lòng nhân thương người, xem ai cũng như nhau.

Tôi:
Nường theo phong hoá;
Trái hết trung thành.
Bôn ba muôn dặm bể khơi, để về dâng lễ;
Mộng tưởng chín tầng nhạc thổi, lần tới nghe ca
Tấc lòng ghi tạc ân sâu;
Muôn một đền bồi lượm cả.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Lục Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thất

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Các quan Thứ-Sử, Thái-Thú ở các Quận Giao-Châu, Cửu-Chân và Nhật-Nam, phụ-biên các quan Thứ-Sử, Thái-Thú đời Tam-Quốc

Đặng-Huân

Người Nam-Dương, ông nội của Tây-Hoa-Hầu Đặng-Thần, đời Hậu-Hán làm chức Châu-Mục ở Giao-Châu.

Ích-Cư-Xương

Con của Cư-Ông, trong năm Ngũ-Phụng thứ 5¹, làm Thứ-sử quận Giao-Châu.

Đặng-Nhượng

Thân-thế thế nào chưa rõ, nhưng theo sách sử-ký của đời vua Quang-Võ trong Hậu-Hán-Thư, thời trong thời Vương-Mãng, các quận Giao-Chỉ, đều đóng cửa tự giữ lấy, có Sầm-Bành ngày thường có tình thân-mật với Đặng-Nhượng làm quan Mục ở đất Giao-Chỉ, đưa thư cho Nhượng, Nhượng bèn suất cả các Thái-Thú ở các quận, sai sứ đem lễ-vật về cống-hiến, sau đó đều được phong tước hầu.

Tích-Quang

Người Hán-Trung, trong thời vua Bình-Đế, làm Thái-Thú đất Giao-Chỉ, lấy lễ-nghĩa dạy dân.

Nhâm-Diên

Tự là Trường-Tồn, mới 12 tuổi đã thông hiểu Kinh Thi, Kinh Dịch, Kinh Xuân-Thu, nổi tiếng trong trường Thái-Học, người ta gọi là Nhâm-Thánh Đông, nghĩa là Ông thánh con nít họ Nhâm. Đầu niên hiệu Kiến-Võ (25 sau Công-Nguyên), làm Thái-Thú quận Cửu-Chân. Theo phong-tục tập-quán thì dân Cửu-Chân chỉ làm nghề đánh cá và săn thú, chứ không biết cày cấy. Nhâm-Diên dạy dân vỡ đất hoang, trồng lúa, đất mỗi năm mỗi mở rộng thêm, dân được no đủ giàu có. Còn hạng dân nghèo không có tiền cưới vợ, thì Nhâm-Diên bắt từ quan Trưởng-Sử trở xuống phải chịu bới lương bổng để giúp kẻ nghèo. Vì vậy, số người cưới vợ trong một lúc tới 2.000 người. Năm ấy, mưa gió thuận hoà, các giống lúa đều được mùa. Nhà nào sinh được con cũng đặt tên Nhâm. Cai-trị được bốn năm, Nhâm-Diên trở về Trung-Quốc, người quận Cửu-Chân lập nhà sinh-tử để thờ.

Tô-Định

Đầu năm Kiến-Võ, làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, tính tham lam mà hung dữ, nên Trưng-Trắc giết Tô-Định làm phản. Sau đó, nhà Hán sai Mã-Viện qua dẹp yên cuộc loạn ấy.

¹ Xét Ngũ-Phụng: là niên-hiệu của Hán Tuyên-đế, không có năm thứ 5, chỉ từ năm đầu đến năm thứ 4 (57-54 trước Công-Nguyên). Có lẽ sách chép sai.

Lý-Thiện

Tự là Thứ-Tôn, người đất Nam-Dương, làm chức Thái-Tử Xá-Nhân của nhà Hán. Trong thời vua Hiễn-Tông, làm Thái-Thú quận Nhật-Nam, làm việc hay dùng ân-huệ, bác-ái đối với dân, nên dân ở các xứ khác cũng phục tùng, đổi làm chức Thái-Thú quận Cửu-Chân.

Trương-Khôi

Trong triều vua Hiễn-Tông, làm Thái-Thú Giao-Chỉ, vì ăn hối-lộ bị tội, của bị tịch thu vào kho. Vua nhà Hán ra lời chiếu lấy của ấy ban cho các quan.

Hồ-Cống

Cha của Hồ-Quảng, làm chức Đô-Uý quận Giao-Chỉ.

Phàn-Diển

Trong năm Vĩnh-Hoà thứ 2 (137) của Thuận-Đế, làm chức Thứ-Sử quận Giao-Chỉ. Giặc mọi Khu-Liên huyện Tượng-Lâm, quận Nhật-Nam làm phản, Điển phát quân ra đánh bị thua.

Trương-Kiều

Trong năm Vĩnh-Hoà thứ 3 (138), làm chức Thứ-Sử quận Giao-Châu, sai sứ-thần đi ủy-dụ bọn giặc mọi ở huyện Tượng-Lâm; bọn giặc đều hàng phục.

Chúc-Lương

Tự là Thiệu-Khanh, người Lâm-Tương. Trong năm Vĩnh-Hoà (136-141), làm Thái-Thú quận Cửu-Chân. Bọn mọi Khu-Liên nổi làm phản; lúc Lương đến, chỉ đi một chiếc xe vào nơi giặc hiều dụ, lấy oai tín mà thuyết-phục, người tới đầu hàng có vài vạn, cõi đất Lãnh-Ngoại đều yên cả.

Châu-Xưởng

Tự là Tử-Kính, người đất Ngô. Trong năm Vĩnh-Hoà thứ 6 (141), làm Thái-Thú Giao-Chỉ. Xưởng dâng thư tâu rằng: "Đất Giao-Chỉ ở xa, ngoài cả chín Châu, trông về Kinh-đô như xem ngôi sao Vân-Hán, thì nên đặt ra một chức Phương-Bá để làm một hàng rào phía nam cho quốc-gia". Nhà Hán bèn phong Xưởng làm chức Thứ-Sử Giao-Châu.

Hạ-Phương

Làm Thứ-Sử Giao-Châu đời Thuận-Đế, (126-144), dân Giao-Chỉ làm phản, phiến động đến Quận Cửu-Chân, kết bè đảng với nha. Phương lấy ấn-tín khuyến dụ, nên bọn giặc đầu hàng; nhân công đó, được thăng lên chức Thái-Thú quận Quế-Dương.

Năm Diên-Hy thứ 3 (160), dư đảng bọn giặc quận Cửu-Chân lại nổi lên mãnh-liệt, nên triều-đình lại sai Phương làm Thứ-Sử ở Giao-Châu; Phương cai-trị có ân có oai, nên quân giặc kéo nhau tới xin hàng cả.

Dương-Phò

Người Cối-Kê, cháu của Dương-Mậu. Dương Mậu theo vua Hán Quang-Võ chinh phạt có công, nay cho Phò làm Thứ-Sử quận Giao-Châu.

Nghê-Thức

Trong năm Vĩnh-Thọ (Hoàn-đế), làm Thái-Thú quận Cửu-Chân. Lúc bấy giờ, quan lệnh huyện Cư-Phong tham lam hung bạo, nên người trong huyện là Châu-Đạt giết quan lệnh và suất quân chúng đánh cả quận Cửu-Chân. Thức tử trận. Vua Hán hạ chiếu ban thưởng 60 vạn quan tiền, lại cho hai người con làm quan Lang-Trung.

Ngụy-Lãng

Tự là Thiểu-Anh, người Cối-Kê, làm quan lệnh huyện Bành-Thành, thăng lên chức Đô-Úy quận Cửu-Chân. Trong năm Vĩnh-Thọ thứ 3 (157), bọn mọi làm phản, Nghê-Thức tử trận, Lãng tới, trị việc binh ngũ rất nghiêm, dẹp yên được giặc.

Chúc-Điêm

Tự là Bá-Hữu, người Trung-Sơn, Sách Nam-Việt-Chí chép rằng: "Điêm làm chức Tư-Đồ, vì nói thẳng xúc phạm đến vua, bị giáng làm Thứ-Sử quận Giao-Châu. Ông làm việc thanh-liêm, lại có ân-huệ với dân, cho nên được lòng dân lắm".

Xét lại trong năm Diên-Hy thứ 2 (159) của Hoàn-đế, Điêm giữ chức Quang-Lộc Đại-phu, thăng lên chức Tư-Đồ, năm thứ 3 (160) thì mất. Như vậy, thì có lẽ sách Nam-Việt-Chí không đủ làm bằng cứ.

Cật-Kỳ

Năm Diên-Hy thứ 6 (163), đi đánh giặc Giao-Châu, bị giặc bắt sống giữ lại.

Đình-Cung¹

Đời vua Hoàn-đế (147-167), làm chức Thứ-Sử Giao-Châu, được mời về nhậm chức Tư-Đồ.

Trương-Bàn

Tự là Tử-Thạch, người Đan-Dương. Trong năm Diên-Hy (158-166), làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Ngu-Thiều

Cha của Ngu-Phiên. Trong đời Hậu-Hán làm Thái-Thú quận Nhật-Nam, có ân-huệ với dân, đến khi chết, đưa quan-tài về làng, có bầy chim nhạn bay theo đến Cối-Kê, đậu trên phần mộ, chôn xong mới bay đi.

Châu-Tuấn

Tự là Công-Vỹ, người Cối-Kê. Năm Quang-Hoà thứ 4 của Linh-Đế (181), Lương-Long ở quận Giao-Châu cùng với Thái-Thú quận Nam-Hải là Khổng-Chỉ làm phản, vua Hán sai Tuấn làm Thứ-Sử quận Giao-Châu. Khi đi qua quận nhà, Tuấn chiêu mộ người nhà hợp với 5.000 quân chia hai đạo tiến vào. Trước tiên đã cho người tới quận để do thám tình hình hư thiệt của giặc và tuyên truyền oai đức để chấn-động nhân-tâm của bọn giặc, liền đó kéo các đạo quân ở bảy quận² áp tới đánh chém Lương-Long, rồi quân giặc đầu hàng, ước mấy vạn người. Nhân công đó, được phong tước Đô-Đình-Hầu.

Lý-Tiến

Tự là Đăng-Cao, trong thời vua Linh-đế (168-189), làm Thứ-Sử quận Giao-Châu.

Giả-Tông

Tự là Mạnh-Kiên, người Liêu-Thành, đậu khoa hiếu-liêm, bổ làm Kinh-Triệu-Doãn. Đương thời ấy ở đất Giao-Châu có nhiều của báu, các quan Thứ-Sử bổ tới, lớp trước cũng như lớp sau, không ai giữ được nết trong sạch, nên lại-thuộc và nhân-dân đều oán mà làm phản. Năm đầu hiệu Trung-Bình (184), triều-đình cử Giả-Tông làm Thứ-Sử quận Giao-Châu. Sau khi đến Quận, Tông đưa giấy hiệu thị, khiến nhân-dân đều yên nghiệp làm ăn, chiêu-mộ những người hoang-tán, tha xâm-thuế, giết những cường-hào bóc-lột, chọn những người hiền lành làm quan, trăm họ đều yên, dân trong quận làm lời ca rằng: "Giả phụ lai vân, sử giả tiên phản, kim kiến thanh-bình, bất cảm phục bạn", nghĩa là: ông cha họ Giả tới muộ, khiến chúng ta trước kia làm phản, nay thấy quan trường thanh-liêm và công-bình, không dám bội bạn nữa".

¹ Tịnh-bản và Anh-bản chép là: Đình-Phú.

² Bảy quận là: Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm, Hiệp-Phổ, Giao-Chỉ, Nhật-Nam và Cửu-Chân đều thuộc về Giao-Châu.

Chu-Thặng

Làm chức Ngự-Sử, vì nói thẳng trái ý vua, nên bị cho ra làm Thứ-Sử Giao-Châu. Khi tới quận nhậm chức xong, dâng thơ cho vua nói rằng: "Giao-Châu là nơi tuyệt-vực, tập tục tham ô, các họ hào-cường thì gian-dối, các chức trưởng-sử thì bạo-ngược, hà hiếp bóc lột muôn dân. Tôi được ơn trên cho tới giữ chức trọng yếu, làm nanh vút cho triều-đình. Tôi muốn vì thánh-triều nghiêm-trị một địa phương cho trong sạch". Lúc đó, các thuộc quan quận Giao-Châu từ chức bỏ đi nơi khác hơn 30 người.

(Thẩm thuyên-Kỳ có câu thơ rằng: "Chu Thặng an Giao-Chỉ", nghĩa là Ông Chu-Thặng làm đất Giao-Chỉ được yên).

Kiến-Lan

Làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ trong thời nhà Hán.

Lại-Tiên

Làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ. (Năm Chí-Nguyên thứ 22 (1285), có quan An-Vũ-Sứ nội-phụ triều Nguyên tên là Lại-Ích-Quy là cháu xa đời của Lại-Tiên).

Hoàng-Cái

Làm Thái-Thú quận Nhật-Nam, về triều nhà Ngô, vì tham-lam, giả dối, bị đuổi.

Đam-Manh

Làm Thái-Thú quận Cửu-Chân, vì sự hiềm oán riêng mà giết quan Công-Tào tên là Phan-Hâm, rồi người em của Hâm lại giết Manh.

Chu-Phù

Trong năm Kiến-An thứ 5 của Hiến-Đế (200), làm Thứ-Sử quận Giao-Chỉ, chính-sách bóc lột và ngoan ngược, bị giặc đánh đuổi, giết chết.

Trương-Tân

Tự là Tử-Vân, người Nam-Dương. Trong năm Kiến-An thứ 6 (201), làm Thứ-Sử Giao-Châu. Nhân có sự hiềm-khích với Lưu-Biểu, năm nào cũng dấy binh đánh, sau bị bộ-tướng là Khu-Cảnh giết chết.

Lại-Cung

Người Linh-Lãng, được Lưu-Biểu sai làm Thứ-Sử quận Giao-Châu, tính người nhân-từ, cẩn-thận, không thạo việc đời, bị Thái-Thú quận Thương-Ngô là Ngô-Cự đuổi đi. Lưu-Tiên-Chúa (Lưu-Bị) dùng làm chức Thái-Thường.

Ky-Vô-Hạp

Người Cối-Kê, được Lưu-Biểu sai làm Thứ-Sử quận Giao-Châu.

Chu-Trị

Tự là Quân-Lý, người Đan-Dương. Trong năm Kiến-An thứ 7 (202), Tôn-Quyền dâng biểu cử Trị làm Phò-Nghĩa Tướng-Quân, giữ chức Thái-Thú quận Cửu-Chân, đánh yên quân mọi và Việt.

Sĩ-Nhiếp

Tự là Ngạn-Oai, nguyên trước tổ-tiên là người Văn-Thượng, nước Lỗ, gặp thời Vương-Mãng làm loạn, lánh nạn qua ở Giao-Chỉ được 6 đời. Trong thời Hoàn-đế, (147-167) thân sinh của Nhiếp là Sĩ-Tử làm Thái-Thú quận Nhật-Nam. Nhiếp lúc còn nhỏ, theo học với Lưu-Tử-Kỳ ở Dĩnh-Xuyên, học sách Xuân-Thu, Tả-Truyện, làm lời chú-giải, sau đậu khoa hiếu-liêm, được bổ làm chức Thượng-Thư-Lang. Nhân vì việc công, phải cách-chức, sau lại đậu khoa Mậu-Tài, làm chức Thái-Thú quận Giao-Chỉ. Trong thời loạn Đông-Trác, Chu-Phù làm Thứ-Sử Giao-Chỉ bị quân giặc giết. Nhiếp tới quận nhận chức, thái-độ rộng rãi, trung-hậu, lại hay khiêm-nhượng thành kính trong lúc đối đãi với các sĩ-phu, cho nên người trong nước

thêm phần kính trọng. Các bậc nhân-sĩ Trung-Quốc lánh nạn qua ở đất Việt, đến nương nhờ Sĩ-Nhiếp. Em của Nhiếp là Sĩ-Nhất làm Thái-Thú Hợp-Phổ, còn anh em khác, mỗi người cai-trị một quận.

Sĩ-Nhiếp hùng cứ một phương, khi đi ra đi vào, thì có hiệu-lệnh chuông khánh, trống kèn, xe ngựa chập đường, quân lính theo hầu hai bên xe, xông trầm hương, có vài mươi người. Vợ hầu đều đi xe có che màn, con em cỡi ngựa, có lính đi theo hộ vệ, đương lúc đó, quý trọng không ai bằng, trăm giống mọi thảy đều khiếp phục, so với Triệu-Đà ngày trước cũng không hơn được. Khi trước Chu-Phù và Trương-Tân đều bị giết, châu, quận nổi loạn, vua nhà Hán ban chiếu thư nói: "Đất Giao-Châu là xứ xa ngút, phía Nam lại cách trở nhiều sông, biển, ơn trên không thấm xuống dân, tình dân không thấu đến triều-đình, ta biết nghịch-tặc là Lưu-Biểu sai tên Lại-Cung qua cướp lấy Nam-thổ. Nay ta cho Sĩ-Nhiếp làm chức Tuy-Nam Tướng-Quân, coi cả bảy quận mà lãnh Thái-Thú Giao-Chỉ như cũ". Nhiếp sai người lại-thuộc là Trương-Dục qua Kinh-Sư nạp lễ cống. Lúc bấy giờ, thiên-hạ loạn lạc, đường sá đứt đoạn, mà Nhiếp không khi nào bỏ hờ việc cống-hiến, nên vua Hán ra lời chiếu phong Nhiếp làm An-Viễn Tướng-Quân, Long-Độ-Đình-Hầu. Cuối niên hiệu Kiến-An (220), Tôn-Quyền sai Bộ-Chất, làm Thứ-Sử quận Giao-Châu. Chết đến, anh em Nhiếp tuân theo tiết-chế của nhà Ngô.

Quyền cho Nhiếp làm Tả-Tướng-Quân, Nhiếp sai người con là Khâm, qua Trung-Quốc dâng lễ cống-hiến. Quyền lại thăng Nhiếp làm Võ-Vệ Tướng-Quân, Long-Biên-Hầu. Mỗi lần sai sứ-thần qua châu Tôn-Quyền, thì dâng lên các hương-liệu, châu, ngọc, san-hô, hổ-phách, chim công, sừng-tê, ngà voi, đồ lạ, của quý và các thứ quả ngon ngọt như chuối, long-nhãn, không thiếu thức gì và không năm nào không đưa qua.

Nhiếp ở quận Giao-Chỉ 40 năm, thọ 90 tuổi.

Sĩ-Vỹ

Em của Sĩ-Nhiếp, lãnh chức Thái-Thú quận Cửu-Chân.

Sĩ-Huy

Con của Sĩ-Nhiếp. Sau khi Sĩ-Nhiếp mất, Huy tự lãnh chức Thái-Thú quận Giao-Chỉ, sau bị Lữ-Đại chém.

Trần-Thời

Thay Sĩ-Nhiếp tới làm Thái-Thú, bị con của Nhiếp là Huy cự tuyệt.

Đái-Lương

Làm Thứ-Sử Giao-Châu đời Ngô. Năm Hoàng Võ thứ 5 (226), nhân vì đất Giao-Chỉ ở xa, nên chia từ quận Hợp Phổ trở về Bắc làm Quảng-Châu, từ quận Giao-Chỉ trở về Nam làm Giao-Châu. Vua Ngô cho Lương làm Thứ-Sử, Lương cùng Trần-Thời vào đất Giao-Châu đều bị Sĩ-Huy chống cự.

Bộ-Chất

Tự là Tử-Sơn, người Hoài-âm, tỵ loạn qua Giang-Đông làm chức Trung-Lang-Tướng cho nước Ngô, kiêm chức Chính-Nam Tướng-Quân. Nguyên trước Lưu-Biểu có đặt Ngô-Cự làm Thái-Thú quận Thương-Ngô, nhưng Cự bề ngoài phục tùng, mà bề trong thì trái lệnh. Chết dụ Cự đem chém. Tôn-Quyền thăng Chất làm Thứ-Sử Giao-Châu, Chất đến Quận, oai thanh lừng lẫy, Nam-Thổ bình yên. Sơ niên Diên-Khang Quyền sai Lữ-Đại đến thay Chất. Chất suất bọn nghĩa-sĩ ở Giao-Châu đến một vạn người ra Trường Sa, vừa gặp Lưu-Bị tiến quân sang phương Đông, bèn cùng đánh nhau tại Ích-Dương. Lưu-Bị thua chạy, nhưng các quận ở châu Linh, châu Quế, đương còn ở trong tình trạng kinh-khủng. Chất đều dẹp yên.

Lữ-Đại

Tự là Định-Công; người Quảng-Lãng. Trong năm Hoàng-Võ thứ 5 (226) nhà Ngô, làm Thứ-Sử Giao-Châu. Khi trước Sĩ-Huy ở Giao-Chỉ nghịch mệnh, Đại đốc quân vượt biển qua đánh, Huy sợ, suất cả 5, 6 anh em, giơ cánh tay trần tới hàng. Đại đem chém hết; lại khiến người đi phủ-dụ các nước ở ngoài biên giới, cho nên Phò-Nam, Lâm-Ấp đều tới cống hiến. Nhân công đó, Đại được thăng lên chức Trấn-Nam Tướng-Quân và tước là Phiên-Ngu-Hầu. Tôn-Lượng lại phong cho chức Đại-Tư-Mã.

Đại người thanh-liêm, chăm lo công việc, đi đến đâu cũng có tiếng hay. Mấy năm ông ở quận Giao-Châu, không gửi gì về nuôi gia-đình, vợ con đói khát, túng thiếu. Tôn-Quyền được tin, bèn cho tiền bạc, vải lụa để tiêu dùng. Đại thọ đến 96 tuổi mới mất.

(Tôn-Thịnh nói rằng: "yên vổ người xa, săn sóc kẻ gần, không chi bằng lòng tin. Đại giết người đầu hàng, để kể làm công; người quân-tử xem đó thì biết rằng họ Lữ không được lâu dài).

Tiết-Tông

Tự là Tử-Kính, người quận Bái, lúc nhỏ, nhờ người trong họ giúp đỡ, đi lánh nạn ở đất Giao-Chỉ, đem học với Lưu-Hy, Tôn-Quyền dùng làm Thái-Thú Hiệp-Phổ và Giao-Chỉ, cùng với Thứ-Sử Lữ-Đại, dẹp yên cuộc loạn Sỹ-Huy.

Lục-Duệ

Tự là Cung-Tông, em của Lục-Khải. Trong năm Xích-Ô thứ 11 (248), nhà Ngô, hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân nổi giặc công hãm thành ấp, vua Ngô bèn dùng Duệ làm chức Thứ-Sử quận Giao-Châu. Khi tới nơi, Duệ dụ dỗ bằng những điều ân-nghĩa, tín thật, cho tiền của, lụa là, bọn giặc và dân chúng đều cúi đầu phục mệnh, toàn cảnh Giao-Châu yên lặng vui vẻ. Duệ bèn được thăng chức An-nam tướng-quân.

Đầu năm Vĩnh-An (258) được phong tước Đô-Đình-Hầu.

Tôn-Tư

Trong năm hiệu Vĩnh-An (258-264), làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, có tính tham bạo. Lúc ấy, vua Ngô sai sứ-thần qua Giao-Chỉ; Tư lại tự tiện trưng-cầu 30 con Khổng-tước, bắt dân đem tới Kiến-Nghiệp. Dân sợ đi xa làm việc mệt nhọc, bèn khởi loạn, tên lại-thuộc trong quận là Lữ-Hưng giết Tư rồi qua hàng phục với nhà Tấn, cả hai quận Cửu-Chân và Nhật-Nam đều hưởng ứng theo Hưng.

Trần-Tập

Người Lâm-Hoài. Trong năm Vĩnh-An thứ 7 (264), làm quan Mục ở Giao-Châu. Lúc đó, sau khi chính sách hà khắc của Tôn-Tư, nhà Ngô lại chia bốn quận phía đông bờ biển làm Quảng-Châu, dùng Hùng-Mục làm Thứ-Sử, ba quận phía Nam bờ biển làm Giao-Châu, dùng Trần-Tập làm Thứ-Sử, đời quận-ly qua Long-Biên.

Ngu-Phiếm

Tự là Thế-Hồng, con của Ngu-Phiên. Trong năm đầu hiệu Kiến-Hoành (269), đời vua Ngô là Hạo, Phiếm giữ chức Giám-Quân Sứ-Giả, cùng các tướng là Tiết-Hủ, Đào-Hàng, Lý-Miến và Từ-Tôn, đánh Giao-Chỉ, bắt giết các tướng do nhà Tấn phái sang, nhân đó, quận Cửu-Chân, quận Nhật-Nam lại thuộc về Ngô. Nhân thành-công đó Phiếm được thăng chức Thứ-Sử Giao-Châu, được phong tước là Dư-Diêu-Hầu.

Cốc-Lãng

Tự là Phụng-Tiên, người Quế-Dương, theo nhà Ngô, làm quan Thái-Thú quận Cửu-Chân.

Ky-Vô-Hậu

Làm quan Thứ-Sử quận Giao-Châu, nhà Ngô.

Tu-Tắc

Cha của Tu-Trạm, làm Đô-Đốc Giao-Châu, nhà Ngô, bị quan Mục quận Giao-Chỉ của nhà Tấn là Dương-Tắc chém.

Lưu-Tuấn

Làm Thứ-Sử Giao-Châu của nhà Ngô, bị Mao-Quýnh¹ giết.

Hãn-Tông

Nhà Thục sai coi việc quận Giao-Châu, có sách chép Tống làm Thứ-Sử Giao-Châu nhà Tấn.

Mao-Quýnh

Làm Thái-Thú Giao-Chỉ nhà Thục, có sách chép Quýnh là tướng-quân nhà Tấn.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thất Chung

¹ Theo Đường-Vận "Cổ quýnh thiết".

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Bát

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Các Đô-Độc, Thứ-Sử Giao-Châu, các Thái-Thú ở các quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân và Nhật-Nam trong thời Lục Triều

Đổng-Nguyên

Làm Thái-Thú Cửu-Chân nhà Tấn (265-316).

Soán-Cốc

Làm Thái-Thú Giao-Chỉ.

Mã-Dung

Thay Soán-Cốc.

Dương-Tắc

Làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, nhà Tấn.

Mạnh-Cán

Bộ thuộc của tướng-quân Hoắc-Dặc, theo Mao-Quỳnh từ nước Thục qua Giao-Chỉ, bị nước Ngô bắt, sau qui thuộc nhà Tấn, bày cho nhà Tấn những kế-hoạch đánh nước Ngô, vua Võ-Đế nhà Tấn dùng làm Thái-Thú quận Nhật-Nam.

Đào-Hoàng

Tự là Thế-Anh, người Đan-Dương, làm chức Thái-Thú quận Thương-ngô, thuộc nhà Ngô. Khi trước Lữ-Hưng giết Tôn-Tư đem quận ấy thuộc về nhà Tấn, Tấn Võ-Đế (265-290), phong Hưng làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ. Về sau Hưng bị Lý-Thống giết, vua lại khiến Soán-Cốc và Mã-Dung ở đất Ba-Tây kế tục thay thế, nhưng mấy ông kể trên đều bị đầu chết cả. Khi ấy vua dùng Hoắc-Dặc và Dương-Tắc điên thết, hợp với Mao-Quỳnh, Đổng-Nguyên, Mạnh-Cán, Lý-Tùng, Vương-Nghiệp và Soán-Năng, từ nước Thục ra Giao-Chỉ đánh phá quân Ngô ở Thạch-Thành, chém Tu-Tắc và Lưu-Tuấn. Mùa thu năm Kiến-Hoành thứ 3, (271), vua nước Ngô sai bọn Ngu-Phiếm, Tiết-Hủ và Đào-Hoàng chống với bọn Dương-Tắc, đánh nhau ở Phần-Thủy. Hoàng bị bại trận, rút quân lui giữ quận Hợp-Phổ. Hủ giận bảo Hoàng rằng: "Người tự xin đi đánh giặc mà không thắng lợi, thì lỗi tại ai?" - Hoàng nói: "Tôi là quan nhỏ, không làm theo ý được, các ông không đồng ý nhau, cho nên thua đấy thôi". Đào-Hoàng muốn đem quân trong lúc ban đêm để đánh thành-linh và thẳng tiến quận Giao-Chỉ. Đổng-Nguyên kháng cự; khi sắp ra trận, Hoàn nghi có phục binh, nấp ở trong vách tường, bèn cho từng hàng quân cầm giáo dài ở đằng sau, sẵn sàng để chực. Quân hai bên vừa giáp trận, Nguyên giả thua bỏ chạy, Hoàng đuổi theo, quả có quân phục-kích nổi dậy, nhưng bị mấy lớp quân cầm giáo dài đón đánh, nên quân của Nguyên bị thua nặng. Quân của Hoàng lấy những đồ bữu-vật đem về. Lúc đó, Hủ mới xin lỗi Hoàng. Hoàng lấy của thu được cho tướng ở đất Phù-Nghiêm là Lương-Kỳ-Chi để đền ơn đã giúp Hoàng một vạn người. Đổng-Nguyên có một người dũng-tướng là Giải-Hệ cùng ở trong thành, Hoàng dụ người em là Tượng, viết thư cho Hệ, lại khiến Tượng ngồi xe đi theo mình. Nguyên nói: "Tượng như thế, thì Hệ ắt có ý bỏ đi", nên tức thì giết Hệ. Khi ấy Hoàng đánh cướp được thành, quận Cửu-Chân và Nhật-Nam đều đầu hàng. Hoàng

thành-công được thăng làm Thứ-Sứ Giao-Châu. Đào-Hoàng có mưu-kế, hay giúp người cùng khổ, ưa làm việc bố-thí, rất được lòng mọi người, những bọn mọi phiến-nghịch đều bị Hoàng đánh dẹp yên hết. Sau Hoàng bị triều về, thì người ở Giao-Châu, ước chừng 30 bọn xin lưu lại, nên Hoàng được ở lại giữ chức cũ. Khi Tôn-Hạo đầu hàng nhà Tấn, tự tay viết thư bảo Hoàng qui thuận nhà Tấn. Hoàng được thư khóc đến mấy ngày, rồi sai người đưa cả đồ ấn-thọ¹ tới Lạc-Dương, vua nhà Tấn ra lời chiếu cho làm lại chức cũ và phong cho tước Uyển-Lãng-Hầu, lại cải chức là Quán-Quân tướng-quân.

Đào-Hoàng ở phương Nam 30 năm, đến khi chết, nhân-dân cả châu đều thương khóc.

Ngô-Nạ

Tự là Sĩ-Tắc, làm Thái-Thứ quận Kiến-Bình nhà Ngô. Nạ tài kiêm văn võ, tay không mà đánh lại cạp. Khi nhà Ngô mất, Nạ về với nhà Tấn, làm Thứ-Sứ Giao-Châu.

Khi Đào-Hoàng chết, các quân đồn thú ở quận Cửu-Châu làm loạn, Nạ đánh dẹp yên, chém tên tướng giặc là Triệu-Chỉ, trấn-ngự Giao-Châu đến 20 năm, ân oai rõ rệt, cho nên đất Nam-Châu yên lặng.

Cổ-Bí

Tự là Công-Trực, con của Cổ-Khải, tướng quân của nhà Ngô.

Bí thay Ngô-Nạ làm Thứ-Sứ Giao-Châu.

Cổ-Sâm

Con của Bí. Khi Bí chết, người trong châu cưỡng bách Sâm lãnh việc Giao-Châu.

Cổ-Thọ

Em của Sâm. Khi Sâm chết, thì Thọ xin lãnh việc Giao-Châu, người trong châu không thuận, Thọ bèn giết bọn trưởng sử là Hồ-Triệu, lại muốn giết cả Lương-Thạc, Thạc đem binh bắt Thọ, và bắt cả mẹ Thọ, rồi cho uống thuốc độc giết luôn.

Đào-Oai

(Có bản chép là Đào-Thành).

Con của Đào-Hoàng, khi trước Lương-Thạc giết Cổ-Thọ, rước Oai lãnh Thứ-Sứ Giao-Châu. Oai làm việc, rất được lòng dân.

Đào-Thục

Em của Đào-Oai, nối theo làm Thứ-Sứ.

Vương-Đôn

Làm chức Trần-Đông Đại-tướng-quân nhà Tấn, đốc suất quân-sự 6 châu là: Giang, Hoài, Kinh, Tương, Giao, Quảng.

Vương-Cơ

Tự là Lệnh-Minh, người quận Trường-Sa, tới xin Vương-Đôn cho làm quan Quảng-Châu, Đôn không cho, vừa gặp lúc người Quảng-Châu oán Thứ-Sứ là Quách-Nột, nổi lên làm phản, rồi cùng Ôn-Thiệu tới rước Cơ về làm Thứ-Sứ châu ấy. Vương-Đôn sai tham-quân là Cát-U, đuổi theo tới Lô-Lãng. Cơ mắng mà nói rằng: "Mầy ưng tìm chỗ chết ư?". U không dám bức Cơ nữa. Quách-Nột nghe Thiệu theo Cơ bèn phái lính đánh Thiệu, bị Thiệu đánh bại, Nột cầm cờ Mao-Tiết, chạy tránh khỏi. Cơ vào thành, sợ

¹ Ấn-thọ (tức là dải) chế-độ nhà Hán:

a) Các vua chư-hầu, chức Ngự-Sứ đại-phu, chức Thừa-Tướng, Tướng-quân, đều được cho ấn vàng, có khắc chữ chỉ định chức tước và địa-điểm của mình.

b) Có một cái dải bằng tơ, dài một thước hai, thêu rất đẹp để đeo ngọc.

Vương-Đôn đánh, phải xin làm Thứ-Sử Giao-Châu. Đôn thấy Cơ khó giá ngự được, nên thuận cho. Cơ qua Giao-Châu bị Lương-Thạc chống cự, bèn qua Uất-Lâm hợp với Đổ-Hồng hùng cứ đất Lâm-Hạ, Cơ khuyên Hồng lấy đất Quảng-Châu, từ đó cả Hồng và Cơ đều làm phản, sau bị Đào-Khản dẹp yên.

Lương-Thạc

Làm Thái-Thú Tân-Xương, tự tiện lãnh chức Thái-Thú quận Giao-Chỉ.

Vương-Lượng

Tự là Ấu-Thành, lúc nhỏ đã có tài-cán, Vương-Đôn cho tham-dự việc Phủ. Khi trước Lương-Thạc chuyên quyền ở đất Giao-Châu, Đôn dùng Vương-Cơ làm Thứ-Sử, Thạc chống lại với Cơ mà rước Tu-Trạm, là con của cố Đô-đốc Tu-Tắc, để coi lãnh việc trong Châu. Năm Vĩnh-Hưng thứ 3¹ (vua Huệ-Đế nhà Tây-Tấn) Đôn dùng Lượng làm Thứ-Sử Giao-Châu. Đôn nói với Lượng rằng: "Tu-Trạm và Lương-Thạc đều là giặc trong nước, ông đến thì lập tức chém chúng nó đi". Lượng tới nơi thì Trạm lui về ở quận Cửu-Chân. Thứ-Sử Quảng-Châu là Đào-Khản khiến người dụ Trạm tới, Lượng nhân gặp, bắt trị tội. Thạc nói: "Trạm là con quan Châu-tướng trước, nếu có tội thì trị tội, không nên giết". Lượng nói: "nhà người có nghĩa với người cũ, điều đó không cai dự đến việc của ta", tức thì đem chém. Thạc giận bỏ đi, Lượng âm mưu giết Thạc, sai thích-khách ám-sát mà không được. Thạc tự chúng vây Lượng nơi thành Long-Biên. Khản đem binh tới cứu, chưa kịp, thì Lượng đã bại trận rồi. Thạc mới bắt Lượng phải đầu hàng và giao cờ tiết. Lượng cố chấp, không chịu giao, bị Thạc chém vào tay mặt, một tuần nhật thì chết.

Đào-Khản

Tự là Sĩ-Hành, người Phan-Dương, tính thông minh, siêng làm việc quan, làm chức Thái-Thú Giang-Hạ, kiêm chức Long-Nhượng tướng-quân. Lúc bấy giờ Vương-Cơ làm Thứ-Sử Giao-Châu, bị Lương-Thục chống lại, Cơ cùng bọn Đổ-Hồng, Ôn-Thiệu và tú-tài ở Giao-Châu là Lưu-Thẩm làm phản, muốn chiếm cứ đất Quảng-Châu, Đào-Khản dẹp yên, chém bọn Vương-Cơ, đem đầu về Kinh-Sư. Nhân công ấy, Khản được làm Thứ-Sử Giao-Châu, rồi thăng chức Thị-Trung Thái-Uý và giữ chức Đô-Đốc các việc quân-đội bảy châu Giao và Ninh và Kinh-Châu Thứ-Sử, Chinh-Nam Đại-Tướng-quân và được phong tước Trường-Sa quận-công.

Biện-Triển

Làm Thái-Thú quận Giao-Châu, về đời nhà Tấn.

Chữ-Đào

Tự là Quý-Nhã, làm Thái-Thú quận Cửu-Chân đời nhà Tấn.

Trương-Liễn

Tự là Quân-khí. Xét sử-ký đời vua Thành-Đế nhà Tấn chép rằng: "trong mùa thu năm Hàm-Hoà thứ 3 (328), Trương-Liễn làm Thứ-sử Giao-Chỉ, cứ đất Như-Cụ làm phản, tiến công Quảng-Châu, bị Tăng-Khối đánh tan. Vương-Húc chép rằng: "Liễn làm Thứ-Sử Giao-Châu được phong Cao hầu, đi đường ngang qua núi Cư-Sơn, thấy phong-thổ lấy làm vừa ý, bèn lập chỗ ở tại đó". Điều này bất đồng với sách sử ký, chưa biết bản nào đúng.

Nguyễn-Phóng

Tự là Tư-Độ, em họ của Phu, giữ chức Thị-Lang Bộ-Lại. Lúc Thành-Đế còn nhỏ, họ Dũ-Thị cầm quyền, Phóng xin làm quan ở Giao-Châu. Họ Dũ bèn cho làm Thứ-Sử Giao-Châu kiêm chức Dương-Oai Tướng-quân. Phóng tới Châu, đau bệnh thành linh mà chết, được truy tặng chức Đình-Uý.

¹ Xét niên-hiệu Vĩnh-Hưng chỉ có 2 năm (304-305) chứ không có năm thứ 3, đây có lẽ chép sai.

Hạ-Hầu-Lãm

Trong năm Vĩnh-Hoà (345-356), đời Mục-đế nhà Tần, giữ chức Thái-Thú quận Nhật-Nam, say rượu quá độ, làm rối loạn công-việc, dân ở quận đều căm hờn. Có người tướng mọi là Phạm-Văn giết Lãm, lấy thầy mà tế trời, rồi chiếm lấy Nhật-Nam.

Chu-Phiên

Trong năm Vĩnh-Hoà thứ 3 (347), làm Thứ-Sử Giao-Châu. Khi trước vua nước Lâm-Ấp là Phạm-Văn hùng cứ đất Nhật-Nam, Phiên sai quan Đốc-Hộ là Lưu-Hùng đi tuần cõi Nhật-Nam, Văn đánh hãm, rồi đánh luôn cả quận Cửu-Chân, quân lính chết trận, mười phần hết tám chín. Quan Đốc-Hộ là Đẳng-Tuấn đem quân Châu Giao và Châu Quảng, đánh Văn tại nơi Lô-Dung, bị Văn đánh bại.

Dương-Bình

Trong năm Vĩnh-Hoà thứ 7 (351) làm Thứ-Sử Giao-Châu, cùng với Đẳng-Tuấn hợp sức đánh nước Lâm-Ấp, vua Lâm-Ấp là Phạm-Phật-Tử đánh thua, trói mình đến cửa đồn xin chịu tội, nên Dương-Bình cùng hoà-ước rồi kéo về.

Nguyễn-Phu

Trong năm Vĩnh-Hoà thứ 9 (353), làm Thứ-Sử Giao-Châu, đánh vua Lâm-Ấp, phá được hơn 15 đồn lũy.

Ôn-Phóng-Chi

Con của Ôn-Kiểu, làm chức Hoàng-Môn Thị-Lang đổi sang làm Thứ-Sử Giao-Châu, trong năm hiệu Thăng-Bình (357-361), nhà Tấn, đem quân đánh nước Lâm-Ấp. Khi ấy, Thái-Thú Đổ-Bửu và Biệt Giá Nguyễn-Lãng không đồng ý, Phóng-Chi sợ trở ngại việc quân-sự, nên đem giết hai người ấy, rồi cầm quân đánh giặc. Vua Lâm-Ấp là Phạm-Phật-Tử đầu hàng. Ở phía đông thành Lâm-Ấp có 3 cái đồi gọi là 3 lũy Ôn-Công.

Đổ-Bửu

Làm Thái-Thú quận Giao-Châu.

Đẳng-Hàm

Trong thời nhà Tấn làm Thứ-Sử Giao-Châu. Năm cuối cùng hiệu Thăng-Bình (361), lại đi đánh giặc Lâm-Ấp dẹp yên được.

Cát-Hồng

Tự là Tri-Xuyên, tuổi già, ưa luyện thuốc trường sinh để thêm thọ, nghe đất Giao-Châu có vị thuốc đan-sa, bèn xin làm chức lệnh huyện Câu-Lậu.

Khương-Tráng

Làm Thứ-Sử Giao-Châu nhà Tấn.

Lý-Tồn

Về thời cuối nhà Tấn, làm Thái-Thú quận Cửu-Chân, cả hai cha con Tồn đều có quyền lực, uy chế đất Giao-Châu, bị Đổ-Viện chém hết.

Phó-Vĩnh

Con của Phó-Nha, làm Thái-Thú Giao-Châu.

Đẳng-Tốn

Con của Đẳng-Tu, làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Vương-Huy

Trong năm Nguyên-Gia thứ 4 (427), nhà Tống, từ chức Đình-Uý thăng làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Lưu-Nghĩa-Khang

Trong năm Nguyên-Gia (424-453) đời vua Văn-Đế nhà Tống, làm Đô-Đốc quân-sự cả Châu Giang, Châu Giao và Châu Quảng.

Nguyễn-Di-Chi

Làm Thứ-Sử Giao-Châu đời nhà Tống. Trong năm hiệu Nguyên-Gia (424-453), đi đánh nước Lâm-Ấp. Vua Lâm-Ấp là Phạm-Dương-Mại xuất ngoại, trong khi ấy có viên tướng của Di-Chi là Nguyễn-Vô-Chi lãnh 7.000 quân-sĩ đánh úp thành Khu-Túc (?). Di-Chi vượt biển gặp gió to, đến ba ngày mà không tìm được chỗ nghỉ hơi, đêm lại gặp giặc ở bãi Thọ-Lệnh, quân thủy của Dương-Mại tới đánh đông đến 500 chiếc thuyền. Di-Chi bắn trúng người lái thuyền của Dương-Mại, nên thuyền giặc tan vỡ. Có chiếc thuyền nhỏ đến chở Dương-Mại chạy trốn. Di-Chi bị gió phiêu bạt hơn 100 dặm, liệu thể không thẳng được, bèn trở về Bắc.

Nguyễn-Nghiên

Làm Thứ-Sử Giao-Châu về thời nhà Tống, viết chữ thảo rất tốt.

Trương-Mục-Chi

Tự là Tư-Tĩnh, thân-sinh của bà Trương-Hậu nhà Lương, lúc trẻ tuổi là người đúng đắn, và hoà nhã, làm chức Tấn-Kỵ Thị-Lang, ban đầu cùng Vương-Tuấn thân-thiện, sau xem thấy mỗi họa, bèn xin làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, có chính tích hay.

(Sách sử chép được ít rõ-ràng, nói Mục-Chi làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, e không đúng).

Đàn-Hoà-Chi

Người Cao-Bình, cuối niên hiệu Nguyên-Gia (453) vua nhà Tống, làm Long-Nhượng tướng-quân, Thứ-Sử Giao-Châu, có oai danh, giặc giả đều yên lặng.

Vua nước Lâm-Ấp là Phạm-Dương-Mại làm phản. Hoà-Chi cùng Tư-Mã là Tiêu-Cảnh-Hiến và Phó-Tướng là Tôn-Xác đến đánh, Hoà-Chi làm tiên phong, đánh được thành nước Lâm-Ấp, lấy rất nhiều của quý lạ.

Hoàn-Hoảng

Tự là Thúc-Duật, làm Thứ-Sử Giao-Châu nhà Tống, tiền của kể đến hàng vạn, vì vua Hiếu-Võ nhà Tống có tính tham của cải, hễ có người nào làm quan ăn lương 2.000 thạch¹ khi bãi chức về nước, thì bắt theo hạn định mà nạp của cải và đánh bạc.

Phòng-Pháp-Thừa

Trong năm Vĩnh-Minh (483-493) nhà Tề, làm Thứ-Sử Giao-Châu, chỉ ham đọc sách, thường có bệnh, không làm việc. Vì vậy, quan Trưởng-Sử là Phục-Đăng-Chi được chuyên quyền thay đổi các tướng lại. Pháp-Thừa nổi giận bỏ tù Đăng-Chi. Đăng-Chi đem của lót với người em rể của Pháp-Thừa là Thôi-Cảnh-Thúc cho được khỏi ở tù, rồi đem quân tới đánh bắt Pháp-Thừa và tâu về triều-đình, rằng: "Pháp-Thừa mắc chứng tâm-tật, không làm việc được". Vua Tề xuống chiếu cho Đăng-Chi làm Thứ-Sử.

Lưu-Bột

Ông nội của Lưu-Kỳ, làm Thứ-Sử Giao-Châu nhà Tề.

Lưu-Khải

Làm Thứ-Sử Giao-Châu, đời nhà Tề. Khi sắp tới Giao-Châu, nghe có người con của cố Thứ-Sử Hoàn-Hoảng, tên là Hoàn-Thâm, đương giữ chức Võ-Giám, người nho nhã có học thức, bèn khiến đi theo, Thâm đi chưa đến nơi đã chết.

¹ Tức chức Thái-Thú

Lý-Khải

Trong năm Thiên-Giám thứ 4 (505) nhà Lương. Làm Thứ-Sử Giao-Châu, trở làm phản.

Lý-Tắc

Làm Trưởng-Sử Giao-Châu, vì dẹp yên loạn Lý-Khải, nên được thăng làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Vương-Nhiếp

Làm Thứ-Sử đời nhà Đường.

Tiêu-Tư

Tự là Thế-Thái. Trong năm đầu hiệu Đại-Đồng (535) nhà Lương, làm Thứ-Sử Giao-Châu, có tính nghiêm-khắc, sinh nhiều sự xích-mích, thất nhân-tâm. Thổ-hào là Lý-Bí¹ làm phản, Tư chạy qua đất Quảng-Châu. Vua nhà Lương sai Thứ-Sử Cao-Châu là Tôn-Quýnh và Thứ-Sử Tân-Châu là Lô-Tử-Hùng, đem quân đánh Bí. Quýnh lấy cơ đang mùa xuân, khí lam-chương đang thịnh, xin chờ qua mùa thu sẽ đánh. Tư thúc dục khiến đi, rồi quân lính tan rã cả, phải trở về. Tư vu tấu cho Quýnh và Hùng có ý dung giặc, đều bị tội tử hình.

Dương-Phiêu

Làm Thứ-Sử Giao-Châu, đời nhà Lương, cùng với Trần-Bá-Tiên, đem binh đánh Lý-Bí, tiến binh đến đất Gia-Ninh, Bí chạy trốn trong động. Khuất-liệu, bị người ở động ấy chém đầu đem dâng.

Trần-Bá-Tiên

Tự là Hưng-Quốc, người Ngô-Hưng, chí-khí hùng kiệt, đọc hết kinh, sử; nhưn làm Tham-quân ở Quảng-Châu, thăng lên chức Tư-Mã Giao-Châu hợp với Dương-Phiêu đánh Lý-Bí. Phiêu tập hợp các tướng lại đất Giang-Tây, hỏi kế-hoạch đánh giặc, Bá-Tiên nói rằng: "Ông vâng mệnh đi đánh giặc, thì dầu chết, dầu sống, cũng liều mình đánh cho tới kỳ cùng, không nên để hoãn đãi cho quân giặc bành trướng, mà quân lính ta lại tan rã hư việc". Phiêu cử Bá-Tiên làm Tiên-phong. Tiên đi đến đâu là đánh tan hết. Nhờ có công ấy, Tiên được thăng Thái-Thủ quận Cao-Yêu, đốc suất quân-sự cả bảy quận. Đầu năm Đại-Bửu (550) vua Giản-Văn-Đế nhà Lương, làm Thứ-Sử Giao-Châu, sau lên làm Hoàng-đế.

Âu-Dương-Hộ

Trong năm đầu Thái-Kiến (569) vua Tuyên-Đế nhà Trần, làm chức Đô-Đốc, quản lãnh quân-sự 19 châu gồm cả Giao-Châu và Quảng-Châu, oai vang toàn cõi Bách-Việt hơn 10 năm. Vua Cao-Tông² sinh lòng nghi, ra lời chiêu vờ về triều. Hộ sợ, bèn làm phản.

Dương-Tấn

Làm Đô-Đốc cả hai châu Giao và Ái đời Trần, được phong tước là Võ-Khang quận-công.

Dương-Hựu-Phổ

Tự là Vệ-Khanh, trong thời kỳ nhà Tấn mất nước, làm chức Đô-Đốc Giao-Châu.

Lý (?)

(?): (không rõ tên).

Trong năm đầu Nhơn-Thọ (601-604) nhà Tùy, làm Thứ-Sử Giao-Châu.

¹ Lý-Bí hoặc đọc là Lý-Bôn cũng một chữ, viết như nhau. Lý-Bí làm vua 7 năm, quốc-hiệu là Vạn-Xuân. Sử-chép: là Tiên-Lý-Nam-Đế, người ở tỉnh Thái-Bình.

² Xét Âu-Dương-Hộ làm quan đời nhà Trần thuộc Nam-triều Trung-Quốc. Suốt cả đời Nam-triều, không có ông vua nào, hiệu là Cao-Tông, mãi đến nhà Đường mới có vua Cao-Tông làm vua vào khoảng 650-685, cách thời-đại Thái-kiến hơn 80 năm. Như vậy, có lẽ nhà chép sử nói sai.

Khâu-Hoà

Người Lạc-Dương, cuối năm Đại-Nghiệp, (605-616) nhà Tùy, làm Thái-Thú quận Giao-Chỉ, hết lòng giữ gìn cho nhân-dân trong quận được yên ổn.

Vua Dương-Đế nhà Tùy mất, Hoà chưa kịp biết, bề tôi của Dương-Đế như quan Hồng-Lô là Ninh-Trường-Chân đem quận Uất-Lâm phụ thuộc Tiêu-Tiến, Phùng-Áng đem hai quận Châu-Nhai và Phiên-Ngu, phụ thuộc Lâm-Sĩ-Hồng. Tiêu-Tiến và Sĩ-Hồng đều sai người đến chiêu dụ Hoà, nhưng Hoà không theo. Các nước Lâm-Ấp hay cho Hoà những đồ châu báu như ngọc, sừng tê, vàng bạc, của báu thật nhiều, cho nên Hoà giàu muốn hơn vua. Tiến nghe được, sai Trường-Chân suất quân ở Nam-Việt đánh Hoà. Hoà sợ, muốn ra hàng, Thư-Tá Tư-Pháp là Cao-Sĩ-Liêm can rằng: "đạo hùng binh của Trường-Chân đến công thành, lương-thực thiếu-thốn, xem chừng không thể ở lâu, mà quân ta trong thành còn mạnh, đủ sức chống cự, lẽ nào chịu cho người áp-chế?". Khi ấy Hoà sai Sĩ-Liêm làm chức Hành-Quân Tư-Mã, suất quân đánh Trường-Chân thua chạy. Nhà Tùy mất nước, Hoà về làm tôi nhà Đường. Vua Đường cho làm Tổng-Quản Giao-Châu.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Bát Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Cửu

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Các quan Đô-Đốc, Đô-Hộ, Kinh-Lược-Sứ An-nam và các quan Thứ-Sử ba quận Giao, Ái, Hoan, đời nhà Đường

Lý-Đại-Lượng

Đầu niên hiệu Trinh-Quán (627), Đường Thái-Tông, làm Đô-Đốc Giao-Châu.

Lý-Thọ

Tôn-Thất nhà Đường, làm Đô-Đốc Giao-Châu, vì tham-lam bị tội.

Lư-Tổ-Thượng

Tự là Quý-Lương, người Quang-Châu. Đầu niên hiệu Trinh-Quán (627), Lý-Thọ bị tội, Thái-Tông muốn tìm một vị Châu-Mục xứng đáng, triều đình đều khen Tổ-Thượng tài gồm văn võ, tính người liêm bình công trực. Vua vời đến bảo rằng: "Giao-Châu là một phiên-trấn lớn, cần có kẻ hiền trông coi, lâu nay các quan Đô-Đốc đều không xứng chức, khanh có tài yên võ biên-thuỳ, khá vì ta ra đó trấn nhậm, chớ vì đường xá xa xuôi mà từ chối". Tổ-Thượng tạ ơn, nhưng sau lại hối hận, lấy cớ bệnh-tật từ chối. Vua khiến Đỗ-Như-Hối khuyên dỗ, Tổ-Thượng cố từ; vua lại khiến anh vợ ông là Châu, Phạm qua dụ rằng: "Kẻ thất-phu hứa với nhau cũng còn giữ tín, khanh đã hứa trước mặt trẫm, há được ăn-năn, nên hãy sớm đi qua, ba năm ắt có chiếu triệu về, khanh chớ thối thác, trẫm quyết chẳng nuốt lời". Thượng tâu rằng: "Lĩnh-Nam nhiều chướng khí, đã đi không thể trở về". Thái-Tông nổi giận phán rằng: "Ta khiến người không chịu đi, làm sao làm việc nước cho được?". Bèn khiến chém ngay ở trước triều đường. Sau vua hối hận, cho phục lại quan-tước, con cháu được tập ấm.

Lý-Đạo-Hưng

Tôn-thất nhà Đường, được phong Quảng-Ninh Quận-Vương, sau vì có lỗi bị giáng phong Huyện Công. Năm Trinh-Quán thứ 9 (635), làm Đô-Đốc Giao-Châu, vì ở phương nam khí hậu độc địa, sinh lo, chết trong lúc đương làm quan.

Lý-Đạo-Ngan

Trong thời Trinh-Quán (627-649), làm Thứ-Sử Giao-Châu, Rợ Lèo (sơn liêu) làm phản, Đạo-Ngan dẹp yên.

Lý-Giám

Con của Ba-Vương Thần-Phù, làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Liễu-Sở-Hiền

Người Bô-Châu, thời Trinh-Quán, (627-649), làm Đô-Đốc Giao-Châu và Quế-Châu.

Đỗ-Chính-Luân

Người châu Tương. Vua Thái-Tông biết tiếng, cho làm chức Trung-Thư Thị-Lang, Thái-Tử Tả-Thứ-Tử. Vì Thái-Tử Thừa-Kiên bị truất, biếm Chánh-Luân làm Đô-Đốc Giao-Châu.

Đậu-Đức-Minh

Làm Thứ-Sử Ái-Châu đời Đường.

Nịnh-Đạt

Thời Tắc-Thiên (Vũ-Hậu), (685-705), làm Thứ-Sử Ái-Châu.

Chử-Toại-Lương

Tự là Đăng-Thiện, người Tiên-đường, con của Chử-Lương, làm chức Trung-Thư-Lệnh, cuối thời Trinh-Quán (649), đổi làm Đô-Đốc Đàm-Châu và Quế-Châu. Sau đó, Hứa-Kính-Tông và Lý-Nghĩa-Phủ vu tấu Toại-Lương làm phản. Vũ-Hậu giận, biếm làm Thứ-Sử Ái-Châu, được hơn một năm thì mất. Hai người con là Ngạn-Phủ và Ngạn-Hàm-Thông thứ 5 (864), Cao-Biên bình định An-nam, mới tấu xin đưa di-hài về Dương-Địch.

Sài-Triết-Uy

Triều Cao-Tông (650-683), bị liên lụy vì em là Lệnh-Vũ theo Phòng-Di-Ái làm phản, phải đày ra Thiệu-Châu. Sau lại được tha, cho làm Đô-Đốc Giao-Châu.

Lang-Dư-Khánh

Làm quan thanh liêm, nhưng tính khắc bạc, dần-dần thăng lên chức Ngự-Sử Trung-Thừa, sau vì bị lỗi, giáng làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Lưu-Diên-Hựu

Trong năm Thùy-Củng thứ 3 (687), làm An-nam Đô-Đốc. Lệ cũ, dân quê hằng năm nạp nữa thuế, Diên-Hựu bắt nạp toàn phần, chúng oán và mưu phản. Diên-Hựu giết người cầm đầu là Lý-Tự-Tiên; dư đảng là Đinh-Kiến giết Diên-Hựu, chiếm cứ Giao-Châu. Tư-Mã Quế-Châu là Tào-Huyền-Tĩnh đánh chém được Đinh-Kiến.

Lưu-Hựu

Đời nhà Đường, làm An-nam đô-hộ, nhà giàu có lớn, mỗi lần nuôi gà lợn, có chết con nào, bắt đày tở bồi thường gấp đôi và chẳng bao giờ ăn một món gì ngon.

Nguyễn-Sở-Khách¹

Người Giang-Lăng, đầu niên hiệu Khai-Nguyên (713), đổi ra làm An-nam đô-hộ, cùng Dương-Tư-Húc dẹp yên loạn Mai-Thúc-Loan.

Tống-Chi-Đế

Em của Tống-Chi-Vấn, người cao tám thước. Trong khoảng niên-hiệu Khai-Nguyên (713-741), đã từng làm Kiểm-Nam Tiết-Độ-Sứ và Thái-Nguyên-Doãn, bị tội đày ra quận Chu-Diên. Lúc ấy có giặc Mán đánh hãm Hoan-Châu, Chi-Đế được bổ chức Giao-Châu Tổng-Quản, dẹp yên quân Mán.

Đỗ-Minh-Cử

Người Dương (?), cuối đời Cảnh-Long nhà Đường (709), làm quan Úy quận Tế-Nguyên, năm chiêm bao thấy đi vào một phủ-đường, gặp một người mặc áo xanh, vái chào rất cung kính và nói rằng: "Ông sẽ làm An-nam đô-hộ, tôi là dân An-nam, nên đến đây chào mừng trước, xin ông hãy giữ gìn quý thể". Sau quả nhiên, Minh-Cử làm An-nam đô-hộ.

Hà-Lý-Quang

Người Quế-Châu, năm Thiên-Bữu thứ 10 (751) làm An-nam đô-hộ, đem quân đánh Vân-Nam, đầu phục thành An-Ninh, dựng lại trụ đồng của Mã-Viện để định cương giới.

¹ Việt-sử Thông-giám chép: Quang-Sở-Khách.

Trương-Bá-Nghi

Làm An-nam Kinh-Lược-Sử đời nhà Đường, bắt đầu đắp thành Đại-La.

Khang-Khiêm

Lái buôn ở phương Bắc, làm An-nam đô-hộ.

Triều-Hoàn

Người Nhật-Bản, trong khoảng niên hiệu Khai-Nguyên (713-741) đem hóa-phẩm đến triều-kiến, hâm-mộ phong-hóa Trung-Hoa, như lưu ở lại, đổi tên là Triều-Hoàn, nhiều lần sang sứ Trung-Quốc. Năm Vĩnh-Thái thứ 2¹, Triều-Hoàn làm An-nam đô-hộ. Thời ấy có quân Mán xâm phạm cảnh giới hai châu Đức-Hoá và Long-Vũ, vua xuống chiếu khiến Triều-Hoàn qua dẹp yên.

Phụ-Lương-Giao

Năm Kiến-Trung thứ 3 (782), đời Đường Đức-Tông, làm An-nam đô-hộ. Lúc ấy, Tư-Mã Diễn-Châu là Lý-Mạnh-Thu và Thứ-Sử Phong-Châu là Lý-Bỉ-Ngạn làm phản, tự xưng An-nam Tiết-độ Sứ, đều bị Lương-Giao bắt chém.

Cao-Chính-Bình

Làm An-nam Kinh-Lược.

Trương-Ứng

Đời nhà Đường, làm An-nam Kinh-Lược, chết đương lúc tại chức. Kế tá-nhi là Lý-Nguyên-Độ, dùng binh lực uy hiếp châu Huyện làm phản. Tướng nhà Đường là Lý-Phục dụ bắt được Nguyên-Độ, coi Nam trở lại yên lặng.

Triệu-Xương

Tự là Hồng-Tộ, làm Thứ-Sử Kiên-Châu. Gặp lúc tù-trưởng An-nam là Đỗ-Anh-Hàn làm phản, vua cho Triệu-Xương làm đô-hộ, mán rợ đều hoà theo. Xương ở An-nam mười năm, chân đau xin về. Vua phái Binh-Bộ Lang-Trung Bùi-Thái qua thay thế. Chưa bao lâu, châu-tướng Vương-Quý-Nguyên đánh đuổi Bùi-Thái. Đức-Tông đòi Xương đến hỏi thăm tình-hình, Xương tuổi hơn 70, tấu đổi sáng suốt, vua lấy làm lạ, lại cho làm An-nam đô-hộ. Xương đến, người đều mừng rỡ, quân làm phản tức thì dẹp yên.

Bùi-Thái

Đã nói trên.

Trương-Châu

Nguyên trước làm An-nam kinh-lược phán-quan, đến đời vua Hiến-Tông, năm Nguyên-Hoà thứ 3 (808), đổi làm chức Đô-hộ Kinh-lược sứ. Quan Kinh-Lược trước là Trương-Bá-Nghi đắp thành Đại-La, thành chỉ cao hai trượng hai thước, mở ba cửa, cửa đều có lầu; đông tây mỗi phía đều có ba cửa, phía nam 5 cửa, trên cửa đặt trống còi, trong thành, hai bên tả hữu, đều cất 10 dinh. Thời Bùi-Thái, hai thành Hoan, Ái, bị Hoàn-Vương (tức vua Chiêm Thành) đánh phá tan tành, Trương-Châu cho sửa đắp lại. Lúc đầu trong quân đội, khí giới chỉ có 8.000 món, 3 năm lại đây tăng lên hơn 300.000 món. Châu khiến bộ-thuộc cất 30 gian lầu để chứa. Trước kia có chiến-thuyền vài mươi chiếc rất chậm chạp, Châu khiến đóng thành kiểu thuyền đồng-mông², 32 chiếc, mỗi chiếc chở thủy-thủ 25 người, trạo-phu 23 người, 2 cây nỏ bắn xe, thuyền chèo tới lui, mau như gió. Các nước Chiêm-Thành, Chân-Lạp đều lo tiến-cống. Châu chết, Liễu-Tử-Hậu làm văn tế.

¹ Vĩnh-Thái là niên hiệu của Đại-Tông nhà Đường, chỉ có một năm đầu là năm 765 sau công-nguyên.

² Đồng-mông là một loại chiến-thuyền, hẹp mà dài, dùng để xông vào đánh thuyền địch.

Mã-Tổng

Tự là Nguyên-Hội. Trong năm Nguyên-Hoà, Đường Hiến-Tông (806-820), đương làm Thứ-sử Kiến-Châu đổi qua làm An-nam đô-hộ, thanh liêm chẳng nhiễu dân, dùng nho thuật giáo hóa, dân mọi được yên. Mã-Tổng dựng cột đồng ghi công đức nhà Đường để tỏ rằng Tổng là giòng dõi của Phục-Ba.

(Hàn-Dũ làm bài thơ đưa chân có câu: "Hồng kỳ chiếu hải áp Nam-Hoang", nghĩa là cờ đỏ rực rỡ trên biển, đàn áp cõi Nam).

Lý-Tượng-Cổ

Tôn-thất nhà Đường, làm An-nam đô-hộ, tham lam chẳng giữ phép, gặp lúc Hoàng-Gia-Động làm phản, Tượng-Cổ giao cho Thứ-Sử Hoan-Châu là Dương-Thanh 3.000 binh để trợ chiến, Dương-Thanh trở lại tập kích giết Tượng-Cổ.

Quế-Trọng-Vũ

Làm Đô-Hộ đời Đường, dẹp yên loạn Dương-Thanh.

Bùi-Hành-Lập

Làm An-nam Kinh-Lược-Sứ, đời nhà Đường. Thời ấy có người phản thần của Hoàn-Vương (tức Chiêm-Thành) là Lý-Lạc-Sơn toan mưu cướp ngôi, đến xin quân viện. Hành-Lập bắt chém Lạc-Sơn trả thầy lại cho Hoàn-Vương; người Chiêm-Thành vui lòng phục-tùng. Bộ-tướng Đỗ-Anh-Sách và Phạm-Đình-Chi là những tay hào hùng ở Khê-Động, lệ thuộc trong quân-đội. Các Kinh-Lược-Sứ trước hay dung túng làm lơ, nên chúng quen tính dữ tợn, buông lung khó trị. Hành-Lập mỗi khi bắt tội, trừng-phạt rồi để cho cố gắng lập công mà chuộc tội, bởi thế, Anh-Sách thường gắng sức lập công, còn Đình-Chi thường hay đi tầm gộ, lâu chẳng về; Hành-Lập triệu về giao hẹn rằng: "phép quân đi quá ngày thì chém". Lần khác lại cứ thế, bèn đánh chết đem thầy trả cho họ Phạm và chọn con em hiền lành thay thế. Từ ấy oai phong thịnh hành, thăng chức Quế-Quản Quan-Sát-Sứ. Hoàng-Gia-Động làm phản, Hành-Lập dẹp yên, bèn thay thế Quế-Trọng-Vũ làm An-nam đô-hộ.

Lý-Nguyên-Thiện

Làm An-nam đô-hộ, đầu niên hiệu Bửu-Lịch (825) tâu xin dời phủ-lị qua bờ sông phía Bắc.

Hàn-Ước

Làm An-nam đô-hộ. Năm Thái-Hoà thứ 2 (928), đời Văn-Tông, Thứ-Sử Phong-Châu là Vương-Thăng-Triều làm phản. Ước dẹp yên, sau bị loạn quân đuổi chạy.

Mã-Thực

Tự Tôn-Chi, đầu niên hiệu Khai-Thành (836), đời vua Văn-Tông, làm An-nam đô-hộ, lấy văn-nhã trau-dồi, làm việc quan thanh tịnh chẳng phiến, dân được yên ổn, các tù trưởng đều nạp lễ qui thuận.

Vũ-Hơn

Làm An-nam Kinh-Lược, năm Hội-Xương thứ 3 (843), bị loạn quân đuổi đi.

Điền-Tào

Con của Điền-Hồng-Chính, trong khoảng niên-hiệu Thái-Hoà (826-830) làm An-nam đô-hộ.

Vương-Thức

Con của tể-tướng Vương-Khởi, thời Tuyên-Tông (847-859) làm An-nam đô-hộ. Nguyên Điền-Tào dựng hàng rào gỗ, làm hàng năm tổn tiền, chưa hoàn-thành, lại có giặc cướp đến rất cấp bách. Thức đến, trồng hàng rào cây, đào hào sâu, chung quanh trồng tre gai, giặc cướp không dám phạm đến. Sau có quân Mán vào cướp Cẩm-Điền-Bộ, Thức khiến người thông-ngôn chiêu dụ, ban đêm quân Mán bỏ đi và xin lỗi rằng: "chúng tôi đến bắt trói người Mán làm phản, chứ không phải vào ăn cướp". Trước kia La-Hành-Cung làm chức Đô-Hiệu, chuyên quyền chính trong phủ đã lâu, bị Thức đánh đòn cách chức.

Thôi-Cảnh

Năm Đại-Trung thứ 6 (852) của Chủ-Toại-Lương

Điền-Tại-Hựu

Con của Điền-Bổ, làm đô-hộ, có công dẹp yên biên-thùy.

Lý-Trác

Trong thời Đại-Trung (847-859) làm chức đô-hộ. Trác có tính tham dữ, lấy một đầu muối đổi một con ngựa, bởi thế, Mán, Mường ta oán làm phản, liên kết với rợ Nam-Chiếu là Đoàn-Tù-Thiên, hiệu "Bạch-Y Một-Mệnh-Quân" (quân cảm-tử áo trắng) đánh An-nam phủ. Khởi-Cư-Lang Trương-Vân dâng sớ nói rằng: "Lệnh Hồ-Đào dùng Lý-Trác trấn giữ An-nam, đầu tiên gây ra mối loạn, giặc cướp đầy thiên-hạ, luôn năm chinh-chiến, tổn binh hao lương".

(Bi-Nhật-Hựu làm thơ chế Lý-Trác. Thơ chép ở quyển thứ 16).

Lý-Vu

Làm đô-hộ, đóng đồn ở Vũ-Châu, đầu niên hiệu Hàm-Thông (860), đời vua Ý-Tông nhà Đường, quân Mán đến đánh, Vu chạy trốn, bị vua Ý-Tông đuổi.

Vương-Khoan

Thay Lý-Vu làm Kinh-Lược-Chiêu-Thảo-Sứ. Lý-Trác tâu xin bãi đạo binh phòng thủ mùa đông, 6.000 người, viện lẽ rằng: "giao một mình thủ-lĩnh động bảy-quán ở Đào-Lâm Tây-Nguyên là Lý-Do. Độc cũng đủ sức chống ngăn quân mọi. Sau mẫn tù gã con gái cho con Do-Độc, Do-Độc bèn đem quân phụ-thuộc quân Mán, Vương-Khoan chế ngự không nổi.

Thái-Tập

Năm Hàm-Thông thứ 3 (862), thay Vương-Khoan làm An-nam Kinh-Lược. Tháng 11, rợ Nam-Chiếu vây Giao-Chỉ, Tập đóng cửa thành cố giữ, đợi binh cứu viện chẳng đến. Tháng giêng năm Hàm-Thông thứ 4 (863), quân Mán đánh gấp, thành bị hãm, gia-nhơn 70 người đều tử-nghĩa. Tập cùng mấy người thủ-hạ, đi chân không, ra sức cố đánh, muốn chạy ra thuyền giám quân, nhưng thuyền đã lìa bến, Tập bị chết chìm. Tướng sĩ Kinh-nam 400 người chạy đến bờ sông phía đông thành, Ngu-Hầu Nguyên-Duy-Đức bảo chúng rằng: "Chúng ta không có thuyền, xuống nước thì chết, chi bằng trở lại quyết chiến với quân mọi", bèn quay về thành, đánh giết quân mọi hơn 2.000 người rồi chịu chết. Chỉ có mạc-phủ là Phàn-Xước mang ấn của Tập chạy trước qua sông được khỏi chết. Nam-Chiếu hai lần hãm thành Giao-Chỉ, cướp bắt chừng 10 vạn người, để lại 12 vạn binh, khiến tướng Dương-Tư-Tân chiếm cứ An-nam.

Tống-Nhung

Năm Hàm-Thông thứ 4 làm Đô-Hộ, cùng các đạo binh qua cứu viện An-nam, đồn trú ở Lĩnh-Nam, không chịu tiến, hao tổn lương-thực. Trần-Bàn-Thạch xin tạo thuyền lớn chở nổi 1.000 hộc, chở gạo từ Phúc-Kiến đến cấp cho Nam quân. Nhưng nghe theo, từ ấy quân lương được đầy đủ.

Cao-Biên

Tự là Thiên-Lý. Nguyên trước mọi Nam-Chiếu công hãm An-nam, Tuyên-Tông xuống chiếu lập Hành-châu ở Hải-Môn, cho thêm binh hai vạn, khiến Dung-Quảng Kinh-Lược là Trương-Nhân tâu phục An-nam. Nhân dùng đảng không tiến, bèn giao binh cho Biên, phong làm chức đô-hộ. Biên chọn 5.000 quân tiến trước, giao ước giám-quân Lý-Duy-Châu kế tục tiến sau. Duy-Châu đóng quân ở Hải-Môn, Biên tiến đóng Phong-Châu, phá quân Mán ở huyện Nam-Định, chém bọn Trương-Thuyên, hàng phục được muôn người, thâu được của để cung cấp quân-dụng. Tin tâu thẳng trện về đến Hải-Môn, Duy-Châu giấu đi và tâu dối rằng Cao-Biên giỡn với quân giặc, chẳng chịu tiến. Vua giận, sai Hữu-Vũ-Vệ-Tướng-quân Vương-Án-Quyền thay thế. Lúc ấy, Biên lại đánh phá quân giặc, tiến vây thành Giao-Châu hơn mười ngày, thế giặc rất nguy khốn. Vừa tiếp được điệp-văn của Án-Quyền, Biên giao việc quân cho Giám-Quân Vi-Trọng-Tể trông coi, cùng quân dưới cờ hơn 100 người trở về. Trước đó, Biên khiến Tăng-Cổn về Kinh báo tiếp, Cổn đi đến giữa bể, trông thấy cờ-xí tiến sang phía đông, nói ấy là thuyền đội của quan Kinh-

Lược Sử mới và quan Giám-Quân. Cỗ ngỡ Duy-Châu tất cướp lấy biểu-văn, bèn nấp nơi cửa đảo, chờ cho Duy-Châu đi qua rồi liền ruổi đến Kinh-Sư. Vua tiếp được tấu-văn cả mừng, gia-phong Biền chức Công-Bộ Thượng-Thư, khiến trở lại trấn An-nam. Biền đi đến Hải-Môn, trở về nhiệm lại chức cũ. Trong lúc An-Quyền ngu hèn, Duy-Châu tham dử, các tướng chẳng chịu phục tùng, quân Mán nghe Biền trở lại, bỏ trốn quá nửa. Biền lại khích-lệ tướng sĩ, đánh được thành, giết man-soái Đoàn-Tù-Thiên và quân Mán hơn 3 vạn người. Thỏ-nhơn ngày trước đầu hàng quân Mán, nay đem chúng trở về hàng-phục. Vua xuống chiếu đặt Tĩnh-Hải-Quân ở An-nam, phong Biền làm Tiết-độ-sứ.

Phụ chép bài văn bia Thiên-Oai-Kính, đường kênh mới đào

**Tĩnh-hải-tiết-độ, chương thơ-ký, triều-nghị-lang, thị-ngự-sử nội-cung-phụng,
tứ phi-ngự-đại (được đeo dải thêu hình con cá), Bùi-Hình soạn.**

(Thấy chép ở sách Ung-Chí)

Biển lớn không bờ, xa tít tận chân trời mờ-mịt, cuồn phong cuồn cuộn, sóng lớn nổi dậy, như gò cát trôi, như núi tuyết dựng, nháy mắt trắng xóa muôn dặm, đầu oai-linh của thủy-thần cũng không ngăn cản nổi. Cá voi to sợ sức dày vò, con trạch lớn mắc vòng vây khốn, loài thủy-tộc lớn lao như thê, còn chẳng được yên; huống thuyền bè qua ngang, làm sao đi được. Bởi thế, đã có nhiều thuyền chìm đắm không thể cứu vớt. Có cứu vớt được chẳng là nhờ Thiên-Oai-Kính ngày nay vậy.

Từ Đông-Hán Mã-Phục-Ba muốn đánh hai chị em họ Trưng để thu phục Giao-Chỉ, vì đường sá chuyển-vận khó-khăn, phải vượt qua bể cả, bèn đục đá đào núi, để tránh đường biển, nhưng lúc làm công việc, nhân-công chết hàng vạn người cũng không làm nổi; nhiều khi sét đánh làm cho đá lớn trên núi lăn xuống ngang đường; Phục-Ba chẳng làm sao được, bèn phải đình chỉ công việc.

Từ ngày Hoàng-Đường ta lập cuộc đô-hộ, nghe kể chuyện cũ, nổi giận, muốn kế-tục làm nốt công việc, bèn khiến khởi công làm lại, nhưng hao người tổn của, mà công việc làm cũng không nên, dân phu đi làm, chết chóc bỏ xương đầy đường. Sau đó không ai dám bàn đến việc ấy nữa.

Từ ngày Kỵ-Xạ Bột-Hải-Công ra đánh Mán rợ, vượt bể cả, dẹp yên Giao-Chỉ, thu phục quận thành, ruổi ngựa mài gươm, lập đồn đóng trại, nhưng chuyển vận lương lương còn phải xông pha sóng gió; bàn luận mưu lược, chưa được đồng ý về một kế-hoạch nào hay. Bột-Hải-Công nói rằng: "Chúng ta chinh-phục phương Nam, mở rộng oai-phong hoàng-gia, hợp binh để an dân, phải chịu tổn kém, mới tiện cho công việc", bèn khiến bọn Trưởng-Sử Lâm-Phúng và Hồ-Nam tướng-quân Dư-Tồn-Cổ lĩnh bản-bộ tướng-sĩ và lấy thêm dân phu hơn một nghìn người, đem đi khai phá Thiên-Uy-Kính. Bột-Hải-Công dụ rằng: "Đạo trời giúp thuận, sức thần phò trị; nay chúng ta đào giòng biển để cứu sinh-linh, nếu làm việc ngay thẳng thì chẳng có gì khó. Các quan đô-hộ trước lại khao quân, mà chẳng đi đến nơi, giữ phép không nghiêm, nhân việc công để thu lợi riêng, bởi thế, người đều biếng trễ. Nay ta thì chẳng thế, cốt làm cho được việc nhà vua mà thôi". Bọn Lâm-Phúng vâng lời ra đi.

Bắt đầu từ ngày mồng 5 tháng 4 năm Hàm-Thông thứ 9 (868) mọi người tay cầm cuốc xuống, dự bị tiền lương, gặt núi đá đào phẳng, chẳng sợ gì cứng rắn, gặp những tảng đá lớn và dày, thì đồng người hợp sức giúp tay, đập phá cạy xeo, chỉ trong vòng hơn một tháng, đường gần mở xong. Nhưng chặng giữa có hai đoạn, gặp đá lớn chơm chờm, dằng quanh mấy trượng, cứng rắn như sắt, không thể đào thông, đục tra xuống thì mũi công, búa đập vào thì cán gãy, dân phu ngó nhau ngã lòng, tay chân bải hoải, chẳng làm thế nào được. Ngày 16 tháng 5, giữa lúc ban ngày, thỉnh linh mây kéo đen đặc, gió thổi ào ào, rừng núi tối mờ, ngựa bàn tay không thấy, bỗng chốc sấm vang chớp nhoáng, ở sở làm có vài trăm tiếng sét đánh dồn, dân phu khiếp đảm, run rẩy, bưng tai bịt mắt, một lát sau, trời quang mây tạnh, chúng chạy ra xem, thì đồng đá gan lì bỗng dựng tan nát, có những hòn lớn công-kênh, sức người không sao cạy nổi, đều bị rỗng cuốn vút ra hai bên lèn. Lại ở phía tây có những tảng đá rắn chắc, đến ngày 11 tháng 6, sấm sét lại đánh dữ dội như ở phía đông, chúng chạy đến xem, thấy đá tiêu tan đầu mất, những hòn đá quanh co ở hai bên bị phá vỡ chừng mười trượng. Đi lên phía tây lại gặp phải đá lớn, người chịu bó tay, chỉ vái trời giúp đỡ, thì sấm chớp lại nổi lên, đá bị đánh tan, suối nước tuôn ra mùi như rượu ngọt. Ấy là cần không giúp sức, thần lực phò-trì, lối hiểm đường nguy, một giây san phẳng, đều nhờ Bột-Hải-Công lòng không riêng vậy, tinh-thần cảm thấu trời xanh, hoàn thành việc lớn, thần

diệu vô cùng, được sức mặc-tướng âm-phò, từ xưa không ai sánh kịp. Từ nay một mạch lưu thông, hai hồ liên tiếp, không còn một chút trở ngại; quan quân kinh quá, biển nước chẳng sợ gian nguy, lương hướng chở chuyên, thuyền bè không lo chìm đắm. Từ trước đường đi Giao-Chỉ có ba nơi nguy hiểm:

- 1.- Mũi Hoa-Chùy ở bãi Tống-Động, có sóng to cuồn-cuộn;
- 2.- Rặng Thạch-Giốc ở vũng Nữ-Ân có cá mập vẫy vùng;
- 3.- Sóng thần Đại-Gia dữ-dộ, ai đi qua đó thầy đều rớt óc lạnh mình.

Ngày nay, dòng êm đường phẳng, chẳng phải đi qua những nơi nguy hiểm ấy nữa.

Than ôi! Công cán của Bột-Hải-Công có thể ngang với người đào Hứa-Cử và mở Quế-Lĩnh để giúp người đời. Bọn Lâm-Phúng và Tôn-Cổ siêng lo việc nước, mẫn cán tinh-chuyên, ngoài công việc chỉ-huy, còn biết xem xét địa-thể, xẻ núi đốn cây, sửa công quán, lập thương-đình, xuôi dào cho nước thông, cầu bắt ngang như mống dựng, miếu thần chùa phật, đền thờ Thiên-Lôi và nhà thờ Lão-Tử đều xây cất đầy đủ, để lưu truyền đời đời. Ngày 15 tháng 9 năm nay hoàn thành, bọn Lâm-Phúng và Tôn-Cổ nài xin dựng bia ghi công, để đời sau được biết. Bột-Hải-Công nhân khiến người chường-thư chép rõ công việc. Tôi là Bùi-Hình chẳng dám khiêm nhường từ chối, cầm bút làm bài minh rằng:

Trời đất mênh-mông, sức người hèn yếu,
Đường nguy chở gạo, biển cả vượt thuyền,
Chẳng mấy lúc yên, đắm nghiêng thường bị,
Ông tôi quyết kể, đào núi xẻ ngàn;
Công-tác gian-nam, sấm chớp vang dậy,
Biển thông lối chảy, thuyền dễ qua ngang,
Sông nước phẳng bằng, thuận đường vận-tải,
Đạo trời khai thái, oai thần phò-trì.

Ngày 13 tháng giêng năm Hàm-Thông thứ 11, (870) dựng bia.

"Nền cũ ở phía nam Giao-Chỉ, thời Hàm-Thông (860-873), Bột-Hải-Công Cao-Biên, đi đánh phương Nam, mở đường vận-tải lương-thực, có sét đánh trời giúp, bèn dựng đá lớn ghi công. Lối đi đặt tên là Thiên-Oai. Đến đời Chiêu-Hy (Chiêu-Tông) (889-903), Hy-Tông (874-888), Trung-Nguyên loạn lạc, bỏ ra ngoài bờ cõi, không ngó đến, nhà Tống ta nhân theo, cũng chẳng sửa chữa đường đi ngoại bang. Thái-Thú Ung-Châu là Hoắc-Trung-Cẩn tình cờ tìm thấy bản khắc cũ, sợ ở chỗ xa xuôi, lâu ngày vùi lấp thất truyền, bèn khiến thợ khắc đá, dựng ở bên hữu sảnh-đường, ý muốn tỏ cho người xa biết được thánh đức của nhà vua, hằng năm phải lo việc tiến công, không nên trễ nải vậy.

Ngày 21 tháng 1 năm Thiệu-Thánh thứ 5¹.

Cao-Tâm

Theo Cao-Biên thân phục Giao-Chỉ có công; vua khiến thay Biền làm chức Tiết-Độ-Sứ.

Tăng-Cổn

Tỳ-tướng của Cao-Biên, thường vì Cao-Biên đi báo tin thắng trận tại An-nam. Trong năm Càn-Phù thứ 4 (877), được bổ-nhiệm chức An-nam đô-hộ. Thời ấy vua Nam-Chiếu là Tù-Long mất, con là Pháp nổi ngôi, xưng hiệu Đại-Phong-Nhân, cử quân xâm phạm An-nam, Cổn chạy qua Ung-Châu, đạo binh đồn trú tan rã. Gặp lúc vua Hy-Tông chạy ra đất Thục, Trần-Kính-Huyền đề-nghị hoà với Nam-Chiếu, Lư-Huệ-Đậu và Lư-Trác bèn nói dối với vua rằng: "Từ cuối đời Hàm-Thông (860-873), quân Mán làm phản, xâm nhập bốn Châu: An-nam, Ung, Quán, và Kiểm, thiên-hạ tao loạn đã mười lăm năm nay; quá nửa tô-thuế không nộp về Kinh-Sư, kho-tàng trống rỗng, quân lính bị chết vì lam chướng, đốt xương gửi tro về; người chẳng nghĩ đến nhà, chỉ lo vong mạng làm trộm cướp, thực đáng đau lòng, huống chi quân đồn-thú An-nam ít ỏi, nạn cướp mùa đông rất đáng lo ngại. Nay ta khiến sứ-giả đi báo hoà hảo, tuy

¹ Niên hiệu Thiệu-Thánh chỉ có bốn năm 1094-1097.

họ chưa xứng thần, nhưng ta cũng có thể dùng mưu lung lạc bọn họ bắt phải phục tùng, như thế trong nước sẽ được nghỉ ngơi vậy". Vua cho lời tâu là phải. Nhưng vừa lúc giặc Hoàng-Sào¹ đã yên, nên không khiến đi nghị hoà.

Kính-Ngạn-Tông

Làm Thứ-Sử Ái-Châu đời nhà Đường.

Thôi-Lập-Tín

Làm An-nam đô-hộ, rể là Bùi-Duy-Nhạc quyền nhiếp chức Thứ-Sử Hoan-Châu, tham dử quá độ.

Tổng Giao-Châu Chuyển-Vận-Sứ, An-Vũ-Sứ

Hầu-Nhơn-Bữu

Con của Thái-Sư Hầu-Ích, được tể-tướng Triệu-Phổ gả em gái và cho bổ nhiệm công-vụ ở Tây-Lạc luôn mười năm, không thay đổi. Lư-Đa-Tồn có hiềm khích với Triệu-Phổ, gặp lúc Phổ phải ra nhiệm ngoại-trấn, Đa-Tồn làm Tham-Tri chính-sự, bèn đổi Nhân-Bữu qua coi việc Ung-Châu, mười năm không được thay thế. Nhân-Bữu tự nghĩ chắc phải chết già ở cõi ngoài, nhơn dâng kế-sách bình định Giao-Châu, nói hiệu nay chủ-sứ Giao-Châu đã bị hại, trong nước đương loạn, có thể đem một đạo quân nhỏ thừa thời đánh chiếm, và cầu xin về triều tấu việc. Sở vào, vua Thái-Tông cả mừng, khiến ngựa trạm ra triều về. Đa-Tồn tâu rằng: "Giao-Chỉ có nội loạn, ấy là thời trời làm mất nước ấy, triều-đình phát binh thừa lúc bất ý, ví như sét đánh chẳng kịp bưng tai vậy. Nay triều Nhân-Bữu về, mưu của ta đã lậu, họ sẽ biết mà ngừa trước, dựa vào thế núi rừng hiểm trở, không thể đánh được nữa. Bây giờ, nên cho Nhân-Bữu làm Chuyển-Vận-Sứ, theo đường tắt qua nhận chức, rồi khiến phát quân Kinh, Hồ 3 vạn người, ruổi thẳng đánh vào, thế ắt vạn toàn, dễ như đập lá khô và bẻ củi mục vậy". Vua cho lời tâu là phải, bèn phong cho Nhân-Bữu làm Giao-Châu thủy-lục chuyển-vận-sứ. Nhân-Bữu tiến binh, gặp quân địch rất mạnh; viện binh không đến, nên Nhân-Bữu bị giết chết giữa sông. Thái-Tôn nghe tin rất lấy làm thương xót, truy tặng chức Công-Bộ Thị-Lang và cho hai người con là Diên-Linh và Diên-Thế đều làm Trai-Lang; Diên-Linh làm đến chức Điện-Trung-Thừa và Diên-Thế đến chức Thái-Tử Trung-Xá.

Thiệu-Diệp

Năm Cảnh-Đức thứ 2 (1005), làm chức Quang-Lộc-Khanh, Giao-Châu An-Vũ-Quốc-Tín-Sứ. Năm thứ 3 (1006), Giao-Soái Lê-Hoàn mất, trong nước đương loạn, vua xuống chiếu khiến Diệp cùng với Lăng-Sách Quảng-Châu đồng đi Kinh-lược, xem tiện-nghi tâu về cho vua nghe. Tháng 8, Diệp dâng bản-đồ đường thủy và đường bộ từ Ung-Châu tới Giao-Chỉ. Chân-Tông đưa cho cận-thần xem và nói rằng: "Giao-Châu là nơi độc-địa, nếu đem binh qua đánh thì tử-thương ắt nhiều; và lại tổ-tôn mở mang cương-thổ rộng lớn nhường ấy, chúng ta chỉ nên giữ gìn cẩn-thận mà thôi", bèn khiến Diệp làm Bình-Bộ Viên-Ngoại-Lang, vỗ yên Giao-Chỉ, việc xong được thưởng công.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Cửu Chung

¹ Hoàng-Sào đời Ý-Tông nhà Đường, thi tiến-sĩ hồng, làm phản vào đời Hy-Tông, bắt đầu từ năm Càn-Phù thứ 2 (875) đến năm Trung-Hoà thứ 4 (884) mới bị dẹp yên.

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Những người tô các đời trước sang ký ngụ

Hồ-Cương

Ông tổ bốn đời của Thái-Phó nhà Hán là Hồ-Quảng. Làm người thanh cao, có khí-tiết, gặp lúc Vương-Mãng soán ngôi, treo mào ở cửa phủ mà đi, lưu lạc ở Giao-Chỉ, ẩn mình làm hàng thị. Đến ngày Vương-Mãng thất bại, mới trở về xứ sở.

Lương-Tùng

Tự là Kính-Thúc, đời vua Minh-Đế năm Vĩnh-Bình thứ 4 (61), bị kết án liên-lụy vì việc của người anh là Lương-Tùng. Nguyên trước đó, Lương-Tùng vì có sự oán hận, làm thư phi báng triều-đình, Tùng cùng cả gia quyến và em là Cung đều phải dời qua Cửu-Chân, trải khắp Giang, Hồ, Nguyên, Tương, cảm thương Tử-Tư và Khuất-Nguyên¹, không tội mà phải trầm mình, làm bài phú điệu-tao. Sau được vua xuống chiếu cho về cố-quận. Tùng thường lên nơi cao trông xa mà than thở rằng: "trượng-phu ở đời, sống phải được phong hầu, chết được lập miếu tế tự, nếu chẳng thế, thà nhàn-cư để dưỡng chí, thơ rượu cho vui vầy, chớ chuốc lấy công việc châu quân làm chi, cho nhọc người vô-ích". Sau luôn luôn có chỉ triệu của nhà vua, nhưng nhất định không đến.

Viên-Trung

Tự là Chính-Phủ. Cuối đời Diên-Hy (158-166), vua Hoàn-đế, thiên-hạ loạn, bèn bỏ quan, đi du lịch ở quận Cối-Kê. Tôn-Sách đánh phá Cối-Kê, Trung lại vượt bể lưu vong qua Giao-Chỉ.

Hoàn-Diệp

Tự là Văn-Lâm. Trong khoảng niên-hiệu Sơ-Bình (190-193), thiên hạ loạn, lánh ở đất Cối-Lê, sau vượt bể ký ngụ tại Giao-Chỉ. Người Việt cảm-hóa theo khí-tiết của ông, đến nỗi xóm làng chẳng có việc tranh tụng. Sau vì kẻ hung ác vu cáo, bị chết ở ngục Hợp-Phố.

Đổng-Phụng

Tự là Quân-Dị, người đất Hầu-Quan. Sĩ-Nhiếp ở Giao-Chỉ, có lúc mắc bệnh chết 3 ngày, Phụng cho ngâm một hoàn thuốc, giây lát nhan-sắc lần lần bình-phục, nửa ngày sống dậy. Việc này thấy chép trong "Tiên-truyện".

Hứa-Tĩnh

Tự là Văn-Hưu. Người quận Nhữ-Nam, đậu Hiếu-Lâm, làm Thượng-thư-Lang, giữ việc tuyển-cử; tránh loạn Đổng-Trác, qua nương nhờ Thái-Thú Cối-Kê là Vương-Lãng. Đến lúc Tôn-Sách qua Giang-Đông, Tĩnh chạy qua Giao-Chỉ lánh nạn, được Sĩ-Nhiếp tiếp đãi rất hậu, cùng với Viên-Huy người Trấn-Quốc đồng ngụ ở Giao-Chỉ. Huy gửi thư cho Tuân-Quắc nói rằng: "Hứa-văn-Hưu là bậc anh tài vĩ-sĩ, từ ngày lưu lạc đến nơi rừng núi xa xôi, vẫn được các nhân-sĩ đi theo; mỗi lần có việc nguy cấp, thường trước lo cho người, sau mới đến mình, cùng người họ nội ngoại chín đời, chung chịu đói rét". Người quận

¹ Ngũ-Tử-Tư là tô nước Ngô, Khuất-Nguyên là tô nước Sở vào thời Đông-Châu liệt quốc.

Cự-Lộc là Trương-Cao vâng mệnh vua đi sứ Giao-Chỉ, hăm mộ Tĩnh, ý thể muốn yêu cầu minh thệ giao-kết, nhưng bị cự tuyệt. Tĩnh gửi thư cho Tào-Công nói rằng: "Tam-giang, Ngũ-hồ đều thành sân giặc, tôi cùng bọn Lưu-Tử-Hiếu, người đất Cồn-Bái, vượt bể cả đến đất Giao-Châu, trải qua Đông-Âu, Mân-Việt, đi suốt muôn dặm chẳng thấy đất nhà Hán. Lúc qua Hải-Nam, gặp Nghê-Hiếu-Đức, được biết Túc-Hạ phần phát lòng trung-nghĩa, chỉnh sức binh nhung, ra phía tây rước xa giá vua về, tức thì tôi cùng Từ-Nguyên-Hiến, người Cồn-Bái, lo sửa soạn hành trang về nước, nhưng Kinh-Châu đường thủy lục không thông, Giao-Châu việc sứ-dịch lại bị đoạn tuyệt. Lại có Trương-Tử-Vân xưa ở Kinh-Thành, vốn có chí muốn khuông phò vương thất, hiện nay đến ở nơi hoang vực này, chẳng còn tham dự triều chánh, người ấy cũng là phiên-trấn của nước nhà, có thể làm ngoại việc cho Túc-hạ vậy". Trương-Cao giận Tĩnh chẳng chịu kết giao với mình, bèn lấy bức thư của Tĩnh gửi, ném xuống nước. Lưu-Chương khiển sứ với Tĩnh vào đất Thục. Tiên-Chúa dùng làm Thái-Thứ Ba-quận và Quảng-Hán, sau làm đến chức Tư-Đồ, rồi qua đời.

Lưu-Ba

Tự là Tử-Sơ, người quận Linh-Lăng. Lưu-Biểu mấy lần mời ra làm quan, chẳng chịu đến. Tào-Công vời làm Duyệt-Lại, sai đi chiêu hàng mấy quận Linh-Lăng, Quế-Dương, Trường-Sa. Gặp lúc Tiên-Chúa lược định ba quận ấy, Lưu-Ba không trở về được, bèn chạy qua Giao-Châu, cùng Sĩ-Nhiếp bàn luận chẳng hợp ý, lại vào đất Thục, được Gia-Cát khen ngợi dùng làm chức Thượng-Thư. Lưu-Ba tánh người thanh kiệm kính cẩn, bao nhiêu xưng-hiệu, sách-mệnh của Tiên-Chúa, đều do tay ông làm ra.

Cổ-Đàm

Tự là Tử-Mạc, cháu nội của Cổ-Ung, tướng nước Ngô. Đàm làm Thượng-Thư, vì dâng sớ nói việc Lỗ-Vương-Bá, từ ấy, Bá với Đàm hiềm nhau. Lại nhân con của Vệ-Tướng-quân Toàn-Tông là Toàn-Ký làm tân khách của Bá, người vốn khinh bạc gian tà, nên Đàm không chơi với. Ký, Bá cùng Ký bèn thù dật làm cho Đàm bị tội, phải đày qua Giao-Chỉ.

Cổ-Thừa

Em của Đàm. Tự là Tử-Trực, làm Đô-Uý Tây-Bộ; dẹp yên Sơn-Việt, được vào làm chức Thị-Trung. Sau cùng với Đàm bị đày qua Giao-Chỉ rồi chết.

Trương-Hưu

Tự là Tử-Do, làm Thị-Trung Dương-Oai Tướng-quân, cùng với Cổ-Đàm, Cổ-Thừa bị Tuấn Pha luận công sự gian dối, phải đày qua Giao-Châu, sau bị Tôn-Hồng gièm pha, vua xuống chiếu bắt phải tự tử.

Lưu-Hy

Không biết người ở quận nào. Tiết-Tông và Trịnh-Bình tránh loạn qua Giao-Chỉ, thường cùng Hy bàn luận đại-nghĩa. Vy-Chiêu nói rằng: "Lưu-Hy có làm sách Thích-Danh tám quyển nói về loài vật rất nhiều, nay khó xét rõ được.

Trình-Bình

Tự là Đức-Xu, người quận Nhữ-Nam, có được học với Trịnh-Huyền, tránh loạn qua Giao-Chỉ, thường cùng Lưu-Hy bàn đại-nghĩa, học rộng, thông hiểu ngũ-kinh, Sĩ-Nhiếp khiến làm chức Trưởng-Sứ. Sau Tôn-Quyền mời về làm chức Thái-Tử Thái-Phó.

Du-Ích-Kỳ

Người Dự-Chương, tính cương-trực, chẳng theo thường tục, chạy qua ở quận Nhật-Nam.

Dữu-Đạo-Mẫn

Người Yên-Lăng, cháu huyền-tôn của Dữu-Vinh làm chức Tư-không nhà Tấn. Đạo-Mẫn làm người có hiếu hạnh và có văn-tài, tuổi trẻ đã chịu cảnh mồ-côi. Lúc người mẹ đẻ lưu lạc qua Giao-Châu, Đạo-Mẫn còn đương tuổi năm nôi, kịp đến ngày khôn lớn, cầu làm chức Tá-Nhi phủ Tuy-Ninh thuộc Giao-Châu; ở đó, cách Giao-Châu còn xa, Đạo-Mẫn mạo hiểm đi đến Giao-Châu, tìm kiếm mẹ suốt năm, hằng

ngày than khóc. Ngày nọ, đi vào một thôn, ban chiều gặp cơn mưa lớn, phải vào ký túc một nhà bên đường, bỗng có một bà già đội củi về, Đạo-Mẫn thấy, động lòng, hỏi thăm thì chính là bà mẹ đấy. Mẹ con ôm nhau nức nở khóc than, ai thấy cũng rơi nước mắt. Sau Đạo-Mẫn làm quan nước Tề, đến chức Xạ-Sinh Hiệu-úy.

Trương-Dung

Tự là Tư-Quang. Thời Tống Văn-Đế, làm quan lệnh đất Phong-Khê. Lúc đi từ Bột-Hải qua Giao-Châu, giữa biển gặp gió, không sợ sệt, ngồi ngâm nga nói rằng: "ăn cá khô mà về được quê nhà, lọ cầu nem thịt mà làm gì?". Nhân làm bài Hải-Phú, văn-từ rất quý-quyết. Cổ-Khải-Chi nói rằng: "bài phú này hay hơn bài của Huyền-Hur¹, nhưng chỉ tiếc trong bài không nói đến muối. Dung tức thì cầm bút làm nổi thêm mấy câu: "Lộc sa cầu bạch, ngao ba xuất tố, tích tuyết trung xuân, phi sương thử-lộ", nghĩa là: lọc cát nấu sòng, làm ra chất trắng, như tuyết mùa xuân, như sương tháng nắng.

Cao-Kiệm

Tự là Sĩ-Liêm. Cháu nội của Thanh-Hà-Vương Cao-Nhạc nước Tề. Trong khoảng niên-hiệu Nhơn-Thọ (601-604), nhà Tùy, thi văn tài, đậu Giáp-Khoa, bổ làm chức lại ở Bộ-Hộ, bỏ việc quan chạy qua Cao-Ly, nên bị biếm làm Chủ-Bộ huyện Chu-Diên, vì mẹ già không thể ở nơi nước đốc, phải lưu bà ở lại đồn Giải-Vu mà đi. Gặp lúc loạn, Thái-Thú Giao-Chỉ là Khâu-Hoà bổ Kiệm làm Tư-Pháp-tá. Khi ấy nhà Lương khiến Ninh-Trường-Chân đem binh xâm chiếm Giao-Chỉ; Hoà khiến Kiệm làm Hành-quân Tư-Mã, đón đánh phá tan quân giặc. Thời sơ-niên nhà Đường, Kiệm làm chức Trung-Thư Môn-hạ.

Bùi-Kiến-Thông

Làm Thứ-Sử Thần-Châu đời nhà Đường. Năm Trinh-Quán thứ 2 (628), vì Kiến-Thông là người cũ của vua Dương-Đế, lại làm nghịch loạn, cho nên tuy có lệnh ân-xá, cũng không thể dùng để trị dân, bị bôi tên và đày qua Hoan-Châu.

Vương-Phúc-Trĩ

Cha của Vương-Bột, thời Cao-Tông (650-683), làm Ung-Châu Tư-Hộ Tham-Quân. Vì việc của Vương-Bột, bị đày qua làm Giao-Chỉ-Lệnh. Vương-Bột qua Giao-Chỉ thăm cha, bị đắm thuyền chết.

Lý-Sào

Tự là Hiếu-Nghĩa, con của Lý-Diệm. Lúc tuổi trẻ rất hào hiệp, dâng thơ cho vua điều trần việc lợi hại, vua cho làm chức Giám-Sát Ngự-sử. Sau vì có việc trái ý vua, bị biếm làm Long-Biên Chủ-Bộ.

Lý-Hữu

Người đồng tộc với Lý-Nghĩa-Phủ, theo Đỗ-Chính-Luân, cùng nhau kể tội Lý-Nghĩa-Phủ. Sau Nghĩa-Phủ khiến người đầu cáo Chính-Luân làm phản, cùng Lý-Hữu giao thông để dấy vua, có mưu toan gì khác. Vua Cao-Tông ghét Hữu, đày qua Hoan-Châu.

Thẩm-Thuyên-Kỳ

Tự là Vân-Khanh, người Châu-Tương, lần lượt thăng đến chức Cấp-Sự-Trung, trong khi đi xét công-tác của quan lại, có nhận của hối-lộ, bị hạch tội, cứu xét chưa xong, vừa gặp lúc Trương-Dị thất thế, phải đày qua Hoan-Châu. Sau được làm lên chức Trung-Thư Xá-Nhơn.

Hàn-Tư-Ngạn

Tự là Anh-Viển, người Nam-Dương, làm Giám-Sát Ngự-Sử, có chính tích hay. Gặp lúc có sao Thái-Bạch mọc ban ngày, Tư-Ngạn khuyên vua sửa đức để đáp sự khiển trách của trời. Vua trách Lý-Nghĩa-Phủ rằng: "Một chức quan bát-phẩm, còn biết nói chuyện đắt thất của triều đình, nhà người ngời cao phú quý, coi việc gì?". Nghĩa-Phủ cùng các người họ Vũ gièm pha, Tư-Ngạn thôi chức bỏ đi. Trong năm Thượng-Nguyên (674-675), vua Cao-Tông lại vời đến để bổ dụng. Tư-Ngạn thôi làm quan đã lâu

¹ MỘC-HUYỀN-HUR đời Tấn có làm bài "Hải-phú".

ngày, sơ sót nghi-lễ triều-đình, lúc lạy vua, quên múa tay tiến bước, bị Lý-Khâm-Nguyên tấu hạch, phải đổi qua làm quan Thừa huyện Chu-Điên, rồi mất ở đó.

Lư-Tàng-Dụng

Tự là Sĩ-Thanh, người Do-Châu, thi tiến-sĩ không đỗ, cùng với người anh ngao du tại miền nước Ngô và nước Thục. Vũ-Hậu dùng làm Hoàng-Môn Thị-Lang. Vì tội phụ giúp Thái-Bình Công-chúa, Huyền-Tông lúc đầu muốn xử trảm, sau bớt giận, bèn đày đi Tân-Châu, có kẻ cáo Tàng-Dụng mưu phản, xét không có bằng chứng, lại đày qua Hoan-Châu. Gặp lúc Giao-Châu làm phản, Tàng-Dụng ngăn chống có công, được thăng chức Trưởng-Sứ Kiềm-Châu.

Tống-Tấn-Khanh

Con người chị họ của Vũ-Hậu, có người anh là Sở-Khách làm Hộ-Bộ Thị-Lang. Tấn-Khanh cùng quân Vũ-Lâm xây cất dinh-thự cho Sở-Khách, quá nổi xa hoa, bị lỗi, phải đày đi Phong-Châu.

Lý-Càn-Hựu

Làm Thứ-Sứ hai châu Hình và Ngụy, thường viết thư cho người lại quen biết, dùng lời bí ẩn, nói việc đắc thất của triều-đình; bị người lại ấy tố-cáo lên triều-đình, Càn-Hựu bèn bị đày qua Hoan-Châu.

Nghiêm-Thiện-Tư

Thời Tắc-Thiên Vũ-Hậu (685-705), làm Giám-Sát Ngự-Sứ công-bình ngay thẳng, gặp việc dám nói. Từ thời Thuỳ-Cung (685-688), trở về sau, chuyên dùng những quan lại tàn khốc, hại tôn-thất, giết đại-thần, những bọn điếm-chỉ mật-báo không biết bao nhiêu mà kể. Thái-Hậu cũng chán sự phiền phức, khiến Thiện-Tư tra hỏi, xét ra chịu phục tội hơn 800 người. Những phường thêu dệt hết thể hung hăng, bèn cùng nhau gièm Thiện-Tư, làm cho Tư phải bị đày qua Hoan-Châu.

Đậu-Sâm

Thời Đức-Tông (780-804), làm Tể-Tướng, vì ghét Lý-Tồn đuổi ra làm Thứ-Sứ Thường-Châu. Kịp khi Sâm bị biếm làm Tiết-Độ-Sứ Nghi-Châu, Lưu-Sĩ-Ninh đưa biểu Sâm năm mươi cây lụa, Tồn tâu vua nói Sâm giao kết với các quan phiến-trấn, vua giận, muốn giết Sâm. May nhờ Lục-Chí ra sức cứu vớt, bèn biếm làm Tư-Hộ Hoan-Châu, kể buộc phải tự tử.

Lý-Nhân-Quân

Cha của Lý-Ngay. Khoảng Trinh-Nguyên (785-804), đời Đường, Thái-Phó Lũng-Tây-Công dẹp yên Biện-Châu, Nhân-quân làm Thị-Ngự-Sứ, coi việc muối, ở Biện-Châu. Khi Lũng-Tây-Công mất, quân lính nổi loạn, những người từng sự trong quân-đội đều bị xử tử, Nhân-Quân cũng bị gièm, biếm làm dân quận Nhật-Nam.

Bùi-Di-Trực

Tự là Lễ, làm Trung-Thư Xá-Nhơn. Khi Vũ-Tông (841-846) lên ngôi, Di-Trực xem sách điệp, chẳng chịu ký-tên, bị giáng làm Thứ-Sứ Hàng-Châu; lại bị đuổi đi làm Tư-Hộ tham-quân tại Hoan-Châu. Thời Tuyên-Tông (847-859), được triệu về làm chức Thường-Thị.

Dương-Thu

Tự là Tàng-Chi. Từ niên-hiệu Đại-Trung (847-859) về sau, mán Nam-Chiếu thường vào Ung-Châu, cướp bóc Giao-Chỉ, quân Tàu qua lại đồn trú, bị chết vì lam chướng mười phần hết bảy, thể giặc càng ngày càng mạnh; Thu bàn mộ quân Dự-Chương một vạn người, đặt đạo quân Trấn-Nam để chống quân Mán, lại cho thuyền bè vận lương cho Nam quân. Vua khen, cho thăng chức Thượng-thư Bộc-Xạ. Thời Ý-Tông (860-873), thăng làm Tể-Tướng. Trước đây con trai của Thượng-Thư Hữu-Thừa Bùi-Thản cưới con gái của Thu, lễ đưa dâu có của hồi-môn rất hậu, đồ dùng trang trí toàn bằng ngọc và sừng tê. Bùi-Thản giận nói rằng: "Đồ ấy sẽ phá hại nhà ta", lập tức khiến đập vỡ hết. Sau quả nhiên Thu vì ăn hối-lộ bị bãi chức. Năm Hàm-Phong thứ 11 (870) đày qua Hoan-Châu, kể buộc phải tự tử.

Trần-Bàn-Tấu

Làm quan lệnh phủ Chí-Đức, thấy vua Ý-Tông hoang chơi, chẳng lo việc triều-chính, vả lại tin dùng Lộ-Nham; Nham xa xỉ, hay ăn hối-lộ, Tấu dâng sớ tâu bày, xin chỉ phá một nhà Biên-Hàm, cũng đủ nuôi quân ba năm. Vua hỏi Hàm là ai? Thừa rằng: "là kẻ thân lại của Lộ-Nham". Vua giận đày ra Ái-Châu.

Lưu-Chiêm

Tự là Cơ-Chi, người Quế-Dương, thôi chức Tế-Tướng ra làm Tiết-Độ-Sứ Kinh-Nam. Năm Hàm-Thông thứ 11, Đồng-Xương công-chúa chết, vua xuống chiếu bắt quan y-viện hơn hai mươi người, toàn gia hạ ngục. Chiêm cùng với Kinh-Triệu-Doãn là Ôn-Chương cố sức can gián, bảo rằng vua quá thương con gái, làm khổ dân. Ý-Tông giận, biếm Chiêm làm Tư-Hộ Hoan-Châu, Chương làm Tư-Mã Chấn-Châu.

Trần-Trọng-Vy

Tự là Trí-Quảng, người Thụy-Châu, thi đậu khoa Mậu-Tuất (1238) niên hiệu Gia-Hy đời Tống-Lý-Tông (1225-1264), khoảng niên-hiệu Hàm Thuần (1265-1274) làm triều-sĩ, thường bàn bạc chỉ-trích Giả-Tự-Đạo, vì cố ấy bị đui ra nhiệm chức ngoại-quận, chuyển đổi qua đến Lĩnh-Nam. Năm Bính-Tý (1276), niên-hiệu Chí-Nguyên (1264-1294), nhà Nguyên, quan-quân (tức quân nhà Nguyên) vào bắt ấu-chúa (vua nhà Tống), cả nước đều qui thuận, hai vua (tức Đoan-Tông và Đế-Bính nhà Tống), chạy xuống phía Nam, Trọng-Vy từ Quỳnh-Châu vào yết kiến, đến Quảng-Châu, được cử làm Lại-Bộ Thượng-Thư, khiến với Thừa-Tướng nhà Tống là Trần-Nghi-Trung. Nhà Tống mất, Trọng-Vy chạy vào An-nam, rất được vua Trần-Thánh-Tông trọng đãi. Thường làm thơ rằng:

"Tử vi Việt-Quốc qui hương qui,
Sinh tác Nam-Triều cự gián thần".

nghĩa là:

Lưu-lạc thác làm ma Việt-Quốc,
Trung cương xưa vẫn sĩ Nam-Triều¹.

Ở An-nam được vài năm thì mất, Tăng-Uyên-Tử vẫn một bài thơ rằng:

Giang-Nam duy nhị điều,
Dực chiết ảnh tương y,
Thính vũ thấp tàn cỏ,
Trùng thiềm cự phá y,
Bất tri Phật Lão cực,
Do vọng thái-bình qui.

tạm dịch:

Giang-Nam chim một cặp,
Gãy cánh tựa nương nhau,
Mưa thấm cây khô nhánh,
Nhà chê áo rách bâu,
Phép mầu nhiệm chẳng biết,
Còn đời thái-bình sao?

Bình-Triều Trương-Hoảng-Nghị ai điều một câu rằng:

Giao-Châu phương phản Ngu-Phiên cốt,
Linh-Vũ thủy minh Đổ-Phủ tâm.

Dịch nghĩa:

Linh-vũ ai hay lòng Đổ-Phủ²,

¹ Tức triều Nam-Tống.

² Đổ-Phủ nhà Đường bị truất ra ở đất Linh-Vũ.

Giao-Châu vừa tiển cốt Ngu-Phiên¹.

Sau Quốc-đệ nước An-nam là Trần-Thôi bị tội, lén khiến con của Trọng-Vy là Trần-Văn-Tôn qua Trung-Quốc xin quân đánh An-nam. Mùa đông năm giáp-Thân, đại-binh qua đánh nước Nam, Trấn-Nam-Vương cho Trần-Văn-Tôn làm Thiên-Hộ để dẫn đường. Vua Thánh-Tông nhà Trần cả giận, khiến bổ quan-tài Trọng-Vy.

Tăng-Uyên-Tử

Tự là Quảng-Trưng, người Vũ-Châu, thi đậu khoa Canh-Tuất (1250), niên hiệu Thuần-Hữu (1241-1252), đời Tống Lý-Tông, do chức Thị-Túng ra làm Tri-Huyện Long-Hưng, kiêm chức An-Vũ, lại được vời làm Lâm-An Phủ-Doãn, coi việc Tham-Chính-Phủ. Mùa xuân năm Ất-Hợi (1275) do chức đài-đoan biếm ra Lôi-Châu. Niên-hiệu Chí-Nguyên năm Bính-Tý (1276), đại-binh vào Hàng-Châu, ấu chúa nhà Tống ra hàng, Nhị Vương vượt biển đến Quảng-Châu. Uyên-Tử yết kiến, được cho làm Quảng-Tây Tuyên-Uý-Sử, kiêm quản Lôi-Châu. Năm Mậu-Dần (1278) làm chức Thị-độc, gia phong Kim-Tử Quang-Lộc đại-phu. Lúc Ích-Vương bại trận ở Nhai-Sơn, Tham-Chính là Tú-Phụ ôm Quảng-Vương nhảy xuống biển. Uyên-Tử nhảy theo, nhưng được người nhà vớt lên khỏi chết, bèn ở nhờ trong thuyền của Tô-Lưu-Nghĩa. Bọn Mã-Vương giết Lưu-Nghĩa, đem Uyên-Tử chạy qua An-nam, rất được Trần Thánh-Vương trọng đãi. Mùa đông năm Giáp-Thân (1284), niên hiệu Chí-Nguyên, đại binh vào An-nam, Uyên-Tử đem chúng qui phục. Sau không biết chết ở đâu.

Tô-Cảnh-Do

Con của Tô-Lưu-Nghĩa, An-Vũ-Sứ nhà Tống. Năm Bính-Tý (1276), hiệu Chí-Nguyên, quan binh vào Lâm-An, Nhị Vương chạy xuống phía Nam, lúc ấy người cha làm Sách-Ứng Đại-Sứ Quảng-Đông, và Quảng-Tây gia hàm Thiếu-Bảo. Sau trận thua tại Nhai-Sơn, vua Tống đã bị chôn vào bụng cá. Lưu-Nghĩa bị bọn Vương-Phục, Mã-Vương giết chết. Chúng tôn Khả-Văn-Kiệt lên làm trưởng, bắt vợ Lưu-Nghĩa gả cho Văn-Kiệt. Lúc ấy Cảnh-Do mới mười tuổi. Văn-Kiệt dẫn chúng chạy qua An-nam, Cảnh-Do kêu oan cho cha với Thánh-Vương nhà Trần, Vương khiến Kiểm-Pháp-quan Đinh-Củng-Viên tra xét. Văn-Kiệt lo lót rất hậu, Củng-Viên tâu với Vương rằng: "ấy là việc xảy ra lúc chúng nó chưa về phụ với ta, bắt tất cật vấn làm gì". Mùa đông năm Giáp-Thân (1284), niên hiệu Chí-Nguyên, quan binh vào An-nam, Văn-Kiệt đem chúng ra hàng. Cảnh-Do lại đem việc ấy tố cáo với Trấn-Nam-Vương, Vương thương xót, khiến người dò hỏi ra sự thực, bèn chém Văn-Kiệt. Cảnh-Do theo quân về Bắc, được cho về làng cũ.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Chung

¹ Ngu-Phiên, người đời Tam-Quốc, học giỏi, vì lưu-lạc ở phương Nam, sau chết ở đó. Thường than thở rằng: "Sống không biết nói chuyện với ai, chết chỉ có ruồi xanh đến điếu. Đời người gặp được một người tri-kỳ cũng đủ khỏi buồn".

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Nhất

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Gia thế Họ Triệu

Triệu-Đà

Người Chơn-Định, thời nhà Tần, (246-207 trước Công-Nguyên) làm quan lệnh huyện Long-Xuyên (Tuần-Châu ở Nam-Hải). Buổi đầu nhà Tần gồm thu thiên-hạ, đánh lấy đất nước Việt, đặt ba quận Quế-Lâm, Nam-Hải và Tượng-Quận, để đem dân đi đày qua ở chung lộn với dân Việt. Quan Úy quận Nam-Hải là Nhâm-Ngao đau bệnh ung-thư chết, nhà Tần bèn cho Đà kiêm chức Nam-Hải-Úy. Nhà Tần mất, Đà đánh lấy luôn Quế-Lâm, Tượng-Quận, tự lập làm vua. Khi Hán Cao-Tổ (206-195 trước Công-Nguyên), đã bình-định thiên-hạ, vì trong nước trải qua chiến-tranh lao khổ, nên tha tội Đà, chẳng trách. Năm thứ 11, khiến Lục-Giả phong Đà làm Nam-Việt-Vương. Thời Cao-Hậu cấm Nam-Việt mua bán đồ sắt, Đà bèn tiếm hiệu xưng Nam-Việt Vũ-Đế, phát binh đánh Trường-Sa, lấy của cải mua chuộc mấy nước Mân-Việt, Tây-Âu-Lạc¹ bắt làm thuộc-bang để sai khiến. Bờ cõi từ đông qua tây rộng hơn muôn dặm, cỡi xe Hoàng-ốc-tả-đạo², xưng đế-chế sánh ngang với Trung-Quốc.

Hán Văn-Đế lên ngôi năm đầu (179 trước Công-Nguyên), đặt người thủ-ấp, để coi sóc mồ mã của thân-nhân Triệu-Đà³, hăng năm hương-khói, lo việc phụng-tự, lại vời anh em của Đà đều ban cho ân-huệ, quan-tước. Đà bèn xuống lệnh trong nước rằng: "Ta nghe nói hai kẻ hùng chẳng cùng đối lập, hai kẻ hiền chẳng cùng sinh tồn. Hoàng-đế nhà Hán là đấng hiền Thiên-Tử, bèn bỏ hoàng-ốc, tả-đạo". Văn-Đế rất lấy làm đẹp lòng. Thời Cảnh-Đế (156-141 trước Công-Nguyên) Triệu-Đà xưng thần, khiến người vào triều-yết... Nhưng ở Nam-Việt vẫn tiếm hiệu như cũ... Lúc khiến sứ vào châu Thiên-Tử, xưng triều mạng như chư-hầu. Năm Kiến-Nguyên thứ 4 (137 trước Công-Nguyên) Đà mất, cháu là Hồ nối ngôi. (Thời ấy nhà Hán đã được 70 năm, Triệu-Đà đã hơn trăm tuổi, ở ngôi 71 năm).

Hồ lên làm vua, lúc ấy Mân-Việt đến đánh Nam-Việt, Hồ không dám tự chuyên dấy binh, khiến người dâng thư cho Hán Vũ-Đế. Vũ-Đế vì Hồ dấy binh đánh Mân-Việt và khiến Nghiêm-Trợ qua dụ, Hồ cảm oai đức của Thiên-Tử, bèn sai Thái-Tử Anh-Tề vào châu vua Hán, tự mình ngày đêm cũng sắp sửa vào châu. Các đại-thần can rằng: "Xưa tiên-vương có nói: "thờ Thiên-Tử giữ đừng thất lễ là được, cốt đừng nghe lời dỏ ngon ngọt mà vào yết-kiến, vào yết-kiến thì không về được, ấy là cơ mất nước". Rồi cuộc Hồ xưng bệnh chẳng đi, sau mười năm, Hồ đau nặng, Anh-Tề xin về. Hồ mất, tôn Thụy-Hiệu là Văn-Vương.

Anh-Tề lên làm vua, giấu cất ấn ngọc tỳ của tiên-đế (Lý-Khanh nói rằng: "giấu cất ấn ngọc tỳ, tiếm hiệu"). Trước đây, lúc Anh-Tề vào túc vệ ở Trường-An, cưới con gái họ Cù ở đất Hàm-Đan, đẻ con là Hưng. Đến lúc nối ngôi vua, Anh-Tề dâng thư xin lập Cù-thị làm Vương-Hậu và Hưng làm tự. Nhà Hán thường khiến sứ dụ Anh-Tề vào châu, Anh-Tề xưng bệnh không đi, chỉ khiến con là Thứ-Công vào châu mà thôi. Anh-Tề mất, tôn Thụy-Hiệu là Minh-Vương.

¹ Lạc tức là Giao-Chi.

² Hoàng ốc là mui xe lợp màu vàng, tả-đạo là chùm lông đặt trước đầu ngựa kéo xe ở phía trái, cho ngựa không ngó thấy nhau.

³ Mồ mã thân nhân Triệu Đà ở Chân Định bên Tàu.

Hưng lên làm vua, tôn mẹ làm Thái-Hậu. Cù-Thị lúc chưa lấy Anh-Tề, đã tư thông với người Bá-Lăng tên là An-Quốc-Thiều-Quý. Năm Nguyên-Đĩnh thứ 4 (113 trước Công-Nguyên), người trong nước biết việc ấy, chẳng phục Thái-Hậu. Thái-Hậu sợ nổi loạn, muốn cậy oai nhà Hán, thường khuyên vua và bề tôi cầu nội-thuộc nhà Hán, bèn nhờ sứ-giả dâng thư xin cho Nam-Việt được đứng ngang hàng với chư-hầu, ba năm một lần vào triều-kiến. Thiên-Tử y cho, Vua và Thái-Hậu sắm sửa hành-trang, đem nhiều của báu để vào châu Hán-Đế. Thừa-tướng Lữ-Gia can ngăn, vua chẳng nghe, Gia có lòng muốn làm phản, thường xưng bệnh, chẳng chịu ra mắt sứ-giả nhà Hán. Thái-Hậu giận, mưu toan giết Gia, bèn mở hội trong cung, lúc uống rượu, Thái-Hậu bảo Gia rằng: "Nam-Việt nội-thuộc Trung-Quốc là việc lợi cho nước; Thừa-tướng lại cố ý không chịu là vì có gì?". Nói vậy, để chọc giận Hán-Sứ, nhưng hai bên cùng ngó nhau, hồ-nghi, không dám hành-động. Lữ-Gia thấy có mòi chẳng lành, liền bỏ chạy ra. Thái-Hậu giận, muốn dùng cái mâu đâm Gia, nhưng vua can ngăn lại. Gia ra ngoài xưng bệnh, mấy ngày không yết-kiến vua, bèn cử binh làm phản, đánh giết Vua, Thái-Hậu và Hán-Sứ, rồi lập con thứ của Minh-Vương là Vệ-Dương-Hầu Kiến-Đức lên làm vua. Năm Nguyên-Đĩnh thứ 5 (112 trước Công-Nguyên) Vũ-Đế sai Phục-Ba tướng-quân Lộ-Bác-Đức đem mười vạn quân qua đánh. Năm sau đánh bại được quân Việt, khiến bộ-tướng bắt Kiến-Đức và Lữ-Gia nơi cửa biển, tiêu-diệt nước Việt, chia làm chín quận, bắt đầu đặt quan Thái-Thú. Họ Triệu làm vua được năm đời, cộng 93 năm.

Phụ chép bài "Nam-Việt-Hành" của Quan Giám-Nghị nhà Tống là Chu-Chi-Tài

(Chi-Tài tên chữ là Sư-Mỹ, người Lạc-Tây, khoảng niên-hiệu Sùng-Ninh (1102-1106), vì nói thẳng bị lỗi, ra làm quan lệnh ở Tứ-Thủy).

Bài này thấy chép ở Trung-Châu-Tập.

Nam-Việt-Hành
 Gái Hàm-Đan vợ vua Nam-Việt,
 Răng trắng ngời, mắt liếc sáng trưng.
 Ngọc làm trướng, ngà làm giường,
 Dương cao tàn gấm, đánh vang trống đồng.
 Ao Thái-Dịch, phủ-dung một đóa,
 Chốn khói Mường đầy đọa tâm thân.
 Bá-Lăng tin vắng cố-nhân,
 Thâm-cung chỉ thấy dấu chân phi-hồng.
 Con làm chúa mà lòng chẳng nguyện,
 Chỉ nguyện về châu điện Bá-Lương¹
 Mậu-Lăng tuổi trẻ quân-vương²
 Sai qua hải-đảo tìm đường hàn huyên.
 Đuốc Kim-Nghê long-diên thơm phức,
 Ngọc Minh-Châu sáng rực thâm-cung.
 Xa xuôi muôn dặm Phiên-Ngung,
 Uyên-ương đôi lứa thoả lòng hôm nay.
 Lão thừa-tướng cầm tay ấn bạc,
 Chốn tiêu-tướng gây việc đao cung.
 Gái này ai bảo chẳng hùng,
 Phục binh tiệc rượu trong cung an bài.
 Sứ nhà Hán một bày nhu nã,
 Tót mâu-thần, bà đã rập toan.
 Cấm ngăn vì bởi cô-man³

¹ Bá Lương: đền của vua Hán.

² Mậu Lăng là lăng của Hán Vũ Đế.

³ Cô Man là tên Mường mồ cô cha, tức chỉ Việt Vương Hưng.

Thương ôi! uổng chết gã Hàn-Thiên-Thu.
 Quân chinh-phạt thuyền lâu muôn đội,
 Ra Quế-Dương xuống lối Ly-Giang.
 Lữ-Gia sa lưới Việt-Lang¹,
 An-nam chín quận, Hán-Hoàng tóm đầu.
 Cỏ mấy độ xanh mờ Triệu-Uý,
 Mới ngày nào ngọc tỷ nghinh ngang.
 Thành nghiêng vì gái Hàm-Đan,
 Nước xuôi Dương-Thủy², tre tàn sông Tương
 Tương-Phi³, Cù-Hậu khóc thương.

Những kẻ tiếm thiết thời Ngũ-Đại

Vua Hiếu-Vũ bỏ nước Nam-Việt, chia làm quận ấp, đặt quan cai-trị, trải mấy triều đều noi theo. Cuối đời nhà Đường, các thổ-hào châu Giao, châu Ái là các họ Khúc, Dương, Kiều, Ngô nối nhau soán đoạt, trong thời-gian chừng năm, sáu mươi năm. Đầu đời nhà Tống, Đinh-Bộ-Lĩnh cướp ngôi họ Ngô, Thái-Tổ phong tước vương cho Đinh-Thị.

Khúc-Hạo:

Chiếm cứ Giao-Chỉ. Lúc ấy, Lưu-Ẩn chiếm cứ Phiên-Ngung, Ẩn chết, con là Lưu-Nghiễm kế lập, xưng quốc-hiệu là Nam-Hán. Khúc-Hạo khiến con là Thừa-Mỹ qua làm Khuyển-Hào-Sứ, đến Quảng-Châu để dò xét hư thực. Hạo chết, Thừa-Mỹ kế ngôi cha; năm Kỷ-Mão, niên-hiệu Trinh-Minh nhà Lương năm đầu (915)⁴, khiến sứ tiến cống, cầu lãnh tiết việt, nhà Lương nhân trao cho. Lưu-Nghiễm că giận, tháng chín năm Đại-Hữu thứ 3 (930) đời Ngụy-Hán, khiến tướng mạnh là Lương-Khắc-Chính đem binh đến đánh, bắt Thừa-Mỹ đem về. Khắc-Chính lưu giữ Giao-Chỉ, sau bị Dương-Đình-Nghệ đuổi.

Thừa-Mỹ:

(Đã chép ở đoạn trên).

Dương-Đình-Nghệ:

Người châu Ái, tướng của Khúc-Hạo. Khi Lưu-Nghiễm đã bắt Khúc-Thừa-Mỹ rồi, phong tước cho Đình-Nghệ, khiến Lý-Tấn làm Thứ-Sứ Giao-Châu, cùng với Lý-Khắc-Chính giữ thành. Nghiễm bảo kẻ tả hữu rằng: "Dân Giao-Chỉ ưa làm loạn, chỉ nên lung lạc họ mà thôi". Quả nhiên, năm sau, Đình-Nghệ làm phản, đem quân vây thành. Khắc-Chính thua chạy. Đình-Nghệ chiếm cứ bờ cõi, sau bị Kiều-Công-Tiến giết.

Kiều-Công-Tiến:

Nha-tướng của Dương-Đình-Nghệ, giết Đình-Nghệ mà thay thế. Niên-hiệu Thiên-Phúc nhà Tấn năm thứ 2 (Ngụy-Hán Đại-Hữu thứ 10), (937), Ngô-Quyền cử binh Ái-Châu vây Công-Tiến. Tiệp sức kém, xin viện binh với Lưu-Nghiễm. Nghiễm cho con là Vạn-Vương Hoằng-Thao làm Giao-Châu Tiết-Độ-Sứ, đem binh qua cứu. Vừa đi đến sông Bạch-Đặng, thì Quyền đã giết Công-Tiến, đem binh đón đánh, làm cho toàn-quân của Thao đều bị hãm.

¹ Việt Lang là chức quan Lang của nước Việt, tên là Đô Kê, bắt Lữ Gia nạp cho tướng nhà Hán.

² Quảng Đông cũng gọi là Ngũ Dương Thành.

³ Tương Phi: vua Ngu Thuấn đi tuần thú, chết ở Thương Ngô, hai bà vợ theo khóc rồi chết ở sông Tương, người đời sau gọi hai bà là Tương Phi.

⁴ Theo "Thế giới niên biểu" thì năm Trinh Minh nguyên niên là năm Ất Hợi (915), còn năm Kỷ Mão là năm Trinh Minh thứ 5 (919).

Ngô-Quyền:

Người Châu Ái, nha-tướng của Đinh-Nghệ, giết Công-Tiên, tự lập làm vua. Con là Xương-Ngập, em là Xương-Tuấn nối ngôi. Nguy-Hán năm Càn-Hoà thứ 12, (954), Xương-Tuấn xưng thần với Lưu Thành, khiến sứ vào cống, lãnh tiết việt. Thành khiến Cấp-Sự-Trung Lý-Dự đem sinh-tiết qua phong. Dự đi đến Bạch-Châu, Xương-Tuấn khiến người đón lại bảo rằng: "Giặc biển làm loạn, đường sá chẳng thông". Dự bèn không đi. Xương-Tuấn mất, em là Xương-Văn kế lập. Văn chết, tham-mưu của Văn là Ngô-Xử-Bình, Thứ-Sử Phong-Châu Kiều-Tri-Tả, Thứ-Sử Ninh-Châu Dương-Huy và nha-tướng Đổ-Cảnh-Thạc, dùng binh tranh lập, rồi đều bị Đinh-Bộ-Lĩnh dẹp yên, mà chiếm cứ đất nước.

Ngô-Xương-Ngập**Ngô-Xương-Tuấn****Ngô-Xương-Văn**

(Đều có chép ở đoạn trên).

Gia-Thế họ Đinh**Đinh-Bộ-Lĩnh**

Người động Hoa-Lư, Giao-Châu. Cha là Công-Trứ, làm nha-tướng của Đinh-Nghệ. Cuối thời Ngũ-Đại, Đinh-Nghệ đi trấn Giao-Châu, lấy Công-Trứ quyền Thứ-Sử Hoan-Châu. Trước đây, Ngô-Quyền giết Kiều-Công-Tiên, cha con Bộ-Lĩnh về với Ngô-Quyền, Quyền nhân khiến Công-Trứ về nhiệm chức cũ. Khi Công-Trứ mất, Bộ-Lĩnh kế tập chức cha. Kịp đến lúc Ngô-Xương-Văn mất, bọn bộ-hạ nổi loạn, Bộ-Lĩnh cùng con là Liễn đánh dẹp yên hết, lĩnh việc cai-trị Giao-Chỉ, xưng hiệu Vạn-Thắng-Vương, riêng phong chức cho Liễn làm Tiết-Độ-Sứ, được mười năm thì Bộ-Lĩnh mất.

Đinh-Liễn:

Kế lập được bảy năm, năm Tân-Vị Khai-Bửu thứ 4 (971), Thái-Tổ nhà Tống khiến đại-tướng Phan-Mỹ qua đánh Lĩnh-Nam. Liễn sợ, dâng biểu-văn, khiến sứ vào cống, xin nội-phụ, Thái-Tổ xuống chiếu phong Liễn làm Tiết-Độ-Sứ An-Nam đô-hộ. Tháng 5 năm thứ 8, (975), Liễn tiến cống vàng lụa, sừng tê, ngà voi, trà thơm. Ngày mồng 7 tháng 8, Thái-Tổ xuống sắc-chế, phong cha Liễn là Bộ-Lĩnh làm Giao-Chỉ Quận-Vương; thực ấp 1.000 hộ. Tháng 12, khiến Cao-Bảo-Chư làm Quan-Cáo-Sứ¹. Năm Thái-Bình Hưng-Quốc thứ 2 (977), Liễn sai sứ qua cống mừng vua Thái-Tông lên ngôi. Năm thứ 5 (980), Liễn mất, em là Truyền lên ngôi.

Đinh-Truyền:

Truyền còn nhỏ, xưng Tiết-Độ Hành-Quân Tư-Mã, quyền lãnh việc quân phủ. Tháng 4 năm Canh-Thìn, Thái-Bình-Hưng-Quốc thứ 5 (980), khiến Lư-Tập đi sứ Giao-Chỉ. Đại-hiệu Lê-Hoàn chuyên-quyền, hiếp dờ Truyền ở một nhà riêng, bắt giam cả họ và thay thế quản lãnh binh-quyền. Thái-Tông giận, khởi binh tiến đánh. Hoàn giả làm biểu-văn của Triều dâng lên. Qua tháng 11, khiến sứ tiến cống những đồ báu, như khí-mãnh bằng vàng, bằng bạc, sừng tê, ngà voi và dâng một tờ trạng-văn, nói rằng tất cả tướng hiệu, quân lính, kỳ-lão trong nước, đồng xin cho Truyền làm chức Tiết-Độ-Sứ, nối ngôi của cha, anh. Lúc ấy nhà Tống đã dấy binh, biểu văn tâu vào không được trả lời. Mùa đông tháng 11, quan binh đánh bại quân Giao-Chỉ ở Bạch-Đẳng. Năm sau, binh nhà Tống thất lợi rút về. Năm thứ 7 (982), Hoàn lại trá xưng Truyền khiến sứ tiến cống, vì sợ quân Tống tiến đánh vậy. Truyền bị Hoàn sát hại.

Họ Đinh nối nghiệp ba đời, cộng được 17 năm.

¹ Sứ thần đi tuyên phong.

Gia-Thế họ Lê

Lê-Hoàn

Người Châu Ái, có chí-lược, được lòng quân-sĩ, được Đinh-Liễn giao-phó binh-quyền, nhân soạn ngôi họ Đinh, tự xưng Giao-Châu Tam-Sứ Lưu-Hậu, khiến sứ tiến cống nhà Tống, dâng biểu nói: "Đinh-Truyền cùng mẹ là Dương-Thị suất lại, dân, tướng hiệu, ba quân, nài xin thần thống lĩnh việc phủ". Và giả làm một tờ biểu của Đinh-Truyền dâng lên. Thái-Tông yên-vỗ dụ rằng: "Họ Đinh đã truyền nối ba đời. Trẫm muốn cho Truyền làm Thống-Soái, nhà người làm phó. Nếu Truyền không có tướng tài, còn tính trẻ con, thì nên khiến mẹ con vào châu, sẽ được ưu-đãi, ta tức thì trao tiết-việt cho nhà người. Trong hai điều ấy, nhà người nên xét chọn lấy một". Thái-Tông khiến bọn Trương-Tôn-Quyền đi sứ, đem chỉ-dụ ấy qua. Nhưng Hàm đã chuyên cứ đất nước, chẳng phụng mệnh. Sau Hoàn dâng sớ nói: "Nước Chiêm-thành đem mấy vạn voi ngựa vào cướp An-Nam, đã bị tôi đánh đuổi chạy". Năm Thái-Bình Hưng-Quốc thứ 8 (983), Hoàn khiến cống các vật vàng bạc, tê-ngư và voi. Năm Ung-Hy thứ 2 (985), Hoàn khiến cống rùa vàng, hạc, lư-hương, ngà voi và một vạn cây lụa trắng để mừng tiết Càn-Minh. Vua Tống cho sứ-giả một bộ áo, đai bạc, yên cương và năm con ngựa. Hoàn cống vàng bạc và các vật thổ-sản. Tháng 10 ngày Canh-Thân, vua Tống khiến Lý-Nhược-Chuyết làm Quan-Cáo-Sứ, đem chế-sắc phong Hoàn làm Kim-Tử Quang-Lộc đại-phu, Kiểm-Hiệu Thái-Uý, Sử-Tri-Tiết, Đô-Đốc Chư-Quân-Sự, An-Nam đô-hộ, sung Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ, Giao-Châu Quản-Nội Quan-Sát-Sử-Trí Đẳng Sứ, Thượng-Trụ-Quốc, Kinh-Triệu-Quận, Khai-Quốc-Hầu, thực ấp ba ngàn hộ, vẫn ban hiệu là Thôi-Thành Công-Thần. Tháng 4 năm đầu hiệu Đoan-Củng (988), vua Tống khiến bọn Ngụy-Tường làm Quan-Cáo-Sứ đem chế-sắc tiến phong Hoàn tước Khai-Quốc-Công, cho thêm thực ấp ngàn hộ. Tháng 5 nhuận, Hoàn khiến sứ tiến cống. Năm đầu Thuận-Hoá (990), vua Tống khiến bọn Tống-Cảo làm Quan-Cáo-Sứ, gia phong cho Hoàn. Tháng 10, Hoàn cống một cái ghế khảm thất-bửu và các vật voi tê-ngư. Tháng 3 năm thứ 4 (993), vua Tống khiến bọn Vương-Thế-Tắc làm Quan-Cáo-Sứ, đem chế-sách phong Hoàn tước Giao-Chỉ quận-vương. Tháng 3 năm thứ 5 (994), Hoàn khiến sứ tiến cống, về sau Hoàn cậy thế nước hiểm trở, thường vào đánh cướp, không giữ đúng lễ phiên-thần. Mùa xuân năm đầu Chí-Đạo (995), Chuyển-Vận-Sứ Quảng-Tây Trương-Quan tấu rằng: "Hoàn cho quân vào trấn Như-Hồng thuộc Khâm-Châu, đánh phá cư-dân, cướp bóc lương thực, rồi bỏ đi". Mùa hạ năm ấy, 5.000 binh Tô-Châu dưới quyền chỉ-huy của Hoàn vào cướp Lộc-Châu, thuộc huyện của Ung-Châu, bị Tuần-Kiểm Dương-Văn-Kiệt đánh đuổi. Thái-Tông chú ý yên-vỗ cõi xa, chẳng muốn hỏi tội. Trương-Quan lại nói nghe đồn Hoàn bị họ Đinh truất đuổi, nay kéo tàn-quân ra ở vùng hải-đảo, chưa biết lập căn-cứ nơi nào, cho nên lấy sự cướp bóc để tự tức. Nay Hoàn đã chết, Quan dâng biểu mừng. Thái-Tông bèn khiến quan Thái-Thường Trần-Sĩ-Long làm Thế-Phòng-Sứ để dò xem hư thực, mới biết rằng Lê-Hoàn vẫn còn sống, tin trước chỉ là lời truyền-văn sai lầm. Năm thứ 2 (996), vua xuống chiếu hạch tội Trương-Quan, Quan đầu chết, lại ra chỉ-dụ chém Vệ-Chiêu-Mỹ ở trấn Như-Hồng. Mùa hạ năm ấy, vua Tống khiến Trần-Nghiêu-Tẩu nhiệm chức Quảng-Tây Chuyển-Vận-Sứ, nhân làm chiếu-thư khiến Lý-Kiến-Trung đem qua cho Lê-Hoàn. Nguyên Khâm-Châu có ba trấn ở gần bờ biển là Như-Hồng, Xy-Bộ và Như-Âm, trước đây có bọn Văn-Dũng, dân Triều-Dương, thuộc quận Giao-Châu, bị án giết người rồi đem cả gia-quyển trốn qua Như-Âm, được trấn-tướng bọn Hoàng-Lệnh-Đức che giấu. Hoàn khiến trấn-tướng triều-Dương Hoàng-Thành-Nhã theo bắt. Lệnh-Đức không giao trả, Thành-Nhã bèn đánh cướp rồi đi. Nghiêu-Tẩu đến Như-Âm, cật vấn biết được duyên-do việc che giấu, bèn bắt hết tất cả nam nữ già trẻ, một trăm ba mươi người, giao trả cho nhà đương cuộc Triều-Dương. Thành-Nhã bắt lại được người, làm thư tạ ơn Nghiêu-Tẩu. Hoàn cũng dâng biểu-chương tạ ơn và nói đã ước thúc các khê động, từ nay không còn việc quấy rối nữa. Tháng 7, Thái-Tông lại khiến Lý-Nhược-Chuyết đem chiếu thư và đai-ngọc ban cho Hoàn. Nguyên trước Kiến-Trung đến Giao-Châu, Hoàn tiếp đãi rất sơ-sài, nhân dâng biểu-văn lên tâu rằng: trước kia đánh cướp Như-Hồng chỉ là quận ngoài bờ cõi, mà thôi vậy. Nhân bắt 27 tên dân mọi, bọn không hiểu tiếng Tàu, giải giao cho Chuyển-vận-sứ. Triều đình tiếp được biểu-văn của Lê-Hoàn, bèn khiến Nhược Thuỷ qua đi sứ. Thoạt mới đến, Lê-Hoàn ra ngoài thành tiếp đón, chào hỏi rất kính rể; Hoàn bảo Nhược Thuỷ rằng: "Xưa đánh cướp Như-Hồng, chỉ là quân ngoại cảnh mà thôi, Hoàng-Đế có biết không? Nếu Giao-Chỉ làm phản thì chúng tôi vào Quảng-Châu trước, rồi đánh đến các quận ở Mân-Trung, há chỉ đánh trấn Như-Hồng mà thôi đâu?". Nhược-Khuyết khoan thai trả lời rằng: "Chúa Thượng nghe Như-Hồng bị cướp, chưa rõ thực hư thế nào; nghĩ rằng Túc-Hạ xuất-thân từ hàng nha tướng, đã được trao cho tiết-việt, lẽ nên tận trung đền đáp, há còn

manh lòng gì khác nữa sao? Đến lúc Túc-Hạ bắt quân giặc biển giải nạp, thì sự trạng đã rõ ràng. Nhưng các đại-thần bàn rằng: "triều-đình trao tiết việt cho Túc-Hạ để trấn an hải-ngoại, nay đã có loạn giặc biển, ấy là Giao-Châu một mình không đủ sức chế-ngự, nên phát vài vạn tinh binh, hội với quân bản-châu, đồng đánh giặc biển để dứt hậu loạn. Hoàng-Đế sợ Giao-Châu không hiểu ý của triều-đình, rồi sinh ra hoảng sợ, chi bằng chuyên uỷ việc dẹp giặc cho Túc-Hạ là hơn, bởi thế không khiến binh đi nữa". Hoàn ngạc nhiên nói rằng: "Giặc biển xâm phạm bờ cõi, ấy là tội của kẻ thủ-thần, (bây tôi có trách nhiệm phòng thủ), thánh-nhân khoan-hông, chưa hề trách phạt, ơn ấy quá hơn cha mẹ, từ nay xin kính vâng đức-hoá triều-đình, dẹp yên bờ cõi". Nói xong, trông về phía bắc, cúi đầu chúc mừng. Tháng 4 năm thứ ba (997), nhân dịp Tổng-Chân-Tông lên ngôi ban ơn, gia-phong Hoàn làm Nam-Bình-Vương kiêm chức Thị-Trung. Tháng 9, Hoàn cống một cái ghế khảm vàng bạc thắt bửu, sừng tê, ngà voi và lụa mịn. Vua Tống xuống chiếu khiến bày các đồ phương vật ấy ở Linh-Toạ đền Vạn-Tuế, cho sứ làm lễ lạy dâng. Năm ấy, Chiêm-Thành vào cướp biên-thùy, Hoàn đánh đuổi quân Chiêm rồi dâng biểu vào nhà Tống, đại-lược rằng: "Quốc-cảnh tôi tiếp giáp với Chiêm-Thành, khoảng vài năm nay, lân-bang ấy xáo động, cướp thuế má ở hương-thôn, quấy dân lành ở biên-cảnh, bởi thế, tôi phải phát quân ngăn chống, đến đổi trễ nải công việc triều-cống không giữ đúng quy-chế". Vua Tống xuống chiếu khen ngợi, phúc đáp và ban cho các thứ đai giáp và ngựa. Tháng 9 năm đầu Hàm-Bình (998) vua Chân-Tông, Hoàn cống một con voi thuần thực. Tháng 12 năm thứ 4 (1001), vua Tống ban sắc-chế gia-phong Hoàn làm công-thần. Năm thứ 4, để tạ ơn vua, Hoàn cống voi thuần, tê-ngưu và một bình thất-bửu nạm vàng. Tháng 11 năm thứ 5 (1002), gia phong Hoàn làm Phụng-Tiết công-thần. Tháng 3 năm thứ 6 (1003), Khâm-Châu tâu rằng: "dân trường¹ Hiệu-Thành thuộc Giao-Châu và Đầu-Mục Bát Châu-Sứ là bọn Hoàng-Khánh-Tập đem bộ-thuộc hơn 450 người, vào ở thôn Ô-Thổ, sông Dũng-Bộ thuộc địa-giới Khâm-Châu. Vua xuống chiếu khiến sứ-thần đến an-ủi và khiến trở về quê cũ. Bọn Hoàng-Khánh-Tập sợ tội không dám trở về, bèn dời ra ở vùng bờ biển Khâm-Châu. Tháng 6 năm Cảnh-Đức (1004) Lê-Hoàn khiến con là Lê-Minh-Đế vào cống, ngày 27 vào tâu dõ ở đền Sùng-Chính, vua lại vời vào tiện-điện an-ủi và cho Minh-Đế làm chức Kim-Tử Quang-Lộc đại-phu, kiểm-hiệu Thái-Bảo, Hoan-Châu Thứ-Sứ, Thượng-Trụ-Quốc. Tháng giêng năm thứ hai (1005), nhân ngày tiết Thượng-Nguyên, xuống chiếu cho Minh-Đế tiến, khiến cùng các sứ-thần Đại-Thực và Chiêm-Thành xem rước đèn, ăn yến uống rượu. Tháng ấy, theo lời thỉnh-cầu, ban cho Hoàn một bộ Kinh Đại-Tạng. Tháng 3 năm thứ 3 (1006), Lê-Hoàn mất.

Long-Việt

Con giữa của Lê-Hoàn, nối ngôi làm vua, bị em là Long-Đĩnh giết.

Long-Đĩnh

Con út của Lê-Hoàn, giết Long-Việt mà tự lập làm vua. Anh là Long-Kim (?) nổi giận, cướp của kho chạy trốn và Long-Hộ đem binh trại Phù-Lan đánh nhau để giành ngôi. Trước đây Lê-Minh-Đế vào cống, vì nước loạn không về được, phải lưu lại ở Quảng-Châu. Tri-Châu Cao-Nhật không cấp cho nhà ở nữa. Chân-Tông xuống chiếu cho tiền 50 vạn, gạo 150 hộc và khiến tiếp tục cấp cho nhà ở. Tháng 6, quan cai-trị Quảng-Châu Lãng-Sách tâu rằng: "vâng lời chiếu-chỉ, vì Giao-Chỉ có binh loạn, khiến tôi cùng với Tri-Biên An-Vũ-Sứ Thiệu-Diệp đi kinh-lý xem việc tiện-nghi tâu về vua nghe. Chúng tôi tới Bạch-Châu, gặp Quảng-Châu-Bộ giải giao dân Giao-Chỉ bọn Hoàng-Khánh-Tập hơn 1.000 người, chúng nói Lê-Hoàn đã chết, mấy người con đều tụ tập binh mã, chia đặt trại sách, quan thuộc ly tán, nhân dân lo sợ, bọn Khánh-Tập tình nguyện xin làm tiên phong. Chúng tôi hội nghị: Nếu Triều đình y theo lời thỉnh cầu trên đây, xin lấy binh các đồn Quảng-Nam, thêm vào 5.000 quân Kinh-châu, Hồ-nam; quân thủy quân bộ tề tiến, có thể lập tức bình định được". Chân-Tông nói rằng: "Lê-Hoàn đã lo cống lễ, cũng thường khiến con vào châu, bờ cõi yên ổn, vẫn giữ lòng trung thuần; nay nghe Hoàn chết, ta chưa cho người tuất điếu, lại thừa lúc có tang mà gia binh, há phải việc làm của Vương-Già". Bèn xuống chiếu khiến bọn Sách cứ y theo lời chiếu trước, thi-hành việc an-vũ, sao cho trong nước yên tĩnh là được. Còn bọn Khánh-Tập, cứ tính theo nhân-khẩu, cấp phát lương-thực, y-phục, cho được bổ-dụng, lập thành điều-lệ, tâu lên cho vua nghe, sẽ có ân-mệnh ưu-đãi. Mặt khác, đưa thơ cho Giao-Châu dụ cho biết oai-đức của triều-đình, nếu cứ đánh giết lẫn nhau, lâu ngày không định được vương-vị, sẽ khiến một đạo quân qua hỏi tội, họ Lê sẽ

¹ Trường cũng như đạo, lộ, tỉnh.

tiêu-diệt không còn một người vậy. Long-Hộ sợ, bèn tôn Long-Đĩnh lên chủ việc quân. Tháng 7 Thiệu-Diếp tâu nói có công-diệp của Long-Đĩnh đến, tự xưng Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ Quan-Sát, Xử-Trí-Đẳng-Sứ, Kiểm-Hiệu Thái-Uý Khai-Minh-Vương; xin đến tháng 8, sẽ sai em vào cống. Tôi nghĩ Long-Đĩnh chưa chịu Chân-mệnh của nhà vua, dám tự xưng hô như thế, nên không dám phúc đáp. Vua cho là cõi xa vừa lạ, không biết thể-thống triều-đình, bèn xuống chiếu giao Thiệu-Diếp dụ khiến tước bỏ ngụy-quan, mới cho vào cống. Về việc Lê-Minh-Đế, lúc ấy còn lưu-trú ở Quảng-Châu, chiếu khiến Thiệu-Diếp cho Đế biết việc nước, nhất là tờ tâu của Long-Đĩnh và tờ dụ của triều-đình khiến bỏ xưng hiệu, và nếu muốn về, sẽ cấp tiền lương cho về. Ngày 23, Diệp dâng một bức học-đồ, chỉ rõ đường thủy-lục từ Ung-Châu đến Giao-Châu. Vua Chân-Tông đưa cho cận-thần xem và nói rằng: "Giao-Châu lam chương độc địa, nếu ra binh đánh dẹp, tử-thương ắt nhiều, và lại tổ-tông mở mang bờ cõi, rộng lớn nhường ấy, chúng ta chỉ nên giữ gìn cẩn thận mà thôi, hà tất nhọc dân động chúng, tham chỗ đất vô-dụng làm gì? Nếu trong vòng ảnh-hưởng của ta, có kẻ phản loạn, ta mới cần phải tiểu-trừ mà thôi". Thiệu-Diếp lại tâu: "Bọn Hoàng-Khánh-Tập ở Giao-Châu trước đây tránh loạn qui-thuận, thuộc dân nhiều giống, nay nếu khiến trở về, e bị sát hại, mong ban cho chúng nó ân-huệ". Vua bèn khiến làm tam ban tả chức Liễu-Châu Giám-thuế. Tháng 7 năm thứ 4 (1007) quyền An-Nam Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ Quan-Sát Xử-Trí lưu hậu Lê-Long-Đĩnh khiến em là Lê-Minh-Vinh cùng Chương-Thư-Ký Hoàng-Thành-Nhã vào cống. Long-Đĩnh dâng biểu xin sách Cửu-Kinh¹ và một tạc Kinh-Phật. Vua y cho. Ngày 17 tháng 8, vua sắc phong Long-Đĩnh làm chức Kiểm-Hiệu Thái-Uý Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ-Sứ An-Nam đô-hộ, Giao-Chỉ quận-vương, Thôi-Thành công-thần, ban tên là Chí-Trung. Lại tặng Cổ-Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ-Sứ Nam-Bình-Vương Lê-Hoàn chức Trung-Thư-Lệnh, truy phong làm Nam-Việt-Vương, ban vải, lụa, dê, rượu, làm lễ phúng điếu. Theo nghi-chế phong Giao-Châu, ban đầu chỉ trao tiết-việt, chưa cho tước vương, Chân-Tông cho rằng đối với xứ xa, cần có ân-mệnh của triều-đình, mới trấn phục được, bởi thế, xuống chiếu-mệnh đặc-cách gia-phong. Ngày 18, phong Minh-Vinh làm Trì-Tiết Giao-Châu Chư-Quân-Sự Phó-Sứ, Hoàng-Thành-Nhã làm Triều-Tấn đại-phu, Điện-Trung-Thừa, Tri-An-Nam-Sứ. Minh-Vinh lãnh chế-mệnh của anh, xin đến đền Sùng-Chính cáo tạ, vua vời vào điện, hỏi han vớ về. Tháng 9, đúc ấn Giao-Chỉ Quận-Vương, xuống chiếu khiến Chuyển-Vận-Sứ Quảng-Nam đem qua ban cho. Tháng giêng năm đầu Đại-Trung Tường-Phù (1008), sắc-chế gia phong Chí-Trung làm Dực-Đái Công-Thần. Tháng 9, Giao-Châu-Vương tâu nói có hai người lái buôn Chân-Lạp, bị Giao-Châu-Sãnh trục xuất, trốn đến xin nhập-tịch làm dân bản châu. Chân-Tông nói: "người phương xa vì cùng đường phải chạy đến qui phụ, xuống chiếu cấp y phục, tiền bạc và khiến sứ dẫn về nước.

Tháng 12, sắc phong Chí-Trung làm Kiểm-Hiệu Thái-Uý như trước, Đồng-Bình-Chương-Sự, An-nam đô-hộ, Giao-Chỉ Quận-Vương, sung Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ, Quan-sát Xử-Trí-Đẳng-Sự. Tháng 12 năm thứ 2 (1009) Chí-Trung cống phương-vật, đồ vàng bạc và tê ngưu. Chân-Tông cho rằng: "tê-ngưu ở xa đem đến, không hợp tính, muốn trả lại, nhưng sợ mịch lòng Chí-Trung, nên khiến sứ-giả về, rồi đem thả ra bờ biển". Chí-Trung dâng biểu cầu xin một bộ áo giáp và mào-trụ khảm vàng, vua y cho. Chí-Trung lại gửi điệp-văn cho Chuyển-Vận-Sứ cầu xin mua bán tại Ung-Châu. Chân-Tông nghĩ rằng dân bờ biển thường bị Giao-Chỉ cướp phá, theo lệ cũ chỉ cho thông thương với Liêm-Châu và trấn Như-Hồng, vì chỗ ấy là nơi khống-chế biên-thuỳ, nay nếu cho thông-thương trực-tiếp vào nội-địa thực là bất tiện. Bèn xuống chiếu khiến bản-châu cứ việc theo lệ cũ mà hiểu dụ. Tháng 3 năm thứ 3 (1010), Chí-Trung mất, có con mới mười tuổi, bị Lý-Công-Uẩn soán ngôi. Lúc ấy, sứ-thần của Chí-Trung còn ở Kinh-sự, Chân-Tông cho biết tin và nói nếu muốn để tang cũng cho phép. Sứ-giả chỉ che mặt than khóc mà thôi.

Họ Lê 3 đời, cộng được 30 năm.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Nhất Chung

¹ Cửu Kinh tức là Ngũ Kinh và Tứ Thư

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Nhị

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Gia-Thế Họ Lý

Lý-Công-Uẩn (tức Lý-Thái-Tổ)

Người Giao-Châu (có kẻ bảo là người Phúc-Kiến, không đúng), có tài thao lược, Lê-Chí-Trung dùng làm đại-tướng, rất thân tín. Năm Canh-Tuất, niên hiệu Đại-Trung-tường-phù thứ 3 (1010), Chí-Trung mất, con đương nhỏ, em là Minh-Vinh tranh ngôi, Công-Uẩn đuổi và giết Minh-Vinh, tự lĩnh công việc Giao-Châu, xưng An-nam Tĩnh-Hải-quân quyền lưu-hậu. Chuyển-vận-sứ Quảng-tây Hà-Lượng tâu nói rằng: "Công-Uẩn có đưa giấy nói xin đưa phương vật tiến cống, xin vua xuống chiếu chỉ. Tống-Chân-Tông nói rằng: "Chí-Trung bất nghĩa mà được ngôi, nay Công-Uẩn bắt chước làm vậy, lại càng đáng ghét". Tức thì xuống chiếu khiến Hà-Lượng yên vỗ dân biên thùy, xem xét sự cơ để tâu lên. Tháng 10, sắc phong Lý-Công-Uẩn quyền chức Tĩnh-hải-quân lưu-hậu; được đặc cách tiến chức Kiểm-hiệu Thái-phó, An-nam đô-hộ, tiết-độ quan-sát, sử-trí đẳng sứ, Giao-Chỉ quận-vương, thực ấp 3000 hộ, thiết phong 1000 hộ, kiêm Ngự-sử đại-phu, Thượng-trụ-quốc, đặc biệt ân tứ cho hiệu là Suy-thành Thuận-hóa công-thần, lại cho áo cùng đồ bằng vàng và tiền tệ. Tháng 12, Công-Uẩn khiến sứ mừng lễ tế Phần-âm hậu-thổ, lại dâng biểu xin Kinh Đại-Tạng và tám thể ngự-bút. Vua y ban cho Kinh Đại-Tạng cùng Thái-Tông ngự thư, (nghĩa là chữ của vua Thái-Tông viết), một trăm bức, và ban chiếu thư khen ngợi. Tháng giêng năm thứ 4 (1011), ban tước cho bọn Lương-Nhiệm-Văn, Tiến-phụng-sứ An-nam, và khiến theo dự lễ phần-âm; ân-chế gia phong Lý-Công-Uẩn chức Đông-Trung-Thư-Môn-hạ Bình-Chương-Sự. Tháng 4 năm thứ 5 (1012), Công-Uẩn khiến Lý-Nhân-Mỹ cống các vật vàng bạc, the lụa, sừng tê, ngà voi, được vào tâu đổi ở đền Sùng-Chính. Nhân-Mỹ xin phép đi các chùa đền hành hương xem lễ và xem sự-tử của nước Thiên-Trúc tiến cống. Vua y cho và cho người đi theo. Tháng 5, ban tước cho Nhân-Mỹ. Tháng 11, ban chế-sắc gia-phong Công-Uẩn tước Bảo-tiết-thủ-chính công-thần. Mùng 10 tháng 7, xuống chiếu khiến từ nay các nước Giao-Chỉ, Chiêm-Thành, Đại-Thực, Đồ-Bà và Tam-Phật-Tê, sai sứ tiến cống, các nơi sở tại phải khiến người đón tiếp sứ-thần và các trạm quán, quan ải, phải cung cấp cho đầy đủ. Vì lúc ấy sứ-thần Giao-Chỉ tiến cống, quán trạm dọc đường, cung cấp rất sơ sài, nên mới có lệnh ấy. Ngày mùng 10 tháng 7, năm thứ 7 (1014), Công-Uẩn dâng thơ nói có quân Mán Hạc-Thác¹ 30.000 người, từ biên giới bản-châu đến đóng trại, toan dòm ngó bản đạo, tôi đem quân mã cùng giao chiến ở Mao-Lâm, quân giặc cả thua, bắt được chủ-quân họ Dương và người ngựa của man-động. Nay khiến sứ đến cửa quyết cống 60 con ngựa, để dâng cống thẳng trận. Vua vời sứ-giả đến đền Sùng-Đức, ban cho đai mào, đồ dùng theo thứ bậc. Tháng 8, Công-Uẩn tiến cống đồ thổ-sản, cầu xin giáp trụ và Kinh Đại-Tạng. Vua y cho. Tháng 12, Chuyển-Vận-Sứ Quảng-Tây Cao-Huệ-Liên dâng thơ nói Giao-Châu vào cướp trại Như-Hồng thuộc châu Khâm, bắt người và súc vật rất nhiều. Vua xuống chiếu khiến Huệ-Liên tư điệp-văn cho Giao-Châu và sai sứ theo đòi lại. Nguyên trước đây có dân Mường là Trương-Phổ, lánh tội chạy đến đầu ngự, quan cai trị Khâm-Châu là Mục-Trọng vời vào, đi đến nửa đường lại ngăn không cho vào. Đô-Tuần-Kiểm Tàng-Tự bèn khiến trại Như-Hồng khao đãi trâu rượu. Giao-Châu dò biết được việc ấy, bèn nhân đuổi bắt dân Mường, đánh cướp luôn trại Như-Hồng. Vua xuống chiếu-thư bảo các châu từ nay không được dụ vời quân mán rợ và khao đãi yến tiệc, đến đổi sanh sự. Tháng 3 niên-hiệu Thiên-Hy năm đầu (1017), lễ Thượng-Kim-hiệu xong, phong Công-Uẩn tước Nam-Bình-vương, gia thực-ấp 1000 hộ. Tháng 5 năm thứ

¹ Minh Sử: Nam-Chiếu cũng có tên là Hạc-Thác.

2 (1018), theo lời thỉnh cầu, cho Công-Uẩn Kinh Đại-Tạng. Năm thứ 3 (1019), Công-Uẩn khiến em tên Hạc vào cống. Tháng 12, gia phong Công-Uẩn chức Kiểm-hiệu Thái-uy. Càn-hưng năm đầu, xuống chiếu gia phong Công-Uẩn chức Thái-sư, Sùng-nhơn công-thần. Vì vua Nhân-Tôn mới lên ngôi nên mới có ân-chiếu ấy. Công-Uẩn khiến Lý-Khoan-Thái vào mừng, vua thưởng cho rất hậu, rồi khiến về. Tháng 12, năm Thiên-Thánh thứ 2 (1024), gia phong cho Công-Uẩn thực-ấp, công-thần. Tháng 3 năm thứ 6 (1028), Tam-ty tâu nói: lúc làm kho vật-liệu, định giá cho người Giao-Châu, tiến nạp thuốc thơm, trị giá tiền 2760 quan. Vua xuống chiếu khiến trả cho 5000 quan, tỏ ý cứu mẫn người xa. Tháng 5, Chuyển-vận-sứ Quảng-Tây tâu nói: "Công-Uẩn tự tiện khiến con em và rể là bọn Thân-Thừa-Quý đem quân vào bản đạo, cướp bóc dân biên thủy. Chúng tôi nhiều lần cho theo tìm, đều không chịu thả về những người đã bị cướp đi, e lâu dần sẽ trở nên việc đáng lo cho biên cảnh. Nay chúng tôi muốn tăng thêm binh sĩ đã huấn luyện cho Bản-lộ, cùng quân sĩ Bộ tuần-kiểm, hội hợp với tráng đinh các khe động, lấy tiếng đi đòi hỏi các người bị cướp, thừa tiện kiểm tra trừ khử ác đảng. Nên hạ lệnh cho Bản-lộ thiết thực hợp sức đánh giặc, nếu bọn Thừa-Quý ra mặt kháng-cự, cố-ý giữ những người đã cướp đi, không chịu trả lại, tức thì cùng với Ung-Châu, cũng đồng phái số binh như Bản-lộ, hiệp binh tiểu trừ. Về các người bị cướp đi, chúng tôi cho bí mật dò xét trước, để sau này quân cướp khỏi chống chế. Nếu lời tâu thỉnh được y, chúng tôi xin lập tức thi hành. Ngày mồng 3 tháng 3 năm thứ 6 (1028), Công-Uẩn mất, con là Đức-Chính khiến sứ đến báo tang và tự lĩnh chức Lưu-Hậu.

Lý-Đức-Chính (tức Lý-Thái-Tông)

Tên cũ là Khai-Thiên, kế tập ngôi của cha. Lúc ấy, Chuyển-vận-sứ Quảng-Tây tâu nói: "Em Khai-Thiên là Khai-Quốc triệu-tập binh-mã, thế ắt tranh ngôi, xin khiến các châu Ung, Khâm, Quảng, Huệ, tăng binh phòng thủ để ngừa việc phi thường. Vua xuống chiếu khiến Ty Quảng-Tây tạm phái tuần-kiểm các Châu Quế, Nghi, bọn Trương-Bân đem binh-sĩ bản bộ ra gần biên thủy phòng thủ, chờ yên tĩnh, lại về chỗ cũ. Tháng 4 năm Thiên-Thánh (Tổng-Nhơn-Tông) thứ 7 (1029), Lĩnh An-nam Tĩnh-Hải-quân lưu-hậu-sứ Lý-Đức-Chính tâu nói cha đã mất, tham-tá tướng-sĩ, kỳ-lão toàn trấn yêu cầu tôi quyền lĩnh châu trấn và khiến sứ vào cống. Vua xuống chiếu khiến Chuyển-Vận-sứ Quảng-Tây Chương-Tần qua điều-tế, tặng Công-Uẩn chức Thị-Trung, truy phong Nam-Việt-Vương, phong quan cho Đức-Chính cũng như Công-Uẩn. Năm Cảnh-Hựu thứ 3 (1036), Giao-Chỉ đánh các châu Tư-Lãng, cướp ngựa trâu, đốt nhà cửa, rồi bỏ đi. Vua xuống chiếu trách hỏi, khiến bắt kẻ cầm đầu trị tội. Mùa đông tháng 12, niên hiệu Bửu-Nguyên năm đầu (1038), phong Đức-Chính làm Nam-Bình-Vương. Mùa thu tháng 9, năm đầu niên hiệu Hoàng-Hựu (1049), mán Lĩnh-Nam là Nông-Trí-Cao đánh cướp biên thủy, Giao-Chỉ xin đem binh đánh giúp. Ban đầu Dự-Tĩnh cho thế là tiện lợi, đem vấn đề ra bàn ở triều đình. Đến lúc Địch-Thanh làm đại-tướng bèn tâu rằng: "Mượn binh ngoài để trừ giặc bên trong, chẳng phải là việc có lợi cho ta. Vì Trí-Cao giày phá hai Châu, không chế ngự nổi, phải nhờ binh ngoài viện, giả sử binh ấy nhân đó mà dấy loạn, thì ta biết lấy gì mà chế ngự. Vậy xin bãi viện binh của Giao-Chỉ". Tháng giêng năm thứ 5 (1053), xuống chiếu đình chỉ viện binh của Giao-Chỉ theo lời thỉnh-cầu của Địch-Thanh. Năm Chí-Hoà thứ 2 (1055), Đức-Chính mất, con là Nhật-Tông nối ngôi.

(Đức-Chính ở ngôi 30 năm thì mất, thụy-hiệu Thái-Tông).

Nhật-Tông (tức Lý-Thánh-Tông): lên ngôi.

Nhân-Tông nhà Tống xuống chiếu phong làm Tĩnh-Hải-Quân Tiết-Độ-Sứ, Giao-Chỉ quận-vương. Năm Gia-Hữu thứ 3, (1058), tiến cống một con dị-thú, gọi là lân trắng. Anh-Tông nhà Tống lên ngôi, gia phong Nhật-Tông chức Đồng-Bình-Chương-Sư. Thần-Tông tiến phong tước Nam-Bình quận-vương, gia chức Khai-Phủ-Nghi-Đồng-Tam-Ty. Năm Hy-Ninh thứ 4 (1071), Nhật-Tông mất, con là Càn-Đức khiến sứ báo tang với nhà Tống.

Càn-Đức (tức Lý-Nhân-Tông): lên ngôi.

Nhà Tống gia phong làm Giao-Chỉ quận-vương. Năm Hy-Ninh thứ 8 (1075), mùa đông tháng 11, Giao-Chỉ cướp biên cảnh, đánh hãm mấy châu Khâm, Liêm. Vua Thần-Tông nhà Tống khiến Triệu-Tiết và Nội-Thị Lý-Hiến ra đánh. Nguyên trước quan coi Quế-Châu là Trầm-Khởi, Lưu-Di nổi nhau khiến quan vào hải-động, hợp thổ-binh, đặt quân bảo-giáp từng làng, lại khiến họp binh thuyền ở bờ biển, chuẩn bị tập thủy chiến, ra lệnh cấm chỉ các châu huyện không cho mua bán với người Giao-Châu. Người Giao-Châu sinh nghi, bèn cắt quân chia đường vào đánh cướp, quân số 8 vạn người, tiến vây Ung-Châu. Tháng 10,

hãm Khâm-Châu, đến nay lại hãm Liêm-Châu. Đánh phá thành ấp nào cũng làm tờ bố-cáo niêm yết dọc đường nói rằng: "Quân bộ hạ của ta làm phản chạy về Trung-Quốc, bọn quan lại che giấu, ta đã bố cáo với Quế-Quản, không trả lời, cho nên quân ta đuổi theo, để bắt kẻ làm phản". Lại nói rằng: "Quế-Quản điểm duyệt dân binh các khê động, có ý muốn đánh Giao-Châu". Lại nói rằng: "Trung-Quốc lập phép "thanh-miêu trợ-địch"¹ làm cho nhân dân đau khổ, ta nay ra quân, muốn cứu dân khỏi khổ". An-Thạch nổi giận, sai Triệu-Tiết làm An-nam Chiêu-Thảo-Sứ điều khiển chín viên tướng tiến đánh, Lý-Hiến, Yên-Đạt làm phó. Nhưng An-Thạch lại tự tay thảo lời chế-dụ. Lời chế có câu rằng: "Thiên thị trợ thuận, ký triệu bổ tân chi tướng. Nhân tri hồi vong, hàm hoài địch khái chí khí". Nghĩa là: "Trời tỏ lòng giúp kẻ thuận lý, đã cho thấy điềm lành. Người biết ăn-năn sự bại vong, đều quyết chí đánh giặc". An-Thạch vẫn không tin thuyết tai dĩ trong thiên Hồng-Phạm, nhưng nay thấy sao chổi, bèn suy toán cho đây là điềm dữ chiếu về Giao-Chỉ vậy. Tháng giêng, Ung-Châu bị hãm, Đô-Giám Quảng-Tây Trương-Thủ-Tiết đem quân cứu Ung-Châu đánh thua ở ải Côn-Lôn, bị tử trận. Châu bị vây 40 ngày, Tri-Châu Tô-Giam ngày đêm thân hành an ủi quân lính. Giam lấy cung Thần-tý bắn chết người Giao-Châu chẳng biết bao nhiêu mà kể. Người Giao-Châu muốn kéo đi, gặp có người dạy chết bao cát mà lên thành, thành bèn bị hãm. Tô-Giam nói rằng: "Ta giữ nghĩa chẳng chịu chết vào tay giặc". Bèn về doanh, khiến gia nơnh 36 người đều tự tử trước, giấu thân vào hầm, rồi phóng hoả tự đốt mình. Giặc đến tìm Giam không được, giết quan lại, quân dân, hơn 5 vạn người. Còn số người chết ở Châu Khâm, Châu Liêm cộng 10 vạn, thành trì đều bị phá huỷ. Lúc đầu Ung-Châu bị vây đã lâu, lương thực hết ráo, giếng ao đều cạn; đói khát sinh tật bệnh, người chết nằm gối vào nhau, thế mà dân không có ý làm phản. Sau vua phong tặng Tô-Giam chức Phụng-quốc-quân tiết-độ, đặt tên Thụy là Trung-Dũng, ban cho một khu nhà lớn ở Kinh-thành, ruộng thượng-hạng 10 khoảnh và cho bảy mươi người thân tộc làm quan, con là Tô-Nguyên làm Các-Môn-Chi-Hậu, ... Châu-Sư phó-tướng, cho vào tâu chuyện nơi tiện-điện. Vua vỗ-về an-ủi rất mực và nói rằng: "Ung-Châu, nếu chẳng có cha nhà người ngăn giữ, như hai châu Khâm, Liêm, giặc vừa đến đã bị phá, giặc thừa thắng ruổi tiến, thì Tượng-Quận, Quế-Lâm đều đã thất-thủ cả rồi. Xưa Trương-Tuần, Hứa-Viển lấy quân bì-tê thành Thư-Dương ngăn giữ sông Giang, sông Hoài, so với cha của người còn thua xa vậy". Lúc đầu Vương-An-Thạch cầm chính-quyền, muốn lập chiến-công ở biên-thùy, lúc ấy có kẻ dâng lời bảo rằng: "Giao-Chỉ đã bị Chiêm-Thành đánh bại, binh chúng còn không đầy vạn người, có thể khắc kỳ thâm phục. An-Thạch bèn cho Trầm-Khởi ra coi Quế-Châu. Khởi ở phương nam thường làm quấy, tự chuyên chiêu họa, bị tội phải bãi chức. An-Thạch lại dùng Lưu-Dy ra thay thế. Dy đến, lại sanh sự, rồi thì người Giao-Châu vào đánh cướp. Bèn đày Khởi đi Trình-Châu, Di đi Tuỳ-Châu.

Ngày mồng 2 tháng 9, lấy Quách-Quy làm An-nam Chiêu-Thảo-Sứ, Triệu-Tiết làm phó.

Mùa đông, tháng 11, Giao-Chỉ nạp khoản (nạp lễ xin hoà-hảo).

Mùa thu tháng chín, năm đầu hiệu Nguyên-Phong (1078), Giao-Chỉ vào cống.

Triết-Tông lên ngôi, gia phong Càn-Đức chức Bình-Chương-Sự, khoảng niên hiệu Nguyên-Hựu (1086-1096), tiến tước Nam-Bình-Vương. Càn-Đức ở triều Thần-Tông hằng xâm phạm biên-cảnh. Sau trải hai triều Triết-Tông và Huy-Tông mới thôi quấy nhiễu.

Năm Tuyên-Hoà thứ 9², đời vua Huy-Tông, gia-phong chức Tư-Không. Đầu niên hiệu Tĩnh-Khương (1126), Càn-Đức còn mạnh khỏe. Năm đầu hiệu Thiệu-Hưng (1131), đời vua Cao-Tông, Càn-Đức mất.

(Ở ngôi 59 năm, thụy hiệu là Nhân-Vương).

Dương-Hoán (tức Thần-Tông):

Con của Nhân-Vương, lập lên làm vua. Mùa xuân tháng 3 năm Thiệu-Hưng thứ 2 (1132), phong tước Giao-Chỉ quận-vương. Năm thứ 7, (1137) Dương-Hoán mất.

(Ở ngôi 7 năm, thụy hiệu Thần-Vương).

¹ Tân pháp của Vương An-Thạch cho dân vay lúa non.

² Theo "Thế Giới niên biểu" thì niên hiệu Tuyên-Hoà chỉ có 7 năm (1119-1125).

Thiên-Tộ (tức Anh-Tông).

Con của Thần-Vương, lập lên làm vua. Mùa xuân tháng 3 năm Thiệu-Hưng thứ 8 (1138), phong tước Giao-Chỉ Quận-vương. Mùa thu tháng 7 năm thứ 25 (1155), gia phong Nam-Bình-Vương, cho hai bộ áo và 6 món đồ: hoa ngự-tiên, đai vàng, tráp bạc, đồ bằng vàng thếp bạc hai trăm lượng, vải để may áo mặc 200 cây, yên cương một bộ, ngựa 2 con. Vì Thiên-Tộ tiến cống, cho nên có lệnh ban thưởng như vậy. Năm thứ 26 (1156), Thiên-Tộ khiến sứ vào cống. Mùa thu tháng 8, gia phong Kiểm-hiệu Thái-sư. Mùa đông tháng 12 năm thứ 30 (1160), dâng thuần tượng. Cao-Tông bảo các quan đại-thần rằng: "Ta chẳng muốn vì con thú lạ mà phải làm nhọc người xa, nên khiến sứ-thần ra hiểu dụ: từ nay về sau, chớ đem vật ấy vào cống". Năm Long-Hưng thứ 2 (1164), đời vua Hiếu-Tông, Giao-Chỉ vào cống, được cho tên là nước An-nam (An-nam xưng quốc bắt đầu từ đó), gia phong Nam-Bình-Vương. Năm thứ 3 (1165), Thiên-Tộ mất. (Ở ngôi 39 năm, xưng Thụy-hiệu Anh-Vương).

Long-Trát (tức Cao-Tôn):

Con của Anh-Vương, lập lên làm vua. Mùa đông tháng 10 năm Thuần-Hy thứ 6 (1179), Tống-đế phong làm An-nam quốc-vương. Ngày Ất-Mão tháng 8 mùa thu năm Thiệu-Hy thứ 5 (1194), đời vua Quang-Tông, gia phong Tư-trung công-thần. Ngày Giáp-Tý tháng 12 mùa đông năm ấy, lại gia phong Tế-Mỹ công-thần. Sau oai thanh họ Lý sa sút, giặc trộm nổi dậy khắp nơi, hợp vây La-Thành, Long-Trát chạy qua Quy-Hóa-giang, nương tựa nhà Hà-Vạn. Nhờ ngoại-thích anh em họ Trần hợp hương-binh dẹp loạn, rước vua về cung. Ngày quý-dậu mùa hạ, tháng 5 năm Gia-Định thứ 5 (1212) đời vua Tống-Ninh-Tông, Long-Trát mất, nhà Tống khiến sứ qua điếu. (Long-Trát ở ngôi 30 năm, thụy-hiệu Cao-Vương, con là Hạo-Sám nối ngôi).

Hạo-Sám (tức Huệ-Tông)

Lúc ấy tướng giặc châu Quốc-Oai là Nguyễn-Niên, xưng hiệu Kim-Thiên Đại-vương, cùng với người Hồng-Lộ là Đoàn-Ma-Lôi nổi dậy làm phản. Trần-Thừa cùng em là Kiến-Quốc đánh không yên được, bèn giảng hoà với Ma-Lôi, hợp sức đánh Niên, bị Niên đánh bại. Sau Niên chết, loạn mới yên, Thừa có công đánh giặc, xin cho con kết hôn với công-chúa Chiêu-Thánh. Vương bằng lòng. Hạo-Sám không có con trai, lập Chiêu-Thánh nối ngôi, lui ở chùa Chơn-Giáo học Phật rồi mất.

(Ở ngôi 16 năm, thụy-hiệu Huệ-Vương).

Chiêu-Thánh:

Lên ngôi được một năm, năm Canh-Dần (1230) trao quốc-chính cho chồng là Trần-Nhật-Cảnh. Tất cả tôn-thất nhà Lý và bình-dân họ Lý đều khiến đổi ra họ Nguyễn để dứt lòng dân trông nhớ.

(Lúc nhà Lý truyền ngôi được ba đời, Vương-Võ-Xúng nhà Tống làm sách Đông-đô-sự-lược Giao-Chỉ phụ-lục có nói rằng: "Lê-Hoàn cướp họ Đinh, truyền ba đời thì nước mất. Công-Uẩn cướp họ Lê đã mấy đời còn được yên, há chẳng phải may hay sao?". Nay họ Lý truyền ngôi tám đời hơn 220 năm. Huệ-Vương không con, truyền nước cho rể. Đến nay họ Lý vẫn được tế-tự luôn luôn, kể sứ may thì may biết bao nhiêu?).

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Nhị Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Tam

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Gia-Thế Họ Trần

Đời thứ nhất (tức Trần-Thừa)

Người Giao-Chí, ngoại-thích của nhà Lý. Cuối cuộc loạn đời Lý, Trần-Thừa cùng em là Kiến-Quốc đánh giặc có công, được phong chức Thái-Úy; Kiến-Quốc được làm đại-tướng-quân. Con trai lấy con gái của Lý-Huệ-Vương là Chiêu-Thánh, nhân đó được truyền ngôi (Thừa chết, truy tặng Thái-Tổ).

Đời thứ hai (tức Trần-Cảnh)

Con giữa của Thái-Tổ, tính người khoan nhân thông tuệ, văn võ toàn tài, lấy tư cách con rể nhà Lý kế vị quốc-vương. Chiêu-Thánh-Hậu không con. Cảnh lại lấy người em vợ¹ sinh được ba người con trai. Đầu đời Thiệu-Định (1228-1233) nhà Tống khiến sứ tiến cống, Lý-Tông phong làm An-nam quốc-vương chức kiểm-hiệu thái-úy, kiêm Ngự-sử đại-phu, Thượng-trụ-quốc, cho hiệu là Hiệ-Trung Thuận-Hoá, bảo-tiết thủ-nghĩa, hoài-đức qui-nhân, Tĩnh-hải-quân tiết-độ, quan-sát xử-trí đẳng sứ, thực ấp 11.000 hộ, thật phong 4200 hộ. Năm Bửu-Hựu thứ 6 (1258), dâng biểu xin kế vị. Năm Cảnh-Định thứ hai (1261), lại khiến sứ tiến cống. Vua Tống xuống lời dụ chiêu khen và sai sứ-thần đem cho vàng và pháp-cẩm².

Tháng 12 năm Đinh-Tỵ (1257), đời Đại-Nguyên, đại-sứ Ngột-Lương-Hộp-Đãi đem binh từ Vân-nam đi qua biên-ấp An-nam. Người trong nước kháng cự, bị quan quân đánh phá, sợ phải đầu hàng. Qua năm Mậu-Ngọ (1258) Vương đổi tên là Quang-Bính, khiến bồi-thần³ dâng biểu nạp khoản, xin giữ chức phụng công. Năm ấy, Vương nhường ngôi cho con tức Thánh-Tông. Năm Trung-thống thứ 6⁴, sắc-chế phong làm An-Nam Quốc-Vương và ban cho hổ-phù quốc ấn. Năm Chí-Nguyên thứ 8 (1271) khiến sứ tiến cống. Triều-đình khiến sứ đem chiếu-thư, dụ khiến An-nam phải ba năm một lần tiến cống, sẽ cho lễ-vật hồi đáp và dụ Trấn-Vương vào bệ kiến. Vương lấy cớ đương đau từ chối. Năm Chí-Nguyên thứ 14 (1277), Trần-Vương mất.

(Ở ngôi 18 năm⁵ thọ 60 tuổi, thụy-hiệu Thái-Vương).

Đời thứ ba (tức Trần-Hoảng):

Trần-Hoảng tức Trần-Thánh-Tông, trước đặt tên là Thế⁶, con thứ vua Thái-Vương, dáng người khô ngô có nhả lợng. Năm Mậu-Ngọ (1258) thay cha già lên làm vua, khiến sứ tiến cống nhà Tống. Khoảng niên hiệu Bửu-Hựu (1253-1258) Tống-Lý-Tông phong làm An-nam quốc-vương. Lúc đầu cha con đều thần-phục thiên-triều, đến lúc cha mất, Thế-Tử tự lập làm vua, chẳng xin mệnh lệnh của Thiên-Tử.

¹ Chị vợ chứ không phải em vợ, tức bà Thuận-thiên Công-chúa, vợ của Trần Liễu.

² Gấm để may y phục theo pháp-chế.

³ Sứ thần thuộc quốc gọi là bồi thần.

⁴ Trung Thống chỉ có 4 năm (1260-1263).

⁵ Trần Thái Tông chỉ làm vua từ năm Ất Dậu (1225) đến năm Mậu Ngọ (1258), cộng 33 năm, ở đây chép 18 là sai.

⁶ "Thế" có lẽ sai nhầm, các sử sách về Việt Nam chép là "Hoảng".

Năm Chí-Nguyên thứ 15 (1278), vua (vua nhà Nguyên), khiến Lẽ-Bộ Thượng-thư Sài-Thung dụ vào bệ kiến. Thế-Tử lấy cớ đau từ chối và truyền ngôi cho con. Năm thứ 17 (1280), vua lại khiến Sài-Thung đem chiếu-thư qua dụ. Thế-Tử sợ, khiến người chú là Trần-Di-Ái thay mình vào châu, bèn lập Di-Ái làm An-nam quốc-vương. Năm thứ 19 (1282) phong Sài-Thung làm An-nam Tuyên-uy-sứ Đô-nguyên-soái, khiến đem 1000 quân, hộ tống Di-Ái về nước và xuống chiếu hiểu dụ dân An-nam, các hàng tôn-thất và quan lại. Thế-Tử không vâng theo chiếu-chỉ, truất Di-Ái làm thứ dân. Năm thứ 19 (1282), lại khiến sứ dụ Thế-Tử vào triều kiến và mượn đường tiến binh đánh Chiêm-Thành, khiến An-nam phải giúp quân, cung cấp lương thực. Thế-Tử từ chối, nói đau lâu ngày, không thể vào châu và nước nhỏ không có quân để giúp. Mùa đông tháng 12 năm thứ 21 (1284), đại-quân của Trấn-Nam-Vương áp đến biên cảnh. Thế-Tử đem cả nước nghênh địch, đánh thua, bèn bỏ thành trốn, cận-thần bọn Trần-Ích-Tắc, Trần-Kiến, Trần-Tú-Viên, Trần-Văn-Lộng đều đầu hàng. Tháng 4 năm sau (1285) quốc-dân thừa lúc viêm nhiệt, đánh thâu phục La-Thành. Tháng 5, Trấn-Nam-Vương, vì có nước lụt, rút quân về. Năm thứ 21 (1284) Thế-Tử dâng biểu tạ tội. Triều-đình giam sứ-thần lại và khiến Trấn-Nam-Vương đem quân qua đánh một lần nữa. Tháng 12 đại-binh đến, Thế-Tử đánh thua, chạy trốn ra hải-đảo, sau lại thừa tiện trở về tập kích. Tháng 3 năm sau Trấn-Nam-Vương, vì có trời nắng, ẩm thấp, rút quân về. Thế-Tử khiến con thay mình vào tạ tội¹, tiến cống thổ-sản. Năm thứ 27 (1290), lại khiến sứ tiến cống, vua khiến đề-hình án-sát ty bọn Lưu-Đình-Trực đem chiếu-thư qua hiểu dụ. Năm sau (1291) Thế-Tử mất.

(Ở ngôi 31 năm, thọ 51 tuổi, thụy-hiệu Thánh-Vương).

Đời thứ tư (tức Nhân-Tông)

Năm Chí-Nguyên thứ 15 (1278), lấy cớ cha già thoái-vị, dâng biểu xin kể tập, vua không cho. Năm thứ 28 (1291) vua khiến Lẽ-Bộ Thượng-thư Trương-Lập-Đạo dụ vào triều kiến. Năm sau, (1292) Nhân-Vương khiến bồi-thần đến cửa khuyết tạ lỗi và xin chờ hết tang cha sẽ vào châu. Năm thứ 30 (1293) vua khiến bọn Lương-Tăng, Binh-Bộ Thượng-thư, dụ vào bệ-kiến, Nhân-Vương lấy cớ đau từ chối, khiến tướng-thần Đào-Tử-Kỳ tiến cống. Triều-đình giữ Tử-Kỳ ở Giang-Lăng, lập An-nam hành-tỉnh, khiến bọn Bình-Chương Lưu-Nhị Bạt-Đô đem binh đóng Tĩnh-Giang, chờ ngày tiến đánh. Mùa xuân tháng giêng năm thứ 31 (1294), Thế-Tổ băng hà. Tháng tư mùa hạ, Thanh-Tông hoàng-đế lên ngôi, xuống chiếu bãi binh, khiến Lẽ-Bộ Thị-Lang Lý-Hãn đem chiếu-thư tha tội, thả bồi-thần Đào-Tử-Kỳ về nước. Năm Nguyên-Trinh thứ hai (1296), Nhân-Vương khiến sứ tiến cống, dâng biểu xin phong vương-tước. Triều-đình không y thuận, chỉ cho một bộ Kinh Đại-Tạng theo lời xin. Năm Đại-Đức thứ 5 (1301), vua khiến bọn Thượng-thư Ma-Các-Ma đem sứ An-nam bọn Đặng-Nhữ-Lâm về nước, dụ An-nam theo lệ trước, ba năm một lần tiến cống, đến kỳ cứ tự vào, Triều-đình không sai sứ qua nữa. Mùa xuân năm sau (1302), Nhân-Vương khiến Lê-Khắc-Phục vào cống. Năm đầu Chí-Đại (1308) lại khiến sứ vào cống, triều-đình khiến bọn An-Lỗ-Oai, Lẽ-Bộ Thượng-thư, ban chiếu lên ngôi của Vũ-Tông Hoàng-đế. Sứ-thần đến, Nhân-Vương đã mất.

(Ở ngôi 15 năm, thọ 53 tuổi, thụy-hiệu Nhân-Vương. Lúc đầu học đạo Phật, thành linh một ngày, thoát giác-ngộ).

Đời thứ năm (tức Anh-Tông):

Anh-Tông kế lập, khiến sứ vào cống, chúc mừng Võ-Tông Hoàng-Đế lên ngôi. Năm Chí-Đại thứ 4 (1311) lại khiến sứ vào cống. Mùa đông năm ấy, triều-đình khiến bọn Nãi-Mã-Thái, Lẽ-Bộ Thượng-thư, qua tuyên dụ tờ chiếu lên ngôi của vua Nhân-Tông Hoàng-Đế. Sứ thần đến, Anh-Vương đương đem binh đi đánh Chiêm-Thành và bắt được vua nước ấy. Đến tháng 6 năm Nhâm-Tý (1312) niên-hiệu Hoàng-Khánh, quân mới trở về, bèn nghênh bái chiếu-thư, khiến sứ cống mừng và dâng biểu xin lỗi. Đầu năm Diên-Hựu (1314) triều-đình cho lễ-vật hồi đáp. Năm Diên-Hựu thứ 6 (1319) Vương tạ thế, thụy-hiệu Anh-Vương.

¹ Theo sử ta, thì việc này không có.

Đời thứ sáu (tức Minh-Tông):

Minh-Tông nối ngôi. Năm Diên-Hựu thứ 7 (1320) khiến sứ tiến cống. Năm đầu hiệu Chí-Trị (1321), Anh-Tông Hoàng-đế lên ngôi. Minh-Vương khiến sứ tiến cống, mừng lễ đăng-quang. Năm đầu hiệu Thái-Định (1324), khiến Lại-Bộ Thượng-Thư Mã-Hiệp-Mưu, Lang-Trung Dương-Tông-Thụy đem chiếu thư qua dụ. Minh-Vương khiến sứ tiến cống. Năm đầu hiệu Chí-Thuận (1330), lại tiến cống. Năm sau (1331), triều-đình khiến bọn Sát-Chỉ-Ngoà, Lại-Bộ Thượng-thư, qua tuyên chiếu-thư lên ngôi của Văn-Tông Hoàng-đế. Năm sau (1332), khiến sứ tiến cống, mừng lễ đăng-quang. Năm đầu hiệu Chí-Nguyên (1335), triều đình khiến bọn Thiết-Trụ, Lại-Bộ Thượng-thư, qua tuyên chiếu-thư lên ngôi của Hoàng-đế hiện nay. Lúc ấy, Anh-Vương đã truyền ngôi cho con, lui về học đạo, xưng hiệu Thái-Hư-Tử. Phàm những biểu-chương tiến cống còn vẫn dùng tên cũ. Năm Chí-Nguyên thứ 5 (1339) lại khiến sứ tiến cống.

Các Vương-Hầu Nội-Phụ

Trần-Ích-Tắc:

Con thứ 5 của Thái-Vương, thông minh tuấn-tú, có tính hiếu học. Lúc ở nước nhà, được phong tước Chiêu-Quốc-Vương, kiêm chức Đại-tướng-quân, trấn giữ lộ Đà-Giang. Mùa đông, năm Giáp Thân, hiệu Chí-Nguyên (1284), đại-binh của Trấn-Nam-Vương tiến vào biên-giới, anh là Thế-Tử, đem cả nước chống địch, bị thua chạy. Năm sau, (1285) Ích-Tắc đem gia-quyển đầu hàng Trung-Quốc. Tháng 5, theo Vương sư về Tàu. Mùa thu vào bệ kiến. Mùa xuân tháng 2, năm Bính-Tuất hiệu Chí-Nguyên (1286), vua Thế-Tổ thương Tắc có lòng trung hiếu, đặc ân phong cho tước An-nam-vương, quang-lộc đại-phu, ban cấp phù ấn, cho tiền 5.000 quan. Con trưởng tên Bá-Ý, được phong chức Gia-Nghị đại-phu, lĩnh An-Vũ-Sứ lộ Đà-Giang (hư chức), ban cho áo mũ, cung tên, yên cương và ngựa. Năm Đinh-Hợi (1287) được chi cấp nguyệt-bổng, mùa đông theo quân về nước. Tháng giêng năm sau (1288), đại-binh đánh quốc-đô, Thế-Tử chạy trốn, quan quân tìm đánh không được. Tháng 3, Trấn-Nam-Vương vì viêm-nhiệt và ẩm-thấp rút về. An-nam quốc-vương (tức Ích-Tắc) theo đại-quân về đất Ngạc. Mùa thu vào bệ kiến, được cấp áo nệm và cho tiền một vạn quan. Đến năm Nhâm-Thìn (1292), lại được gia chức Hồ, Quảng Đẳng-xứ Hành-Trung-Thư-Sảnh, Bình-Chương Chính-Sự. Năm Quý-Tỵ (1293), mới khiến sứ dâng biểu, mừng tiết Thiên-Thọ. Mùa xuân năm Giáp-Ngo (1294), đem quân qua đánh nước Nam, nhưng lại bãi binh, về ở Ngạc-Châu. Mùa hạ tháng 4, Thành-Tông hoàng-đế lên-ngôi, vào bệ-kiến, được cho tiền 5 vạn quan. Năm Tân-Sửu (1301), hiệu Đại-Đức lại vào bệ-kiến, được ban tiền 5 vạn và cho các quan tùy thuộc 5.000 quan. Tháng giêng mùa xuân năm Ất-Tỵ (1305), khiến sứ đến Kinh-đô, dâng thỏ bạch. Vua vời sứ vào đến Ngọc-Đức uỷ-lạo và cho của nội-phụ đại-tử-kim-đoạn hai cây để đáp lễ. Năm Bính-Ngo (1306) vua ban cho Ích-Tắc 200 khoảnh ruộng và các thuộc quan bọn An-Phủ-sứ Vương-Nghị 200 khoảnh ruộng. Mùa thu năm Đinh-Tỵ (1307), Trần-Ích-Tắc khiến Lại-Ích-Quy và Lê-Tắc dâng biểu mừng Vũ-Tông Hoàng-đế lên ngôi. Lúc Hoàng-Thái-Thử chính vị đông-cung, Ích-Tắc có vào yết-kiến. Năm Mậu-Thân, niên-hiệu Chí-Đại (1308), Ích-Tắc được gia-phong chức Ngân-Thanh-Vinh-lộc đại-phu và được ban cho 150 lượng bạc. Tháng ba mùa xuân năm Tân-Hợi (1311), Nhân-Tông hoàng-đế lên ngôi. Mùa thu Ích-Tắc dâng biểu mừng. Năm Nhâm-Tý (1312) hiệu Hoàng-Khánh, Ích-Tắc vào bệ-kiến được gia-chức Kim-tử quang-lợi đại-phu, cho tiền 50.000 quan, đai vàng một chiếc, kim-đoạn bốn cây. Năm Mậu-Ngo (1318) hiệu Diên-Hựu, vào bệ-kiến được gia chức Nghi-đồng tam-ty. Tháng ba mùa xuân năm Canh-Thân (1320) Anh-Tông Hoàng-đế lên ngôi; Ích-Tắc khiến sứ dâng biểu mừng, được ban lễ vật hồi đáp. Năm Mậu-Thìn (1328), hiệu Thiên-Lịch, Văn-Tông hoàng-đế lên ngôi, dâng biểu mừng, được ban thưởng rất hậu. Tháng 4 năm sau (1329) Ích-Tắc qua đời, hưởng thọ 76 tuổi, an-táng ở núi Hạ-Gia, đất Hán-Dương. Hồ-Quảng Hành-Tĩnh tâu lên triều-đình, Hoàng-đế thương lòng trung-nghĩa, truy tặng thụy-hiệu Trung-Ý-Vương, cho tiền 5.000 quan làm lễ phúng điếu. Ích-Tắc tính ưa đạo Phật, Lão, làm thơ hay, có cho ra đời tập thơ Củng-Cực-Lạc-Ngâm¹. Năm Giáp-Tuất (1334), hiệu Nguyên-Thống, con là Tuyên-vũ-sứ Trần-

¹ Củng Cực nghĩa là triều cũng ngôi. Hoàng cực, tức qui thuận Hoàng đế nhà Nguyên.

Doan-Ngo, vào bộ-kiến, Hoàng-đế đương-kim khiến tập tước cha làm An-nam quốc-vương, được ân sủng rồi trở về.

Trần-Tú-Viên:

Cháu gọi An-nam quốc-vương bằng bác, con của Vũ-Đạo-Hầu, dáng người thanh tú, có tài văn-chương. Mùa đông năm Giáp-thân, niên-hiệu Chí-Nguyên (1284), đại binh đến An-nam. Mùa xuân năm sau (1285), Tú-Viên khuyên cha mẹ qui thuận. Tháng 4 vào bộ kiến. Lúc bỏ nước ra đi, dọc đường gia-quyển bị tử-vong hết tám người, làm thơ ai-điều có câu:

"Tam thể bát tang thiên-cổ thống,
Nhất thân vạn lý bách niên cô".

nghĩa là:

Ba đời chịu tám tang, đau thương nghìn thuở,
Một mình ngoài muôn dặm, cô quạnh trăm năm.

Tháng 9 đến Kinh-Sư, Hoàng-thượng ngự khen và xuống chiếu phong làm Phụ-Nghĩa-Công, Tư-Thiện-Đại-phu, cấp hồ-phù, cho tiền 5.000 quan, cho người con là Đứ-Tiệm làm chức Tuyên-vũ-Sứ An-nam Phủ-Lộ, Gia-Nghị đại-phu. Người em cô cậu là Lại-Ich-Quy làm chức An-vũ-sứ Nam-Sách Giang-Lộ, Gia-Nghị đại-phu. Năm Ất-Hợi, hiệu Chí-Nguyên (1335), các người đều được cho cung tên, tiền bạc, yên ngựa để đi theo quân qua đánh An-nam. Năm sau, (1336), trở về Hán-Dương. Trần-Nam-Vương cưới người em gái làm thứ-phi, sinh được hai con. Tháng 5 năm Ất-Sửu¹ hiệu Chí-Nguyên, Tú-Viên mất ở Túy-Sơn? Viên có tập ngâm-cảo truyền đời, lúc đầu ngụ ở Vũ-Xương.

Trần-Văn-Lộng:

Con của Nhân-Thành-Hầu, Trần-Duyệt, cháu nội của quốc-thúc thái-sư Trần-Thủ-Độ, ở nước nhà được phong tước Chương-Hoài-Thượng-Hầu, tính người khiêm tính ôn hoà, được quốc-vương dùng làm đại-tướng, trấn thủ sông Tam-đái. Mùa đông năm Giáp-Thân, hiệu Chí-Nguyên (1284), đại binh của Trần-Nam-Vương đến An-nam. Năm sau, (1285), Văn-Lộng đem gia-quyển nội-phụ Thiên-triều, được cho làm chức Gia-Nghị đại-phu, Tuyên-Vũ-Sứ Qui-Hoá Giang-Lộ, cho tiền, lụa, cung tên, yên ngựa, theo quân đánh dẹp, hiệu lực có công. Năm Tân-Mão, hiệu Chí-Nguyên (1291), vào triều-kiến được tuyên mệnh thăng Trung-đại-phu, Tuyên-Úy-Sứ Quảng-Tây-đạo, cho tiền 25.000 quan, kim-đoạn hai cây. Năm Bính-Ngo, hiệu Đại-Đức (1306), đình chỉ cấp lương tháng cho thuộc-liêu, cho ruộng 100 khoảnh để tự dưỡng. Năm Nhâm-Tý hiệu Hoàng-Khánh (1312), vào yến-kiến, chuyển qua ngạch Chánh-Phụng đại-phu, chức như cũ. Tháng 2 năm sau, (1313), Văn-Lộng mất, chôn ở hồ Mã-Gia đất Hán-Dương, con cháu phụng thờ chẳng dứt.

Trần-Kiện

Con của Tịnh-Quốc-Vương, cháu nội của Thái-Quốc-Vương, ở bản quốc được phong Chương-Hiến Thượng-Hầu, tướng mạo khôi ngô, đọc thuộc binh-thư, giỏi việc bắn cung, cỡi ngựa, thay cha lĩnh chức Tịnh-hải-quân Tiết-Độ-sứ, cưới nàng Quỳnh-Huy, con gái Thái-Sư Chiêu-Minh-Vương, sinh con là Mặc-Hầu. Năm Giáp-Thân, hiệu Chí-Nguyên (1284), nhân cùng con của Thế-Tử là Tá-Thiên-Vương có hiềm khích, giả thác theo học đạo Trang, Lão, về làng Nhân-Mục ẩn-cư. Mùa đông năm ấy, đại-quân Trần-Nam-Vương vào nước, Thế-Tử đánh thua. Hữu-Thừa Toa-Đô lại từ Chiêm-Thành đánh tập hậu, Thế-Tử hoảng hốt, không tính được chước gì, bèn khởi phục Trần-Kiện, khiến đem quân cự Toa-Đô. Sức yếu, không có viện binh, Thế-Tử thì mất còn chưa biết, Kiện bảo với bọn Lê-Tắc rằng: "Thế-Tử bị Thiên-Tử chỉ triệu, chẳng chịu vào châu, đến đổi gây việc binh đao, nguy-cơ sắp đến, thế mà còn chấp mê, chẳng tỉnh ngộ, nỡ để cho nhà tan nước mất hay sao?". Tháng giêng năm sau (1285), Kiện đem bọn Lê-Tắc vài vạn người, dâng binh-khí xin hàng. Trần-Nam-Vương khen ngợi và ban thưởng xiêm áo, yên cương. Mùa hạ tháng 4, Vương khiến Minh-Lý-Tích-Ban dẫn bọn Chương-Hiến vào ra mắt Thiên Tử.

¹ Niên hiệu Chí Nguyên không có năm Ất Sửu, có lẽ là năm Kỷ Sửu (1349) mà chép sai, vì chữ "Ất" và chữ "Kỷ" hơi giống nhau.

Ngựa trạm đến ải Chi-Lăng, bị quốc dân ngày đêm vây đánh. Bọn Chương-Hiến cùng các quan bồi-bạn phá vòng vây chạy ra đằng trước, lại bị chúng đón đánh, xe cộ chở lương-thực đều bị cướp phá sạch. Chương-Hiến tính người khiêm cung nhã-lượng, đãi kẻ dưới rất có ơn, nhân dân ai cũng thương mến, chẳng may giữa đường tử nạn, không đem được việc mình tâu với triều-đình, chẳng được hưởng ơn điển sinh phong tử tặng. Lúc ở nước ra đi, có bà quốc-mẫu-cô Lê-Thị và mấy người thân quyến cùng đi, đều bị quốc-dân bắt giết, đau đớn biết chừng nào. Chỉ có ông ngoại là thân-huynh của Thế-Tử được thoát chết.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Tam Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Tứ

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Học Hiệu

Triệu-Đà làm vua Nam-Việt, mới lấy thi, lễ giáo-hóa nhân-dân một ít. Cuối đời Tây-Hán, Tích Quang cai-trị Giao-chỉ, Nhâm-Diên cai trị Cửu-Châu, dựng nhà học-hiệu, dạy dân noi theo nhân nghĩa. Thời Hán, Đường, thường cống những người tiến-sĩ minh-kinh (những người học hành thông-thái) như bọn Lý-Cấm, Trương-Trọng, Khương-Công-Phụ, ... Đến đời Tống, An-nam lập thành Quốc-Gia, họ Lý đặt phép khoa-cử ba năm một kỳ thi, lấy trạng-nguyên, bảng-nhãn, Thái-hoa-lang, thành ra điển-lệ. Những người thi đậu được ban cấp áo mào, võng ngựa vinh-quí.

Quan-Chế

Từ nhà Đinh trở về sau, mới chịu vương-tước của nhà Tống gia-phong. Nhưng ở trong nước tự đặt danh-hiệu, bắt chước việc cũ của Triệu-Đà, tự phong trong nước có vương, hầu; đặt quan có "chánh", có "tiếp", cũng giống như "phẩm" và "tòng" vậy.

Vương	Tự-vương	
Thượng-Hầu	Hầu	
Tiếp hầu (sau tước Hầu một bậc)		
Nội-Minh-Tự (các quan hầu cận thêm chữ "Nội" lên trên)		
Minh-tự	Tiếp-Minh-Tự	
Nội-đại-liêu-ban	Đại-liêu-ban	
Đại-liêu		
Thân-vương-ban (danh tước của thân thuộc vua)		
Nội-ký-ban	Ký-ban	
Nội-Chư-Vệ	Chư-Vệ	
(trên đây xen lẫn cả văn cả võ)		
Văn	: Nội-viên-ngoại-lang	Viên-ngoại-lang
Võ	: Nội-lang-tướng	Lang-tướng
Văn	: Nội-lệnh-thư-gia	Lệnh-thư-gia
Võ	: Nội-thượng-ban	Thượng-ban
Võ	: Nội-thượng-chế	Thượng-chế
Võ	: Nội-Cung-phụng	Cung-phụng

Võ	: Nội-Thị-Cầm	Thị-Cầm
Văn	: Hiệu-thư-lang, quyền miễn cung-hậu thư-xá. (chữ "xá" có chỗ viết chữ "gia").	
Võ	: Nội-trực-điện	Trực-điện
Văn	: Cung-hậu xá-nhân	Thư-Xá
Văn	: Xá-nhân	Sư-Ông
Võ	: Tá-chức	Tá-chức-quan
Văn	: Đô-tào	Binh-tào

Tể-thần tiếm-hiệu.

Thái-Sư	Thái-uy-bình-chương-sự
Thái-phó	Thái-bảo
Phụ-quốc	Thiếu-sư
Thiếu-bảo	Thiếu-phó
Tả, Hữu-bộc	Tham-tri-chính-sự

Võ-Soái

Đô-Nguyên-Soái	Tiết-Độ-sứ
Đại-tướng-quân	Phó-nguyên-soái
Phó-Tiết-độ	Phó-tướng-quân
(Mấy chức trên này, chỉ dùng người tông-tộc nhà vua)	
Nội-điện-tiền-chỉ-huy-sứ	Chiêu-thảo-sứ
Thiên-tướng	Tỳ-tướng

Văn-Chức

Ngự-sử-đài-quan	Hàn-lâm-viện-quan
Kiểm-pháp-quan	An-Vũ-Sứ
Thượng-Thư	Đông-Thượng-Các-Môn
An-Vũ-phó-sứ	sứ
Tam-ty-viện quan-nhân:	1. Tuyên-thanh
	2. Túc-hiến
	3. Hình-chánh

(tức là nơi xử kiện tụng)

An-Vũ-Ty quan-nhân.

Cận-Thị-Quan

Nhập-nội phán-thủ-hầu (quản lãnh các quan hầu cận).

Thượng-phẩm-hầu.

Thượng-phẩm minh-tự.

Thượng-phẩm đại-liêu-quan-ban.

Thượng-phẩm phụng-ngự Trung-phẩm phụng-ngự

Hạ-phẩm phụng-ngự Thị-vệ-nhân hòa-đầu

Thị-vệ-nhân dũng-thủ Thị-vệ-nhân

Phân-quyền-nhân

Thái-sư Thái-uy nha đô-quan (tức là những chức phụ, lấy các viên Minh-tự sung vào).

Vương-hầu-gia-hành-khiển (quyết-vệ, nội-thị)

Vương-hầu-nha-quản-giáp (cũng giống chức hành-khiển, một văn-chức, một vũ-chức, đều có đặt quản-hầu).

Phương-Trấn

Thượng-lộ trại-chủ (lấy các quan hầu và Minh-tự làm chức ấy).

Phó trại-chủ (tục gọi là Hành-Khiển hay Thượng-thư, lấy các quan Minh-Tự, Đại-liêu làm chức ấy).

Tri-châu Quan-sát

Sát-hải Áp-ngục-quan

Trấn-Át

Thế-tập hương-ấp quan (quan làng, đời đời kế tập)

Quản-giáp (Có thượng, trung, hạ, ba bậc, lấy các quan đại-liêu, lang-tướng làm chức ấy).

Đại-Toát Tiểu-Toát

Chủ-đô

Phán-cung

(Học-quan, dùng các học-sĩ thi hỏng làm, để dạy học-trò).

Tăng-quan (Chức sắc nhà chùa)

Quốc-sư Tăng-thống

Tăng-lục Tăng-chính

Đại-hiền-quan

Đạo-quan (Chức sắc các thầy pháp)

Đạo-Lục Uy-nghi

Đô-quan

Chương-phục (áo mào phẩm phục)

(phủ-phất, đại-phấn, hoa-trùng: những thẻ như con trùng kết trên mào.

Tổ thọ: lụa thắt lưng.

Thùy bội: những viên ngọc đeo lòng thòng.

Phương-tâm: tấm phụ tâm vuông dính trước ngực áo.

Khúc-lĩnh: cổ áo tràng.

Miễn-lưu: dải tua dính ở mào, đều hơi giống Trung-quốc).

Quốc-chủ đội mào Bình-thiên, mào Quyển-vân hay mào Phù-dung, mặc áo cổn-y, đeo đai lưng Kim-Long, cổ áo đính là trắng hay bông trắng kết lại, khăn kết tua vàng và ngọc châu, phủ tấm vuông, tràng áo cong, tay cầm ngọc khuê. Lúc khánh lễ, chịu bề tôi lạy mừng.

Mào của tước vương chia ra ba bậc, tước hầu hai bậc, Minh-Tự một bậc, gọi là mào Cung-thần, ở trên có dính con ong, con bướm bằng vàng, lớn nhỏ sưa dày tùy theo cấp bậc. Thân-vương mặc áo Tiêukim-tử-phục (áo tía thêu kim-tuyến), Hầu, Minh-tự mặc áo phượng-ngư-tú-phục (áo thêu chim-phượng, cá). Từ đại-liêu-ban trở xuống mặc áo cổn, đội mào miến, đều có cấp bậc (văn ban thêm con cá vàng). Viên-ngoại-lang, Lang-tướng đội mào miến Kim-ngân-gián-đạo (vàng bạc xen nhau). Lệnh-thư-xá đến Văn-hiệu-thư-lang (thượng-chế, thị-cấm) đều đội mào miến bằng bạc. Mào miến đại lễ mới dùng đến, thường lễ chỉ đội khăn và mặc áo tía, các chức Cung-hầu, Thư-Xá-Ổng được mặc. Đai lưng bằng da tê hay bằng vàng tùy theo phẩm trật, hốt đều bằng ngà voi. Bọn chức-quan, tá-chức đều đội khăn, mặc áo tía, thắt đai xéo, không cầm hốt, chắp tay lạy quốc-chủ. Bình thường ở nhà đội khăn tàu, thường phục chuộng màu trắng, người trong nước ai mặc đồ trắng, cho là tiếm-chế, duy phụ-nữ thì không cấm về trang-sức. Từ vương, hầu đến thứ dân thường hay mặc xiêm màu huyền, cổ tròn, quần bằng lụa trắng, thích đi giày da. Vương, hầu lúc vào yết-kiến Quốc-chủ, không bịt khăn, tỏ ý thân quý, thứ dân thì không được như vậy. Các nội-quan hầu cận, Thượng-phẩm đội mào dương-thường, dính ong bướm vàng hoặc thưa hoặc nhật, mặc áo phẩm phục, trung-phẩm thì áo mào, sắc-chế hơi giảm. Hạ-phẩm thì đội mào dương-thường tía, mặc áo tía, thắt đều chắp tay lạy vua, không cầm hốt. Khăn đội thường của quan thượng-phẩm thường dùng nhung màu tía xen màu biếc làm sáu tua kết sau khăn, đai thắt ngang, để tỏ vẻ quan quý. Trung-phẩm kết tua tía, hạ-phẩm tua đen, khám quanh bằng ngọc, vàng và đôi-môi, làm cho ra vẻ lạ vậy.

Hình-chính

Theo phép kẻ mưu phản bị giết cả thân-tộc, kẻ giết người phải thường mạng. Bắt được gian-phu, được tự chuyên giết chết. Đời gần đây, mới ra lệnh cho gian-phu được lấy 300 quan tiền chuộc tội chết. Dâm-phụ, xử trả về cho người chồng làm tỳ-thiếp và người chồng được phép muốn cầm bán cho ai tự ý. Giết kẻ có quan tước, tùy theo phẩm hàm cao thấp, thường tiền chuộc tội, nhưng phải bị đánh đòn 80 trượng, tội nặng đánh 60 trượng. Giết chết đồng lệ với tội gian dâm. Lỵ-mạ (mãng ruá), kẻ có quan-tước, tùy việc khinh trọng, khiến phạm-nhân đem tiền và trầu rượu tạ lỗi, số trượng bị đánh cũng như tội trên. Hai người đánh nhau đều có thương-tích, thì kẻ đánh trước bị tội. Kẻ nguy-tạo những đồ phi-pháp bị thích tội danh lên mặt, đánh đòn (trượng) và đày đi xa. Cường đạo bị xử trảm. Thiết đạo mới sơ phạm, bị đánh 80 trượng, thích lên mặt hai chữ "phạm đạo", đồ lấy trộm một thường ra chín, nếu không thường nổi, bắt vợ con ra mà trừ; phạm tội lần thứ hai, chặt tay chân, lần thứ ba, giết chết. Kẻ vu cáo trở lại bị tội (nghĩa là bị tội mà mình đã vu cáo cho người).

Công-diền phải hằng năm nạp lúa. Dân hằng năm phải nạp tiền thân-dịch và tháng giêng, tháng bảy đi mừng quan, mùa nào trái ấy, cá, gạo, v.v...

Kẻ nông, thương, khỏi bị trưng thâu lương thuế. - (đất hẹp người đông, đời trước đặt ra phép này để bớt gánh nặng cho dân).

Quan lại nào liêm minh, có tài xử đoán việc thừa kiện, đều được xét công thăng chức.

Đồ đo lường, cân, trái cân thảy đều giống Trung-quốc, chỉ có vàng bạc, sô đoan, tơ gai, vị thuốc, các món ấy đều tự tính mà thôi. Mua bán giao-dịch dùng tiền thời Đường, Tống, 70 chữ (văn) làm 1 tiền, 700 chữ làm một quan. Thiếu nợ có thể bị giam cầm, trả hết vốn lãi mới được thả ra. Cùng-dân không thể tự nuôi sống, có thể tự cầm bán mình cho người khác.

Binh-chế

Quân không có số bộ nhất định, chọn những dân tráng-kiện sung vào, 5 người làm một ngũ, 10 ngũ làm một đô; lại lựa hai người lanh-lẹ và có tài cho coi việc giảng tập vũ-nghệ. Đòi nhập ngũ thì ra, lúc rảnh cho về làm ruộng.

Thân-quân

Thánh-dực-đô	Thần-dực-đô
Long-dực-đô	Hổ-dực-đô
Phụng-vệ quan-chức-đô	

(có phận sự đi bắt và ghi những tội-phạm. Các đô trên này đều có tả-đô, hữu-đô).

Du-quân

Thiết-lâm-đô	Thiết-hạ-m-đô
Hùng-hổ-đô	Vũ-An-Đô

Gia-nhân của các Vương-Hầu

Toàn-Hầu-đô	Dược-Đồng-đô
-------------	--------------

Sơn-liệu-đô (còn nữa, nhưng không chép).

Sứ-thần các Triều-đại

Sứ-thần đời Triệu

Thời Cao-Hậu nhà Hán, Nam-Việt Triệu-Đà khiến Nội-sử Phan, Trung-úy Cao, Ngự-sử Bình, ba bọn người dâng thư tạ tội, đều chẳng trở về. Đà bèn tiếm xưng đế-hiệu, rồi con cháu noi theo.

Khoảng niên-hiệu Nguyên-Đĩnh (116-111 trước Công-Nguyên) (Hán Vũ-Đế), Nam-Việt nội-thuộc Trung-quốc, nhà Hán đặt quan phủ cai trị, trái mấy triều không thay đổi. Đến đời Ngũ-Đại (907-959), biến loạn, Giao-Chỉ Đinh-Bộ-Lĩnh bèn cứ quốc xưng vương.

Sứ-thần đời Đinh

Đầu đời Tống, Đinh-Bộ-Lĩnh khiến sứ tiến cống, Thái-Tổ (960-975), phong Bộ-Lĩnh làm Giao-Chỉ Quận-vương. Khoảng niên-hiệu Khai-Bửu (968-975), Đinh-Liễn kế tập ngôi cha, khiến Trịnh-Tú, Vương-Thiệu-Tộ, Giang-Cự-Hoàng tiến cống vàng lụa, tê-ngư voi.

Sứ-thần đời Lê

Nhà Tống, năm Thái-Bình-Hưng-quốc thứ 5 (980), Lê-Hoàn cướp ngôi họ Đinh, khiến Triệu-Tử-Ái, Trương-Thiệu-Bằng cống vật thổ-sản, Thái-Tông phong Hoàn làm Giao-Chỉ Quận-vương.

Nhà Tống, hiệu Cảnh-Đức năm đầu (1004), Lê-Hoàn khiến con là Lê-Minh-Đề vào cống. Thái-Tông vời đến tiệp-diện vũ úi thăm hỏi và phong tước cho Minh-Đế. Tháng 3 năm thứ 3 (1006), Lê-Hoàn mất, con là Long-Đĩnh lên làm vua, khiến em là Lê-Minh-Vĩnh cùng Chương-thư-ký Hoàng-Thành-Nhã vào cống. Thiên-Tử vời vào điện, vỗ về thăm hỏi rất lâu, phong tước vương cho Long-Đĩnh và ban cho tên Chí-Trung, bọn Minh-Vĩnh cũng được phong chức tước.

Sứ-thần đời Lý

Nhà Tống năm Đại-Trung-Tường-Phù thứ 3 (1010), Lý-Công-Uẩn soạn ngôi họ Lê, được Nhân-Tông phong làm Giao-Chỉ quận-vương, Công-Uẩn khiến bồi-thần Lương-Nhiệm-Văn, Lê-Tái-Nghiêm tiến cống. Thiên-Tử ban tước-mệnh cho bọn Nhiệm-Văn. Năm thứ 5 (1012), khiến Lý-Nhân-Mỹ, Đào-Khánh-

Văn, Đào-Thạc, Ngô-Hoài-Tự vào cống, sứ-thần đều được phong quan. Năm Thiên-Hy thứ 3 (1019) Công-Uẩn khiến em là Lý-Hạc vào cống. Năm đầu Càn-Hưng (1022) lại khiến Lý-Khoan-Thái, Nguyễn-Thủ-Cường vào cống, mừng Nhơn-Tông lên ngôi. Năm Thiên-Thánh thứ hai (1024), Thiên-Tử xuống chiếu hồi đáp, ban cho Công-Uẩn tiền bạc, vật-dụng để tỏ ý cứu mền người xa.

Sứ-thần đời Trần

Mùa Đông năm Đinh-Tỵ (1257), nhà Đại-Nguyên, Đại-Sứ Ngột-Lương-Hộ-Thái đem binh tới An-nam, Trần-Thái-Vương khiến bồi-thần Viện-Học-Sĩ dâng biểu cống phương vật. Năm Tân-Dậu, Trung-Thống thứ 2 (1261), Trần-Thái-Vương khiến Đại-phu Nguyễn-Thâm, Nguyễn-Diển tiến cống. Năm Quý-Hợi thứ 4 (1263), khiến điện-tiền Phạm-Cự-Địa và Trần-Kiều, tiến cống voi. Thiên-Tử xuống ân chiếu khiến An-nam ba năm một lần triều cống.

Năm Bính-Dần Chí-Nguyên thứ 3 (1266), khiến Đại-phu Dương-An-Dưỡng và Võ-Hoàn tiến cống.

Năm Mậu-Thìn, Chí-Nguyên (1268), khiến Đại-phu Phạm-Nhai và Châu-Lãm đi cống.

Năm Canh-Ngọ, Chí-Nguyên (1270), khiến Đại-phu Lê-Đà và Đinh-Củng-Viên đi cống.

Năm Nhâm-Thân Chí-Nguyên (1272), khiến Đại-phu Đồng-Tử-Dã và Đổ-Mộc đi cống.

Năm Tân-Vị, Chí-Nguyên (1271), khiến Đại-phu Phùng-Trang và Nguyễn-Nguyên đi cống.

Năm Ất-Hợi Chí-Nguyên (1275) khiến Đại-phu Lê-Khắc-Phục và Lê-Văn-Túy đi cống, gặp lúc đại-binh đánh nhà Tống, năm sau (1276), bọn Khắc-Phục mới đi theo đường Hồ, Quảng về nước.

Năm Đinh-Sửu Chí-Nguyên thứ 14 (1277), Trần-Thái-Vương mất, con lên ngôi, khiến Đại-phu Châu-Trọng-Ngạn và Ngô-Đức-Thiệu tiến cống. Năm sau Thế-Tổ Hoàng-Đế khiến Lê-Bộ Thượng-Thư Sài-Thung qua vờ Thế-Tử vào châu. Thế-Tử lấy cơ đương đau không đi, khiến đại-phu Trịnh-Đình-Toàn và Đổ-Quốc-Kế vào cống. Đình-Toàn bị câu-lưu ở Kinh-sư.

Năm Canh-Thìn, Chí-Nguyên (1280), lại khiến Sài-Thượng-Thư đưa Đổ-Quốc-Kế về và đưa chỉ dụ Thế-Tử. Thế-Tử sợ, khiến Tùng-thúc (chú thúc bá) Trần-Di-Ái vào châu thay mình, Lê-Trọng-Đà làm phó.

Năm Nhâm-Ngọ thứ 19 (1282), Thế-Tử khiến Đại-phu Lê-Nổ và Đặng-Hữu-Điểm vào cống.

Năm Quý-Vỵ Chí-Nguyên (1283), khiến Đại-phu Nguyễn-Đạo-Học vào cống.

Năm Nhâm-Ngọ Chí-Nguyên (1282), sai Hữu-Thừa Toa-Đô đánh Chiêm-Thành. Mùa đông năm Giáp-Thân (1284), Triều-đình khiến sứ dụ Thế-Tử mượn đường tiến binh, khiến giúp quân, vận tống lương-thực. Thế-Tử sợ, khiến Đại-phu Trần-Khiêm-Phủ và Trần-Quân đến Hành-sảnh Chiêm-Thành ở Kinh-Hồ cầu xin hoãn binh, không chấp thuận. Lại khiến Đoàn-Yến và Lê-Quý vào cống. Khi ấy đại-binh đã lên đường, nên câu-lưu bọn Đoàn-Yến ở lại Kinh-sư, Thế-Tử lại khiến Nguyễn-Văn-Hàn xin đình việc quân lại. Mùa đông năm ấy, đại-binh của Trấn-Nam-Vương đến biên-cảnh, bắt Văn-Hàn làm hướng-đạo, phá được cửa ải Nội-Bàng, Trấn-Nam-Vương mừng và tha Văn-Hàn cho về dụ chúa đầu hàng cho sớm. Thế-Tử không nghe, Văn-Hàn bèn dụ tôn-tử Văn-Nghĩa-Hầu Trần-Tú-Viên đem gia-quyển qui thuận. Năm sau, triều-đình cho Văn-Hàn làm Trung-thuận đại-phu Qui-hoá-giang-lộ Tuyên-Vũ-sứ (hư hàm).

Tháng giêng năm Ất-Dậu hiệu Chí-Nguyên (1285), quan-binh hạ La-Thành, Thế-Tử khiến Tôn-nhơn Trung-Hiếu-Hầu Trần-Thang và Đại-phu Nguyễn-Nhuệ làm phó, đến xin hoà. Sứ-thần bị câu-lưu ở trong quân. Tháng 5, Trấn-Nam-Vương, vì nắng lụt, rút quân, đem Nguyễn-Nhuệ về bắc. Nhuệ trốn nép dưới cỏ, bị quân lính bắt được đem chém.

Năm Bính-Tuất Chí-Nguyên (1286), khiến đại-phu Nguyễn-Nghĩa-Toàn và Nguyễn-Đức-Vinh tiến cống. Triều-đình vì cơ Thế-Tử không vào châu, lưu Nghĩa-Toàn lại Kinh-sư.

Năm Đinh-Hợi Chí-Nguyên (1287), khiến Đại-phu Nguyễn-Văn-Ngạn và Bạch-Xá vào cống, gặp lúc triều-đình lại cử binh đi đánh, lưu bọn Văn-Ngạn ở lại vài năm, sau tha cho về nước.

Mùa xuân năm Mậu-Tý hiệu Chí-Nguyên (1288), Trấn-Nam-Vương rút quân về nước, Thế-Tử khiến cận-thị-quan Lý-Tu và Đoàn-Khả-Dung tiến cống phương-vật, tạ tội.

Năm Kỷ-Sửu Chí-Nguyên (1289), khiến Đại-phu Đàm-Chúng vào cống, năm sau Thế-Tử mất.

Năm Tân-Mão Chí-Nguyên (1291), Thế-Tử (Trần-Nhân-Tông) khiến Đại-phu Nghiêm-Trọng-Duy và Trần-Tử-Trường vào cống.

Năm Nhâm-Thìn Chí-Nguyên (1292), Thế-Tử khiến Lệnh-Công Nguyễn-Đại-Phạp và Trung-Tán Hà-Duy-Nghiêm vào cống.

Năm Quý-Tỵ Chí-Nguyên (1293), khiến Tể-tướng Đào-Tử-Kỳ và Đại-phu Lê-Văn-Táo tiến cống. Triều-đình vì cố Thế-Tử bị triệu, không chịu vào châu, nên giữ Tử-Kỳ ở lại Giang-Lăng, lập An-nam Hành-sảnh để đem binh qua đánh. Năm sau Thành-Tông Hoàng-đế lên ngôi, tha tội Thế-Tử và thả bọn Tử-Kỳ về nước.

Năm đầu Nguyên-Trinh Ất-Vị (1295), khiến Đại-phu Nguyễn-Mạnh-Hiền và Trần-Khắc-Dụng tiến cống.

Năm đầu Đại-Đức, Đinh-Dậu (1297), khiến Đại-phu Nguyễn-Văn-Tịch và Phạm-Cát vào cống.

Năm Đại-Đức Mậu-Tuất (1298), khiến Đại-phu Đặng-Bất-Văn và Vũ-Bất-Quý vào cống.

Năm Canh-Tý Đại-Đức (1300), khiến Đại-phu Đặng-Lâm (Đặng-Nhữ-Lâm) và Nguyễn-Tất tiến cống.

Năm Nhâm-Dần Đại-Đức (1302), khiến Tể-Tướng Lê-Khắc-Phục và Đại-Phu Đào-Vĩnh vào cống.

Năm Giáp-Thìn Đại-Đức (1304), khiến Đại-Phu Nguyễn-Nhược-Chuyết và Tô-Hân vào cống.

Năm Bính-Ngọ Đại-Đức (1306) khiến Đại-phu Phí-Mộc-Đạc và Lê-Nguyên-Tông vào cống.

Năm đầu Chi-Đại, Mậu-Thân (1308), khiến Đại-Phu Nguyễn-Khắc-Tuân và Phạm-Kính-Tư đi cống, mừng Vũ-Tông lên ngôi. Sau đó Thế-Tử mất, con lên ngôi.

Năm Kỷ-Dậu, Chí-Đại (1309), Thế-Tử (Trần-Anh-Tông) khiến đại-phu Đồng-Ứng-Thiều và Tạ-Đại-Huân vào cống.

Năm Tân-Hợi Chí-Đại (1311) khiến Đại-Phu Lê-Nhân-Kiệt và Võ-Tử-Ban vào cống.

Năm Hoàng-Khánh thứ 2 (1313), khiến đại-phu Nguyễn-Văn-Diệm và Lê-Thời-Mạo vào cống, mừng Nhân-Tông Hoàng-đế lên ngôi.

Năm đầu Diên-Hựu Giáp-Dần (1314), khiến Đại-phu Đặng-Quốc-Dụng và Ngô-Nguyên-Lão vào cống.

Năm Đinh-Tỵ Diên-Hựu (1317), khiến Đại-phu Doãn-Thế-Thôn và Đinh-Quan vào cống.

Năm Canh-Thân Diên-Hựu (1320), Anh-Vương mất, Thế-Tử khiến bồi-thần Đặng-Cung-Kiệm và Đỗ-Sĩ-Tồn vào cống.

Năm đầu Chí-Trị Tân-Dậu (1321), khiến Đại-phu Mạc-Tiết-Phu và Lại-Duy-Cự vào cống.

Năm Ất-Dậu Thái-Định thứ 2 (1325), khiến Đại-phu Lê-Lão-Ngô và Nguyễn-Duy-Hàn vào cống.

Năm đầu Thiên-Lịch, Mậu-Thìn (1328), khiến đại-phu Nguyễn-Xử-Lạc và Đàm-Ngô-Thiếu vào cống.

Năm đầu Chí-Thuận, Canh-Ngọ (1330), khiến đại-phu Đoàn-Tử-Lai và Lê-Khắc-Tồn vào cống.

Năm Nhâm-Thân Chí-Thuận (1332), khiến đại-phu Đặng-Thế-Diên tiến cống, mừng Văn-Tông Hoàng-đế tức vị.

Năm Giáp-Tuất Nguyên-Thống thứ 2, (1324) Hoàng-Đế đổi niên-hiệu làm Chí-Nguyên năm đầu, Thế-Tử khiến đại-phu Đồng-Hòa-Khanh và Nguyễn-Cổ-Phu vào cống, mừng Hoàng-thượng đương kim (Thuận-đế) lên ngôi.

Năm Đinh-Sửu Chí-Nguyên (1337), khiến đại-phu Phan-Công-Trực và Nguyễn-Tất-Chiếu vào cống.

Năm Kỷ-Mão Chí-Nguyên (1339), khiến đại-phu Trần-Quốc-Thiết vào cống.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Tứ Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Ngũ

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Nhân Vật

Những người chịu quan tước của Trung-Quốc

Lữ-Gia

Người Việt, làm tướng triều Triệu-Đà, phụ-chính ba đời vua. Gia người tuổi tác, con trai lấy công-chúa, con gái lấy hoàng-tử, anh em ở trong nước rất có thể lực, được lòng người Việt tin cậy hơn cả nhà vua. Lúc ấy vua dâng thư lên nhà Hán xin nội thuộc, ngang hàng với chư-hầu nội-địa, ba năm một lần triều-cống, bãi bỏ cửa ải ở biên cảnh. Thiên-Tử thuận cho và ban cho Lữ-Gia ấn bạc, lại cho ấn Nội-sứ, Trung-úy, Thái-phó, còn các chức khác đều được tự đặt lấy. Bỏ những hình phạt thích mặt, cắt mũi, dùng pháp luật nhà Hán; các sứ-giả nhà Hán đều được giữ lại để trấn vũ. Vua và Thái-hậu muốn vào châu Thiên-Tử, Lữ-Gia can ngăn, vua không nghe, Gia bèn có lòng làm phản, thường xưng đau, chẳng ra mắt vua. Sứ-giả nhà Hán đều chú ý Gia, nhưng thế chưa có thể giết trừ được. Thái-hậu cũng sợ Gia ra tay trước, muốn bày tiệc rượu để cậy quyền Hán-Sứ mưu giết Gia, bèn hội yến trong cung, giữa tiệc rượu, Thái-Hậu bảo Gia rằng: "Nam-Việt được nội-thuộc, ấy là lợi cho nước ta, vì cố gì tướng công như có ý cho là bất tiện?". Thái Hậu hỏi như thế, có ý khích giận các sứ-giả. Gia hiểu ý, lánh bỏ đi ra, Thái-Hậu giận, muốn lấy cây mâu đâm Gia, vua ngăn Thái-Hậu lại. Gia bèn về, chia binh cho em coi, năm nhà xưng bệnh, âm-mưu cùng các đại-thần nổi loạn. Vua vốn không muốn giết Lữ-Gia, cho nên mấy tháng chẳng hành-động gì. Một mình Thái-Hậu muốn giết Gia, nhưng không đủ sức. Thiên-Tử nghe Lữ-Gia nghịch mệnh vua, còn Thái-Hậu thế cô sức yếu, không chế nổi, sứ-giả thì nhút nhát, không quyết đoán, nghĩ rằng vua đã thần phục nhà Hán, một mình Gia làm loạn, chẳng cần cử binh, chỉ sai Chung-Quân và An-Quốc-Thiếu-Quý đi sứ qua hiểu dụ ý của triều-đình. Gia bèn phản, hạ lệnh rằng: "Vua còn tuổi trẻ, Thái-Hậu là người Trung-Quốc, lại tư thông với Hán-sứ, chuyên muốn nội thuộc, đem hết báu-vật của Tiên-vương vào dâng Thiên-Tử để đua mị cầu lợi trước mắt, chẳng đoái đến xã-tắc cơ-đồ họ Triệu". Bèn cùng em đem quân đánh giết vua, Thái-Hậu và Hán-sứ, lập con của bà phi người Việt là Kiến-Đức lên nối ngôi. Lúc ấy binh của Hàn-Thiên-Thu còn cách Phiên-Ngung 40 dặm, bị Gia chặn đánh tan. Gia khiến người lấy hòm phong cờ tiết của sứ-giả nhà Hán đem để trên cửa ải (trên núi Đại-Dũ), phát binh phòng thủ các nơi hiểm yếu. Thiên-Tử nghe tin, khiến Phục-Ba tướng-quân Lộ-Bác-Đức đem quân tiến thảo. Bác-Đức đánh bại quân Việt, bọn Gia trốn ra biển. Khiến Hiệu-úy Tư-Mã Tô-Hoảng theo bắt được Kiến-Đức, phong Hoảng làm Hải-Thường-Hầu, Việt-Lang¹ Đô-Kế² bắt được Lữ-Gia, phong Kê làm Lâm-Thái-Hầu.

¹ Việt Lang tức là quan lang Nam Việt.

² Đô Kế cũng gọi là Hệ Lang.

Lý-Cầm

Người Giao-Châu, khoảng niên-hiệu Sơ-Bình (190-193), Hán Hiến-Đế, túc trực ở đô-đài. Thời-ấy ở đất Giao-Châu, số hiệu-liêm được cử rất ít. Ngày Nguyên-Đán, Cầm cùng người làng bọn Bốc-Long đến dưới đền kêu rằng: "ân huệ của nhà vua không được quân bình". Vua hỏi vì cớ gì? Tâu rằng: "một mình nước Nam-Việt không được trời che đất chở". Vua bèn cho lấy thêm một người mậu-tài, bổ làm quan lệnh quận Lục-Hợp ở Lô-Giang. Cầm sau làm đến chức Tư-Lệ-Hiệu-uy.

Trương-Trọng

Người Nhật-Nam, được tiến-cử vào Lạc-Dương. Gặp ngày đại-hội Nguyên-Đán, Tấn Minh-Đế (323-325) hỏi rằng: "Người Nhật-Nam thấy mặt trời mọc ở hướng bắc hay sao?". Trọng tâu rằng: "Nay có quận tên gọi Vân-Trung, nhưng thật ra có phải quận ấy ở trong mây đâu, quận chúng tôi, mặt trời cũng mọc hướng đông, chỉ có khí-hậu oi-bức, dân thường sống dưới bóng mặt trời vậy thôi". Vua cho Trọng làm Thái-Thú quận Kim-Thành.

Đỗ-Hoảng-Văn

Con của Đỗ-Tuệ-Độ. Thời Tống-Văn-Đế (424-453) làm Trấn-Viễn tướng-quân, Thứ-Sử Giao-Châu, tính khoan hoà, được lòng dân, tập tước Long-Biên-Hầu. Năm Nguyên-Gia thứ tư (427), triều-đình cho Đình-Uý Vương-Vy qua thay thế. Lúc ấy, Hoảng-Văn đương đau, có chỉ triệu về, Văn tự đi vống lên đường, có người khuyên nên chờ hết đau sẽ đi. Văn nói rằng: "Ta ba đời làm phượng-trấn, thường ao-ước được gieo mình ở sân nhà vua, huống chi nay được vời về, lại không đi ư?". Văn đi đến Quảng-Châu thì mất.

Đỗ-Anh-Sách

Một tay hào-hùng ở Khê-Động, thời Đường-Đức-Tông (780-804), làm An-nam phó-đô-hộ.

Những người làm quan ở Trung-Quốc

Đỗ-Viện

Tự là Đạo-Ngôn, người Chu-Diên, (có chỗ nói: Viện gốc ở Kinh-triệu, ông nội tên Nguyên làm Thái-thú Hợp-Phổ, nhân ở luôn lại Giao-Chỉ), cuối đời Đông-Tấn (317-419), làm Thái-Thú quận Nhật-Nam và quận Cửu-Chân. Viện chém quan Thái-Thú trước là Lý-Tổn, trong quận được yên, vua phong chức Long-Nhượng tướng-quân, Thứ-Sử Giao-Châu. Khi Lư-Tuần chiếm cứ Quảng-Châu, khiến sứ đến thông hào, sứ-nhân bị Viện chém.

Đỗ-Tuệ-Độ

Con thứ 5 của Đỗ-Viện. Năm Nghĩa-Hy thứ 7 (411) đời Tấn An-Đế, được bổ làm Thứ-Sử Giao-Châu; chiếu-thư chưa đến, mùa xuân năm ấy, Lư-Tuấn đánh phá Hợp-phổ, kéo quân thẳng tới Long-Biên, Tuệ-Độ cự Tuấn ở Thạch-Kỳ, quân Tuấn thua chạy. Thời ấy, bọn Lý-Nhiếp, con Lý-Tổn, chạy trốn ở Thạch-Kỳ, liên kết các Mường, Mán. Tuấn biết Nhiếp có hiềm-khích với họ Đỗ, khiến sứ chiêu dụ, bọn Nhiếp theo chịu mệnh lệnh của Tuấn. Tháng 6 ngày Canh-Tý, sáng sớm, Tuấn đến bến phía nam, khiến ba quâ vào thành. Tuệ-Độ đem hết của riêng của dòng họ, thưởng cho quân sĩ, tự mình lên một chiến-thuyền cao, phóng đuốc đốt thuyền địch, xua bộ binh giáp bờ bắn sang, quân địch tan chạy, Lư-Tuấn nháy xuống nước chết. Tuệ-Độ chém cha Lư-Tuấn là Lư-Hổ và ba người con của Tuấn, dâng đầu đem về Kiến-Nghiệp. An-Đế phong Tuệ-Độ tước Long-Biên-Hầu, tiến hiệu Phụ-Quốc tướng-quân. Đời Tống Vũ-Đế, năm Vĩnh-Sơ thứ 2 (421), thăng chức Giao-Châu Thứ-Sử. Tuệ-Độ áo vải cơm rau, kiệm ước chất phác, cấm đền thờ ma quỷ, lập trường học dạy dân, gặp năm đói, lấy lộc riêng của mình đem ra chẩn cấp, làm việc quan tinh-tế nghiêm mật, lại dân kính sợ, nhưng yêu-mến; chết được phong tặng chức Tả-tướng-quân.

Đỗ-Tuệ-Hựu

Em của Đỗ-Tuệ-Độ, làm Thái-Thú Giao-Châu.

Lê-Hồi

Người Ái-Châu, làm chức Lạc-Dương-úy.

Khương-Thần-Dực

Người Ái-Châu, làm Thứ-Sử Thư-Châu.

Khương-Công-Phụ

Cháu nội của Khương-Thần-Dực, con của Khương-Đĩnh, đậu tiến-sĩ đời Đường Đức-Tông (780-804), bổ làm Hiệu-Thư-Lang, nhờ làm chế-sách hay, được thăng chức Hữu-Thập-Di, Hàn-Lâm Học-Sĩ. Nhậm chức mãi năm, đáng đổi đi nơi khác, nhưng vì mẹ già, cần phụng dưỡng, nên xin lưu làm Hộ-Tào Tham-quân ở Kinh-Triệu. Công-Phụ có tài cao, mỗi lần thấy việc gì, trần tấu minh bạch, rất được vua Đức-Tông kính trọng. Khi Chu-Tý về Kinh-Sư, Công-Phụ can rằng: "Bệ-Hạ không nên tin cậy người Tý, chẳng bằng giết phắt đi, chớ nuôi cạp rồi để hại về sau". Vua không nghe theo. Bỗng chốc Kinh-Sư có loạn, vua từ cửa vườn chạy ra, Công-Phụ gò ngựa lại can rằng: "Chu-Tý thường làm soái ở đất Kinh-Nguyên, rất được lòng tướng-sĩ, trước đây vì Chu-Thao làm phản, Tý bị tước binh-quyền, ngày thường phần-uất, nay nên mau tới bắt Tý đem theo, chớ để lọt vào tay quân dữ". Vua hoảng hốt không kịp nghe theo. Lúc đã đi, vua muốn chạy sang Phụng-Tường, nương thế Trương-Dật. Công-Phụ nói rằng: "Dật tuy là một người tôi đáng tin cậy, nhưng chỉ là một văn-lại, và quân của ông ấy cai quản, đều là đội ngũ cũ của Chu-Tý và kỵ-binh ở Ngưu-Dương, nếu Chu-Tý được lập lên, Kinh-Nguyên biến loạn, thì ở lại đây, không phải kể vạn toàn". Vua bèn chạy qua Phụng-Thiên. Có kẻ nói Chu-Tý làm phản, xin lo ngựa giữ. Lư-Kỷ nói rằng: "Chu-Tý trung thực, thành thực, cứ sao ngờ ông ấy làm phản, méch lòng kẻ đại-thần, tôi xin trăm miệng bảo đảm". Vua biết bè tôi khuyên Chu-Tý đến rước xa-giá về, bèn xuống chiếu khiến các đạo binh, phải ngừng lại cách thành một xá. Công-Phụ nói rằng: "Vương-giả chẳng có binh túc-vệ nghiêm chỉnh, chẳng lấy gì tôn trọng oai-linh, nay cấm-quân ít ỏi, mà quân lính đều ở ngoài, thật đáng nguy cho Bệ-Hạ". Vua khen phải, truyền quân đều vào đóng nội-thành. Binh Chu-Tý quả đến, đúng như lời Công-Phụ tiên đoán. Vua bèn thăng Công-Phụ lên chức Giám-Nghị đại-phu, Đồng-Trung-Thư Môn-hạ Bình-Chương-sự. Khi chạy theo vua ra Lương-Châu, dọc đường con gái lớn của vua là Đường-An công-chúa chết, vua muốn dựng tháp làm lễ chôn cất cho trọng thể. Công-Phụ can rằng: "Sơn-Nam không phải chỗ ở lâu dài và hiện nay nên tiết kiệm để dùng vào việc quân". Vua bảo Lục-Chí rằng: "Công-Phụ muốn chỉ vạch đều lầm lỗi của ta, để cầu được tiếng trung trực". Lục-Chí tâu rằng: "Công-Phụ làm quan Giám-Nghị, giữ chức tể-tướng, phải lấy việc dân đều phải, bỏ đều trái làm gốc. Đặt ra chức Tể-Phụ là cốt để hôm sớm can vua từ việc nhỏ nhen". Vua nói: "Không phải thế, chính vì Phụ tự xét tài không đủ làm Tể-Tướng, xin thôi, ta đã hứa cho, nay biết phải thôi, nên giả làm trung trực lấy tiếng". Bèn dời Công-Phụ làm Thái-Tử Tả-Thứ-Tử. Phụ vì có tang mẹ, giải chức. Sau lại làm Hữu-Thứ-Tử, lâu năm không được dời đổi. Lúc Lục-Chí làm tướng, Công-Phụ xin đổi. Lục-Chí thăm bảo rằng: "Thừa-tướng Đậu-Tham thường bảo ông làm quan hay biến đổi, Hoàng-thượng không vui lòng". Công-Phụ sợ, xin làm đạo-sĩ. Vua hỏi vì cớ gì? Phụ không dám tiết lộ lời nói của Lục-Chí, lấy lời nói của Đậu-Tham thưa lại với vua. Vua giận, biếm Phụ làm Biệt-Giá Tuyền-Châu và khiến sứ trách Tham. Vua Thuận-Tông lên ngôi, cho Phụ làm Thứ-Sử Cát-Châu, nhưng chưa nhận chức, Phụ đã mất.

Khương-Công-Phục

Em của Công-Phụ, làm đến chức Tỳ-Bộ Lang-Trung.

Danh Nhân

Liêu-Hữu-Phương

Người Giao-Châu. Bài tựa của Liễu-Tử-Hậu đưa thi-nhân Liêu-Hữu-Phương nói rằng: "Giao-Châu có nhiều vàng ngọc, châu-báu, đồi-môi, tê-ngưu và voi, sản-vật đều kỳ-quái, cả đến cây cỏ cũng khác lạ. Ta thường lấy làm lạ vì sao khí chói sáng của Dương-Đức (Trời) chỉ phát hiện ở hoa cỏ ngọc ngà mà thôi, ít thấy chung đúc ở người. Nay Liêu-Sinh có đức-tính cương-thiếp trọng-hậu, thảo-thuận, tin nhường, trong thì chất mà ngoài thì văn, thi-văn có điệu đại-nhã. Như thế thì sinh đã được chung đúc bởi khí thiêng ư? Đời rất hiếm có vậy. Thế thường người đời nay, đối với ngọc sáng hoa thơm, ai cũng biết quý, nhưng có ai quý sinh chăng? Nếu có, thì ta bảo người ấy không phải người thường, đời cũng rất hiếm có vậy".

An-Trung-Vương

Tông thất nhà Lý, ham học, khoan nhân, ưa hỏi kẻ sĩ có danh tiếng. Kẻ dưới khô hài bông-lớn, đôi khi xúc phạm, cũng chẳng chạnh lòng. An-Trung đi chơi thuyền, ban đêm đậu dưới cầu, nghe có người ca rằng:

"Vũ thê thê nhi phong lãnh lãnh,
Y trước vô thường dạ cảnh cảnh.
Thời quang tấn tốc lão thoi nhân,
Bách sự vô thành thù phục tỉnh".

Nghĩa là:

"Mưa phơi phơi, gió reo lạnh lạnh,
Thiếu áo chần, cảnh cạnh đêm thâu.
Thời quang dục khách bạc đầu,
Ai ơi! trăm việc, việc nào nên chi?".

Bèn giác ngộ, bỏ nhà đi tu, sau học đắc đạo.

Oai-Minh-Vương

Tông-tử nhà Lý. Theo Lý-Thánh-Vương đi đánh Chiêm-Thành, khi qua quận Bồ-Chánh, Oai-Minh lấy mũi thuẫn giỡn xúc cát sỏi, bỗng chốc thành hòn núi, lại lấy gươm chặt vỏ nước đứt ở giữa, mà nước không chảy, những kẻ đứng xem đều thất kinh, lấy làm lạ. Lúc bình trở về, Vương mất ở quận Bồ-Chánh. Người ta rất lấy làm thương tiếc, lập đền thờ, mỗi lần cầu đến, đều linh-ứng; trong quận kẻ nào trộm cắp thì lập tức chết, dân ở đó bảo bị Oai-Minh giết. Người trong quận tập tục chẳng dám gian-trá, đến nay, ngoài đường chẳng lượm của rơi.

Lê-Hiểu (tức Lê-Phụng-Hiểu)

Người làng Bằng-Sơn châu Ái, lúc tuổi trẻ, rất hùng mạnh. Thời ấy, hai làng Cổ-Bi, Đàm-Xá, giành địa-giới, đến dàn trận đánh nhau. Hiểu bảo người Cổ-Bi rằng: "Tôi một mình có thể đánh tan cả làng". Phụ Lão nghe nói kinh sợ, dọn cơm rượu thết đãi. Hiểu ăn một bữa mấy đấu gạo, uống rượu thì quá chừng. Ăn xong ra gheo làng Đàm-Xá đánh, Hiểu tung mình nhổ cây đại thọ quật ngang, đánh nhiều người bị tổn thương. Làng Đàm-Xá thất-kinh, phải trả ruộng cho làng Cổ-Bi. Vua nhà Lý nghe tiếng, dùng Hiểu làm tướng. Lúc ấy có tàu lớn ngoại-quốc, đến cửa biển, có ý toan muốn xâm-lãng. Hiểu tâu vua xin làm một trăm chiếc thuyền chở cây lớn nhọn đầu. Quân giặc tiến, Hiểu lao cây đánh chìm thuyền, quân giặc đều bị chết đẫm. Vua khen ngợi thưởng công. Hiểu nói không muốn quan tước, xin cho đứng trên núi Bằng-Sơn, ném cây đại-đao tới đâu, thì xin cho đất đến đó để lập nghiệp. Vua bằng-lòng; Hiểu lên đỉnh núi, đứng ném đại-đao xa mấy chục dặm vào dao rơi đến làng Đa-my, vua bèn ban cho đất ấy. Hiểu chặt hai cây đã khô héo, trồng ngược lên làm giới-hạn. Cây nứt nhánh trở thành đại-thọ, cành lá sum sê như cái tàn. Mùa hè nóng nực, hàng trăm khách bộ-hành nghỉ dưới gốc cây. Cây trở hoa trắng, như bông vải, người làng hái làm áo lạnh. Hiểu mất, trong làng lập đền thờ, cầu đến tức linh-ứng. Lúc nào trong nước sắp có nạn, thì ban đêm nghe trong đền có tiếng động của giáo mác và áo giáp, mỗi lần đều có ứng-nghiem cả.

Trần-Lãm

Quan cận-thị của Lý-Thánh-Vương. Vương làm nhà gác ở giữa sông để nghe Thảo-Đường Quốc Sư truyền pháp, Lãm nép mình dưới bè nghe trộm. Vua biết được, muốn lấy cây thương đâm Lãm. Sư Ông ngăn lại, nói rằng: "Nó cũng có duyên, chớ giết nó". Bèn dạy thủy-pháp¹ cho Lãm. Vua đi chơi đường biển, khiến Lãm coi việc nấu ăn. Lãm lấy bát đĩa liệng lên không-trung, đến nơi nào thuyền đậu, bát đĩa nổi lên bên thuyền, bèn lấy dọn đồ ăn. Vua lại bảo sửa chữa những cây gỗ lớn, Lãm một hôm đem đến một trăm cây, vua khiến thợ đẽo, cây ra máu rồi vào nước đi mất.

Trần-Toại

Cháu kêu Trần-Thái-Vương bằng cậu, phong tước Oai-Văn-Vương, thông minh ham học, tự hiệu Sầm-Lâu, có "văn tập" truyền đời. Thường làm thơ có câu:

"Cổ lại hà vật bất thành thổ,
Tử hậu duy thi khả thẳng kim".

Nghĩa là:

"Muôn vật rồi ra đều hóa đất,
Văn thơ để lại quý hơn vàng".

Lại có làm một câu thơ văn người cháu là Văn-Hiếu-Hầu như sau:

"Sơn khởi nhẵn mai thành-khí ngọc,
Nguyệt không tự chiếu thiếu-niên hồn".

Nghĩa là:

"Hồn trẻ, than ôi! trăng luống rọi,
Ngọc lành há nở núi chôn sâu".

Toại chết năm 24 tuổi, người trong nước lấy làm thương tiếc.

Trần-Tấn

Thái-Vương dùng làm tả-làng, thăng chức Hàn-trưởng, làm sách Việt-Chí.

Lê-Tân²

Người Ái-châu, tính hoà kính, học rộng, Thái-Vương dùng làm Hàn-Trưởng. Mùa đông năm Đinh-Tỵ (?) theo Vương chống Ngô-Lương Hợp-Thai; binh bại, cùng Vương giồng ngựa chạy đến Phạm-Gia-Bảo, gặp có Phạm-Cụ-Chích đem binh đến cứu, quan-binh giết Cụ-Chích, Thái-Vương chạy khỏi đến bến Lãnh-Mỹ, mới lên thuyền, kỵ-binh đuổi theo kịp, nhằm Thái-Vương loạn xạ, Tân lấy ván thuyền che cho Vương chạy khỏi. Thái-Vương nhớ công, phong Tân làm Bảo-Văn-Hầu, Nhập-nội Phán-thủ.

Lê-Hưu (tức Lê-Văn-Hưu)

Vừa có tài, vừa có hạnh, làm thầy Chiêu-Minh-Vương, đổi làm Kiểm-Pháp-Quan, sửa sách Việt-Chí.

Tiết Phụ

¹ Theo "Tứ Hải" thì là "Pháp Thủy", danh từ nhà Phật, nghĩa là Phật pháp có thể giải trừ phiền não, bụi bặm cũng như nước có thể rửa sạch ô uế.

² Việt Sử: Thái-Tông cho Tấn tên là Phụ Trần.

Tiết-phụ Họ Kim

Mẹ của tướng giặc An-nam Đào-Trai-Lượng, thường lấy điều trung nghĩa dạy con, nhưng Trai-Lượng cứng cổ không nghe, bà bèn cự tuyệt, tự cày mà ăn, dệt mà mặc, làng xóm tâu xin tướng thưởng. Nhà Đường, đầu niên-hiệu Đại-Lịch (766-779), vua xuống chiếu cấp cho hai tên dân hầu-hạ và khiến quan bốn-đạo, bốn mùa thăm hỏi.

Vạn-Xuân-Phi

Tên họ gì không rõ, vì cha mẹ ở làng Vạn-Xuân, nên gọi tên như vậy. Lúc trẻ thanh nhã, hiền thục, lớn lên hứa gả cho văn-sĩ Tiêu-Nhã, người đồng làng. Quốc-Vương nghe nàng sắc đẹp, nạp vào cung, được yêu, phong làm thứ-phi. Hơn mười năm, Vạn-Xuân vẫn nhớ chàng Tiêu, tuy được vua yêu quý, nhưng lòng chẳng thỏa, thường thác bệnh xin ra ngoài chữa thuốc. Vua bằng lòng cho trở về làng. Lúc ấy Nhã đã ra làm quan, có thành-tích tốt, được thăng Thanh-Hoá Phủ-Lộ An-Vũ-Sứ, kể thôi việc về nhà, vợ chết, cùng Vạn-Xuân-Phi nối lại duyên xưa. Được mười năm, Nhã chết, để quan-cửu ở nhà, bói lựa ngày an-táng chưa biết ngày nào. Phi ngày đêm ôm quan-tài kêu khóc, ba năm hết hơi rồi chết, người trong nước, ai cũng thương.

Phương Ngoại

Mai-Viên-Chiếu Thiên-Sư

Thường làm một bài quyết cho quan Tham-Tụng Hiến, đại-lược rằng: "Một ngày nọ đương ngồi trước nhà, bỗng có nhà sư hỏi rằng: "Phật với Thánh nghĩa là thế nào?". Trả lời: "Cũng ví như:

"Ly hạ trùng-dương cúc,
Chi đầu thực-khí oanh"

Nghĩa là:

"Hoa cúc dưới giậu thu,
Chim oanh trên cành xuân"¹

Không-Lộ và Giác-Hải

Hai nhà sư thường vào Trung-Quốc, xin đồng để đúc chuông, lúc về có thần-nhân ủng-hộ, thuyền đi một buổi chiều về đến quê hương, đúc hai cái chuông, một cái lớn, một cái nhỏ, treo ở chùa núi Phổ-Lại, mỗi lúc đánh, tiếng vọng rất xa, tiếng đồn đến Trung-Quốc. Chưa được bao lâu, cái chuông lớn chạy vào khe Bài-Nam, mưa lớn nước dâng lên trôi đi mất. Nhà sư sợ cái nhỏ cũng đi theo, bèn lấy sắt đóng lại, nay đương còn. (Tục truyền Không-Lộ có tài bay lên không-trung, Giác-Hải có tài lặn xuống nước).

Thảo-Đường

Theo thầy sang ở Chiêm-Thành. Lý-Thánh-Vương đánh Chiêm-Thành bắt được, cho làm đầy-tớ Sư-Lục. Ngày nọ Sư-Lục viết văn sớ để trên bàn, đi ra ngoài, Thảo-Đường lén sửa chữa lại. Sư-Lục lấy làm lạ, tâu vua nghe, vua phong Thảo-Đường làm Quốc-Sư.

Từ-Đạo-Hạnh

Nho-sinh, ưa thối sáo, ngày cùng bạn du-ngoạn sơn-lâm, đêm đọc sách suốt sáng. Một hôm vào núi Phật-Tích, thấy một hòn đá có dấu bàn chân phải, ấn chân vào so thử, in như hệt, về nhà từ biệt mẹ, vào núi cất am tu hành. Lý-Vương chưa có con nối dòng, khiến các thầy chùa danh tiếng cầu đảo. Có một ông sư, già không dự lễ cầu, lại dùng pháp trấn yểm. Quốc-Vương nghe được, bắt hạ ngục tất cả

¹ Ý nói hai thứ đều đẹp cả.

thầy chùa trong vùng. Nhờ một hoàng-tử hết sức cứu sư Đạo-Hạnh ra khỏi. Hoàng-tử nói với sư rằng: "ta cũng không con, xin sư vì ta mà cầu đảo". Sư nói với Hoàng-tử bảo phu-nhân vào trong phòng tắm, sư đi qua trước cửa, phu-nhân cảm mà có thai. Đến ngày đẻ, hoàng-tử khiến vờ sư, thì sư đã ngồi mà tịch-hóa. Phu-nhân sinh được một trai, mặt mũi khôi-ngô. Lý-Vương lập làm Thế-Tử. Xác của sư nay vẫn còn.

Giới-Châu

Trì giới tinh nghiêm, mỗi lần cầu mưa liền ứng-nghiệm. Trần-Thái-Vương thường đặt một cái chum giữa sân; sư làm mưa đầy chum mà ở ngoài không có một giọt, vì thế, vương càng kính lễ.

Hoàn-Nguyên

Nha nho, học Phật, lại hoàn tục, lấy cô của vua là bà Thụy-Tư, Trần-Thái-Vương phong làm Liệt-Hầu. Nguyên thường bắt buộc Thụy-Tư theo đúng lễ chính, do đó, vợ chồng bất hoà, rồi Nguyên đi làm đạo-sĩ. Nguyên làm thơ hay, tính ưa ngao du rừng suối, vua cho làm chức Đạo-Lục, tục gọi là Đạo-Lục-Hầu.

Những kẻ phản nghịch

Trưng-Trắc

Con gái của Lạc-Tướng huyện My-Linh, quận Giao-Chỉ. Chồng là Thi-Sách, con trai của Lạc-Tướng huyện Chu-Diên, bị Thái-Thú đời Hậu-Hán là Tô-Định dùng pháp-luật trị tội. Trắc oán, cùng em gái là Trưng-Nhị làm phản, đánh chiếm 65 thành, tự lập làm vua, kể bị Mã-Viện chém.

Triệu-Âu

Con gái ở huyện Quân-Ninh, quận Cửu-Chân, lúc trẻ không lấy chồng, vú dài ba thước, vắt ra sau lưng, thường mặc áo vàng, đi dép ngà, cỡi đầu voi đánh giặc. Ở trong núi tụ đảng đi trộm cướp, bị Thứ-Sử Giao-Châu là Lục-Duệ¹ giết.

Lý-Bý (hay Lý-Bôn)

Thổ-hào ở Giao-Châu. Về đời nhà Lương, đầu niên hiệu Đại-Đồng (535-545), Hầu-Tư làm Thứ-Sử, trị dân nghiêm-khắc, thất hòa, Bý làm phản. Tư chạy về Quảng-Châu, Bý tiến hiệu, đặt quan, dựng đài Vạn-Xuân mà ở. Vũ-Đế khiến Thứ-Sử Dương-Phiêu và Tư-Mã Trần-Bá-Tiên dẹp yên.

Dương-Thanh

Người Giao-Châu, khoảng niên-hiệu Khai-Nguyên (713-741) đời Đường, làm Thứ-sử Hoan-Châu, đô-hộ Lý-Tượng-Cổ có ý nghi kỵ, vờ về cho làm nha-tướng, Thanh uất giận, chức nổi loạn. Gặp lúc Hoàng-Gia-Động làm phản, Tượng-Cổ giao binh cho Thanh trợ chiến. Thanh cùng con là Chí-Liệt đem binh về đánh úp Tượng-Cổ, sau bị Quế-Trọng-Vũ bắt chém.

Nùng-Trí-Cao

Người châu Quảng-Nguyên, cha là Toàn-Phúc làm Tri-Châu Thảng-Du, chú là Toàn-Lộc làm Tri-Châu Vạn-Nhai, đều phục tòng Giao-Chỉ. Ngày nọ, Toàn-Phúc giết Toàn-Lộc và chiếm luôn châu-trị. Lý-Thái-Vương giận, cử binh bắt Toàn-Phúc và con là Trí-Thông đem về. Vợ Toàn-Phúc là Ả-Nùng lấy người lái buôn Giao-Chỉ sinh Trí-Cao. Được 12 tuổi, Cao giết cha và nói rằng: "thiên hạ há có hai cha ư?". Nhân mạo lấy họ Nùng, lâu sau lại cùng mẹ ra chiếm cứ châu Thảng-Du, đặt quốc-hiệu là Đại-Lịch; kể bị Giao-Chỉ đánh bại, nhưng được tha tội và khiến coi châu Quảng-Nguyên. Được bốn năm, cầm oán Giao-Chỉ, đánh úp chiếm cứ châu An-Đức. Về đời Tống-Nhơn-Tông, năm đầu niên-hiệu Hoàng-Hựu (1049), Trí-Cao tiến xưng Nam-Thiên-Vương, đặt niên-hiệu là Cảnh-Thụy. Mùa hạ tháng 5, năm thứ 4 (1052), đánh hãm

¹ Nam sử chép là Lục Dẫn

mấy châu Ung, Hoành, nguy xưng quốc-hiệu là Nam-Thiên quốc, tiếm hiệu Nhân-Huệ hoàng-đế, đổi niên-hiệu là Khải-Lịch và ân-xá toàn cõi. Bè đảng là Hoàng-Sư-Mật, xưng quan-danh Trung-Quốc. Tiến binh vây Quảng-Châu, 50 ngày không hạ được, lại trở về Ung-Châu. Mùa thu tháng chín, nhà Tống khiến Địch-Thanh ra đánh. Mùa xuân tháng giêng năm Hoàng-Hựu thứ 5 (1053), đại-quân của Địch-Thanh đến Tân-Châu, một ngày đêm vượt qua núi Côn-Lôn, thừa lúc giặc bất ý, bày trận ở Quy-Nhơn-Phổ. Trí-Cao bày trận chống lại, bị Địch-Thanh đánh tan. Trí-Cao lại chạy về Ung-Châu, đêm ấy đốt thành, chạy về nước Đại-Lý. Sáng mai, Thanh đem binh vào thành, chém bêu đầu Sư-Mật, bắt mẹ Trí-Cao là Ả-Nùng, em là Trí-Tiên, con là Kế-Tông, Kế-Long, đóng cũi giải về Kinh-sư. Sau Trí-Cao chết, tất cả đều bị giết, bỏ thây ngoài chợ.

(Trước đây có câu ca-dao: "Họ Nùng trong, họ Địch hái", nay quả ứng-nghiệm).

Sản Vật

Điền-thổ

Nhâm-Diên nói rằng: "ruộng giồng lúa trắng, tháng 5 cấy, tháng 10 gặt; lúa đỏ, tháng chạp cấy, tháng 4 gặt. Bởi thế người ta thường bảo rằng: "Nước thu thuế ruộng hai mùa, làng cống tơ tằm tám lúa. (Quốc thuế lưỡng thực chi đạo, hương cống bát tầm chi ty). Đất hẹp dân đông, có sản xuất lúa, mè, nhưng không có lúa mạch.

Tằm-tang (nuôi tằm trồng dâu).

Sách "Giao-Châu ký" của Lưu-Hân-Kỳ chép: "một năm tám lúa tằm, tằm sản xuất ở Nhật-Nam, dâu thì có lớn nhỏ hai giống, giống dâu nhỏ trồng về tháng giêng, cành lá sua sê. Từ tháng ba đến tháng tám đều nuôi tằm, lấy tơ dệt lụa".

Muối

Nấu nước biển lấy muối trắng như tuyết. Dân biên-thùy qua phục-dịch ở An-nam, đều vì nguồn lợi muối và sắt.

Hoàng, bạch-kim (vàng và bạc)

Các Châu Phú-Lương, Quảng-Nguyên sản xuất vàng, bạc, nhưng các người tìm vàng, tìm bạc thường không kiếm đủ số nộp cho quan, phải mua chỗ khác để nộp.

Minh-châu

Con trai sinh ở Đông-Hải, Giám-Thể-Quan mỗi lần cầu đảo với thần-linh, thì tìm được ngọc-trai lớn. Sách "Hải-Cổ" chép rằng: "năm nào trung-thu trắng sáng, năm ấy có nhiều ngọc trai". Mạnh-Thường làm Thái-Thú Hợp-Phổ. Các quan Thái-Thú trước tham-lam, bắt dân mò tìm hạt trai bao nhiêu cũng không chán, vì thế, ngọc trai dờn qua Giao-Chi. Mạnh-Thường đến, thay đổi tề tập trước, hưng lợi trừ hại cho dân. Những con trai ngày trước bỏ đi nay trở về, dân xưng tụng Thường là bậc thần-minh. Đào-Bật làm bài thơ Hoàn-Châu-Đình rằng:

Châu về Hợp-phổ tiếng vang truyền,
Thái-Thú thần-minh sáng cổ-hiền
Trong bụng sò ngao châu chói sáng,
Dưới chằm rồng cá ngừ thường yên.

Về đời nhà Đường, năm Trinh-Quán thứ 4 (630), huyện Lâm-ấp có ngọc châu lớn, quan Hữu-Tư trưng cầu, Lâm-ấp dâng biểu trả lời không thuận. Hữu-Tư xin đánh. Vua Thái-Tông nói rằng: "Ưa chinh chiến, ắt vong quốc, gương của Dượng-Đế¹ và Hiệt-Lợi¹, chúng ta đều thấy. Đánh hơn một tiểu-Quốc, chẳng oai-vũ gì, hưởng chi chưa chắc hơn".

¹ Vua nhà Tùy.

San-Hô

Có đò đen hai thứ, ở dưới biển thì thẳng và mềm, thấy mặt trời thì cong và cứng. Đầu đời nhà Hán, Triệu-Đà dâng cây san-hô đò gọi là hòa-thụ².

Đơn-Sa

Đời Tấn, Cát-Hồng muốn luyện thuốc tiên, xin ra làm quan lệnh tại huyện Câu-Lậu. Thơ Đỗ-Phủ có câu:

Giao-Chỉ đơn-sa nặng trĩu.
Thiền-châu bạch-cát nhẹ bong³.

Đại-Mạo (đôi-môi)

Hình giống rùa, nhưng vỏ hơi dài, có 6 chân, hai chân sau không có móng.

Hương

Sách xưa chép: "Nhật-Nam có nghìn mẫu rừng sinh gỗ thơm rất quý". Sách Nam-Việt-Chí chép: "Giao-Châu có cây hương-mộc, muốn lấy thì đốn xuống, chờ lâu năm cho vỏ mục rồi lấy ruột và mắt cây, thứ nào cứng, đen, bỏ xuống nước chìm, gọi "trầm hương", nổi, gọi "kê-cốt hay bán-thủy", thứ thô gọi "sạn-hương".

Kim-Nhan

Có chỗ gọi cây cam-ma, thường tục đốt cây ấy để trừ tà-khí.

Bài-Hương

Cây nào có một rễ thì tốt.

Hương-Phụ-Tử

Một tên khác gọi là Kê-dầu, thứ nào mọc gần bờ bể là tốt.

Giáng-Chân-Hương

Thứ lâu năm dùng tốt.

An-Tức**Mật****Sáp ong****Chì****Sắt****Thiếc****Quế**

Thứ vỏ mỏng thịt dày tốt.

Tử-Thảo

Sách Trung-Châu chép: "Kỳ-lân tử-thảo do kiến tạo ra, cũng như ong làm ra mật vậy. Tử-Thảo sắc đỏ mà vàng, giống tùng-chì". Giao-Châu-Chí chép rằng: "Tử-Thảo và huyết-kiệt đều sản xuất ở Giao-

¹ Vua nước Đột-Quyết.

² Cây lửa.

³ Giấy sắn trắng để dệt làm áo mỏng.

Châu, rõ ràng không phải cùng một thứ". Bản-thảo cương-mục nói rằng: "hai vật ấy chủ-trị tà-khí trong ngũ-tạng, chỉ-thống, phá huyết-tích, trị ghẻ mọt".

Kha-Lê-Lặc

Sách Trung-Châu chép: Kha-Lê-Lặc sản-xuất ở Giao-Châu, Ái-Châu, hoa trắng, hột như hột quả chi¹, vỏ và cơm dính sát nhau, vị không độc, chủ trị khí lạnh, bụng trướng đầy.

Thường-Sơn

Có hai thứ, tục gọi hoàng-đao và bạch-đao.

Bồ-Hoàng

Bị dao mác thành thương, dùng Bồ-Hoàng ghiền nhỏ, rắc vào thì lành.

A-Ngù

Rau Đò

Rau đắng, sách xưa chép: sản-xuất ở huyện Cổ-Đô thuộc Lạng-Châu, vị đắng khó uống.

Ý-Dĩ (Hạt bo-bo)

Khi Mã-Viện sang đánh Giao-Chỉ, có chở ý-dĩ về, đi qua Ngũ-Khê, hạt rơi xuống rồi mọc lên. Tô-Đông-Pha có bài thơ:

Phục-Ba dùng ý-dĩ,
Trị ngược thuốc như thần.
Độc Ngũ-Khê trừ được,
Khôn trừ nọc sàm-nhân².

Phong-Cương (Gừng)

Xắt lát dán hai bên màng tạng, hết đau đầu.

Hỏa-Cương (Riêng)

Sắc hơi tía, thường dùng làm men rượu, rất tốt.

Cao-Lương-Cương

Gốc ở Châu Cao-Lương, ở Giao-Châu cũng có, giống sinh ở Lôi-Châu tốt hơn. Ở Giang-Tả gọi là cũ Đổ-Nhược. Vị rất ôn, chủ trị tích, lạnh, đau bụng, giã nhỏ, sao sơ, hòa với nước gạo mà uống. Trị thổ-tả hoặc loạn: dùng Cao-Lương-Cương năm lượng, nướng chín, đập dập, rửa sạch, đổ vào một thăng rượu, đun sôi năm ba lần, uống vào kiến hiệu tức khắc. Uống Cao-Lương-Cương thì thanh-khí tăng thêm, nhan-sắc tươi tốt, những nhà phú-hào hay sắc để uống.

Hoàng-Cương

Bản-thảo chép: "giống sinh ở Hải-Nam, gọi là bông-truật. Vị cay đắng, rất hàn, không độc, chủ trị tâm phúc kiết tích, trừ phong nhiệt, tiêu ung thũng, nhai sống, trị khí. Thiên-Kim-Phương: trị ghẻ lác mới sinh, ngứa lâu ngày, lấy một lượng hoàng-cương hiệp vào ba lượng quế-hương, tán bột, hoà giấm uống.

¹ Chi là tên cây, quả nó dùng để nhuộm màu vàng.

² Mã Viện đánh Giao-Chỉ, lúc trở về, chở về mấy xe hạt bo bo, có kẻ gièm với vua Quang Võ, nói Mã Viện chở ngọc Minh Châu về rất nhiều.

Uất-Kim (củ nghệ)

Vị cay đắng, tính hàn, chủ trị tích huyết, lạnh, hạ khí, sinh da non, cầm huyết. Lưu-Vũ-Tích nói rằng: "dùng Uất-Kim độc vị, trị bệnh con gái chậm thấy tháng, tâm khí kiết tụ, mài với giấm nóng mà uống; đau dạ, tán bột trộn vào cháo mà ăn".

Thông-Thiên-Tê

Sách: "Giao-Châu-Ký" của Lưu-Hân-Kỳ chép: "lông tê-ngưu giống lông heo, đầu có ba sừng, sừng trên mũi ngắn, hai sừng trên trán, một dài một ngắn. Di-Vật-Chí nói rằng: "trong sừng thường có vân trắng như sợi tơ, sáng ngời, suốt từ ngọn đến gốc", gọi là thông-thiên-tê.

Tịch-Thủy-Tê

Tục truyền An-Dương-Vương có sừng văn-tê dài 7 tấc, khi đánh trận thua, ném sừng tê xuống biển, nước rẽ ra, Vương chạy vào nước, thoát nạn.

Tịch-Hàn-Tê

Năm Khai-Nguyên thứ hai (714), đời Đường, tiết đông-chí, Giao-Chỉ dâng một sừng tê, sắc như vàng, sứ-giả xin một cái mâm bằng vàng, đặt sừng vào, để trong đền, khí ấm xông lên người. Vua hỏi vì có gì? Sứ-giả tâu: "ấy là Tịch-Hàn-Tê. Thời Văn-Đế nhà Tùy (589-604), có tiến một cái, đến nay mới tiến lại". Vua vui lòng tặng thưởng rất hậu. Thơ Đỗ-Phủ có câu: "Kim bàn tê duy thận", nghĩa là: "Sừng tê để trong mâm vàng rất cẩn-thận".

Voi

Xứ Lâm-ấp sản-xuất voi, lúc đầu tại nước Chiêm-Thành, tục hay dùng voi để cỡi và chở. Quận Bồ-chánh ngày nay, tức huyện Tượng-Lâm thuộc Quận Nhật-Nam ngày xưa vậy. Thổ-hào giết huyện-lệnh, lập nước gọi là Lâm-ấp. Thời Tống-Lý-Tông (1225-1264), An-nam cống voi, công-khanh đều dâng biểu mừng. Có một thái-học-sinh dâng bài thơ rằng:

Ba voi đều tám thước cao,
Giang-hồ muôn dặm biết bao nhọc nhằn.
Công-Khanh ca ngợi thăng-bình,
Lữ-Ngao¹ chỉ có trâu-sinh² tâu bày.

Năm Bính-Tý (1276) hiệu Chí-Nguyên, triều-đình dẹp yên nhà Tống, thăng ruổi đến Quế-Châu gần An-nam, nước ấy thường đem voi cống. Voi đực có hai ngà, voi cái không có. Sức mạnh của voi ở nơi vòi. Nhà vua thường mở cuộc đấu voi để xem hơn thua. Muốn săn voi, người ta lừa voi cái vào rừng, kẻ lấy mía dụ voi đực đến, đào hầm để sập bắt. Lúc mới sa hầm, voi rống hét om sòm, người ta bắt về tập, dần dần nó hiểu ý người. Gặp lễ tiết, người nài lấy gấm phủ lên lưng voi, khiến quỳ lạy quốc chúa. Lúc đám tang, thăng yên vàng (?), voi chảy nước mắt thành khối. Tính rất khôn, ở rừng núi, một con voi đực cặp bốn, năm chục voi cái; ưa uống rượu (?), thường lấy vòi xoi phen nhà của dân ở núi để uống, uống hết vòi mà không say. Nếu hai con đi chung, được một vật gì, cũng chia đôi. Những đêm trăng, ưa ra sông tắm lội. Lúc trở về rừng, dân đuổi theo sau đánh trống, thanh-la inh ỏi, làm cho voi kinh sợ chạy bậy vào lối hẹp, sa lầy, không dậy được, bị dân đâm giết chết. Ngà voi có vân, sắc tươi sáng, những ngà chết, ngà rụng, không tốt. Người Lâm-ấp hay giết voi, voi oán, dàn trận vây người, người sợ trèo lên cây, cởi áo treo ở cành, rồi chui qua cây khác chạy trốn, voi thấy áo treo, tưởng người, lấy vòi hút nước xối vào cây và lay cho cây đổ, không thấy người, giận chà nát áo rồi bỏ đi. Voi bệnh thì day đầu về hướng nam mà chết. Thịt voi thô, để cả da nấu mau chín, thịt gần nơi ngà và bàn chân khá ngon.

¹ Lữ-Ngao là một thiên trong Kinh Thư. Thời vua Võ Vương nhà Châu, nước Tây Lữ dâng con chó ngao, Ông Thiệu Công làm thiên Lữ Ngao để khuyên răn vua không nên quý chuộng vật lạ.

² Trâu là loại cá nhỏ. "Trâu sinh" nghĩa như "Tiểu sinh", nghĩa là người học trò hèn mọn, lời tự xưng khiêm tốn.

Bò tót

Giao-Châu-Ký chép rằng: "Bò tót sản xuất ở quận Cửu-Đức, có một sừng, dài hai thước. Thời Hán Linh-Đế (168-188), Cửu-Chân dâng bò tót, cho là con thú lạ. Khoảng niên hiệu Chí-Nguyên (1264-1294), An-nam thường đem cống.

Bạch-Lộc

Đời Tấn, đầu niên-hiệu Nguyên-Khương (291-199), có con hươu trắng xuất hiện ở huyện Vũ-Ninh, quận Giao-Chỉ. Đời Tống Văn-Đế, cuối niên-hiệu Nguyên-Gia (453), Giao-Chỉ đem dâng hươu trắng.

Tiềm-Thủy-Ngư (trâu lặn dưới nước)

Giao-Châu-Ký chép rằng: "tại huyện Câu-Lậu có giống trâu lặn ở dưới nước, lên bộ thì sừng mềm, vào nước sừng lại rắn".

Tinh-tinh

Nam-Trung-Chí chép rằng: "hình chó, mặt người, ở trong hang núi, đi không do một lối quen nào, hằng bầy cả trăm con. Người ta thường lấy rượu và mồi chực đôi giếp cỏ kết lại với nhau, bày ra giữa đường, Tinh-tinh gặp thấy, tức thì kêu tên họ ông cha của người mà chửi, và nói rằng: "Tụi bây cố bầy ta, mau bỏ đi cho rồi". Nhưng sau lại kêu nhau uống nếm rượu, xô giếp đi chơi, uống một vài chung đã say, giếp bị giầy chằng, té ngựa, thế là bị bắt. Người xưa hỏi quan lệnh Phong-Khê: "Phong-Khê có vật gì?". Đáp: "Chỉ có tinh-tinh, rượu và tổ".

Phật-phật (đười ươi, một loại khỉ)

Quách-Phác nói rằng: "Đười-ươi sản-xuất trong miền núi Giao-Châu, hình dáng giống người, lưng dài, mình đen, có lông đến gót chân, xòa tóc, chạy mau, ăn thịt người, thấy người thì cười". Tả-Tư nói rằng: "Đười-ươi cười bị đâm".

Nghị-Tử-Diêm-Ài (trứng kiến muối chua)

Sách xưa chép: "Tù-trường các khê động ở Giao-Châu hay lấy trứng kiến muối chua, không phải các quan và thân-tộc, không được dùng món ăn này tiếp đãi (?). Thiên Giao-Đặc-Sinh có nói: "dùng tương trứng kiến". Sách Tể-Thống bảo rằng: "muối sản-xuất ở lục-địa, tức mà muối dùng làm tương trứng kiến". Sách Châu-Lễ: "người đầu bếp dọn tương có món tương trứng kiến". Phạm-Uý-Tông nói rằng: "Món trứng kiến ở Trung-Quốc thất truyền, nên mới tìm ở nơi người Mán, chứ không phải người Mán biết làm ra trước".

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Ngũ Chung

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Lục

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Tạp Ký

Đời Đường, năm Hội-Xương thứ 5 (845), tiết mục nói về cách tuyển-cử: "An-nam đưa vào thi tiến-sĩ không được quá tám người, minh-kinh không được quá mười người".

Xét theo phép đời nhà Đường, chức-vụ của các quan phiên-trấn: đô-hộ An-nam và Phong-Châu có nhiệm-vụ đề-phòng đường bộ, đừng cho người nước Chân-Lạp vào Lĩnh-Nam mua khí-giới và ngựa. Các khê, động ở phiên-tấn, nơi nào ương-ngạnh, cần phải trấn áp, thì các vị đô-đốc ở năm châu: Giao, Quảng, Ung, Quế và Dung, ba năm một lần, phải đem quân đi tuần áp, đi đến đâu làm trạng tâu về vua nghe. Các biên quận lo việc đón tiếp và hướng dẫn, các thủ-lính ở các phiên-trấn lo chinh bị nghi-thức. Thực-quân, Nam-Hải, An-nam đều cho sử-dụng từ 300 quân kỵ giở xuống. Dưới quyền quản-trị của các đô-đốc-phủ các quận Quế, Quảng, Ung, Dung, An-nam, Kiểm-Nam, có những bộ-lạc lớn, cần phải tra vấn nhân-số giáp binh, phụ-huynh các bộ-lạc ấy, nếu có người tính nết tốt, làm việc giỏi, có văn vũ tài-lực, mỗi năm biên tâu về vua nghe để tùy tài sử dụng.

Các quan và gia-quyển các quận An-nam, Quế-Châu và Quảng-Châu, mỗi lúc phó nhiệm, được cấp phát ngựa trạm như sau:

Nhất phẩm: ngựa 10 con, lừa 10 con.

Nhì phẩm: ngựa 9 con, lừa 9 con.

Tam phẩm: ngựa 8 con, lừa 8 con.

Tứ phẩm, ngũ phẩm: ngựa 4 con, lừa 4 con.

Lục phẩm, thất phẩm: ngựa 2 con, lừa 2 con.

Bát phẩm, cửu phẩm: ngựa 1 con, lừa 1 con.

Người ít, tùy số người mà cung cấp.

Sách Dịch-Viên Tùng-Chí¹, nói rằng: "mỗi lúc phong vương hay ban tiết việt cho các quận-trưởng các nước Mán, nội thuộc Trung-Quốc, chỉ có An-nam và Hạ-Châu thì quan học-sĩ thảo tờ chế-sắc, còn các xứ khác thì không cần.

Sử-Thông² chép rằng: "Xóm ở 10 nhà, tất có người trung tín; muốn lưu truyền bất hủ, công truyền bá nhờ ở nơi người. Vì sao Giao-Châu xa ở phương nam, dòng giống của Việt-Thường, Đôn-Hoàng ở tận Tây-Vực, quê hương của Côn-Nhung, nhơn-vật của hai xứ ấy, từ xưa không thấy truyền chép? Bởi vì ở tận nước ngoài, đường xa kẻ chợ, cho nên sử-quan không ghi chép đến vậy. May nhờ có Sĩ-Nhiếp chép truyện, Lưu-Bính viết sách, mà anh-tài lỗi lạc hai xứ ấy mới được lưu danh. Nếu hai nhà hiền-giả không ra đời, việc hai quận ấy không có sách chép, thì các bậc quân-tử ở biên quận, làm sao truyền

¹ Dịch là sách, một bên, viên là tòa nhà. Dịch viên là hai tòa Trung-Thơ và Môn-Hạ ở hai bên cung điện nhà vua. Chưa rõ tác giả của Dịch-Viên-Tùng-Chí là ai.

² Sử-Thông do Lưu-Trí-Cơ đời Đường soạn, có 20 quyển, chia ra nội thiên và ngoại thiên nói về nguồn gốc và đặc thất của sử sách.

tiếng đến đời sau. Do đó, biết công việc trước thuật có hiệu-lực rất lớn, chẳng phải cùng nghề mọn thơ phú, so sánh hơn thua vậy".

Lời tâu của Lục-Tuyên-Công bàn về việc Kinh-Lược-Sứ Lĩnh-Nam xin đặt sở thị-bạc (cũng như sở đại-lý mua hàng) ở An-nam và phái Trung-sứ qua giám-thị:

Lĩnh-Nam Tiết-Độ Kinh-Lược-Sứ tâu rằng: "Gần đây có nhiều thuyền qua An-nam mua vật-dụng để dâng lên vua, công việc lớn lao, sợ đồ cung cấp không đủ. Nay tôi muốn sai phán-quan qua An-nam thu mãi vật-hạng, xin triều-đình phái một vị Trung-sứ cùng với Sứ-ty của tôi, đồng đi công-tác, ngõ hầu tránh việc gian dối. Mong xin Thánh-chỉ chuẩn-y". Thiết nghĩ: "Những kẻ buôn bán nước ngoài chỉ cầu mỗi lợi, được yên chỗ thì đến, bị quấy nhiễu thì đi. Quảng-Châu là nơi đô-hội trọng-yếu, có tiếng dân đông, của nhiều. Chỉ vì bọn giao dịch xâm khắc quá chừng, mất cả ý-nghĩa làm cho người xa cảm mến. Đã không biết tự-trách, còn vượt ra ngoài chức-vị của mình. Ngọc nát trong hòm, vì ai nên nổi, châu đời ngoài cõi, bao thuở trở về. Kinh-thơ nói rằng: "Không quý vật ở phương xa, thì người xa đến". Nay đã ham muốn như thế, cho nên phương xa không qui phục là phải. Huống nay muốn làm dao động lòng vua, xin sai Trung-sứ, tỏ lòng tham cho thiên-hạ, thông hối-lộ với triều-đình, quấy nhiễu thời buổi thanh-bình, thương-tổn Thánh-triều phong-hóa, phép nên trách phạt, việc khó y theo. Vả lại, Lĩnh-Nam, An-nam, đâu chẳng là đất nước của vua, Trung-sứ, Ngoại-sứ, ai cũng là tôi vua. Nếu cần việc nước, việc quân, đã có phép thường lệ cũ. Người lo tròn chức, nước tự thừa dùng. Hà tất tin Lĩnh-Nam mà cự tuyệt An-nam, trọng Trung-sứ mà xem khinh Ngoại-sứ, đã trái hẳn tấm lòng thành thực, lại tổn thương phong-hóa khinh tài.

Lời tấu-nghị của Tuyên-Công đều bị im, không đưa ra bàn luận.

Bài văn của Liễu-Tử-Hậu làm cho quan Thị-ngự An-Nam họ Dương tế quan Đô-Hộ họ Trương

Duy: Ngày... tháng... năm... cố-lại mỗi, quan-chức mỗi, kính tế trước linh-vị Cố Đô-Hộ Ngự-Sứ Trương-Thừa Trương-Công mà than rằng:

"Giao-Châu rộng lớn, xa tít chân trời phương nam, công-đức của vua Hạ-Vũ không thi-thố đến nơi và cường-quyền của nhà Bạo-Tần không chế-ngự nổi. Khi làm phản, lúc xưng thần, từ đời Hán trở lại đây, luôn luôn như thế.

Thánh-thiên-tử nhà Đường ta tuyên dương phong-hóa, ban đầu chẳng mấy lúc được yên. Dần dần phong-tục thay đổi, dân-tộc "tóc cài áo cổ", hướng hóa xứng thần, cuối cùng trở nên như người Trung-Hoa, thấm nhuần hòa-thuận. Trị công của Sĩ-Nhiếp, chỉ có ông nổi được, lúc nào ông cũng siêng năng, biết lo xa, rộng thi ân huệ, bồi đắp công-nghiệp của tiên-nhân đã lập trụ đồng làm tiêu biểu ở phương nam. Đi từ phương bắc qua trấn ngự man-khu; liền liền xe ngựa, phối phối sinh kỳ, làm cho Giao-Châu trở nên một xứ phồn-hoa đô-hội, thấm nhuần oai đức của nhà vua. Ông đương được nhà vua tin yêu, đáng lẽ được phong tước công-hầu, nhưng tiếng ông vừa đồn về Kinh-Sư vang dậy, thì hồn ông đã sớm lìa cõi thế ở đất Viêm-Châu. Than-ôi! Thương thay! Nhớ lại ngày xưa, lúc ông mới bước chân vào đường quan-lại, đã nổi tiếng tài cán thanh liêm, đến lúc qua làm kinh-lược phán-quan ở An-nam, giữ đúng mực thước, những kẻ cô quả được yên, thuế khoá đầy đủ. Dời qua làm chức Trục-sứ, kế thăng chức Tào-Lang, ở đâu cũng có chính-tích tốt, dân duyên-hải được hưởng sự an-ninh. Nay triều-đình chuyên nhiệm ông qua làm đô-hộ ở phương nam, lễ ban rất hậu, ân tứ rất nhiều. Ông mở phủ-đường tuyển dụng nhân-tài, bao nhiêu kẻ lương-năng đều về làm thuộc lại. Tự xét kẻ hèn mọn này, đâu dám mong được chọn lựa. May đâu ơn trên sai khiến, được tuyển bổ làm chức An-nam Thị-Ngự.

Tôi vừa toan chờ ngày đăng trình phó nhậm, quản bao đường sá xa xuôi. Đi được nửa đường, gặp người anh bị trích ra làm quan ngoại-quận, cùng nhau lưu luyến khóe lóc, thành ra trễ nãi. Và thê-tử không có, chiếc bóng bơ-vỡ, thân lưu ở giang biên, mộng ra ngoài thiên-tế. Chậm bề phục-dịch, trần-trọc lo âu, thành thử sinh ra thương cảm. Chỉ chờ hết bề lo lắng, kíp kíp lên đường, ngờ đâu trời chẳng chịu người, hạn tai không tránh khỏi, vừa toan thượng lộ, thì hung tín đã đưa đến nơi. Vật mình tức tối, sống sót bị ai, đã không kịp thấy dung-nhan, khốn nỗi báo đền ân-đức. Nay kính dâng lễ bạc, vọng bái trước xe tang, Nam-Câu một chén rượu sông, tả tình u-uất.

Đời Đường, Trịnh-Điền, tên chữ Thai-Văn, làm tướng triều Hy-Tông. Nguyên trước đội Nam-binh ở ba châu Giao, Quảng và Ung, vận lương do năm đường Lĩnh-Bắc, thuyền bè chuyển vận qua lại, hay bị chìm đắm. Điền xin lấy lợi muối và sắt ở Lĩnh-Nam, giao cho Tiết-Độ Quảng-Châu hằng năm nấu nước biển lấy muối cung cấp cho An-nam, bãi việc vận lương ở mấy châu Kinh, Hồng, quân lương nhờ vậy được đầy đủ. Sau Vương-Sư-Phủ làm Hồng-Quân Phó-Sứ Lĩnh-Nam, xin dừng tiến binh mà hiến tiền thêm hai mươi vạn. Kinh-Lược-Sứ kêu nài rất gắt, nhưng Sư-Phủ thấy lợi như triều-đình, toan đoạt binh-quyền, việc không được, bèn thôi.

Đời Tống, Hứa-Trọng-Tuyên, tên chữ Hy-Xán, người quận Bắc-Hải, Thanh-Châu, đậu tiến-sĩ, được bổ làm chủ-bộ Tào-Châu. Lúc mới tuyển-bổ, được vào tâu việc ở đền riêng của vua. Thái-Tổ nghe tiếng, cất lên làm chức Thái-Tử Trung-Doãn, coi Bắc-Hải quân-khu và làm chức Chinh-Nam Mã-Bộ-Quân Chuyển-Vận-Sứ. Thái-Tông dấy binh đánh Giao-Chi, không được thắng lợi. Trọng-Tuyên cho rằng đất Giao-Chi oi-bức độc-địa, quân lính chưa giao-chiến, mười phần đã chết mất hai ba, tuy đánh hơn cũng không giữ được, bèn dâng sớ điều-trần phản-kháng. Lại e ngày giờ trễ nãi, lập tức tự tiện bãi binh, khiến các quận phát tiền kho cấp thưởng cho quân-sĩ, rồi dâng sớ tự nhận tội kiêu-chiếu (tự tay thay đổi chiếu-chỉ nhà vua) của mình. Vua Thái-Tông khen ngợi, xuống chiếu ban khen. Trọng-Tuyên liền thảo hịch-văn chiêu-dụ cừ-soái Giao-Châu. Giao-Châu muốn nạp lễ xin nội-phụ, lo việc cống-hiến. Trọng-Tuyên được thăng hàm Giám-Nghị đại-phu, lĩnh chức quân-sứ như trước.

Đời Tống, Dương-Hữu, vào khoảng đầu niên-hiệu Thiệu-Hưng (1131), làm Thái-Thú Khâm-Châu. Lúc ấy có sứ Giao-Chi tranh luận về giới-hạn ruộng đất. Hữu cầm một cây thương bằng sắt ở giữa sân và nói rằng: "Nếu muốn tranh địa-giới, thì đánh nhau một trận để quyết hơn thua". Sứ Giao-Châu sợ hãi lui ra. Người trong nước nhớ việc ấy, gọi Dương-Hữu là Dương-Thiết-Thương.

Năm Diên-Hựu thứ 7 (1320) nhà Đại-Nguyên, dân bản cùng ở Hải-Nam bắt con gái của dân-chúng đem vào An-nam bán làm con ở. Quốc-chủ nghe việc ấy, khiến người theo bắt được bọn cướp người và truy hỏi các người bị bán, khiến sứ đưa về phủ Nguyên-Soái ở Hải-Nam.

Thơ đề Vịnh của Danh-hiền các Triều-đại

Thơ của Lục-Sĩ-Hoành tặng Thứ-Sử Giao-Chi là Cố-Bí tự Công-Chân¹

Cố-Hầu gặp buổi thịnh,
Hoạn lộ lướt thanh phong.
Phiên-Hậu² từng vua giúp,
Nam-Châu lại ruổi giông.
Trống vang ngoài năm núi,
Cờ phất vượt muôn trùng.
Dù nhỏ, nên lánh trọc,
Chẳng to, cũng lập công.
Non cao chi ngại vượt,
Bể cả chỉ quanh vòng.
Buồn bã xem điều liệng,
Cờ về nhướng cổ trông.

Thơ của Thẩm-Thuyên-Kỳ khi bị biếm sang Hoan-Châu (Hai Bài)

Bài thứ 1

Nghe đồn Giao-Chỉ quận,

¹ Ở quyển thứ 8 chép là Công-Trực.

² Phiên Hậu là những tước vương gần với Thiên Vương.

Nam với Quán-Hung liên¹
 Ngày lạnh chia mùa ít,
 Mặt trời bổ bóng thiên.
 Úy-Đà từng dựng nước,
 Sĩ-Nhiếp đã xa miền.
 Làng xóm liên nhà ở,
 Ngư diêm nổi nghiệp truyền.
 Người Giao dâng trĩ múa²,
 Tướng Hán ngắm điều lên³
 Đầu bắc sườn non quấy,
 Gió nam mặt biển rền.
 Biệt ly bao quản thán,
 Râu tóc đã kinh niên.
 Thân thuộc than phần số,
 Vợ con cắt nợ duyên.
 Mộng àn, hồn bối rối,
 Sầu chất, bệnh triển miên.
 Thôi chớ muôn hàng lệ,
 Lòng chẳng thấu Hoàng-thiên.
 (Vượt bể vào Long-Biên).

Bài thứ 2

Từ trước nghe đồng trụ,
 Một năm vừa trải qua.
 Đất Lâm-ấp chẳng biết,
 Trời đạo-minh còn xa.
 Bao thuở nhuần mưa móc,
 Bên trời cách Kinh-hoa.
 Nhớ ai lụy chan chứa,
 Tợ suối Nhật-Nam sa.

Thơ của Quyền-Đức-Dư đưa chân Đô-Hộ Bùi-Thái

Bổng đeo Giao-Chỉ ấn,
 Bằng bồi tạm chia tay.
 Quan nhiệm dù xa cách.
 Chúa lo mừng được thay.
 Chu-Diên đường khuất khúc,
 Phi-túy bay liền bày.
 Thuyền đội vượt sóng biển,
 Sinh kỳ cuốn khói mây,
 Cõi xa vén màn thấy,
 Hang núi khói hương bay.
 Bắc-Việt mừng yên ổn,
 Nam-huân sách đức dày.
 Bạ thân than tạm biệt,
 Công lạ chờ có ngày.

¹ Nước người Mán có tục xuyên hông.

² Đời nhà Đường, người Việt đem chim địch (trĩ) vào châu và múa.

³ Mã Viện đời Đông-Hán khi qua đánh Trưng Trắc chưa yên, dưới thì nước lụt, trên thì mây mù, ngựa mặt thấy điều bay sà xuống nước, có ý buồn nhớ quê hương.

Ý-dĩ quà bên ấy,
Ngày về, dám phiền ai.

Thơ của Bì-Nhật-Hưu chê Đô-Hộ Lý-Trác làm việc quan tàn bạo, nơn dân phản loạn

Phượng nam chẳng triều-hồi đô-hộ,
Khiến Giao-Châu một độ ngựa nghiêng.
Kể từ ba bốn năm liền,
Trung-nguyên nhục nhã liên miên lắm hồi.
Kẻ nhu nhược thụt lùi trước trận,
Người oai hùng mấy bận dùng binh.
Quân-nhu hao tổn sinh-linh,
Mấy tay chiếu-tướng mặc tình kiếm ăn.
Nạo xương-tủy nhân-dân quá-mức,
Để đem làm lương-thực quân-nhân.
Hứa-Xương hùng hổ tướng-quân,
Hơn người oai võ mười phần hiên ngang.
Mạnh như gió, kéo sang muôn ky,
Biến thành mây lấp bí giòng sông.
Có người sống sót hồi tông,
Muôn nhà trông thấy hải hùng khóc than.
Tiếng ai oán lan tràn thôn dã,
Khí cảm hờn đầy cả núi hang.
Ngọn cờ tiếng trống bể bàng,
Ai mà nghe thất cho đang tấm lòng?
Biết ai mà thở than cùng?
Dĩnh-Xuyên cổ-lục mấy trùng xa xa.

Bài đàn Việt-Thường của Hàn-Dũ

Mưa phải thì,
Vận tốt tươi,
Nào ta có ý gì với ai?
Từ thuở Thành-Chu,
Chăm chỉ gian lao,
Mở mang bờ cõi,
Lưu truyền đời sau.
Ngày nay Thánh-hoàng,
Ngự trị bốn phương.
Oai linh lừng lẫy
Ai dám khinh thường.
Nhà không bỏ trống,
Ruộng có người cày.
Việt-Thường thần phục,
Bốn bể vui vầy.

Thơ của Hứa-Hôn làm khi lên hầu Ủy-Đà

Hạng, Lưu đương mắng đuổi hươu Tần¹,
Hoàng-ốc nghênh ngang chốn hải-tân.
Cậy sức Nhâm-Ngao từng dựng nước,
Nghe lời Lục-Giả lại xưng thần.

¹ Lưu Bang và Hạng Vũ nổi lên tranh thiên hạ của nhà Tần ví như giành nhau một con hươu.

Thơ Lý-Sinh tiễn bạn đi Lĩnh-Nam

Xa khơi non nước cõi Giao-Châu,
 Thương kẻ năm tàn ruổi vó câu.
 Bên biển Tạ-Công ngồi chất bạc,
 Trên đài vua Việt thoáng nhìn trâu.
 Lều tranh vượn hú trắng soi sáng,
 Nhà đá cây già khói tỏa thu.
 Ngảnh mặt Trường-An nửa vụn dậm,
 Gốc đồng bóng mát chớ yêm lưu.

Thơ của Trương-Tịch chơi núi tặng thầy tu quận Nhật-Nam

Trong núi một sư già,
 Cửa tùng khép mưa sa.
 Dở kính trên lá chuối,
 Rủ áo dưới bông la¹
 Xây đá mới đào giếng,
 Phá rừng tự trồng trà,
 Hải-nam có khách đến,
 Trăm tiếng thổ, hỏi nhà.

Thơ của Tư-Mã để đèn thờ Phục-Ba

Biển Nam ban lệnh Hán,
 Rừng Uất đuổi binh Mường.
 Đồng-trụ chia biên-giới,
 Hoàng-kim cống quân-vương.
 Ý gian-thần đã trái,
 Lòng báo-quốc ai thương.
 Lam-chướng đành trôi giạt,
 Trung dũng một hòm xương.

Tặng-Uyên-Tử khách-ngụ An-Nam, thấy Tiên-Phụng-Sứ về, khẩu chiếm bốn câu

An-nam ai bảo xa xăm,
 Kế-Châu có kẻ hằng năm đi về.
 Giang-Nam, Giang-Bắc bạn bè,
 Ba năm thư-tín, chẳng hề gửi thăm.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Lục Chung

¹ Bông đăng la.

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Thất

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Thơ của các danh-nhân đi sứ An-nam, từ niên-hiệu Chí-Nguyên trở xuống

Thị-Lang Lý-Tư-Diển hiệu Vũ-Sơn

Thơ làm trong tiệc theo lời yêu-cầu của Thế-Tử

Bài I

Càn-khôn nay gặp hội trinh-nguyên,
Trắng sáng lâu lâu, chướng-khí tan.
Cối bắc ruồi sao ban cáo-mệnh,
Trời nam xuân tỏa khắp giang-san.
Cảm-thông thờ chúa lòng tua kính,
Kiêng sợ oai trời nước mới an.
Quy thuận nay mai châu Tử-bệ
Non mòn biển cạn vững muôn ngàn.

Bài-thơ này Thế-Tử họa vần ngay trong tiệc rượu, có hai câu như sau:

"Tự thẹn không tài may được đất,
Chỉ nhân hay ốm lỗi châu trời".

Bài II

Mưa móc ớn trên khắp dẫy đây
Chiếu son phượng ngậm¹ xuống từng mây.
Chiến-trần rửa sạch sông Ngân-Hán²,
Hòa-khí lan tràn chốn hải-nhai.
Tỏ rõ thư Văn³ ban một lá,
So bằng đàn Thuấn⁴ gãy năm dây.
Trời che đất chở nam như bắc,
Chẳng sợ vân lôi⁵ lại có ngày.

Thế-Tử tặng vàng bạc. Tư-Diển khước từ. Thế-Tử nhắc tích Lục-Giả ngày xưa đi sứ, Triệu-Đà cũng tặng vàng bạc, v.v..., ân cần nài ép. Tư-Diển bèn làm một bài thơ từ tạ như sau:

¹ Thạch Quý Long đời Hậu-Triệu, khiến chạm một con phượng bằng gỗ, miệng ngậm chiếu thư ban bố cho thiên hạ.

² Chiến trần nghĩa là bụi chiến tranh. Câu này ý nói kéo sông Ngân Hà xuống để rửa giáp binh, nghĩa là thiên hạ thái bình, dẹp việc chiến tranh.

³ Hán Văn Đế chỉ ban một lá chiếu thư mà Triệu Đà xưng thần phụng cống.

⁴ Vua Thuấn ôm đàn gảy khúc Nam Huân mà muôn dân được thái bình an lạc.

⁵ Ý nói từ nay khỏi lo Thiên Tử ra oai sấm sét mà gia phạt như trước nữa.

Lời vàng căn-dặn lúc lên đường,
 Chín bệ vì dân nặng xót thương.
 Yên Thục, Tương-Như vâng thảo hịch¹,
 Sứ Nam, Lục-Giả há tham vàng.
 Tuyết băng trong trắng lòng thần-tử,
 Trời đất sinh thành, lượng đế-vương.
 Ao ước từ nay trời thuận ý,
 Thê hàng² chúc cống mỗi năm thường.

Quan kỳ (xem đánh cờ)

Tréo bàn ngồi mát lúc ban trưa,
 Cao thấp xem chơi một cuộc cờ.
 Vô trắng, trầu xanh, cau lại dẻo,
 Nhà ai hoa bưởi nước thơm đưa.

(Hoa bưởi An-nam rất thơm như hoa lài, Lĩnh-Bắc không có thứ hoa ấy).

Nho-Học đề-cử Từ-Minh-Thiện (giúp Vũ-Sơn đi sứ Giao-Châu, đêm xuân ngồi xem đánh cờ, tặng Thế-Tử một bài thơ).

Xanh um đình viện, nguyệt lầu lầu,
 Người dưới trời con chiếm một bầu.
 Đuốc đỏ một bàn ngồi xúm xít,
 Mây xanh muôn trượng nghĩ đầu đầu.
 Ai ngăn lỡ nước người trong cuộc,
 Nhờ có khoanh tay khách ngoại châu.
 Thẳng trận khoe-khoang binh tối kỹ,
 Muốn bày cuộc khác ngại canh trâu.

Thượng-thư Trương-Hiến-Khanh

Ngắm cảnh trời hôm khói mịt mờ,
 Xa nơi thành-thị đỡ huyên-hoa.
 Quạnh hiu đình viện không bao sở,
 Tươi tốt vườn cây chỉ một nhà.
 Thiên-Hán bến nam tuôn mạch nước,
 Mộc-miên cây lớn trở cành hoa.
 An-nam tuy nhỏ văn-chương thịnh,
 Ếch giếng, khuyên đừng chế giễu ngoa.

Thượng-Thơ Lương-Công-Phụ ăn trái vải ngẫu đề

Chỉ một đôi ngày đổi sắc hương,
 Phải nghìn vạn dặm trạm băng đường,
 Hoàng-triều chỉ trách bao-mao lễ³.
 Vô ích làm chi việc Hán, Đường⁴.

Lang-Trung Trần-Cương-Trung (2 bài)

¹ Đời nhà Hán, Tư Mã Tương Như thảo hịch văn chiêu an người Thục.

² Thê là cái thang, hàng là đi thuyền, ý nói cống sứ phải trèo non vượt bể.

³ Bao mao là cỏ ống. Nước nhỏ không có của báu cống hiến, thì cống một xe cỏ bao mao, để Thiên Tử dùng trong việc tế lễ.

⁴ Thời nhà Hán và nhà Đường, Giao Chi phải cống trái vải.

Bà I

Mẹ già Nam-Việt phơ đầu bạc,
 Vợ ốm Bắc-Yên đợi bóng tà.
 Mưa chướng mây mù, Giao-Chỉ khách,
 Mộng hồn chung một, xứ chia ba.

Bà II

Từ giả Giao-Châu để thơ cho Đinh-Thiếu-Bảo

Mưa gió theo xe khói tỏa màn,
 Cánh bằng há chỉ dặm ba ngàn,
 Qua nam Ma-Cật còn vương bệnh¹,
 Về Bắc Đạt-Ma lại nhớ thiên².
 Đồng trụ tâm thường vâng sứ tiết,
 Ngọc-giai gang tấc đối thiên-nhan.
 Chia tay chẳng có lời chi dặn,
 Gắng tỏ nghìn thu một tấm đan.

Thị-Lang Lý-Trọng-Tân họa thơ của Thế-Tử Động-Diệu Tự-Chân

Giống rồng tiếng nổi thuở còn măng,
 Đất mới nứt lên đã vẽ vằn.
 Một buổi châu trời bèn hóa trúc,
 Tinh-thần vượt hẳn gấp trăm lần.

Thị-Trung Tiêu-Phương-Nhai họa thơ của Thế-Tử

Tiệc khách mưa xuân lấm tẩm rơi,
 Đường về giục giã ngựa tra roi.
 Từ nay Nam-Thổ thêm vui vẻ,
 Nghiêu-Đế mừng chung đội một trời.

Thị-Lang Lý-Cảnh-Sơn

Đi từ đế-khuyết đến thiên-nhai,
 Chín vạn bằng-trình khoái vượt bay.
 Khấp chốn xa xuôi làn gió mát,
 Trên đường giọng ruổi bóng xuân chầy.
 Nhân-tâm thiên-ý nào ai biết,
 Lịch-số âu-ca sẵn có đày.
 Chúa thánh yêu dân như trứng mền,
 Lựa chi lo lắng phải nhần mày.

Lang-Trung Đỗ-Hy-Vọng

Thế-phượng năm mây ngậm chiếu trời,
 An-nam vâng sứ cõi xa khơi,
 Liệng bay may đã theo rồng được,
 Quắc thước còn kham nhày ngựa chơi.
 Non nước xứ người vui vịnh cảnh,
 Tôi con nước mọn cúi nghe lời.

¹ Ma Cật tức Duy Ma Cật, nhà cư sĩ danh tiếng, lúc đức Phật còn tại thế. Tiếng Phạn nghĩa là "Tịnh danh".

² Đạt Ma tức Bồ Tát Đạt Ma, nghĩa là "Giác Pháp" hay "Đạo Pháp", ông tổ đầu tiên của phái "Thiền Tông Đông Thổ".

Về triều, mệnh chúa may không nhục,
Lều cỏ non xanh cũng thành thời.

Lang-Trung Văn-Tử-Phương

Bài I

Đức nhuần Chí-trị¹ hội phi-long,
Muôn dặm Nam-bang sứ ruổi giông,
Vương-Chính giữa trời nêu nhật nguyệt²
Đức-âm³ khắp đất dậy lời phong.
Nước phiên kính cẩn không cần lễ⁴
Lượng thánh gần xa chẳng khác lòng.
Cho biết ý người ai cũng vậy⁵,
Cống triều chi sá vượt non sông.

Bài II

Tặng Thế-Tử Thái-Hư-Tử⁶

Văn-Chương Thế-Tử nổi tinh-thần,
Áo mào khoan thai rủ bội-thần⁷
Quỳ nở vườn tiên nghiêng bóng nhật,
Quỳnh trồng đất biển đượm màu xuân.
Thềm rồng lần bước vâng minh-chiếu,
Lễ lớn phô bày tiếp thượng-tân.
Từ ấy vua tôi gìn đất nước,
Việt-Nam mãi mãi đội thiên-ân.

Lang-Trung Dương-Đình-Trần đáp vận Thái-Tử Thế-Tử.

Sứ-thiều hải-quốc thẳng đường giông,
Gió bắc heo heo khí lạnh lòng.
Báo trước tin xuân, sông núi đẹp,
Thấm sâu ơn chúa, trẻ già mong.
Đức-Châu hằng tụng thơ Lang-Bạch⁸,
Trời Sở xa đưa chiếu phụng hồng.
Truyền nổi trải đời ngay với chúa,
Đất trời soi thấu tấm lòng trung.

Lang-Trung Triệu-Tử-Kỳ họa vận Thái-Tử Thế-Tử

Sáng ngời sáng tuyết đội Tam-san⁹,

¹ Chí Trị: niên hiệu vua Anh Tông nhà Nguyên lúc ấy mới lên ngôi.

² Ban vương chính tức là lễ ban chính sóc, cử hành vào ngày 1 tháng 12 mỗi năm, để ban lịch năm mới.

³ Lời ân chiếu của nhà vua.

⁴ Ý nói theo phong tục từng nước, không cần phiên trách lễ nghi.

⁵ Tã truyện có câu: "vật vật các hữu quan".

⁶ Túc vua Minh-Tông nhà Trần.

⁷ Dải ngọc.

⁸ Kinh Thi: Thơ Bạch Lang tụng công đức nhà Châu.

⁹ Ba hòn núi thần tiên ngoài bể, cũng gọi là Tam Hồ: Phương Hồ, Bồng Hồ và Doanh Hồ

Một buổi xe rồng xuống thế-gian.
 Chiu chít bóng dâm kê hạc nội¹,
 Lững lơ sườn núi tỏa mây nhàn².
 Sửa sang việc nước thừa thông thả,
 Đẹp để lời văn khéo dệt đan.
 Tiếp đón hôm qua trên tiệc ngọc,
 Biệt ly chi tiết nổi bàng hoàng.

Lang-Trung Trí-Tử-Nguyên đáp vãn (Hai bài)

Bài I

Họa vãn Thái-Tử

Chúa thánh lên ngôi báu,
 Ơn sâu xuống cõi xa.
 Chín trùng ban chính-sóc,
 Muôn dặm lắng đàn hòa.
 Nhật nguyệt giữa trời sáng,
 Gió xuân khắp xứ qua.
 Nhân ân đồng một loạt,
 Trân trọng yêu dân ta.

Bài II

Mừng trời mưa ở An-Nam

Đơn phụng mang thư xuống cứu-tiên³,
 Cõi xa ác-khí đã ngấm tiêu.
 Móc mưa trời đất thông nguyên-khí,
 Mây gió non sông ruổi sứ-thiều⁴.
 Thuyền chiến Dương-Công⁵ không phải tiến,
 Trụ đồng Mã-tướng chẳng cần nêu
 Cho hay ơn thánh đôi dào khắp,
 Xanh mướt đầy đồng ngọn lúa miêu.

Quảng-Châu Giác-Thụ Phó-Nhược-Kim (Hai bài)

(Ông này giúp Thượng-thư Thiết-Trụ đi sứ An-nam).

Bài I

Mùa đông vào nước Việt,
 Vùng mây đón sứ-thiều.
 Tên quận đời Tần đặt,
 Trụ đồng tướng Hán nêu,
 Đường sông mặng mới mọc,
 Ruộng núi lúa vừa cao.
 Gần xa ơn nhuần thấm,
 Hành-dịch dấm từ-lao.

¹ Quẻ trung-phu Kinh Dịch có câu: "Minh hạc tại âm, kỳ tử họa chi". Nghĩa là chim hạc kê trong bóng dâm, có hạc con kê theo. Ý câu thơ này nói: Thế Tử đã có con hiền nổi nghiệp.

² Câu thơ này ý nói: "Thế Tử đã truyền ngôi cho con để an hưởng thanh nhàn.

³ Cứu tiêu là chín tầng mây.

⁴ Xe sứ giả.

⁵ Hán Vũ-Đế sai Dương-Bộc đem một đội lâu thuyền qua đánh Nam-Việt.

Bài II

Thơ Chí-Hỷ

Nguyên-Thống ba năm ban chính-sóc¹
 Cực-nam muôn dặm mở thư phong.
 Vào doanh, cờ sứ mây lay động,
 Đón bến, tàn tiên bóng trập trùng.
 Dụ Thực, Tương-Như không tốn giấy,
 Triều-Châu, Việt-sứ tự vui lòng.
 Về nhà kỳ lão ai thăm hỏi,
 Văn-hóa ngày nay bốn bể thông.

Những bài tựa và thơ của các quan Hàn-Lâm-Viện đưa tặng Sứ-giả

Bài tựa của Hàn-Lâm Học-Sĩ Lý-Khiêm, hiệu Thụ-Ích, đưa Thượng-Thơ Sài-Trang-Khanh.

Năm Chí-Nguyên thứ 15 (1278), An-nam quốc-vương dâng biểu thác cố vì bận lo đề phòng nước láng giềng xâm lấn, không thể vào triều-kiến. Quốc-Vương mất, Thế-Tử tự lập, không chờ xin mệnh-lệnh Thiên-Tử.

Triều-đình bàn khiến sứ, nhưng khó chọn người. Vừa gặp An-Vũ-Sứ Kim-Sĩ Sài-Trang-Khanh², từ Vân-Nam về, các đại thần đều tiến cử tài của ông. Vua vờ vào hỏi, biết rằng phụ huynh của Sài-Công đều là tôi cũ của triều-đình, và Sài-Công tâm đổi, lời ý khẳng-khái, thông thạo phong-thổ An-nam. Tức thì vua gia phong làm Lễ-Bộ Thượng-Thư; khiến đi sứ, ban cho áo gấm, cung tên, yên ngựa, để cho cuộc hành trình thêm phần vẻ vang. Trang-khanh đến An-nam, tuyên ý-chỉ nhà vua, khuyên dụ hai ba lần, nhưng quốc-vương chấp nệ, chẳng tỉnh-ngộ, rốt cuộc không có ý muốn lai triều. Trang-Khanh trở về, Hoàng-thượng chẳng nỡ gia-binh, xuống chiếu dụ mong vua An-nam lai triều, Tranh-Khanh trong ba năm ba lần qua lại. Năm ấy người vào châu là Trần-Di-Ái, em của quốc-vương và chú của Thế-Tử hiện nay.

Hoàng-thượng bảo rằng: "Đó là Thế-tử trái mệnh, chứ người nước ấy nào có tội gì, nên cho Di-Ái làm vua để yên vỗ dân", bèn ban sách-mệnh cho Trang-Khanh làm chức Tuyên-Uý-Sứ Đô-Nguyên-Soái, đem binh hộ-tống Di-Ái về nước. Lúc sắp đi, các quan Hàn-Lâm-Viện đều làm thơ tổng tiến. Tôi may được dự một chức trong Viện Hàn-Lâm thường những chiếu-dụ, biểu-chương, đều có dự nghe, bèn thuật lại công việc và kính tặng mấy lời như sau: "Từ xưa chẳng phải có nhân-tài là khó, mà chọn nhân-tài mới là việc không phải dễ-dàng. Nay chúa-thượng biết Trang-Khanh là người thuần-hậu, lanh lợi, học rộng biết nhiều, đủ sức đảm nhận trọng trách; đi sứ bốn phương, không nhục mệnh nhà vua, cho nên ký thác việc biên-thùy, ủy-nhiệm sứ-mệnh ở nơi tuyệt-vực, phàm các việc quân-lữ, đều được tự ý điều-khiển, lại lấy Chấn-Văn Lý-Công làm tá-nhi, Phi-nhi Lý-Quân làm tham tán, chọn tài như vậy, thực là tinh-tế.

Trang-Khanh hãy đi cho khỏi phụ ý lựa chọn của Thánh-Thiên-Tử, khỏi phụ lòng kỳ-vọng của hàng Công-Khanh, chiêu-dụ vỗ yên, chính do ở chuyến đi này. Vài hôm nữa, tôi sẽ đón chờ Hiền-Công ở ngoài cửa đô-môn mà mừng rằng: "Chung-quân³, Lục-Giả⁴ không chuyên chiếm tiếng tốt ở ngày xưa".

Ngày tháng 11 năm Chí-Nguyên thứ 18 (1281).

Thơ tặng của Hàn-Lâm Thừa-Chi Vương-Bàn hiệu Lộc-Am

¹ Nguyên-Thống là niên hiệu của Thuận-Tông nhà Nguyên, nhưng chỉ có hai năm (1333-1334), qua năm sau đổi là Chí-Nguyên.

² Tức Sài Thung.

³ Chung Quân đời Hán xin qua đánh Nam Việt.

⁴ Lục Giả đi sứ Nam Việt, khiến Triệu Đà xưng thần.

Xe Sài Thượng-thơ lướt viễn-phương,
 Đầm rồng hang hổ tợ đường trường.
 Đơn thanh rạn vẽ sứ ngoại-quốc,
 Chẳng kém Hán-triều Tô¹ với Trương²
 Cung-sơn Lý-Sinh có mưu-trí,
 Cầm roi giong ruổi một con đường.
 Sao cho ơn chúa khắp vũ-trụ,
 Của quý không cần nạp Đế-hương.

Hàn-Lâm Thừa-Chỉ Cao-Đường Diêm-Phục tự Tử-Tĩnh³

Sài-Hầu quyết hiến mình cho nước,
 Chí-khí sao rất mực thâm thuần!
 Anh em tuyệt-vức liều thân!
 Ốc-Nhai⁴ một cặp ngọc-lân khác nào.
 Nói cười được phong hầu "Vạn-lý"⁵
 Tuốt gươm xông hùm-khí lên trời.
 Đường nguy dong ruổi như chơi,
 Ở nơi khách-địa như nơi xóm làng.
 Chí-Nguyên⁶ đã hà hoang yên đẹp,
 Bốn phương đều khép nép xưng thần.
 Cớ sao trái mệnh ba lần⁷,
 Cho nên phũ-lập nguyên-nhân rõ ràng⁸.
 Bỏ lột vảy thay bằng xiêm áo⁹,
 Chủ quân dân trên đảo man-di.
 Đường hoàng rạn vẽ uy nghi,
 Ngựa trông giúp đỡ lấy vì nhân-quân.

Hàn-Lâm Học-Sĩ Vương-Cầu, tự là Khẳng-Đường

Thượng-Khanh phong chức buổi vào châu,
 Sang sứ An-nam nắm tiết mao¹⁰.
 Xanh ngắt nội rồng¹¹ sao sứ rạn,
 Tít mù đường nhận vó câu mau.
 Mây hồ khói đảo đều tan sạch,
 Chuột trộm beo tham thảy cúi đầu.
 Hộ-tổng, Nam-Vương đi trước ngựa,
 Cha con buộc chặt mối tình sâu.

¹ Tô Vũ sứ Hung Nô.

² Trương Khiên sứ Tây Vực.

³ Nguyên trước chép Diên Thuần, ông Trúc Đình chữa lại Diêm Phục.

⁴ Sông Ốc Nhai, nay ở tỉnh Cam Túc, theo sách Sử ký, sông ấy có thần mã.

⁵ Hậu-Hán-Thư Liệt-Truyện chép: Ban-Siêm hàm én cổ hùm, bay đi ăn thịt, có tướng mạo được phong "Vạn Lý Hầu".

⁶ Niên hiệu vua Thế-Tổ nhà Nguyên.

⁷ Vua nhà Trần đã ba lần bị vờ mà không vào châu.

⁸ Nhà Nguyên phong Trần-Di-Ái làm An-nam quốc vương, sai Sài-Thung hộ tổng về nước.

⁹ Ý nói đổi tục Man-Di theo tục Trung-Quốc.

¹⁰ Tiết là cờ tiết, mao là chùm lông kết ở đầu cờ tiết, phù hiệu của sứ thần.

¹¹ Rồng xanh thuộc về phương Đông.

Hàn-Lâm Học-Sĩ Hồ-Chi-Duật tự là Thiệu-Văn

Viêm-phương cách vạ dậm,
Xe lọng bao giờ về?
Hải-quốc khen tiết thẳng,
Giang-thần phục tài kỳ¹
Hết lòng lập công lạ,
Muốn mở rộng biên-thùy.
Tre lụu lưu tên họ²,
Đời người cũng sướng ghê.

Tập-Hiên Học-Sĩ Lương-Tăng tự Cống-Phủ

Sắt đá lòng trung mảnh giấy tinh,
Phẩm người cao quý cửa trâm anh,
Bên trời Tô-Vũ toàn danh-tiết,
Góc bể Trương-Khiên ruỗi sứ trình.
Đồng-trụ trắng cao đề tuyệt cú,
Đế-thành hoa nở đón qui-sinh.
An-nam tuy nhỏ văn-chương thịnh,
Ếch giếng xem trời chớ vội khinh.

Quốc-Phó Kiến-An Vương-Tái

Vàng đá lòng đờn động chín trùng³
Ngựa quen lối cũ thẳng đường giông.
Xe không ý-dĩ lòng liêm tỏ⁴,
Lễ có bao-mao chức-vụ xong⁵.
Tay chỉ địa-đồ triều bắc-khuyết,
Miệng truyền thiên-chiếu đến Nam-Ngung.
Chung-quân chẳng đợi xin dây lụu⁶,
Muôn dậm Ban-Sinh thỏa vẫy vùng⁷.

Học-Sĩ Vương-Chi-Cương tự Tử-Duy.

Tam-tích ơn trên hậu lễ-nghi⁸,
Anh em quý hiển họ tên ghi,
Một nhà trung-nghĩa từ xưa hiếm,
Nghìn thuở sủng-vinh mấy kẻ bì.
Tuổi-trẻ đã hay tròn tiết-nghĩa,
Phương xa vốn sẵn phục phong-uy.
Từ nay làng nước cao danh vọng,
Tiếng tốt đời đời để lụu tre.

¹ Đường Vương Bột đi qua Nam Việt. Giang thần (thần ở sông) biết Bột có kỳ tài, giúp một đốm gió cho mau tới, để làm bài tựa Đăng Vương Các.

² Đời xưa không có giấy, người ta dùng tre và lụu để viết sách.

³ Nguyên Hán văn là "Táo Lưu" nghĩa là dải mào của Thiên Tử.

⁴ Xem chú thích các bài trước.

⁵ Xem chú thích các bài trước.

⁶ Chung Quân xin dây lụu đi bắt vua nước Việt.

⁷ Ban Siêu: xem chú thích bài trước.

⁸ Tam tích: vua ban cho ba món: cung tên, yên ngựa, áo bạc.

Yên-Sơn Dũ-Thái

Nghe nói Giao-Châu xa tuyệt vời,
 Tướng-quân ruổi ngựa một phen chơi,
 Khoán vàng lóng lánh, hùm trướng mắt,
 Chiêu ngọc thơm tho, phụng ngâm lời.
 Nghìn núi chông gai thanh kiếm mở,
 Chín khe sương khói cánh buồm bay.
 Ra đi mệnh chúa tua ghi nhớ,
 Và lại tây-nam nửa góc trời

Vương-Hy-Hiền

Tinh, U dòng tướng đấng anh-hào¹,
 Chí tiết lòng mây vạn trượng cao.
 Muôn đội ơn trên đeo hổ ấn²,
 Một gieo non Thái nhẹ hồng mao³.
 Dãi là trói Việt xem như bỡn⁴,
 Tắc lưỡi ép Tần chẳng khó nao⁵.
 Muôn dặm rung cương người tiến bước,
 Già đời bọn tố chỉ ngâm khào.

Di-Môn Lý-Thanh (Hai bài)**Bài I**

Cành nam truyền hịch sứ-thần qua,
 Hơn hẳn ngày xưa Mã-Phục-Ba.
 Thuyết-phục phương xa dùng đức hóa,
 Năm khe hà tất động can qua.

Bài II

Khác người khác tiếng há vô tình,
 Cũng hiểu gặp nhau nói thái-bình.
 Ta có một lời, ông thử nghiệm,
 Xưa nay Định-viễn vốn thư-sinh⁶.

Lý-Hoàng

Văn-hóa ngày nay bốn bể đồng,
 An-nam vốn thuộc bản-đồ chung.
 Chín tầng chọn khiến hoàng-hoa sứ,
 Muôn nước châu về Tử-cực cung.
 Bác-vọng người xưa mừng lại gặp⁷,
 Quế-Lâm đường cũ vẫn còn thông.

¹ Sài Thung người ở Châu U, châu Tinh phương bắc nước Tàu.

² Hồ phù là ấn tướng quân.

³ Hồng mao là lông chim.

⁴ Chung Quân xin dãi lụa dài để bắt vua nước Việt.

⁵ Lăn-Tương-Như uốn ba tấc lưỡi, thuyết phục nước Tần.

⁶ Ban Siêu đời nhà Hán được phong làm Định Viễn Hầu.

⁷ Bác Vọng Hầu là Trương Khiên đời nhà Hán. Câu thơ này ý nói: Sài Thung nay đi sứ An nam lần thứ hai, cũng như Trương Khiên hai lần đi sứ Tây vục.

Trung-nguyên xuân đến hoa như gấm,
Khuyên chớ yêm-lưu dưới gốc đồng¹.

Hà-Nam Hâu-Tông-Lễ

Quy lạy Thiên-triều, bậc thượng-khanh,
Lại cầm cờ tiết sứ Nam-thành.
Vài hàng đơn-chiều nghìn cân nặng,
Muôn học minh-châu một mảy khinh.
Chỉ cốt bao dung khoan độ lượng,
Chẳng cần lời lẽ sính tung hoành.
An-nam Thế-Tử đừng lo ngại,
Sớm-sớm giọng cương đến Đế-Kinh.

Đàm-Hoài-Hâu Khiêm

Nhẹ vó câu dòn lướt gió thu,
Áo thêu đeo ấn hổ-kim-phù.
Gìn lòng trung-nghĩa thờ vua chúa,
Rạng cửa y-quan đủ sắc màu.
Cờ sứ Tô-Công nay tạm biệt,
Danh thơm Mã-Tướng ắt về sau.
Đáng cười bọn tớ tình nhi-nữ,
Quanh quần già đời chẳng biết đâu.

Hai bài tứ-tuyệt của Hàn-Lâm thừa-chỉ Cửu-Môn Đổng-Văn-Dụng đưa Lý-Vũ-Sơn

Bài I

Mấy độ chiến-tranh ngọn sóng tràn,
Lão-thần một tiếng Mán Mường an,
Chúa ta phước lớn như trời bể,
Phía bắc lâu cao hứng gió nhàn.

Bài II

Đông-Chiết² sinh-dân đợi Tử-Ông³,
Tử-Ông tâm-sự với trời thông.
Nhớ đem một quyển Giao-Châu Cảo,
Khắc ở Thiên-Thai đỉnh Nhạn-hồng⁴.

Hàn-Lâm Thừa-Chỉ Cao-Đường Diêm-Phục

Sứ-thiều năm trước ruổi phượng xa,
Tiết phụng đường đường chúng ngợ ca.
Muôn dặm Chu-Nha như vẫy vục,
Một sông Ngân-Hán vượt tinh-sà⁵.

¹ Xem bài thơ của Lý Sinh, đưa người bạn đi Lĩnh Nam.

² Chiết Giang là một tỉnh duyên hải ở phía đông nam nước Tàu. Nguyên đời Đường gọi là Chiết Giang, Đông và Tây Đạo, đời Tống chia làm hai lộ Chiết Đông và Chiết Tây.

³ Điểm này chưa rõ.

⁴ Núi Thiên-Thai ở phía bắc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, ở vào khoảng sao đầu và sao ngư, ứng với sao Thai, nên gọi tên như vậy. Núi Nhạn Đẳng ở phía nam huyện Lạc Thanh tỉnh Chiết Giang, trên đỉnh cao nhất có một hồ nước không bao giờ khô, mùa xuân chim hồng nhạn thường về đậu đó, nên gọi tên là Nhạn Đẳng.

⁵ Sà là cái bè, cỡi bè đi qua sông Ngân Hán, tức đi sứ phương xa.

Chuyển-du đã nghỉ nơi Nam-quận¹,
 Khói lửa vừa yên chốn Hải-Nha.
 Mang đày trở về châu chúa-thượng,
 Lại vâng ân-chiếu xứng Hoàng-hoa².

Bài tựa của Trương-Bá-Thuyền, Hàn-Lâm Học-Sĩ, người Gia-Hưng, tiền thân Lý-Trọng-Tân và Tiêu-Phượng-Nhai.

An-nam là đất Việt ngày xưa, tuy ở ngoài Cửu Châu, nhưng có lẽ cũng thuộc bản-đồ của vua Hạ-Vũ. Từ xưa đặt Thứ-sử, thái-thứ cai-trị, triêm-nhiệm văn-hóa, cho nên phong-tục cũng có văn-vật, không đến nỗi chẳng biết nghĩa lý về việc tôn vua và thân kẻ trên. Thế mà từ ngày liệt vào hàng phiên-thuộc Nguyên-Triều đến nay, nghĩa vụ thân-thượng sự-quân, có phần không được tỏ rõ. Vì vậy triều đình phải khiến sứ qua lại luôn luôn. Và đường đường quốc-gia của chúng ta, đối với mảnh đất nhỏ xíu ấy, há lại bỏ sót. Đại-để, phương-pháp làm cho kẻ xa thân phục, một là dùng đức, hai là dùng oai; dùng đức là việc đầu tiên của Thánh-nhân, dùng oai chỉ là một việc bất-đắc-dĩ. Vua Thuần ban bổ Văn-đức ở hai bên thêm, vua Văn-vương sửa sang giáo-hóa mà bốn phương thầy đều phục tùng. Nay Thiên-tử chính ngự ngôi rồng, nhuần ơn mưa móc, chẳng vì nước An-nam xa xuôi mà bỏ rơi. Vì muốn tuyên-bố đức-âm, cho nên khiến Lễ-Bộ Thị-Lang Lý-Quân Trọng-Tân làm sứ-giã, phó sứ thì dùng Binh-bộ Lang-trung Tiêu-Quân Tắc-bình, thực đã chọn người xứng đáng vậy.

Mọi người đều bảo chuyến đi này dễ, riêng tôi lại cho là khó. Vì sao mà bảo khó? Trước đây, các sứ-giã đi qua nước ấy, ai cũng đem nghĩa quân thân, cơ họa phúc ra hiểu dụ, nếu vua nước ấy có lòng sợ mà nghe, thì nói để đất lời, nếu chẳng thế, thì họ lại trở về báo-cáo, thế là hết trách-nhiệm, còn xử-trí cách nào, đã có quốc-gia. Nay hai ông vượt mấy nghìn dặm, mang một phong thư, phải làm sao mở đường cái quá tự tâm cho nước ấy. Nếu ù-ù ra đi, rồi ù-ù trở về thì ai đi chẳng được, cần chi dùng đến chúng ta. Và lại nhân-tình sau khi lo lắng, bỗng thấy mình được không lỗi thì chẳng xiết mừng, nhưng mừng lại sinh ra khinh mạn. Nay ta nhân lúc chúng đương mừng, làm sao cho chúng bỏ lòng trì-nghi để đi theo đường mới, thế mới khỏi then với sứ-mệnh hoàng-hoa của chúng ta. Trọng-Tân từng ở ban thượng-thư-lang, Tắc-Bình sung chức phó-sứ hai lần, bình-tổ học hành những gì? Nay hai ông ra đi, một lòng trung-ngĩa, không quản đến việc riêng mình và không có thái-độ đa ngôn trong khi vào trực vua, chắc chắn thế nào cũng làm xong công việc mà người khác cho là khó làm. Trong tiệc khách không nỡ nghe hát khúc Dương-Quan³, lại không thể bắt chước các bạn chúc lời mạnh giỏi, tỏ ý nhớ nhung, tôi xin viết mấy hàng này để tiễn biệt.

Ngày 1 tháng 7 năm Chí-Nguyên thứ 31 (1294), viết tại nhà Ngọc-Đường (tức Hàn-Lâm-Viện) tại Thượng-Đô.

Nội-Hàn Dương-Tái tự Trọng-Hoàng đưa Lý-Thị-Làng.

Trời chín thu sắc muện⁴,
 Đường muôn dặm đưa chàng,
 Mây hàn đầu ngựa dậy,
 Gươm báu giắt lưng ngang.
 Tuyên đọc chiếu thiên-tử,
 Yên lòng người viễn-bang.
 Một ngày tan khí nóng,
 Thẳng ruổi bến Man-Giang.

¹ Câu này tác giả nói Lý Vũ Sơn vừa làm Chuyển Vận Sứ ở Giang Nam về, nay lại đi sứ Nam Việt.

² Hoàng Hoa là một thiên trong Kinh Thi, dùng để khiến sứ thần.

³ Dương Quan Khúc là bài hát tiễn biệt, nguyên Vương Duy đời Đường đưa bạn là Nguyên Nhị đi sứ An Tây có câu thơ rằng: "Vị Thành triều vũ ập khinh trần, khách xá thanh thanh liễu sắc tân, khuyến quân cánh tân nhất bôi tửu, tây xuất Dương Quan vô cố nhân". Đời sau đem bài thơ ấy vào nhạc phủ để làm bài hát tiễn biệt.

⁴ Chín thu là cuối thu, đã gần hết 90 ngày.

Hàn-Lâm Thừa-Chỉ Đổng-Văn-Dụng tống biệt Tiêu-Lang-Trung

Ô-đài bỏ trống rêu phong¹,
 Tư-nông² một lúc, Ngao-Phong³ lại về.
 Vui thay! gặp gỡ bạn bè,
 Việc đời trái ý có hề chi đâu.
 Thương dân ơn chúa cao sâu,
 Chinh-man chưa nở thuyền lâu xuất quân.
 Xưa nay lựa sứ khó khăn,
 Ung-dung lễ mạo, Tiêu-quân đáng người.
 Nói năng, văn-học đủ tài,
 Tế-thần trông thấy liền ngay gạt đầu.
 An-nam nhỏ bé chư-hầu,
 Sớm về cửa khuyết vào châu Thánh-quân.

Hàn-Lâm Thừa-Chỉ Tín-Nhữ-Triệu

Chỉ tuyển lựa chọn sứ Nam-Bang,
 Lục-Nhất tiên-sinh tiếng dậy làng⁴
 Sao tỏ trời thu ân-sững mới,
 Gió thanh bể chướng phẩm đề sang.
 Hai thêm can-vũ văn-minh rạng⁵,
 Muôn dặm non sông chiếu-chỉ ban.
 Một tiếng cảm-thông người khác tục,
 Liềm đem ngọc lựa tới Đồ-San⁶.

Hai bài tứ-tuyệt của Tập-Hiên Học-Sĩ Hà-Đông Tống-Bộ.**Bài I**

Khoan nhân đức độ sánh Đường Nghiêu,
 Ân-huệ vừa ban chiếu Thánh-triều.
 Kén chọn anh-tài sung sứ-bộ,
 Không hề phân biệt chỗ hoang yêu⁷.

Bài II

Bể nam người Việt tự làm ăn,
 Vốn chẳng phiền chi đến sứ-thần.
 Linh thú hai ban đều bãi bỏ,
 Hán-triều nhân hậu có vua Văn.

¹ Trong phủ của quan Ngự Sử xưa có một hàng cây Bách, thường có bày quạt đến đậu, nên gọi là Bách-đài, Ô đài, Ô phủ hay Ô Thự (Ô là con quạt).

² Tư nông là chức quan coi việc canh nông.

³ Ngao Phong hay Ngao Sơn là hòn núi có thần tiên ở Hàn Uyển (vườn Hàn mặc, văn chương), là nơi thanh quý, nên được ví như Ngao Phong.

⁴ Âu Dương Tu đời Tống tự hiệu là Lục Nhất cư sĩ. Có người hỏi ý nghĩa gì, ông đáp: "Nhà tôi chứa một vạn quyển sách, góp biên những bài văn hay từ Tam Đại trở xuống một ngàn quyển, có một đàn cầm, một bàn cờ, một vò rượu, một người tôi vui cảnh già ở giữa năm món ấy há chẳng phải là Lục Nhất ư?".

⁵ Can là cái thuận, vũ là cái lông, là hai món dùng để múa. Xưa vua Thuấn không dùng võ lực, chỉ cho múa can vũ ở hai bên thềm, mà các nước đều đến châu.

⁶ Vua Hạ Vũ hội họp chư hầu ở núi Đồ Sơn, có hàng vạn nước đem ngọc và lụa đến họp.

⁷ Hoang yêu là nơi xa xôi.

Hàn-Lâm Học-Sĩ Lư-Châu Lưu-Nhạc.

Mừng hội rồng bay mới kỷ-nguyên,
 Gió trong hây hẩy liễu non non.
 Hương nồng phấn-thự¹ tinh-thần rạng²
 Lễ trọng Hoàng-hoa đức-huệ đồn³.
 Bắc-khuyết vừa ban lời chiếu-chỉ,
 Nam-bang liền chịu phạt tôi con.
 Thái-bình cảnh-tượng đầy trời đất,
 Sứ-mạng xong rồi lại ngọc-môn⁴.

Hàn-Lâm Trực-Học-Sĩ Trần-Nghiễm.

Hoàng-hoa dứt hát, rượu tàng tàng.
 Trước cửa đô-thành ngựa buộc cương.
 Vâng lãnh tiết-mao từ Bắc-khuyết,
 Tuyên truyền ngọc chiếu đến Nam-bang.
 Thơ hay giá trọng rùng kê-quái⁵,
 Chí cả gan lỳ chốn hổ lang.
 Dụ Thục Trương-Như xong sứ-mạng,
 Mau quay chèo quế vượt sông Tương.

Từ khúc của Hàn-Lâm Ứng-Phụng Đăng-Tân đưa chân Lý-Cảnh-Sơn (Theo điệu "Đoạt-Cấm-phiêu")

Hùng-khí lên mây xanh,
 Muôn dặm rạng tài danh.
 Gió tây giọng ruổi,
 Nhơn vật đệ-nhất triều-đình.
 Đề cầu Tư-Mã⁶,
 Ném bút Ban-Sinh⁷,
 Nhớ xưa phong-hóa lưu-hành,
 Cõi xa lưng lẩy uy thanh.
 Thét roi cười chỉ quan-hà,
 Kìa năm xưa biết rõ rành rành.
 Từ xưa lòng người trung-nghĩa,
 Nước chảy biển đông.
 Sao châu tử-cực,
 Vô cố trụ đồng,
 Ngăn cách trời nam bắc,
 Đoái xem kim khuyết tỏa mây hồng.

¹ Các dinh thự dùng hồ phấn quét tường gọi là phấn thự.

² Tinh thần ở đây cũng như tinh tú, là các vì sao.

³ Xem chú thích ở bài thơ của Diêm Phục.

⁴ Cửa cung điện nhà vua.

⁵ Kê Lâm: tên nước, tức nước Tân La. Năm Thoát Giải (niên hiệu của vua nước Tân La) thứ 9, (tức năm Vĩnh Bình thứ 8, đời vua Hán Minh Đế, C.N. 65), rừng thùy lâm ở phía tây thành Kinh đô Từ-La-Phạt có kê quái (con gà thành quái qui), bèn đổi tên là Kê-Lâm, nhơn dùng làm quốc hiệu. Đời sau gọi nước Triều Tiên là Kê Lâm. Sách Đường Thơ chép: "Thơ của Bạch Cự Dị rất hay, truyền tụng đến nước Kê Lâm, mỗi bài trị giá một lượng vàng, người ta có thể phân biệt những bài ngụy tạo.

⁶ Tư-Mã Tương-Như đời Hán khi còn hàn vi, đi qua cầu Thăng-Tiên có đề: "Không cỡi xe cao ngựa tứ, khôn qua lại cầu này".

⁷ Ban-Siêu đời Hậu Hán nhà nghèo, làm nghề viết thuê, thường ném bút than rằng: "Đại trượng phu nên bắt chước Phó-Giới-Tử và Trương-Khiên lập công nơi xa để được phong Hầu, có lẽ nào cứ lui cui ở giữa cây bút và nghiên mực này?".

Vàng thép hương xông,
Trị an biên sách,
Năm sau về đối tây-sơn tường-thuật.

Hàn-Lâm Học-Sĩ Âu-Dương-Huyền đưa Phó-Dữ-Lệ làm An-nam tá-sứ.

Sánh đường tiến-cử thầy danh-công,
Xe sứ trời nam sánh ruổi giông.
Ngựa ký trong bầu tài đã tỏ,
Chim bằng lướt biển gió liền tung.
Túi riêng Lục-Giả không châu báu,
Dấu cũ Văn-Uyên¹ có trụ đồng.
Thơ mới trăm nghìn trên dặm khách,
Bắc-phương thỉnh thoảng gửi tin hồng.

Nghệ-Văn Giám-Thừa Dương-Hề-Tư.

.....²
.....
Xưa tự Hán, Đường chia quận huyện,
Nay thì Nghiêu, Thuấn buộc qua loa.
Thi-nhân giúp sức hoàng-hoa-sứ,
Triều-Sĩ ngâm bài bạch-trĩ-ca.
Bể lặng trời im, mưa gió thuận,
Mới hay văn-đức khắp gần xa.

Bác-sĩ Vương-Nghi

Ánh-sáng tỏa Nam-Minh³,
Văn-Tĩnh đối sứ-tinh⁴
Kê-Lâm truyền câu đẹp⁵,
Đồng-trụ khắc lời minh⁶.
Bóng nhật gieo sóng bạc,
Gió xuân thổi biển xanh.
.....⁷
Nhướng mắt đợi vân-bình⁸.

Tống-Nghi-Tử

Ba năm chánh-sóc ban hành,
Sứ-quân muôn dặm tới thành Giao-Châu.
Điều-trị⁹ trời rộng ơn sâu,

¹ Văn-Uyên: tên chữ của Mã-Viện.

² Khuyết văn.

³ Biển phương Nam.

⁴ Văn tinh chỉ Phó Dữ Lệ.

⁵ Xem bài thơ Trần Nghiễm.

⁶ Bài văn khắc ở bia hay trên một vật gì để lưu-truyền được lâu.

⁷ Khuyết văn một hàng.

⁸ Vân bình cũng như vân xa, ý nói chờ xe mây sứ giả trở về.

⁹ Chỗ tiên ở.

Trụ đồng chướng-khí một bầu tiêu-hao.
 Sứ-thần Lục-Giả tài cao,
 Chung-Quân¹ ném lụa, tiêu-dao phi-tình.
 Trong màn hùng biện nổi danh,
 Về đây Mao-Toại ắt giành đầu công².

Hàn-Lâm-Thị-Độc-Học-Sĩ Ngu-Tập đưa Nam-cung Xá-Nhân Triệu-Kỳ-Hy.

Năm thứ ba ban hành chánh-sóc,
 Khoảng tháng năm chiếu ngọc truyền sang.
 Vương-thần vừa mới lên đàn³.
 Bồi-thần đã đến sẵn sàng quan chiêm⁴.
 Hồng lướt gió áo xiêm rục rỡ,
 Giáo gươm dùng da hổ bao ngoài.
 Gió tung quét sạch khói mây,
 Nước sông chảy xiết sau cây mưa rào.
 Điều đỏ nọ dòm vào nhà đất,
 Trĩ trắng kia xuống cất tổ chơi⁵.
 Giao-nhân đêm vắng dùng thoi⁶,
 Lệ-Ci đương hái ở ngoài Dương-Quan.
 Tình ly-biệt băng-khuâng chi nữa,
 Câu thôi xao trong bữa tiễn đưa⁷,
 Trụ đồng dõng gót người xưa,
 Công-danh chi kém kẻ trừ giao-long⁸.

Hàn-Lâm Tu-Soạn Tô-Thiên-Tước.

Ân-đức thánh, cao dày thiên-cổ,
 Oai-phong vua, yên võ Cửu-Châu.
 Chiếu son ban trước sân châu,
 Trương cờ Ngọc Tiết ruổi mau Long-Thành.
 Trang bác-nhã tài rành chuyên-đổi,
 Đấng hào-hoa đương tuổi trẻ măng.
 Lang-Trung vừa mới vinh-thắng,

¹ Chung Quân lúc hàn vi, đi vào Quan Trung yết kiến quan Bác-Sĩ, khi qua ải, người giữ ải trao cho Chung-Quân một miếng lụa dùng làm phù-hiệu để khi trở về mới được đi qua ải. Chung-Quân nói: "Đại-trưởng-phu sang phương tây ngao du, quyết không trở về, bèn ném lụa mà đi. Sau làm quan đi sứ các quận, khi qua ải, người giữ ải nhìn biết và nói rằng: "Sứ-già này là chàng thơ-sinh ném lụa ngày xưa".

² Mao-Toại: người đời Chiến-Quốc, môn-khách của Bình-Nguyên-Quân, tướng nước Triệu, theo Bình-Nguyên-Quân qua thuyết nước Sở để chống nước Tần. Bình-Nguyên-Quân thuyết vua Sở tử sáng đến trưa không có hiệu quả, Mao-Toại bèn chống gươm uy-hiếp vua Sở và bày tỏ lợi hại, vua Sở mới bằng lòng cho quân sang cứu nước Triệu. Khi về nước, Bình-Nguyên-Quân bèn đãi Mao-Toại làm thượng khách.

³ Tôi của Thiên-Tử gọi là vương-thần, tôi của Chư-Hầu gọi là bồi-thần.

⁴ Tôi của Thiên-Tử gọi là vương-thần, tôi của Chư-Hầu gọi là bồi-thần.

⁵ Bốn câu này tả cảnh vật ở Giao-Châu.

⁶ Sách Thất-Dị-Ký chép: "Trong bể Nam-Hải, có nhà ở của Giao-Nhân (người giống như Giao-Long), ở dưới nước như loài cá, luôn luôn dẹt cứ."

⁷ Giả-Đào đời Đường có câu thơ: "tặng xao nguyệt hạ môn", nghĩa là: "thầy tu gõ cửa dưới ánh trăng", lúc đầu muốn dùng chữ "thôi" (đấy) thay thế chữ "xao" nhưng chưa nhất định, nên ngồi trên ngựa đưa tay ra làm thế "thôi xao", không ngờ xúc phạm đến quan Kinh-Triệu-Doãn là Hàn-Dũ, bị lính bắt, Hàn-Dũ hỏi vì sao, Giả-Đào nói rõ đầu đuôi, Dũ bèn nói, chữ "xao" hay hơn. Đời sau, gọi làm văn chọn lựa từ chữ là thôi xao.

⁸ Sách Lã-Thị-Xuân-Thu Quý-Hạ chép: "Sai người đánh cá diệt trừ loài giao". Đời xưa, khi sắp có hồng-thủy, thì có con giao dưới đất hiện lên, nên khiến người đào đất trừ khử để tránh thủy-tai.

Trước kia tỉnh-phủ đã từng công-lao.
 Đức văn-trị dồi dào Trung-Quốc,
 Lòng nhân-ân thấm suốt ngoại-bang.
 Gió thanh mưa chướng liền tan,
 Vùng trăng soi sáng trên làn khói mây.
 Nhẹ chân bước trông cây đồng-trụ,
 Cất mình ngồi trên bộ yên thêu.
 Ban-hành lịch mới Đường-Nghiêu,
 Cũng trong Vũ-Cống¹, mấy triều non sông.
 Tiếng ngoại-quốc dẫu thông hiểu khó,
 Giống Điêu-Đề² tình có đáng thương.
 Sang năm vừa tiết thiều-quang,
 Mau về tàu trước ngai vàng phân minh.

Tập-Hiên Đại-Học-Sĩ Vương-Uớc tên tự là Ngạn-Bác.

Tấc lưỡi phục kiêu ngạnh,
 Trung-thành dùng rất hay.
 Công-danh ngày dựng trụ³,
 Khẳng-khái lúc xin dây⁴.
 Bao-mao đủ cống lễ⁵
 Ý-dĩ phòng riêng tây⁶
 Ông đi có kế-hoạch,
 Vương-sư yên có ngày.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Thất Chung

¹ Vua Đại-Vũ nhà Hạ làm thiên Vũ-Cống trong Kinh-Thơ, nói rõ về núi sông trong chín Châu.

² Điêu-Đề là khắc chữ trên trán.

³ Điển nói về Mã-Viện dựng đồng trụ.

⁴ Điển nói về Chung-Quân xin trường-anh.

⁵ Đã chú-thích ở bài thơ trước.

⁶ Ý-dĩ cũng điển về Mã-Viện, đã chú-thích ở những bài trước.

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Bát

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

Thơ của Danh-nhân An-Nam

Trần-Thái-Vương đưa Thiên-sứ Trương-Hiến-Khánh (Trương-Hiến-Khánh đi sứ An-nam hai lần)

Mây may thẹn chữa đáp ơn sâu,
Hút mắt sông cồn những ngán ngao.
Vỏ kiếm gió thu reo mồn ngựa,
Án thư bóng nguyệt lọt rường lâu¹.
Én về cõi bắc khôn lưu trú,
Nhạn biệt trời nam những gợi sầu.
Nghiêng lọng² bao giờ ngày tái-ngộ?
Tiễn đưa thơ hứng tạm vài câu.

Nội-phụ An-nam quốc-công Thiện-Lạc Lão-nhân (Năm bài)

Xuất quốc:

Bỏ nước ra đi nhớ tự ngày,
Lòng trung cánh cánh có trời hay.
Chẳng qua Vi-Tử buồn Ân mất³,
Há phải Văn-Công trốn nước ngoài⁴.
Nghề mọn cơ cầu noi nghiệp trước⁵,
Tiếng thơm sử sách để sau này.
Ngày nay bốn biển chung đường lối⁶
Nhà cũ xa trông núi Việt dài.

Chầu yến ở đền Đại-Minh

Ngọc-ban chầu chực áng mây hồng,
Mặt nhật hây hây khí ấm lồng.

¹ Thơ nhớ bạn của Lý Bạch có câu: "Lạc nguyệt chiếu ốc lương", nghĩa là nằm thấy bóng trăng rơi vào rường nhà, bằng khung nhớ bạn.

² Anh em bạn xa nhau, lúc gặp lại, nghiêng lọng bên đường mà nói chuyện.

³ Vi Tử là anh của vua Trụ nhà Ân. Vua Trụ hoang dâm, Vi Tử can ngăn không được, bèn bỏ đi. Sau khi Võ Vương diệt vua Trụ, phong Vi Tử ở nước Tống để nối dòng dõi nhà Ân.

⁴ Văn-Công là công tử nhà Tấn, bỏ trốn trong lúc nước có nạn, sau về phục quốc.

⁵ Thiên Học Ký trong Kinh Lễ có câu: "Lương dã chi tử học vi cầu, lương cung chi tử học vi cơ", nghĩa là con người thợ đúc khéo, thấy cha thổi chày các loại kim để hàn đồ, thì bắt chước sưu tầm những miếng da thú nhỏ để làm áo cừu, con người thợ làm cung khéo thấy cha uốn cây điều hòa để làm cung thì bắt chước uốn cây làm thúng. Chữ cơ cầu dùng chỉ nỗi nghiệp cũ của ông cha.

⁶ "Xa đồng quỹ, thư đồng văn" nghĩa là xe đồng dấu, sách đồng chữ, ý nói hoàn hải giao thông rộng mở.

Sao sáng muôn ngôi châu hướng bắc,
 Nước triều trăm ngọn chảy về đông.
 Vân thơ Trạm-Lộ khoan thai hát¹,
 Khúc nhạc Quân-Thiên phưởng phất mòng².
 Mầm mọn, mảy lông ơn chúa cả,
 Báo đền nguyện hết tấm lòng trung.

Chầu yến ở núi Vạn-Tuế (Ngày ấy có tuyết xuống)

Bích-Hán loan kêu lắng bụi trần³,
 Ngọc-kinh nhấp-nhớt hợp tinh-thần⁴.
 Múa quanh Ngao-bồi non phơ tuyết⁵,
 Rượu chuốc Long-nhan hội mở xuân⁶.
 Thấm khắp gió nhân cây Ngự-Uyển⁷,
 Dẩy đẩy ơn Thánh nước Thiên-Tân⁸.
 Việt-Nam ky-lữ theo hàng ngũ⁹,
 Gang tấc gương soi nhật nguyệt gần.

Trở về nước

Bao năm xa nước khói mây mờ,
 Minh gọi nhưng yên tạm giếng nhà.
 Lốp lốp lâu đài trơ bóng nhật,
 Hàng hàng châu thúy cách phương xa¹⁰.
 Hạc về Đông-Hải thôi đành vậ¹¹,
 Rắn cắn Nam-Môn há dấm mà¹².
 Hiu quạnh biết cùng ai nhắn hỏi,
 Gió sông lay đá lệ-chi già.

Tặng Thiên-sứ Trương-Hiển-Khánh đi sứ về

Gió đưa hồn mộng đến Giao-Châu,
 Cách một năm tròn lại gặp nhau.
 Ngựa ruổi bụi hồng theo bóng ác¹³,
 Nhận tung chiếc ảnh liệng mây mù.
 Giã từ Ngũ-Lĩnh, đường xa thăm,

¹ Trạm-Lộ: bài thơ trong Kinh Thi, Thiên Tử dùng để yến ẩm chư hầu.

² Quân-Thiên: khúc nhạc trên thiên đình.

³ Bích-Hán: sông Ngân Hán ở giữa trời xanh.

⁴ Tinh thần: các ngôi sao.

⁵ Ngao bồi: (lưng con Ngao) cũng như Ngao Sơn là nơi tiên ở.

⁶ Long nhan: mặt rồng tức nhà vua.

⁷ Vườn của vua, cũng như Thượng Uyển.

⁸ Thiên Tân cũng như Thiên Hà, là sông Ngân-Hà trên trời.

⁹ Ky lữ là người khách ký ngụ ở nước ngoài.

¹⁰ Hai câu 3 và 4, ý nói lúc về thấy lâu đài vắng vẻ và anh em ly tán.

¹¹ Đình Lịnh Uy ở Liêu Đông, theo học tiên, sau hóa hạc về đứng kêu trên cột hoa biểu.

¹² Ở Nam Môn nước Trịnh, có con rắn ở ngoài cắn với con rắn ở trong. Rắn trong thành là rắn yêu, bị cắn chết, ấy là điềm Lệ Công sẽ được về nước.

¹³ Về bóng ác nghĩa là về dưới mặt trời, tức là về Kinh Đô.

Ứng đối tứ phương, thi thuộc lâu¹.
 Nghe nói triều-đình dùng văn-sĩ,
 Thượng-thư chí-khí ngất trời thu.

Trần-Thánh-Vương (tam thể) văn điệu Trần-Trọng-Huy, tôi nhà Tống

(Nhà Tống mất, Trần-Trọng-Huy lánh qua An-nam rồi tạ thế).

Than khóc Giang-Nam lão cự-khanh²
 Gió xuân gạt lệ xót xa tình.
 Bỗng đứng con tạo ghi năm tháng,
 Chẳng quản người ta có tử sinh.
 Mây trắng muôn trùng che cố-quốc,
 Đất vàng một năm lấp phương danh.
 Chống trời lực lượng theo giòng nước,
 Giòng nước trôi xuôi cứ thái-bình.

Trần-Nhân-Vương (tứ thể), Trúc-Lâm Đại-Sĩ biểu Thiên-sứ Trương-Hiến-Khánh bán xuân

Thôi múa càn dẫu³, thử áo xuân,
 Ngày nay hàn-thực lại đương tuần⁴.
 Mâm sơn hồng ngọc, bán xuân-thể,
 Tục cũ An-nam cứ mỗi lần.

Thơ tiễn chân Thiên-sứ Lý-Trọng-Tân và Tiêu-Phương-Nhai

Chén đưa vân-dịch nức hương bay⁵,
 Gió mát khôn ngăn khách trở giày.
 Chẳng biết hai ngôi sao sứ-giả,
 Trời nam còn chói mấy hôm nay?

Tiễn Thiên-sứ Ma-Hiệp và Kiêu-Nguyên-Lãng

Trời Việt hai ngôi sao sứ-giả,
 Hào-quang thai-phủ rọi ba vòng.
 Ôn trên tình nặng bao hân cảm,
 Nước mọn lễ sơ những thẹn thùng.
 Lam-chướng xông pha người mạnh khỏe,
 Gió xuân giông ruổi ngựa thung dung,
 Chiếu ban Trung-Thống⁶ lời ôn hậu,
 Lo nước băng-khuâng khỏi bận lòng.

Kiêu-Nguyên-Lãng họa vần

¹ Luận Ngữ: "Tụng thi tam bách, thọ chi dĩ chánh bất đạt, sử u tứ phương, bất năng chuyên đối", nghĩa là học Kinh Thi 300 thiên, đến khi làm Chánh Sự lại không thông suốt, đi sứ bốn phương thì không đủ tài một mình ứng đối.

² Người có quan chức lớn.

³ Nguyên Hán văn là "Đồ-Chi", tên một bài hát hay một điệu múa xưa ở nước Tàu.

⁴ Hàn Thực là ngày 3 tháng 3 âm-lịch vì ngày ấy người ta không đốt lửa để kỷ niệm Giới-Tử-Thôi, người nước Tần đời Xuân-Thu, bị cháy trong núi.

⁵ Vân dịch là một thứ rượu tiên.

⁶ Niên hiệu vua Thế-Tổ nhà Nguyên.

Ngũ-Lĩnh mây mù khách ruỗi giông,
 Mai xuân mới điểm một vài bông.
 Lòng nhân thiên-tử không riêng biệt,
 Chí cả trượng-phu những then thùng.
 Giục ngựa mây phen xông gió tuyết,
 Ngừng cương tạm chút ngắm non sông.
 Ngày mai khói nước sông Lô-Thủy,
 Chén rượu đào tươi tả nỗi lòng.

Trần-Anh-Vương (ngũ thể) đưa thiên-sứ An-Lỗ-Oai và Lý-Cảnh-Sơn

Rực rỡ hào quang rọi hải nhai,
 Sụt sùi gạt lệ thấy rồng bay¹.
 Đã đành xứ nóng đồn danh khắp,
 Dám giận đầu xuân rọi bóng chầy.
 Nhũ-Lĩnh non cao người chữa vượt,
 Tam-tương sông rộng nhận về ngay.
 Thái-bình cảnh-tượng phiên tàu lại,
 Hớn hử mừng vui nở mặt mày.

Bốn bài thơ của Trần-Thái-Hư-Tử² (Lục thể)

Bài I: Tặng Thiên-sứ Sát-Chỉ Ngõa, Văn-Tử-Phương

Chí-trị kỷ nguyên mới³,
 Chiêu ban đến hải-tân.
 Tâm thành nghiêng quỳ hoắc,
 Ôm gượng nghe ty luân⁴.
 Lam-chướng tan đêm tối,
 Cây cỏ đượm màu xuân.
 Đèn ngọc về tàu lại,
 Chớ bỏ Việt-Nam dân.

Bài II: Tạ Thiên-Sứ Mã-Hợp-Mưu và Dương-Đình-Trấn

Vó câu muôn dặm vượt non sông,
 Ngọc-tiết lung lay khí lạnh lòng.
 Bỗng thấy mười hàng tuyên chiếu phụng,
 Cũng như gang tặc đối mảy rồng.
 Thời bình, Hán đổi kỷ-nguyên mới,
 Đức rộng, Thuần ban tuế-lịch chung.
 Lại được Tam-công dời bước đến,
 Càng thêm xuân-sắc nhuận tư-dung.

Bài III: Thơ đưa trình Thiên-sứ (nguyên tác Hán-văn dùng nguyên vận bài trên)

Chín vạc vững bền tợ Thái-Sơn⁵,
 Mưa hòa gió thuận khói mù tan.

¹ Lúc này Thái Thượng Hoàng Trần Nhân Tông mới chết.

² Biệt hiệu vua Trần Minh Tông.

³ Niên hiệu của Nguyên Anh Tông (1321-1325).

⁴ Lời chiếu thư êm ái của thiên tử như tiếng tơ. Sách Lễ Ký có câu: "Vương ngôn như ty, kỳ xuất như luân".

⁵ Vua Hạ Vũ đúc chín cái đỉnh để tượng trưng chín châu. Từ đó về sau, chín đỉnh là một báu vật truyền quốc.

Khấp trời ngọc lựu châu Nghiêu, Thuấn,
 Trăm họ đàn ca học Khổng, Nhan.
 Đồng trụ chẳng cần phiến Mã-Viện,
 Bô-Tiên¹ ai lại ngợ Lưu-Khoan².
 Thánh ân lộng lẫy mây lành phủ,
 Mát mẽ làm mưa rưới thế-gian.

Bài IV: Thơ tiễn Thiên-sứ Sát-Chi-Ngõa và Triệu-Tử-Kỳ.

Ngựa trạm bon bon lướt gió mù,
 Lập lòe sao sứ rọi biên-khu.
 Chí trai bốn biển ra ăn nói,
 Lòng chúa muôn phương vốn ái-ưu.
 Lời ngọc phẩm để sông núi Việt,
 Tiếng tơ nhuần thấm móc mưa Chu.
 Ngày mai cách trở, mây nam bắc,
 Khuyên cạn hôm nay rượu một bầu.

Lão Quốc-thúc Chiêu-Minh-Vương, Lạc-Đạo Tiên-Sinh³ (Hai bài)

Bài I: Tặng Thiên-sứ bọn Sài-Trang-Khanh và Lý-Chấn.

Một phong phụng-chiều xuống Thiên-đình,
 Muôn dặm hoàng-hoa rưởi sứ-trình.
 Khuyết bắc áo xiêm giành tiễn biệt,
 Cối nam cây cỏ thảy nghe danh.
 Khen chê oai phúc vua theo miệng,
 Khinh trọng an nguy nước hệ mình.
 Nhẫn gửi bốn ông lòng bác ái,
 Khéo vì bảo bọc Việt thương-sinh.

Bài II: Đưa Sài-Trang-Khanh

Bàng hoàng tiễn khách lúc đặng đồ,
 Vó ngựa lăm xăm chỉ để-đô.
 Nam bắc lá tim cờ trở ngọn,
 Chủ tân mùi đạo rượu tràn hồ.
 Chia bầu những tiệc khi cười nói,
 Đối ngọ khôn quên lúc xướng thù.
 Chưa biết ngày nào cho gặp mặt,
 Ân cần han hỏi bắt tay nhau.

Nội-phụ được phong tước Phụ-Nghĩa-Công Trần-Túy-Sơn (Hai bài)⁴

Bài I

Lầu cao trăm thước ngất từng không,
 Ổm gượng trèo lên thử ngắm trông.
 Yên-tái xa với mù tí mắt,
 Động-đình lại lảng thành thơi lòng.

¹ Bô tiên là roi lau.

² Lưu Khoan người đời Hán làm Nam Dương Thái Thú, tính nhân từ, dân có lỗi, chỉ đánh bằng roi lau.

³ Tức Trần Quang Khải.

⁴ Tức Trần Tú Viên.

Quạ chìm cửa động rừng u ám,
 Rõng đánh lòng sông khí lạnh lùng.
 Biết tỏ cùng ai tình lữ-thứ
 Cỏ lau man mác nước mênh mông.

Bài II: Vào kinh châu, về đến Loan-Thành gặp tuyết xuống.

Gió táp sương ngưng lạnh buốt gan,
 Trước thêm gang tắc đối long-nhan.
 Một lời nhường nước đồn danh tiếng,
 Muôn dặm châu trời được vẻ vang.
 Đất ở biển nam vưng chúc giữ,
 Sao châu ngôi bắc trọn niềm đau.
 Vó câu hăng hái về quê cũ,
 Thăm thăm trời đông ngắm Túy-San.

Nội-phụ An-Vũ-Sứ Lại-Ích-Quy ngày Nguyên-Đán triều hội.

Rọi khắp trời nam bóng thái-dương,
 Dịch-dinh gốc liễu ngựa dừng cương.
 Ba lần, áo mào hô muôn tuổi¹,
 Một dấu xa thư hết bốn phương².
 Hương nhả túy-vân hơi thắm nhuận,
 Rượu nghiêng kim-hải sáo du-dương.
 Bầy tôi múa nhảy, trời gang tắc,
 Mưa móc ơn nhuần chúa đoái thương.

Họa bài thơ vịnh Đông-sơn Phiêu-Nhiên-Lâu của Tham-Nghị Hứa-Công

Trước đình thu-hứng bóng trắng mờ,
 Sắc núi đây lâu hỏi vận thơ
 Minh tự hoa sen ra nước chậm,
 Lòng như tơ liễu sớm bùn dơ.
 Quyển Kinh đã kém vui người ẩn,
 Bầu rượu nên cùng hện kẻ ưa.
 Khắp cảnh Lang-Hồ nường cửa ngắm,
 Bụi trần phơi phơi chẳng lòng mơ.

Lê-Tắc (mười lăm bài)

Nội-phụ

(Năm Giáp-Thân niên-hiệu Chí-Nguyên (1284), quan-quân (quân nhà Nguyên) vào biên-cảnh, Thế-Tử khiến con người anh, Chương-Hiến-Hầu (Trần-Kiện) đem bọn Tắc ra chống cự, sức yếu hèn đầu hàng).

Mười trượng lâu-thuyền vào vịnh Vệt,
 Tướng quân buộc lụa bên thành hàng³
 Ngày nay nhất-thống triều Trung-Quốc,
 Sông ấy xin thề, tôi tiểu-bang⁴,

¹ Trăm quan chúc thọ đến ba lần.

² Bốn bể xa đồng dấu, sách đồng văn, ý nói nhất thống.

³ Thừa xưa những người bại trận, lấy lụa trắng buộc cổ đứng xin đầu hàng.

⁴ "Cũng như sông ấy" là một câu nói dùng để thề lòng trung thành.

Từ thuở cánh lông vào phụ thuộc,
 Dầu rằng vảy vụn cũng vinh quang.
 Ngày xưa trăm tuổi Tần Đà lão,
 Sao mãi thi thư trệ một phương¹.

Triều hội

Muôn nước y quan vẻ sáng ngời,
 Vàng thêu tay áo quyện hương trời.
 Ngày lành Hoàng-Đạo kiên-khôn mở,
 Đêm tốt hồng-vân nhật nguyệt soi.
 Trường thọ từng xuân mừng tuổi chúa,
 Hường dương qui hoắc giữ lòng tôi.
 Hôm nay đổi gót Phong-nhân chúc,
 Đức sánh Đường Nghiêu trị nổi đời².

Mừng chiếu chỉ nhà vua

Tiếng gà giục giã sáng linh lung³,
 Gang tắc lăm xăm tới điện rồng,
 Bèn khiến lời Nghiêu khắp thiên-hạ⁴,
 Mới hay chiếu Hán cảm Sơn-Đông⁵.
 Âu vàng phó mặc tay anh tuấn⁶,
 Đuốc ngọc đều nhờ bực tướng-công⁷.
 Gặp lúc thái-bình người rảnh việc,
 Làng làng thơm nức lúa đơm bông.

Chầu ăn yến (năm đầu Hoàng-Khánh) (1312)⁸

Thềm vàng nghi-trượng giục ban mai⁹,
 Bóng ác bùng lên quạt báu khai¹⁰.
 Trời đất sấm vang ba bận chúc,
 Móc mưa xuân dội chín ly đầy.
 Rồng vàng hiệu Hán điềm ghi mới¹¹
 Trĩ trắng sân châu lễ cống bày.
 Từ ấy phương nam càng cảm đức,
 Trụ đồng chất ngất chằng cần xây.

¹ Hai câu kết ý nói Triệu-Đà ngày xưa sao riêng biệt sơn hà, không chịu thần phục nhà Hán. Âm chỉ sao vua nhà Trần không chịu vào chầu thiên tử nhà Nguyên để tránh họa binh đao.

² Phong nhân là một chức quan coi giữ bờ cõi. Xưa vua Đường Nghiêu đi tuần thú đến Thái Hoa, quan Phong nhân ở đó chúc vua được đa nam, đa phú, và đa thọ.

³ Sáng tờ mờ.

⁴ Lời nói của vua Nghiêu.

⁵ Lúc tờ chiếu của nhà Hán ban xuống, dân Sơn Đông đều cảm động.

⁶ Nghiệp nước vững như âu vàng.

⁷ Đuốc ngọc sáng tượng trưng thái bình, là nhờ có vị tể tướng giúp công (Điều hòa đình nãi (cái vạc lớn), là công việc của tể tướng giúp nước bình trị, làm cho khí âm khí dương được điều hòa).

⁸ Niên hiệu Nguyên Nhân Tông.

⁹ Thềm vàng là thềm điện vua, nghi trượng là đồ trần thiết trang nghiêm.

¹⁰ Mặt trời mọc, vua ngự ra đền Đồng-Chương.

¹¹ Hán Tuyên đế, nhân có rồng vàng hiện ra, đặt niên hiệu Hoàng Long để ghi điềm tốt.

Đô thành

Tỏ rõ trời mai bóng ráng xa,
 Sấm sanh ruồi ngựa dạo Kinh-hoa.
 Ba nghìn cung cấm trong mây hiện,
 Trăm vạn lâu đài dưới móc sa.
 Hết lạnh trước cung hoa chớm nở,
 Mừng xuân trên liễu quạ kêu òa.
 Thái-bình khí-tượng nay nhường ấy,
 Mới biết bằng trời phúc chúa ta.

Ngày trùng cửa nhớ Chương-Hiến-Hầu

Lâu không lên núi, chẳng ngâm nga,
 Trùng cửa hôm nay lại viếng hoa.
 Trên ngựa cửa tây còn chạnh nhớ¹,
 Chiếc ngao tay trái lửng khuây khoa².
 Tóc thay hai mái ngày thêm bạc,
 Rượu uống vài chung kéo nữa già.
 Cái bướm con ong còn biết thú,
 Trắng thanh gió mát nở hoài qua.

Tặng Thượng-thư Sát-Lý-Ngõa đi sứ An-Nam về.

Hoa mai đường an ổn,
 Thượng-thư về bắc phương.
 Non sông muôn dặm khách,
 Thôn xóm hai bên đường.
 Nam-Việt thông chàng Lục,
 Ngọc-quan vượt gã Trương.
 Hoàng-Hoa vốn thạo việc,
 Mừng lại thấy quân-vương.

Tặng Lang-Trung Triệu-Tử-Kỳ

Hạ quốc châu Thần-Cực³,
 Giao-Châu ngời sứ-tinh.
 Hoa mai nam bắc nở,
 Cành trúc vẫn dài xanh.
 Tục lạ thơ khôn tả,
 Thôn hoang rượu mặc tình.
 Triệu-Công-Tử phối phối⁴,
 Chẳng thẹn mạng triều đình.

Thơ tiễn Thị-Lang Trí-Tử-Nguyên đi sứ An-Nam

Phía nam Châu Quế tiếp Châu Giao,
 Lá liễu tàu cau rợp dịch-lầu⁵.

¹ Câu này tác giả nói nhớ lúc trên ngựa bỗng thấy Chương Hiến Hầu chạy ở cửa tây.

² Tất Trác đời nhà Tấn, chỉ mơ ước được suốt đời lúc nào cũng tay mặt nâng ly rượu, tay trái cầm ngao cua. Câu thơ này nói: nhớ Chương Hiến Hầu đến đổi đường cầm ngao uống rượu cũng quên lửng.

³ Thần cực tức là Bắc đẩu, chỉ ngôi thiên tử.

⁴ Tức Bình Nguyên Quân, đi sứ thuật phục được vua Tần.

⁵ Lầu trạm.

Sứ-giã cầm thư ra tuyệt-vực¹,
 Thị-Lang ruổi ngựa ngẫm thanh-thu².
 Rõng vàng năm mới kỷ-nguyên Hán³
 Trĩ trắng người xa lễ cống Châu.
 Khai hóa văn-thân làm chương-phủ⁴,
 Bệ rồng Lục-giã trở về tâu⁵.

Tiền Phó-Dữ-Lê tự là Văn-Sử, phụ-tá thiên-sứ qua An-nam

Thượng-thư Văn-sử sẵn chân-tài,
 Ruổi ngựa theo người sứ cõi ngoài.
 Đài ngọc Triệu-vương thơ hạc xuống,
 Biển xanh thiên-tử chiếu rồng bay.
 Các khe măng trúc so le động,
 Núi hoa mai sắp sửa khai.
 Bách-Việt gió mây đâu có khác,
 Ngâm đề há thiếu vận thơ hay.

Ngày mồng 3 tháng 7, chúc thọ An-Nam quốc-vương

Trời thu sao thọ rọi ngân-hà,
 Bao thuở ưu-đàm-bát nở hoa⁶.
 Ôn nặng, cánh bằng đời bắc-hải⁷,
 Đơn thành, gà chó ở nam-gia⁸.
 Số trường sinh tám nghìn thu lẻ,
 Nhà Thiện-lạc tháng bảy mồng ba⁹.
 Trân-trọng môn-đồ đầu bạc trắng¹⁰,
 Say xuân tạm mượn chén lưu-hà.

Chiều hôm chơi hồ Lang-Trung, làm thơ theo vần của Tải-Đạo

Quanh rào thưa thớt bờ lau lách,
 Lấp lánh trên hồ bóng thái-dương.
 Người đứng gần chim trời sắp tối,
 Hoa cười bên liễu nước dường gương.
 Việc đời phiền-phúc ghê đôi mắt,
 Lòng khách bồi-hồi vịnh một chương.

¹ Cối xa xuôi.

² Mùa thu trong sáng.

³ Ban kỷ nguyên mới của nhà Hán.

⁴ Chương phủ là cái mũ của kẻ sĩ đời nhà Thương. Ý nói hóa tục xăm mình (văn thân) để theo văn-hóa Trung Quốc, biết đội mũ mặc áo.

⁵ Nguyên Hán văn là: "Quy lai Lục Giã thuyết tiên lưu". Lưu là cái mũ của thiên tử đội, nói trước mũ lưu, tức là phúc tấu với thiên tử.

⁶ Ưu-đàm-bát là một loại cây không có hoa mà có trái, mùi ngon, lớn bằng nắm tay. Cũng có loại có hoa, nhưng khó trồng, trong Kinh Phật dùng thứ hoa này để ví những thứ ít có.

⁷ Câu này nói An nam quốc vương, Trần Ích Tắc, chịu ơn nặng nhà Nguyên, làm quan ở Trung Quốc.

⁸ Nói thuở xưa gà chó của tiên gia nhờ uống bã thuốc linh đơn đều được trường sinh, nay Ích Tắc luyện được thuốc linh đơn mà gà chó thì ở An nam.

⁹ Thiện-Lạc là biệt hiệu của Trần-Ích-Tắc.

¹⁰ Lê-Tắc tự nhận là môn đồ già của An nam quốc vương.

Mừng gặp Văn-Ông vui thưởng thức¹,
Lời quê bia tạc dựng bên đường.

Tặng Phó-Dữ-Lệ đi sứ An-Nam về

Núi hú đười-ươi, trúc gọi quyên,
An-nam sứ-giả xuống long-thuyền.
Chiếu ban Diên-Chỉ vui lòng đón²,
Thơ đến Kê-Lâm dội tiếng truyền³.
Tiết ngọc giữ gìn thêm vũ-lộ,
Tuổi xanh qua lại mỗi phong yên.
Đầu sông mái tóc phơ phơ trắng,
Lục-Giả còn ghi buổi sứ biên.

Vịnh cây bá của vua Đại-Võ ở núi Đại-Biệt

Trải bấy xuân thu ý hững hờ,
Người truyền Vũ-Bá tự nghìn xưa.
Thần-công từ thuở Ân, Chu trước,
Nguyên-khí một cành Giang, Hán trơ.
Lách tách đồng-long trời muốn tối⁴,
Thâm trầm mộc-hổ tuyết sa mờ⁵
Lắm bùn truyện cũ toan dò hỏi⁶,
Cái quạ bay đâu vắng miếu thờ.

Văn An-nam quốc-vương⁷

Ngày nào khách-tọa nghe đàm đạo,
Nay trước linh-sàng đốt nến thờ.
Nhìn họa-dung xưa hồn phảng-phất,
Đọc thơ-cáo cũ lụy chan hòa.
Nấm mỡ Nam-quốc hầu xanh cỏ,
Lối cũ Tây-Môn vẫn trắng hoa⁸
Bao ná chiêu hồn ca khúc Việt,
Tro tiền gió thổi, cỏ cây mờ.

Tiến-phụng-sứ An-nam đề trạm Quế-Lâm (Năm bài)

Bài I

Đình liễu lời thơ vẫn lại dài,
Giang-thành phơ phới ngọn sinh bay.
Không người quen thuộc khách nhìn khách,

¹ Văn-Ông đời Hán làm thái thú quận Thục, ưa chuộng giáo hóa, thiết lập trường học.

² Chu Diên và Giao Chỉ.

³ Xem lời chú thích ở bài thơ của Trần Nghiễm ở trước.

⁴ Đồng long là cái đồng hồ để lường giờ.

⁵ Mộc hổ: đời xưa lấy gỗ chạm hình con hổ, trở miệng nơi lưng để dùng trong việc bắn thi, người nào bắn trúng thì được bỏ thẻ vào đó để ghi nhớ.

⁶ Vua Đại Võ trị nước lụt, tay lấm chân bùn.

⁷ Tức Trần Ích Tắc.

⁸ Đường cửa Tây lúc bỏ nước ra đi.

Biết tỏ tâm tình ai với ai.
 Nghìn dặm hồn quê lòng điệp vướng,
 Một thuyền tứ khách, tiếng quyên gầy.
 Sáng mai chẳng biết trên đường sứ,
 Còn phải yên ba độ mấy ngày?

Bài II

Giang-thành ngày hạ nắng oi ghê,
 Khổ nỗi hoàng-hoa gấp hạn kỳ.
 Muôn dặm vó câu reo bước tiến,
 Năm canh cánh điệp vướng hồn quê.
 Nỗi niềm cảm-khái, ta riêng biết,
 Muốn hỏi cùng thông, trời chẳng nghe
 Bình-nhật túi dùi không tính kế¹,
 Hồ người năm thước thấp le the.

Bài III

Dặm trường đêm vắng gió hiu hiu,
 Lay động lòng thu mấy lá tiêu.
 Bóng ngựa một roi bay vút gió,
 Hoa mai năm cũ nở chiêm bao.
 Nhìn trăng lữ-thứ quen quen mặt,
 Vắng nhạt thiên-thai thúi thúi sầu.
 Bay nhảy bình-sinh chưa toại chí,
 Ngồi buồn gõ nhịp hát nghêu ngao.

Bài IV

Mây un rừng quế mấy ngày râu,
 Hóng mát, nơi nào chẳng cõi bầu.
 Ve gió reo vang ngao ngán khách,
 Cúc vàng chưa nở ước mơ thu.
 Kiền-khôn mù tít say vương-sứ,
 Sợn-thủy ngâm nga hỏi bạn bầu.
 Bỗng trận mưa đêm đầu đổ xuống,
 Đánh tan muôn dặm mỗi hương sầu.

Bài V

Muôn dặm quan-hà trải bước chân,
 Ngừng xe quán khách luống tần ngần.
 An nguy nào tổ đầu hay biết,
 Nói lặng tùy người nghĩ tủi thân.
 Uống cạn sầu quê ve rượu thánh,
 Ngâm tiêu hận khách tập thơ thần.
 Mấy may thẹn chữa đẹn ớn nước,
 Roi ngựa hai lần thét gió xuân.

Bài thơ của Doãn-An-Phủ lúc đi cống nhà Nguyên, từ biệt người em.

¹ Mao Toại đời Chiến Quốc tự ví mình như cái dùi, đựng trong cái túi, bình thường không ai biết, nhưng có ngày trở tài, cũng như cái dùi trong túi thoát mũi nhọn ra. Hai câu kết ý tác giả nói, ngày thường không lo kế tiến thân, cho nên đường công danh thẹn với anh lùn Mao Toại.

Về nam đi bắc tách hai phương,
 Hai bóng mờ mờ ngựa rẽ cương.
 Hồng nhận tuyết vời mây cửa ải¹,
 Tích-linh lạnh lẽo gió bên tường².
 Kể giường trò chuyện đêm mưa gió,
 Mượn rượu khuây khoa nỗi nhớ thương.
 Ta giữ tiết-mao³, người quạt gối⁴,
 Hiếu trung khôn vẹn cả đôi đường.

Sứ An-nam vâng mệnh quan tỉnh Hồ-Quảng làm thơ.

Gió thổi ào ào tung cát bụi,
 Cao thâm lộng lẫy chốn quan nha.
 Trăm năm măng ngấm non sông rộng,
 Muôn dặm bao nài đường sá xa.
 Ve chén cổ bàn nông bạch tửu,
 Áo xiêm lễ nhạc thẹn hoàng-hoa.
 Người đời tán tụng đường nam bắc,
 Thành trị đồng vui cảnh thái-hoà.

Quan Đại-phu Nguyễn-Cổ-Phu vâng mệnh quan tỉnh làm thơ trong tiệc rượu

Nước xa mẫn phục đức tuần-tuyên⁵,
 Ấm áp ngày xuân cuộc yến diên.
 Thánh-triều thiên-tử rất minh thánh,
 Phụ-bật tay chân đều lương hiền.
 Khoan hồng rộng lớn như trời đất,
 Bao dung kết nạp đức vô biên.
 Mọn hèn may mắn gặp đời thịnh,
 Thành tâm giữ chức lại triều thiên.
 Ve vàng đầy rượu ơn nông hậu,
 Tắm gội say sưa theo lệnh trên,
 Tĩnh-đường gang tấc vâng ý tốt,
 Đầy nhà vui vẻ cùng mời khuyên.
 Thái-cực dựng ngôi chuyển trời đất,
 Tám phương bốn biển theo hóa quyền.
 Chẳng những chúng ta chịu ân huệ,
 Dẫn xa ức triệu mãi vui yên.

Bài thơ của sứ An-nam từ tạ Bạt-tống-quan.

Bịn rịn chia phôi những ngậm ngùi.
 Cây xuân mây tối hạn chia đôi⁶,
 Xưa không sứ-mệnh người khôn gặp,
 Nay biết Kinh-Châu trời khéo xui¹.

¹ Hồng nhận ví anh em.

² Tích-linh, con chim giống chim yến. Kinh-Thơ, thơ Tích-Linh khuyên anh em giúp nhau khi hoạn nạn.

³ Tức đi sứ.

⁴ Tức quạt nồng đắp lạnh, về nhà hầu cha mẹ.

⁵ Tuần tuyên: các quan kinh-lược đi tuần hành để tuyên bố đức ý của thiên-tử.

⁶ Trong bài thơ của Đỗ Phủ nhớ Lý Bạch có câu: "Vị bắc xuân thiên thụ, Giang Đông nhật mộ vân", ý nói Đỗ Phủ thấy cây mùa xuân ở Vị Bắc thì nhớ Lý Bạch, cũng như Lý Bạch trông mây buổi chiều ở Giang Đông thì nhớ Đỗ Phủ.

Đôi-ẩm giường Từ² dù chữa thỏa,
Bàn văn thuyền Lý³ đã chung ngồi.
Sau này muốn biết tình thương nhớ,
Gió mát trăng trong chính những hồi.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Bát Chung

¹ Hàn-Triều-Tôn đời Đường làm Thứ-Sử Kinh-Châu, nhân sĩ đều muốn biết mặt, nên có câu: "Sinh bất dụng phong vạn hộ hầu, đàn nguyệt nhất thức Hàn Kinh-Châu", nghĩa là ở đời không cần được phong vạn hộ hầu, chỉ muốn được biết mặt Hàn Kinh Châu. Đời sau dùng chữ "thức Kinh Châu" để tỏ ý nói gặp được bậc hiền sĩ.

² Tư-Trĩ (tên chữ là Nhụ Tử) và Trần Phồn, hai danh sĩ đời Hán, làm bạn với nhau. Trần Phồn có một cái giường thường treo lên, chờ lúc nào có Tư Trĩ đến mới hạ xuống để tiếp bạn.

³ Lý Ứng và Quách Thái, hai danh sĩ đời Hán, kết bạn với nhau, thường cùng đi một thuyền, đàm luận văn chương.

An-Nam Chí-Lược

Quyển Đệ Thập Cửu

CỔ-ÁI ĐÔNG-SƠN LÊ-TẮC BIÊN

ĐỒ-CHÍ-CA

Đồ-bản An-nam mấy nghìn dặm,
 Cư-dân thừa-thốt nhiều sơn thủy.
 Đông gần Hợp-Phổ, bắc Nghi-Ung.
 Nam đến Chiêm-Thành, tây Đại-Lý.
 Xưa nay Ngũ-Lĩnh tiếng man-di,
 Thoạt tự Đào-Đường hiệu Giao-chỉ.
 Đến đời Thành-Châu, xưng Việt-Thường,
 Dùng chuyền thông-ngôn, cống bạch-trĩ.
 Tần gọi Tượng-Quận, Hán Giao-Châu,
 Cửu-Chân, Nhật-Nam ở liền kế.
 Thời Hán, Triệu-Đà dấy xưng hùng,
 Cao-Đế phong vương ban ngọc tỷ.
 Kế vì Cao-Hậu cấm mua bán,
 Đà lại ý mạnh dám tiếm ngụy.
 Tự xưng Đế- hiệu ngang Trung-Quốc,
 Tàn hại biên dân nghiêm võ-bị.
 Hán-gia từ ấy dấy binh qua,
 Đánh mãi không hơn nhọc tướng-sĩ.
 Văn-đế dùng văn không dùng võ,
 Ra đức khoan hồng tha Triệu-Thị.
 Đà nhân cảm đức xưng phiên-thần,
 Khiến con Anh-Tễ vào bái lễ.
 Trần châu vật lạ cống hằng năm,
 Con cháu nối truyền được ngũ thể.
 Lữ-gia mưu phản ngầm hưng binh,
 Bắt giết Triệu-Vương và Hán-sứ.
 Vũ-Hoàng nổi giận dấy thiên-binh,
 Nghìn dặm tinh-binh trừ hung uế,
 Lộ-Hầu-Bác-Đức tay tướng tài,
 Đánh phá đất Việt như tre chẻ.
 Chia làm chín quận đặt quan quyền,
 Nam-Việt từ ấy bị truất phế.
 Trung-Hoa khai hóa khắp chín châu,
 Dạy dỗ người xa thông lễ nghĩa.
 Quang-Vũ vừa trừ loạn Vương-Mãng,
 Chưa rảnh chọn người qua trấn-ly,
 Mê-Linh hai gái sính anh-hùng,
 Chị là Trưng-Trắc, em Trưng-Nhị.
 Phất cờ độc lập xứ Giao-Châu,

Oai phục trăm man ai dám ví.
 Lĩnh-Nam sáu mươi lễ năm thành,
 Bà chị làm vương, em làm sụy.
 Đường đường tướng Hán Mã-Phục-ba,
 Cẩn rằng khổ chiến ba năm lễ,
 Chia quân thẳng ruổi đến Man-Khê,
 Tặc-tướng chịu thua thảy bình trị.
 Rộng mở Hán giới tốt trời nam,
 Cao ngất trụ đồng truyền Hán-sử,
 Khiến quan đặt tướng cai-trị dân,
 Đức chính thanh tâm không xiết kể.
 Đến đời Sĩ-Nhiếp khéo vỗ yên,
 Nhớ đức phương-dân đều quý trọng.
 Trung-Quốc rồi bời thời loạn ly,
 Ngô, Thục tranh nhau chia đồn lũy,
 Đời Tấn Giao-Châu lại thuộc Tàu,
 Tống, Tề, Lương, Trần nổi thống hệ,
 Trải đời mãi mãi đến Tùy, Đường,
 Đặt hiệu An-nam từ buổi ấy.
 Đến thời Trương-Châu làm đô-hộ,
 Sửa đắp La-thành, chế quân-khí.
 Cao-Biên oai tiếng cũng lẫy lừng,
 Về sau mọi người đều lờn dễ.
 Cuối đời Hàm-Thông Trung-Quốc loạn¹,
 Chuyển-vận đường xa bỏ bê trễ.
 Ngô-Quyền, Khúc-Hạo, Kiều² và Dương³,
 Soán đoạt giành nhau, dân kiệt quệ.
 Họ Đinh, đời Tống mới phong vương,
 Hết Đinh lại phong Lê và Lý.
 Lý truyền chín đời một trăm năm⁴
 Liền có Trần-Vương lên kế vị.
 Thái-Bình lâu ngày trọng nho phong,
 Lễ nhạc, y quan có bề thê.ĩ.
 Hoàng-Nguyên nhất-thống quán nghìn xưa,
 Đức phục muôn nước thi ân huệ.
 Trần-Vương cống hiến ba mươi năm,
 Tự-Vương bắt đạo dám vi chỉ.
 Giáp-thân mượn đường đánh Chiêm-Thành,
 Khiến giúp quân-khí cùng lương-phí.
 Ngang nhiên nghịch mệnh ra chống ngăn,
 Kháng cự vương-sư muốn cố ý.
 Con cháu vua Trần hai ba người,
 Mộ nghĩa quy thuận nhờ ân tứ.
 Nhà vua dấy binh đánh kẻ tội,
 Ngàn dặm oai hùng dương cờ xý.
 Tiến binh mấy đạo hội Giao-Châu,
 Thế như sấm chớp ruổi muôn ky.

¹ Niên hiệu vua Ý-Tông nhà Đường.

² Kiều-Công-Tiền.

³ Dương-Đình-Nghệ.

⁴ Nhà Lý làm vua 220 năm.

Vua Trần trốn biển, núp núi rừng,
 Muôn dân vô cố chịu tội lệ.
 Trần-Vương phục tội dâng biểu-chương,
 Cống hiến tể, tượng, ngọc trân quý.
 Thánh tâm quảng đại thương muôn dân.
 Nghi binh thể theo lòng Thượng-đế,
 Nước Nam từ ấy được bình yên,
 Úc vạn sinh-linh nhờ che chở.
 Người xa mến đức tự quy tâm,
 Thiên-hạ một nhà xưng thanh thế.
 Tôi chịu hoàng ân ở Miến-dương,
 Ăn uống lộc vua lòng tự sĩ.
 Thừa nhân góp nhặt việc thầy nghe,
 Làm bài An-nam phong-thổ-chí.

Tự sự

Tắc người An-nam, dòng dõi của Nguyễn-Phu, Thứ-sử Giao-Châu đời Đông-Tấn. Đã nhiều đời ở Ái-Châu, tăng tổ tên Khôn, khoảng cuối đời nhà Lý làm chức Đông-Thượng-Các-Môn-Sứ, ông nội tên Trung, đầu đời Trần làm chức Ngoại-lang, cha tên Viễn-Vọng làm Lệnh-Thư-Xá, cưới con gái của Hứa-Thúc-Tôn ở Chư-Vệ, sanh ra Tắc, cho ông cậu là Lê-Bổng, người Chư-Vệ, làm con nuôi. Tắc được dạy cho học, chín tuổi thi khoa thần-đồng. Trần-Thái-Vương lưu Tắc ở hầu-cận tả hữu để đọc thơ; lớn lên cưới con gái của Trương-Xán ở Chư-Vệ, làm quan đến chức Thị-Lang, đổi qua giúp việc dưới tướng Tịnh-Hải-Quân-Tiết-Sứ, Chương-Hiến-Thượng-Hầu.

An-nam từ đời Trung-Thống (1260-1263), trở về trước, trải bao năm thần-phục Thiên-Triều, cống-hiến phương-vật. Niên-hiệu Chí-Nguyên (1283), năm Quý-Mùi, có chiến dịch ở Chiêm-Thành, Hoàng Thượng khiến sứ dụ An-nam cho mượn đường và cấp quân, vận lương giúp Hữu-Thừa Toa-Đô. Thế-Tử chẳng chịu nghe theo. Qua mùa đông năm Giáp-Thân (1284), Trấn-Nam-Vương¹ cùng quan Bình-Chương A-Lý-Hải-Nha, phụng mệnh tiến binh. Tháng 12, quân đến biên-cảnh, Thế-Tử cự địch bị đại bại. Mùa xuân tháng giêng năm Ất-Dậu (1285), Hoàng-thượng lại khiến Toa-Đô từ Chiêm-Thành tiến binh, Thế-Tử quần bách, khiến con người anh là Chương-Hiến-Hầu Trần-Kiện đem bọn Tắc và mấy vạn người, chống cự với Toa-Đô ở Thanh-Hóa. Đánh bị thua, Chương-Hiến bảo rằng: "Nước nhỏ chẳng địch nước lớn, kẻ yếu phải thua kẻ mạnh, cũng vì lẽ ấy mà Vi-Tử² phải theo về nhà Chu; ta là cháu nhà vua, há nỡ ngồi nhìn cảnh nhà tan nước mất?". Bèn cùng bọn Tắc đem quân đầu hàng, được Trấn-Nam-Vương khen thưởng. Tháng 4, Vương khiến Minh-Lý-Tích-Ban đem bọn Chương-Hiến vào bệ-kiến Thiên-Tử. Đi đến trại Chi-Lăng, bị nam-quân chặn đánh rất gấp. Đang đêm, quan-quân chiến đấu đột xuất vòng vây, viên quan hướng-dẫn gặp Chương Hiến đương kịch-chiến, bị địch-quân dồn ép giết chết trên lưng ngựa. Tắc ôm thân ruổi chạy mấy mươi dặm, ra Khâu-ôn an-táng. Những thuộc-lại đi theo Chương-Hiến, bị giết gần một nửa. Tắc theo Tích-Ban về đến Đě-Kinh, ở Hội-Đồng-Quán. Vua khiến dẫn vào điện Đại-Minh ban yến và cho tất cả mọi người một số tiền 5.000 quan, chia phần Tắc được 500 quan. Mùa xuân năm Bính-Tuất (1286), Hoàng thượng thương lòng trung-thành của quốc-đệ Trần-Ích-Tắc, đặc ân phong làm An-nam quốc-vương. Các quan-viên đầu hàng đều được phong chức-tước theo thứ bậc. Tắc được phong sắc Tòng-Thị-Lang, lãnh chức Chỉ-Huyện-Lệnh-Doãn. Năm Đinh-Hợi (1287), các thuộc-quan của An-nam quốc-vương đều được cấp nguyệt-bổng, ban cho cung tên, yên ngựa và khiến đưa về nước. Hoàng-thượng khiến Trấn-Nam-Vương cùng Bích-Chương Áo-Lỗ-Xích-Khê đem binh tiến thảo. Mồng ba tháng chín, quân khởi hành từ tỉnh Ngạc, tháng 11 đến An-nam. Thế-Tử nghênh-chiến, quân bị thua tan chạy. Lúc ấy Tắc đương bệnh phải ở lại Tư-Minh, kể sau quân bị tan vỡ. Ngày 28 tháng 12, Vương-sư

¹ Trấn Nam Vương tên là Thoát Hoan.

² Xem chú thích ở bài thơ "bỏ nước ra đi" của Thiệu-Lạc Lão Nhân trong quyển thứ 19.

phá ải Nội-Nha, tiến giữ sông Bình-Giang, An-nam, day lưng ra sông dàn trận, đốt hết nhà cửa, bắn tên thuốc loạn xạ. Lúc canh năm, quân bị tan vỡ, Sảnh-Đô-Sự bọn Hầu-đô mấy nghìn người chạy lạc đường đều bị vây hãm. Một mình Tắc dẫn Đạt-Vạn-Hộ, Tiên-Thiên-hộ (tên gì chưa tường) và Thiêm-Sự-Viện Lĩnh-Phủ-Phán Lê-Yến. Yến, trên ngựa bông cậu bé chín tuổi, con của An-nam quốc-vương, tước-hiệu Đại-Thúc-Hầu, cộng tất cả hơn sáu mươi kỵ-mã-quân, giết lính giữ ải, chạy về phương bắc. Ngựa Lê-Yến sức yếu, chạy thụt đường sau, gần bị nam-quân đuổi theo bắt kịp, Tắc thương hại, đổi ngựa khỏe của mình cho Yến, mình cỡi ngựa đi sau quất ngựa Yến chạy tới để thoát nạn. Khốn nỗi, đường trước cũng bị nam-quân đón đánh, hai mặt giáp công vất vả muôn lần suýt chết, giòng ruồi suốt mấy trăm dặm, từ nửa đêm đến mờ sáng, đến ải Châu-Chiếu lạ mừng. Tết Nguyên-đán năm Mậu-Tý (1288), Vạn-Hộ, Thiên-Hộ, mở tiệc rượu đãi Tắc, đem gấm lụa tạ ơn nói rằng: "Ông chủ-trưởng chạy ra cửa ải, khiến chúng tôi cùng sống đến ngày nay, ấy là nhờ ông cứu chúng tôi lại một lần nữa vậy". Lê-Yến dẫn Đại-Thúc-Hầu cầm ngọc-tỳ, đội mào tể-đăng¹ có khảm ngọc thạch bích-nê, đến tạ ơn. Tắc nói: "chúng ta hãm vào tử địa, mà nay được toàn sinh, ấy là nhờ ơn đức của đấng Thượng-đế", đều từ khước không lấy của tạ. Yến lớn hơn Tắc bảy tuổi, gọi Tắc bằng cha và lấy một hạt hoàng-nê-thạch, hai cây vải Cao-ly tạ ơn, Tắc cũng từ khước. Mọi người về đến Tư-Minh, chờ lệnh quân địch. Quan Tuyên-Uỷ Triệu-Tu làm thơ khen ngợi và mỗi lúc đem quân đi tuần biên-cảnh, đều mời Tắc cùng đi. Tắc giúp sức như thế được ba tháng, thì gặp lúc Trần-Nam-Vương lấy cơ vì An-nam oi-bức độc-địa, kéo quân trở về, bọn Tắc cũng trở về Hán-Dương. Tắc có giao-du với người bạn văn-học tên Chu-Khởi, người ở Mân-Trung. Nguyên trước Chu-Khởi cùng tôi nhà Tống là Tăng-Uyên-Tử di-cư qua An-nam, sau theo Chương-Hiến-Hầu quy thuận, triều đình cho tước trật, ban cấp tiền lụa. Chu-Khởi theo quan-quân giúp việc, đến lúc về, ở chung với Tắc, được ít năm thì mất. Tắc thương bạn không có gia-quyến, mua nghĩa-địa ở núi Phụng-Thê chôn cất. An-nam quốc-vương nghĩ Tắc giúp việc có công, tiến cử lên triều-đình. Năm Nhâm-Thìn (1292), Tắc được ban cấp sắc điệp hàm Phụng-Sự-Lang, lĩnh hư chức đồng-tri-châu An-Tiêm. Lúc đầu bản-quốc (An-nam) loạn lạc, cha mẹ, gia quyến ly tán, Tắc vào Trung-Châu, mười năm sau cưới Tôn-nữ họ Lý, con quốc-vương trước, làm vợ. Lý Tôn-nữ theo cha nuôi là Chương-Hoài-Hầu Trần-Tuyên-Uỷ² hàng phụ Trung-Quốc. Chương-Hoài-Hầu được cung cấp lương ăn áo mặc, sau bãi cung cấp, cho hai khoảnh ruộng để dưỡng lão. Năm Quý-Tỵ (1293), triều-đình lập An-nam Hành-Sảnh, còn đặt chức Đồng-Bình-Chương-Sự, Toa-Đô khiến Tắc cùng Sảnh-Lang Hồ-Tổ-Quảng, Hán-Khanh, Vạn-Hộ Hồ-Kế-Ân ruổi ngựa trạm ra Giang-Chiết để lo tính việc quân. Lại từ Hàng-Châu trải qua ... (đoạn này thiếu).

Tháng 7 năm Canh-Tuất (1790), Trúc-Đình cư-sĩ Tiên-Đại-Hân mượn đọc hết. (Trong lúc đi thuyền ở Nhiệm-Thành)³

Trên đây bộ An-nam Chí-Lược còn mười chín quyển, (đoạn sau có thiếu) nguyên bản sao của Hồ-Từ-Thôn, mà ông sui của tôi là Viên-Thọ-Gia giữ được. Tiên-Thiếu-Thiêm có mượn đọc qua một lượt, dùng bút mực, bút son sửa chữa và chấm câu lại. Hiềm vì bản cũ sai sót rất nhiều, nên chấm câu chưa được hoàn toàn. Tôi mượn người chép theo bản của họ Viên và chép cả lời đính-chính, rồi tự tay chấm câu lại, thật là một bản sách hiếm có vậy. Chỉ có hàng khoảng theo nguyên bản sai lệch không giống nhau và có chỗ sai lầm, nay cũng y theo bản hiệu-chính của Thiếu-Thiêm, tu-chỉnh hàng khoảng và sửa chữa lại các chỗ sai lầm. Tôi đã đọc lại xong, xin ghi đầu đuôi của bản sách này như trên.

Năm Nhâm-Thân (1812), sau tiết mang-chúng một ngày.

Phục Ông

Lời bạt của Phục-Ông

Tháng tám, sau tiết Trung-thu một ngày, Ngô-Xuân-Sanh đến thăm tôi, thấy bản sách này, nguyên bản cũ của nhà sách Ngử-Nghiên-Lâu, có bút tích của Thiếu-Thiêm, tỏ

¹ Mào đan bằng mây chuốt nhỏ.

² Tức Trần Văn Lộng.

³ Lời bạt của Tiên Đại Hân.

ý muốn đổi, tôi nhân biểu cho và giữ lại phó-bản này để xem. Năm Canh-Tuất (1790), Thiệu-Thiền lấy tự-cách hưu-quan cao cấp vào kinh chúc thọ nhà vua. Năm ấy, An-nam quốc-vương Nguyễn-Quang-Trung mới được phong, vào Kinh bệ kiến, nên Thiệu-Thiền mượn bộ sách này để xem tại Ngũ-Nghiên-Lâu. Trong lời bạt có nói rằng: "Tháng bảy năm Canh-Tuất (1790), ấy là năm bát-tuần thánh-thọ của Thuần-Hoàng-đế. Các quan về chúc thọ, lo về Kinh trước, cho nên trong lời bạt có nói: "lúc ấy đương đi thuyền ở Nhiệm-Thành".

Phục Ông lại ghi.

Bài thơ Lữ-Ngụ An-nam của Đỗ-Thẩm-Ngôn (Thẩm-Ngôn tên chữ Tất-Giản, người Tương-Dương)

Giao-Chỉ khác thời-tiết,
Lạnh trở lại nóng liền.
Trái núi chín tháng một¹
Hoa đồng nở tháng giêng.
Mưa dầm sinh mù tối,
Sương nhẹ dấy sấm rền.
Làng cũ xa muôn dặm,
Tứ khách vẫn liên-miên.

Bài thơ trên đây là chép theo bản sao Đường-Thi-Tuyển của Lam-Cách tàng-trữ nơi Tuyển-Mộng-Các của Trầm-Lãng-Thuyến, để bổ-túc mục "Lịch-Triều Danh-Hiền-Tập-Đề" của sách An-nam Chí-Lược.

Năm Giáp-Tuất (1814) tháng ba, sau tiết lập-hạ một ngày.

Phục Ông viết.

An-Nam Chí-Lược Quyển Đệ Thập Cửu Chung

Lời căn-bạch của Ngạn-Ngâm-Hương (Kishi-Ginko) tại Đông-Đô

Thiết nghĩ: thẻ ngọc khuôn vàng, vườn Côn-Lôn bản-đồ trình-hiến; chữ xanh văn đỏ, núi Vụ-Uyển thư-tịch lưu-truyền². Về sau Châu đạo suy vi, hiến-chương loạn bỏ; đốt sách vở, Doanh-Tân bạo ngược, khinh nho-gia, Tân-Mãng hung tàn. Sách cổ vùi chôn, tư-văn quét sạch³. Bản-đường khai trương Nhật-Bản, ở nước Phù-Tang⁴, đo lường tinh-triền, thuộc miền Tích-Mộc⁵. Thập-Châu, Tam-Đào⁶, biết bao linh báu trân tàng; Bát-Sách, Cửu-Khâu⁷, góp nhặt lang-hoàn quý giá. Sách đem theo của Từ-Phúc⁸, tuy chẳng còn bao nhiêu; sách chưa dâng của Điêu-Nhiên⁹, vẫn đủ dùng bác-lãm. Trên tra sách-phủ, dưới hỏi nghệ-lâm, những sách quý xưa nay, còn mấy nghìn bộ. Không lòng tư-kỷ, chọn lựa san hành. Xa

¹ Tháng mười một.

² Đoạn đầu bài nói văn tự đồ thư đã có từ đời thượng cổ.

³ Đoạn thứ 2, nói từ đời nhà Chu suy vi, Tân-Thủy-Hoàng đốt sách, Vương-Mãnh khinh nho, nên sách vở mất đi cũng nhiều.

⁴ Phù-Tang là nước Nhật.

⁵ Tích-Mộc thuộc dân, nước Nhật theo thiên văn, vị-trí thuộc dân.

⁶ Thập-Châu Tam Đào tức nước Nhật. Người Tàu ngày xưa tưởng Bồng Lai Tam Đào ở đấy.

⁷ Bát sách là sách nói về bát quái, Cửu Khâu là sách nói về Cửu Châu.

⁸ Từ Phúc, tên chữ là Quân Phòng, có pháp thuật, Tân Thủy Hoàng sai Phúc vượt biển đi Tô Châu, (tức Nhật Bản hiện nay), tìm cô trướng sinh. Phúc đi không trở về, có đem theo nhiều sách vở.

⁹ Điêu-Nhiên là một nhà sư Nhật Bản, đem sách Hiếu Kinh có lời chú thích của Trịnh Nguyên, dâng vua Chân Tông nhà Tống.

vượt trùng-dương, cống-hiến đồng-chí. Hết lòng gắng sức, hiệu-chính rất mực tinh-tường; phân-mục chia hàng, chạm khắc rất nên khéo léo. Làm thành quyển sách báu, bao bằng túi lụa xanh. Đủ cung đại-nhã tiện-nghi, mong được cao-minh thưởng-lãm.

Tháng trọng-xuân năm Giáp-Thân (1884), Đông-Đô Ngạn-Ngâm-Hương cẩn-bạch.